

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000002 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221060009	Ninh Văn	Bắc	01/07/1994	10001				
2	1421050089	Vũ Quang	Hưng	26/04/1995	10002				
3	1321030773	Nguyễn Trọng	Pháp	17/07/1995	10003				
4	1421020517	Nguyễn Văn	Quảng	20/10/1993	10004				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010104 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác xuất thống kê

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010101	Trần Minh	Anh	11/01/1997	10005				
2	1624010173	Trần Việt Hoàng	Anh	09/06/1998	10006				
3	1624010890	Đặng Thị Kim	Chi	15/06/1998	10007				
4	1624010968	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	30/08/1998	10008				
5	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	10009				
6	1624010428	Vũ Mỹ	Duyên	25/10/1998	10010				
7	1624010775	Phạm Thị Hương	Giang	16/08/1998	10011				
8	1624010299	Trần Thanh	Hào	27/10/1998	10012				
9	1624010139	Nguyễn Huy	Hoàng	13/09/1998	10013				
10	1624010222	Nguyễn Ngọc	Hồi	21/01/1998	10014				
11	1624010032	Lê Thị Lan	Hương	23/08/1998	10015				
12	1624010606	Lê Thị Thanh	Hương	03/08/1998	10016				
13	1624010391	Nguyễn Thị	Hương	31/10/1998	10017				
14	1624010565	Nguyễn Minh	Huyền	20/12/1998	10018				
15	1624010020	Nguyễn Trung	Kiên	20/12/1998	10019				
16	1624010298	Phạm Thị	Lan	06/06/1998	10020				
17	1624010586	Trần Thị	Lan	02/04/1998	10021				
18	1624010883	Lâm Thị Mỹ	Linh	15/08/1998	10022				
19	1624010567	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	29/06/1998	10023				
20	1624010310	Nguyễn Thuý	Linh	01/07/1998	10024				
21	1624010628	Trịnh Thị Hương	Ly	08/03/1998	10025				
22	1624010490	Nguyễn Hoa	Mai	14/10/1998	10026				
23	1624010255	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1998	10027				
24	1624010889	Đào Thị Kim	Miên	04/06/1998	10028				
25	1624010904	Nguyễn Hoàng	Ngọc	05/12/1998	10029				
26	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	03/04/1998	10030				
27	1624010596	Vũ Hồng	Nhung	05/09/1998	10031				
28	1624010306	Dương Thị Kiều	Oanh	19/08/1998	10032				
29	1624010248	Phí Hồng	Phát	02/12/1998	10033				
30	1624010189	Nguyễn Nam	Quân	09/06/1998	10034				
31	1624010962	Nguyễn Kim	Quy	18/12/1998	10035				
32	1624010652	Mai Thị Hương	Quỳnh	07/07/1998	10036				
33	1624010103	Nguyễn Hoa	Quỳnh	03/09/1998	10037				
34	1624010318	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	06/07/1998	10038				
35	1624010149	Phạm Thị Như	Quỳnh	24/11/1998	10039				
36	1624010387	Nguyễn Thị Hoài	Thu	03/05/1998	10040				
37	1624010607	Võ Thị	Thu	04/09/1998	10041				
38	1624010459	Nguyễn Thị	Thúy	15/07/1998	10042				
39	1624010365	Lê Thị	Thùy	18/10/1998	10043				
40	1624010647	Lê Thị Thanh	Thùy	13/10/1998	10044				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010104 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác xuất thống kê

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010071	Lê Thị Thu	Thủy	27/04/1997	10045				
42	1624010452	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/06/1998	10046				
43	1624011006	Nguyễn Thùy	Trang	03/06/1998	10047				
44	1421040301	Vũ Thị	Trang	13/09/1996	10048				
45	1624010116	Lương Văn	Trìu	08/06/1998	10049				
46	1624010121	Dương Thị ánh	Tuyết	06/11/1998	10050				
47	1624010023	Phạm Thị Tổ	Uyên	05/09/1998	10051				
48	1624010773	Chữ Thị Thanh	Xuân	13/04/1998	10052				
49	1624010273	Lỗ Thị Minh	Yến	14/06/1998	10053				
50	1624010328	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/06/1998	10054				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010306 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa phân tích phần 2

Ngày thi: **8/10/2017**Phòng thi: **HNAD402**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010044	Mai Đức	Công	24/08/1995	10055				
2	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	10056				
3	1121020157	Dương Văn	Quý	29/03/1992	10057				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511060008	Nguyễn Văn	Dương	01/11/1997	10058				
2	1321050083	Tạ Thị	Hợp	20/02/1995	10059				
3	1521010151	Lê Văn	Linh	19/08/1997	10060				
4	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/1995	10061				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050193	Đặng Đình	An	15/02/1998	10062				
2	1621030117	Đinh Đỗ	An	17/03/1998	10063				
3	1621060849	Lê Trường	An	15/02/1998	10064				
4	1321070400	Lường Kế	An	06/12/1995	10065				
5	1621040121	Bùi Văn	Anh	24/10/1998	10066				
6	1521050128	Cao Thế	Anh	23/02/1997	10067				
7	1621050546	Chu Văn Nam	Anh	28/05/1998	10068				
8	1621060169	Dương Tuấn	Anh	13/02/1998	10069				
9	1621010242	Lê Phú	Anh	20/08/1998	10070				
10	1621010331	Lê Thị Phương	Anh	12/10/1998	10071				
11	1621070119	Lê Tuấn	Anh	09/01/1998	10072				
12	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/1997	10073				
13	1621010067	Lưu Đức	Anh	12/09/1998	10074				
14	1624010219	Nguyễn Đức	Anh	08/12/1994	10075				
15	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/1997	10076				
16	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	10077				
17	1621050603	Nguyễn Nam	Anh	25/08/1998	10078				
18	1621060276	Nguyễn Phạm Việt	Anh	12/08/1998	10079				
19	1621060654	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	28/04/1998	10080				
20	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	10081				
21	1621050163	Nguyễn Tuấn	Anh	22/12/1998	10082				
22	1621010222	Nguyễn Tùng Quang	Anh	11/03/1998	10083				
23	1621050484	Phạm Tuấn	Anh	27/10/1998	10084				
24	1621050568	Phạm Tuấn	Anh	05/01/1998	10085				
25	1621060606	Trần Quang	Anh	19/11/1998	10086				
26	1621070151	Trần Thế	Anh	03/11/1997	10087				
27	1621061005	Trương Nam	Anh	16/12/1998	10088				
28	1621050383	Vũ Quang Tuấn	Anh	07/10/1998	10089				
29	1621050714	Bùi Văn	Ánh	13/07/1998	10090				
30	1521010311	Nguyễn Văn	Bách	07/11/1996	10091				
31	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	10092				
32	1621030066	Ngô Quang	Biên	14/10/1998	10093				
33	1521030057	Lê Thanh	Bình	20/12/1997	10094				
34	1511030005	Nguyễn Văn	Bình	03/06/1997	10095				
35	1621050372	Trần Thanh	Bình	05/05/1998	10096				
36	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	10097				
37	1321050019	Vũ Đức	Bình	14/04/1995	10098				
38	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	10099				
39	1621070180	Chu Minh	Chiến	24/09/1998	10100				
40	1621060468	Hồ Thích	Chiến	17/12/1997	10101				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321040426	Nguyễn Đức	Chiến	06/12/1994	10102				
42	1621010241	Phạm Ngọc	Chiến	09/12/1998	10103				
43	1621060326	Phan Đăng	Chiến	12/08/1998	10104				
44	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/1997	10105				
45	1621050753	Vũ Trung	Chiến	22/01/1998	10106				
46	1621050188	Nguyễn Văn	Chuân	28/04/1998	10107				
47	1621050579	Nguyễn Trí	Chung	20/11/1998	10108				
48	1621010282	Trịnh Văn	Công	13/06/1996	10109				
49	1621060013	Lê Mạnh	Cường	13/12/1998	10110				
50	1621060983	Nguyễn Hữu	Cường	11/07/1998	10111				
51	1621050524	Nguyễn Năng	Cường	05/06/1998	10112				
52	1621050575	Nguyễn Ngọc	Cường	08/05/1998	10113				
53	1621060438	Thân Nhân	Cường	08/12/1998	10114				
54	1621060041	Trần Mạnh	Cường	12/03/1998	10115				
55	1621010709	Hoàng Liên	Đa	23/09/1998	10116				
56	1621010066	Bùi Đăng	Đại	19/06/1998	10117				
57	1321010094	Lê Chu Hoàng	Đại	09/08/1995	10118				
58	1621010075	Trần Văn	Đại	07/11/1997	10119				
59	1321010061	Nguyễn Huy	Dân	21/06/1995	10120				
60	1621070156	Nguyễn Chí	Đan	08/07/1998	10121				
61	1621030020	Nguyễn Hải	Đăng	01/11/1998	10122				
62	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	21/11/1998	10123				
63	1621070201	Bá Tiến	Đạt	14/08/1998	10124				
64	1621070724	Bùi Duy	Đạt	10/10/1997	10125				
65	1621070112	Đình Duy	Đạt	06/01/1997	10126				
66	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	10127				
67	1621010367	Lê Văn	Đạt	30/09/1998	10128				
68	1621010258	Lê Xuân	Đạt	01/12/1998	10129				
69	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	10130				
70	1521050058	Ngô Văn	Đạt	16/07/1997	10131				
71	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/02/1998	10132				
72	1621060402	Nguyễn Duy	Đạt	10/02/1998	10133				
73	1521030031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/11/1997	10134				
74	1621040053	Phạm Thành	Đạt	01/05/1998	10135				
75	1621050721	Phan Tuấn	Đạt	27/08/1998	10136				
76	1421060888	Vũ Thành	Đạt	25/02/1996	10137				
77	1621060273	Vũ Thành	Đạt	26/01/1998	10138				
78	1621040037	Vũ Ngọc	Điều	13/01/1998	10139				
79	1621060665	Nguyễn Thế	Dinh	14/06/1998	10140				
80	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	10141				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621080158	Sinh Văn	Doài	07/03/1996	10142				
82	1621070004	Lưu Văn	Đoan	03/03/1998	10143				
83	1621061032	Lê Đăng	Doanh	23/02/1998	10144				
84	1621010211	Nguyễn Công	Doanh	25/04/1998	10145				
85	1421030047	Mai Văn	Đông	03/12/1996	10146				
86	1621010147	Hồ Văn	Đồng	17/08/1997	10147				
87	1621060844	Trịnh Văn	Duẩn	01/10/1998	10148				
88	1421050047	Đinh Văn	Đức	12/12/1995	10149				
89	1621070730	Đinh Xuân	Đức	05/08/1998	10150				
90	1621011052	Đỗ Anh	Đức	21/10/1998	10151				
91	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	10152				
92	1421040078	Đoàn Lộc	Đức	27/01/1996	10153				
93	1621050287	Hoàng Anh	Đức	03/09/1998	10154				
94	1621050019	Lê Chí	Đức	23/01/1998	10155				
95	1621040136	Nguyễn Anh	Đức	24/08/1998	10156				
96	1621060312	Nguyễn Anh	Đức	14/04/1998	10157				
97	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	10158				
98	1621010161	Nguyễn Minh	Đức	06/08/1998	10159				
99	1621040052	Nguyễn Minh	Đức	02/12/1998	10160				
100	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	02/11/1998	10161				
101	1621030217	Trần Tiến	Đức	29/04/1998	10162				
102	1621060960	Trần Văn	Đức	05/04/1998	10163				
103	1621060475	Trịnh Minh	Đức	14/04/1998	10164				
104	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	10165				
105	1621060437	Trương Minh	Đức	22/05/1998	10166				
106	1524010208	Đinh Thị	Dung	17/10/1997	10167				
107	1321050459	Phùng Văn	Dung	31/01/1995	10168				
108	1621010105	Bùi Đức	Dũng	18/06/1998	10169				
109	1621060854	Đinh Văn	Dũng	12/03/1998	10170				
110	1621070202	Đỗ Bá	Dũng	30/06/1998	10171				
111	1421040047	Nghiêm Xuân	Dũng	10/05/1996	10172				
112	1611060011	Nguyễn Anh	Dũng	15/01/1998	10173				
113	1621060524	Nguyễn Huy	Dũng	01/02/1998	10174				
114	1621050090	Nguyễn Mạnh	Dũng	11/04/1998	10175				
115	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	10176				
116	1621060797	Nguyễn Tuấn	Dũng	28/09/1998	10177				
117	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	10178				
118	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/1995	10179				
119	1621060302	Lê Văn	Duy	21/06/1998	10180				
120	1621060519	Nguyễn Huy	Duy	25/10/1998	10181				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621080026	Nguyễn Văn	Duy	02/09/1998	10182				
122	1521040144	Nguyễn Xuân	Duy	28/05/1996	10183				
123	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	10184				
124	1621030096	Trần Nhật	Duy	16/02/1998	10185				
125	1524010043	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/10/1996	10186				
126	1621030900	Đào Minh	Giang	05/07/1998	10187				
127	1621060035	Nguyễn Phú	Giang	20/05/1998	10188				
128	1621040075	Nguyễn Thị	Giang	03/10/1998	10189				
129	1621080157	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1997	10190				
130	1611050015	Nguyễn Văn	Giang	15/04/1998	10191				
131	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	27/02/1998	10192				
132	1621060369	Trần Thiên	Giang	04/04/1998	10193				
133	1621030149	Trần Văn	Giang	26/02/1998	10194				
134	1621050613	Vương Nguyên	Giáp	22/06/1998	10195				
135	1621060256	Trương Tấn	Giôn	30/06/1997	10196				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050106	Bùi Văn	Hà	04/11/1998	10197				
2	1621060601	Đỗ Văn	Hà	08/09/1998	10198				
3	1621030138	Trần Hoàng	Hà	30/07/1998	10199				
4	1611020006	Trần Thị Thanh	Hà	31/08/1996	10200				
5	1621040117	Đinh Ngọc	Hải	29/06/1998	10201				
6	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	10202				
7	1621060533	Nguyễn Đức	Hải	07/02/1998	10203				
8	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	10204				
9	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	10205				
10	1621050470	Nguyễn Thanh	Hải	01/10/1997	10206				
11	1621061062	Nguyễn Văn	Hải	27/05/1996	10207				
12	1621050192	Phạm Minh	Hải	01/06/1998	10208				
13	1621010743	Phạm Văn	Hải	27/04/1998	10209				
14	1511070003	Nguyễn Việt	Hán	25/05/1997	10210				
15	1621050459	Bùi Thị	Hân	20/06/1998	10211				
16	1621050549	Nguyễn Thị	Hằng	27/10/1998	10212				
17	1621010344	Bùi Hồng	Hạnh	03/11/1998	10213				
18	1621050245	Lưu Thị	Hạnh	16/12/1998	10214				
19	1621010210	Nguyễn Thị	Hạnh	09/10/1998	10215				
20	1621030173	Nguyễn Thị	Hào	20/11/1998	10216				
21	1621060424	Đinh Văn	Hậu	10/11/1998	10217				
22	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	10218				
23	1621061036	Nguyễn Ngọc	Hiền	23/06/1998	10219				
24	1621060241	Đỗ Vũ	Hiệp	28/01/1998	10220				
25	1621060054	Nguyễn Duy	Hiệp	25/09/1998	10221				
26	1621060481	Nguyễn Hoàng	Hiệp	26/09/1998	10222				
27	1621060257	Nguyễn Quang	Hiệp	01/07/1998	10223				
28	1621050270	Trần Quang	Hiệp	22/02/1997	10224				
29	1621050063	Trần Văn	Hiệp	19/10/1998	10225				
30	1621050864	Trần Văn	Hiệp	15/06/1998	10226				
31	1621060330	Trần Văn	Hiệp	29/09/1998	10227				
32	1521050007	Đào Trung	Hiếu	26/05/1997	10228				
33	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	10229				
34	1621060294	Hoàng Bá	Hiếu	20/01/1998	10230				
35	1621050027	Hoàng Minh	Hiếu	23/10/1998	10231				
36	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	10232				
37	1621040135	Nguyễn Đức	Hiếu	27/04/1998	10233				
38	1621060742	Nguyễn Trung	Hiếu	18/07/1998	10234				
39	1621060377	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1998	10235				
40	1621080703	Nguyễn Văn	Hiếu	05/10/1998	10236				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060225	Nguyễn Xuân	Hiếu	26/10/1997	10237				
42	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	10238				
43	1621060038	Trần Đăng	Hiếu	26/11/1998	10239				
44	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	10240				
45	1621060580	Vũ Minh	Hiếu	05/02/1998	10241				
46	1421070291	Nguyễn Cao	Hóa	28/01/1996	10242				
47	1621050855	Lương Xuân	Hòa	03/08/1998	10243				
48	1621010265	Nguyễn Doãn	Hòa	23/05/1998	10244				
49	1621050574	Nguyễn Thị	Hòa	28/01/1998	10245				
50	1611040006	Nguyễn Xuân	Hòa	16/10/1998	10246				
51	1621010007	Cao Văn	Hoan	19/10/1998	10247				
52	1621070094	Nguyễn Xuân	Hoan	21/05/1997	10248				
53	1621061090	Vũ Trọng	Hoàn	23/11/1998	10249				
54	1621061089	Bùi Huy	Hoàng	19/12/1998	10250				
55	1621050481	Nguyễn Tiến	Hoàng	02/09/1998	10251				
56	1621060318	Trần Việt	Hoàng	06/09/1998	10252				
57	1621060121	Trịnh Đình	Hoàng	25/04/1998	10253				
58	1621050523	Vũ Ngọc Chí	Hoàng	19/09/1998	10254				
59	1621050386	Lê Thạc	Học	01/01/1998	10255				
60	1621060713	Nguyễn Xuân	Học	21/09/1998	10256				
61	1621050564	Nguyễn Thị	Hồng	07/08/1998	10257				
62	1221040104	Đinh Văn	Huân	17/11/1993	10258				
63	1621060565	Phạm Văn	Huân	12/08/1998	10259				
64	1621040072	Ma Thị Minh	Huế	30/08/1998	10260				
65	1621060030	Nguyễn Thị	Huế	06/05/1998	10261				
66	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	10262				
67	1321030608	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/01/1993	10263				
68	1621050042	Nguyễn Mạnh	Hùng	19/05/1998	10264				
69	1621060522	Nguyễn Việt	Hùng	28/06/1998	10265				
70	1621050877	Tổng Duy	Hùng	16/10/1998	10266				
71	1521010140	Trần Văn	Hùng	26/01/1997	10267				
72	1621060415	Vũ Huy	Hùng	01/05/1998	10268				
73	1621060283	Chu Văn	Hưng	10/03/1998	10269				
74	1621050475	Nguyễn Công	Hưng	20/05/1997	10270				
75	1621050462	Nguyễn Quốc	Hưng	24/01/1998	10271				
76	1621061022	Phạm Mai	Hưng	17/02/1998	10272				
77	1621060150	Vũ Trí	Hưng	05/11/1998	10273				
78	1621030153	Đinh Thị Thu	Hương	16/09/1998	10274				
79	1521080043	Đỗ Thị	Hương	08/03/1997	10275				
80	1621050762	Lưu Thị	Hương	28/12/1998	10276				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060128	Lưu Thị	Hương	20/04/1998	10277				
82	1621080072	Nguyễn Thị Lan	Hương	07/10/1998	10278				
83	1621010349	Nguyễn Thị Mai	Hương	01/12/1998	10279				
84	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	10280				
85	1621060831	Nguyễn Văn	Hương	18/10/1998	10281				
86	1621010337	Nguyễn Thị	Hường	09/03/1998	10282				
87	1621070082	Chữ Mạnh	Hường	20/09/1997	10283				
88	1621070158	Bùi Quang	Huy	18/10/1998	10284				
89	1321020562	Dương Quốc	Huy	14/12/1993	10285				
90	1621030728	Hoàng Quang	Huy	22/11/1998	10286				
91	1621050842	Lê Quang	Huy	29/01/1998	10287				
92	1521030017	Lê Văn	Huy	25/04/1997	10288				
93	1621030196	Nguyễn Đức	Huy	11/05/1998	10289				
94	1621060268	Nguyễn Quang	Huy	04/04/1998	10290				
95	1621060911	Trần Minh	Huy	01/09/1998	10291				
96	1621050349	Trần Quốc	Huy	02/06/1998	10292				
97	1321050093	Vũ Duy	Huy	28/03/1995	10293				
98	1621050795	Mai Thị	Huyền	29/12/1998	10294				
99	1621060967	Nguyễn Đình	Huỳnh	29/10/1998	10295				
100	1521060283	Trần Văn	Huỳnh	02/08/1997	10296				
101	1621050900	Biasavanh	INTHICHA	25/08/1997	10297				
102	1621080139	Đinh Thị Kim	Khánh	12/06/1998	10298				
103	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	10299				
104	1521020235	Trần Linh	Khánh	20/09/1997	10300				
105	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	10301				
106	1621030073	Nguyễn Ngọc	Khiêm	18/12/1998	10302				
107	1621050131	Đỗ Sơn	Khoa	13/11/1998	10303				
108	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	01/10/1998	10304				
109	1621070161	Trần Vũ Minh	Khôi	10/08/1998	10305				
110	1621060334	Nguyễn Duy	Khương	22/01/1998	10306				
111	1621040038	Đỗ Trung	Kiên	12/05/1998	10307				
112	1621050030	Hoàng Trung	Kiên	04/11/1997	10308				
113	1621060381	Nguyễn Trần	Kiên	18/01/1998	10309				
114	1621070162	Nguyễn Văn	Kiên	20/01/1998	10310				
115	1621010724	Phạm Văn	Kiên	20/10/1997	10311				
116	1621050569	Phan Duy	Kiên	30/08/1998	10312				
117	1621060067	Trần Trung	Kiên	22/01/1998	10313				
118	1621050088	Nguyễn Văn	Lâm	18/04/1998	10314				
119	1621060411	Vũ Đình	Lâm	17/09/1998	10315				
120	1621070132	Nguyễn Thanh	Lịch	05/01/1998	10316				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD101 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621040801	Somsak	LIDTHIDE	26/01/1996	10317				
122	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	10318				
123	1621030123	Bùi Hoàng Nhật	Linh	30/11/1998	10319				
124	1621060205	Đinh Khắc Quang	Linh	26/04/1998	10320				
125	1621030223	Đoàn Mỹ	Linh	24/09/1998	10321				
126	1621060202	Mai Ngọc	Linh	02/04/1998	10322				
127	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	10323				
128	1321040155	Tạ Tùng	Linh	21/09/1995	10324				
129	1621060445	Trịnh Văn	Linh	08/01/1998	10325				
130	1621030164	Vũ Mỹ	Linh	20/06/1998	10326				
131	1621010741	Vương Hoài	Linh	05/03/1998	10327				
132	1621061068	Lê Ngọc	Linh	07/07/1998	10328				
133	1621050325	Trịnh Thị	Loan	10/01/1998	10329				
134	1621011032	Hoàng Phi	Long	30/06/1998	10330				
135	1621060162	Hoàng Phúc	Long	06/11/1995	10331				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050334	Lê	Lộc	25/08/1998	10332				
2	1621060216	Vũ Văn	Lộc	05/03/1998	10333				
3	1621060459	Hoàng Văn	Lợi	08/01/1998	10334				
4	1621060398	Lê Hải	Long	02/07/1998	10335				
5	1621050343	Mai Thành	Long	18/11/1998	10336				
6	1621050128	Nguyễn Doãn	Long	11/01/1998	10337				
7	1521010374	Nguyễn Hoàng	Long	06/08/1997	10338				
8	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	10339				
9	1621030042	Phạm Đức	Long	04/03/1998	10340				
10	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	10341				
11	1621060265	Trịnh Tiến	Long	02/02/1998	10342				
12	1621080725	Vũ Đức	Long	17/02/1998	10343				
13	1621010369	Nguyễn Chí	Lực	14/08/1998	10344				
14	1621060483	Trần Tiến	Lực	07/08/1996	10345				
15	1621050611	Bùi Đức	Lương	10/05/1998	10346				
16	1621050702	Nguyễn Thế	Lương	17/02/1998	10347				
17	1621070059	Lê Quang	Lượng	03/07/1998	10348				
18	1621060629	Trần Đức	Lưu	15/11/1998	10349				
19	1621010316	Nguyễn Văn	Luyện	22/12/1998	10350				
20	1621030244	Nguyễn Thị Khánh	Ly	27/07/1998	10351				
21	1621070068	Nguyễn Thị Hồng	Mai	14/12/1998	10352				
22	1621050741	Kiều Thế	Mạnh	29/01/1998	10353				
23	1621070148	Trần Đức	Mạnh	17/02/1998	10354				
24	1621050554	Đỗ Nhật	Minh	11/01/1998	10355				
25	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	10356				
26	1621010146	Lương Tất	Minh	19/06/1997	10357				
27	1621060193	Lưu Công	Minh	25/02/1998	10358				
28	1621050632	Nguyễn Công	Minh	14/04/1997	10359				
29	1621060373	Nguyễn Công	Minh	01/03/1998	10360				
30	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	10361				
31	1621070034	Phạm Công	Minh	29/09/1998	10362				
32	1621050313	Phạm Văn	Minh	03/05/1998	10363				
33	1621060235	Võ Ngọc	Minh	07/03/1998	10364				
34	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	10365				
35	1621060007	Vũ Văn	Mười	26/03/1998	10366				
36	1621050215	Bùi Diễm	My	25/04/1998	10367				
37	1621050456	Nguyễn Thị	My	19/03/1998	10368				
38	1621060408	Đặng Trung	Nam	22/01/1998	10369				
39	1521080207	Đỗ Văn	Nam	08/10/1997	10370				
40	1621030005	Hoàng Văn	Nam	04/09/1998	10371				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050126	Khương Xuân	Nam	02/07/1998	10372				
42	1621060603	Lê Ngọc	Nam	04/08/1998	10373				
43	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	06/02/1998	10374				
44	1521050199	Nguyễn Hữu	Nam	06/12/1997	10375				
45	1621020058	Phạm Bá	Nam	25/05/1998	10376				
46	1621050584	Trần Đức	Nam	06/12/1998	10377				
47	1621060084	Vũ Thái	Nam	09/06/1998	10378				
48	1621060074	Vũ Tú	Nam	09/01/1998	10379				
49	1621050026	Lê Thị	Ngân	08/10/1998	10380				
50	1621050006	Nguyễn Thị	Ngân	04/11/1998	10381				
51	1621030252	Nguyễn Thị Thu	Ngân	06/01/1998	10382				
52	1621030260	Lê Hồng	Nghị	22/01/1996	10383				
53	1621060322	Nguyễn Bình Minh	Nghĩa	26/03/1998	10384				
54	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	10385				
55	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	10386				
56	1621010023	Phạm Thị Hồng	Nguyên	23/03/1998	10387				
57	1621050311	Đào Văn	Nhạ	06/03/1998	10388				
58	1621010319	Dương Doãn	Nhật	30/08/1998	10389				
59	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/1996	10390				
60	1621010360	Từ Thị Hồng	Nhung	18/07/1998	10391				
61	1621010281	Phạm Thị	Ninh	25/10/1998	10392				
62	1621050280	Trần Dư	Phan	03/08/1998	10393				
63	1621050608	Vũ Tấn	Phát	30/08/1998	10394				
64	1621020024	Phạm Văn	Phi	05/11/1998	10395				
65	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	10396				
66	1621050190	Nguyễn Bá	Phong	19/04/1998	10397				
67	1621070086	Nguyễn Duy	Phong	25/09/1998	10398				
68	1621080042	Nguyễn Hồng	Phong	29/06/1998	10399				
69	1621060552	Nguyễn Tất	Phong	30/10/1998	10400				
70	1621060341	Nguyễn Thanh	Phong	28/12/1997	10401				
71	1621060387	Nguyễn Tuấn	Phong	09/09/1998	10402				
72	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	10403				
73	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	10404				
74	1621060393	Hoàng Văn	Phông	25/02/1998	10405				
75	1621060949	Nguyễn Hữu	Phúc	18/09/1997	10406				
76	1621030074	Phạm Hồng	Phúc	01/11/1998	10407				
77	1621050111	Trần Phong	Phúc	18/04/1998	10408				
78	1621011049	Dương Thị	Phương	20/03/1998	10409				
79	1621060090	Hoàng Xuân	Phương	07/02/1998	10410				
80	1621060002	Nguyễn Đức	Phương	26/10/1998	10411				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060198	Vũ Thành	Phương	10/02/1998	10412				
82	1521030289	Nguyễn Hồng	Phượng	20/02/1997	10413				
83	1621050362	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1998	10414				
84	1621050805	Bùi Văn	Quân	24/02/1998	10415				
85	1621030291	Chu Văn	Quân	07/01/1998	10416				
86	1621010186	Nguyễn Hữu	Quân	24/10/1998	10417				
87	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	10418				
88	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	10419				
89	1421020521	Vũ Hồng	Quân	08/11/1995	10420				
90	1621060899	Vũ Hồng	Quân	09/04/1998	10421				
91	1321050673	Vũ Văn	Quân	05/07/1995	10422				
92	1621060197	Vương Hồng	Quân	10/01/1998	10423				
93	1621050288	Mai Cảnh	Quang	16/01/1998	10424				
94	1621061026	Nguyễn Đăng	Quang	23/05/1998	10425				
95	1621070007	Nguyễn Tiến	Quang	12/12/1998	10426				
96	1621040106	Trần Lê Hồng	Quang	02/02/1998	10427				
97	1321060231	Cao Văn	Quý	01/07/1995	10428				
98	1621060339	Đỗ Văn	Quyết	25/03/1998	10429				
99	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	16/01/1998	10430				
100	1621060635	Hồ Đăng	Quỳnh	05/12/1998	10431				
101	1621030292	Nguyễn Thị	Quỳnh	02/02/1998	10432				
102	1621050803	Phạm Thị Hương	Quỳnh	11/11/1998	10433				
103	1621050274	Phạm Tài	Sang	04/05/1997	10434				
104	1621010272	Lê Hữu	Sáng	25/05/1998	10435				
105	1621050169	Trịnh Thị	Sen	24/04/1998	10436				
106	1621040800	Thanakone	SENGMA	20/04/1997	10437				
107	1621040803	Somneuk	SITTHIEN	09/03/1994	10438				
108	1621070175	Bùi Hoàng	Sơn	20/11/1998	10439				
109	1621050518	Cao Hồng	Sơn	19/01/1998	10440				
110	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	10441				
111	1621010116	Lê Hồng	Sơn	05/03/1997	10442				
112	1621010722	Nguyễn Hải	Sơn	25/12/1998	10443				
113	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	10444				
114	1621060080	Nguyễn Hồng	Sơn	13/08/1998	10445				
115	1621080123	Nguyễn Hồng	Sơn	23/09/1998	10446				
116	1621070215	Nhữ Xuân	Sơn	22/09/1998	10447				
117	1621070011	Phạm Hồng	Sơn	29/06/1998	10448				
118	1621050273	Trần Bá	Sơn	21/01/1998	10449				
119	1621060615	Trương Văn	Sơn	01/11/1998	10450				
120	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	10451				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	01/02/1998	10452				
122	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/1995	10453				
123	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	10454				
124	1621030072	Trần Minh	Tài	01/11/1998	10455				
125	1321060253	Lê Văn	Tâm	20/01/1995	10456				
126	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	10457				
127	1621030095	Trần Công	Tâm	31/03/1998	10458				
128	1621050880	Nguyễn Đình	Tân	27/08/1998	10459				
129	1521020295	Hoàng Đình	Tăng	31/01/1997	10460				
130	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	10461				
131	1421060566	Nguyễn Hữu	Thái	07/09/1988	10462				
132	1621030085	Nguyễn Quốc	Thái	12/08/1998	10463				
133	1621060307	Nguyễn Văn	Thái	28/10/1998	10464				
134	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/1995	10465				
135	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/1997	10466				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621061025	Nguyễn Văn	Thắm	27/09/1998	10467				
2	1621060490	Dương Trịnh	Thăng	06/12/1998	10468				
3	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	22/12/1997	10469				
4	1621050078	Hoàng Minh	Thắng	30/10/1998	10470				
5	1621080116	Hoàng Thọ	Thắng	14/01/1998	10471				
6	1621061069	Hoàng Văn	Thắng	14/07/1998	10472				
7	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/1996	10473				
8	1621070091	Nguyễn Minh	Thắng	29/01/1998	10474				
9	1621070708	Nguyễn Quang	Thắng	24/04/1998	10475				
10	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	10476				
11	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	10477				
12	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	10478				
13	1621050553	Đỗ Duy	Thành	22/11/1998	10479				
14	1621060321	Lê Đạt Xuân	Thành	20/04/1998	10480				
15	1621010178	Nguyễn Tiến	Thành	10/02/1998	10481				
16	1621010024	Nguyễn Văn	Thành	02/01/1995	10482				
17	1621010715	Nguyễn Văn	Thành	07/12/1998	10483				
18	1621060516	Nguyễn Xuân	Thành	30/08/1998	10484				
19	1621010026	Phạm Chí	Thành	03/12/1998	10485				
20	1621050227	Nguyễn Hữu	Thảo	30/05/1998	10486				
21	1621060484	Nguyễn Phú	Thảo	10/03/1998	10487				
22	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	10488				
23	1621050253	Nguyễn Văn	Thị	26/01/1998	10489				
24	1621050764	Trịnh Viết	Thiên	25/11/1998	10490				
25	1621040716	Cao Sỹ	Thiện	23/09/1998	10491				
26	1621010077	Đinh Văn	Thiện	27/08/1998	10492				
27	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	09/08/1996	10493				
28	1611040012	Nguyễn Trọng	Thiện	05/07/1998	10494				
29	1621030094	Trần Văn	Thiện	08/01/1998	10495				
30	1621070736	Đinh Hoàng Khánh	Thịnh	18/01/1998	10496				
31	1621060124	Nguyễn Xuân	Thịnh	29/11/1998	10497				
32	1621030008	Trần Quý	Thọ	05/05/1998	10498				
33	1621060271	Ngô Tiến	Thư	15/11/1998	10499				
34	1621061082	Nguyễn Ngọc	Thuần	21/09/1998	10500				
35	1621060848	Nguyễn Hải	Thuận	18/10/1998	10501				
36	1621050102	Lê Văn	Thuật	12/10/1996	10502				
37	1621060970	Nguyễn Văn	Thường	26/08/1998	10503				
38	1621060546	Hà Quang	Tiến	04/06/1998	10504				
39	1621050061	Hoàng Ngọc	Tiến	10/04/1998	10505				
40	1621050705	Nguyễn Đình	Tiến	15/05/1998	10506				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010327	Nguyễn Hữu	Tiến	16/02/1998	10507				
42	1621060708	Nguyễn Minh	Tiến	04/10/1998	10508				
43	1621010180	Nguyễn Văn	Tiến	16/10/1998	10509				
44	1621070044	Nguyễn Văn	Tiến	30/05/1998	10510				
45	1621060880	Phạm Minh	Tiến	25/03/1998	10511				
46	1621070069	Phạm Minh	Tiến	31/07/1998	10512				
47	1621020046	Đỗ Việt	Tiếp	22/02/1998	10513				
48	1521050190	Lê Văn	Tĩnh	28/09/1996	10514				
49	1621050455	Đặng Đình	Toàn	20/10/1998	10515				
50	1621060863	Hoàng Bảo	Toàn	17/12/1997	10516				
51	1621060577	Nguyễn Khắc	Toàn	10/11/1998	10517				
52	1621070194	Nguyễn Ngọc	Toàn	30/11/1998	10518				
53	1321030895	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	24/11/1993	10519				
54	1511020005	Nguyễn Trọng	Toàn	07/10/1997	10520				
55	1621060529	Phùng Văn	Toàn	03/01/1998	10521				
56	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	10522				
57	1621030011	Vũ Minh	Toàn	14/09/1998	10523				
58	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	10524				
59	1611060701	Vũ Đức	Toàn	15/11/1998	10525				
60	1621030053	Nguyễn Văn	Tới	02/10/1998	10526				
61	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	10527				
62	1621030215	Đinh Xuân	Tôn	30/04/1998	10528				
63	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	10529				
64	1621030724	Bùi Nguyễn Thu	Trang	21/09/1998	10530				
65	1611050024	Đặng Thị	Trang	21/04/1998	10531				
66	1621030063	Lê Hà	Trang	01/08/1998	10532				
67	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	10533				
68	1521020102	Trần Thị Huyền	Trang	26/11/1997	10534				
69	1621050246	Trần Thị Thu	Trang	11/09/1998	10535				
70	1621050352	Bùi Văn	Trình	10/08/1998	10536				
71	1621040122	Đào Văn	Trọng	23/12/1997	10537				
72	1621060642	Nguyễn Văn	Trọng	07/09/1998	10538				
73	1621030044	Lê Công	Trực	05/08/1998	10539				
74	1621060131	Mai Văn	Trực	25/02/1998	10540				
75	1621060127	Bùi Quang	Trung	20/09/1998	10541				
76	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	10542				
77	1621030036	Lê Quang	Trung	13/07/1998	10543				
78	1621010207	Lê Thành	Trung	24/07/1998	10544				
79	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	10545				
80	1621040103	Nguyễn Bá	Trung	25/10/1998	10546				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060545	Nguyễn Thế	Trung	05/09/1998	10547				
82	1621060963	Nguyễn Văn	Trung	14/06/1998	10548				
83	1621010190	Trương Trọng	Trung	18/08/1998	10549				
84	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/1995	10550				
85	1621010252	Cao Thế	Trưởng	09/10/1998	10551				
86	1621060101	Lại Văn	Trưởng	12/10/1998	10552				
87	1621050882	Lê Minh	Trưởng	04/04/1998	10553				
88	1621060201	Trần Xuân	Trưởng	03/10/1998	10554				
89	1621070028	Trần Xuân	Trưởng	19/02/1998	10555				
90	1621060057	Hoàng Văn	Trưởng	18/05/1996	10556				
91	1521050200	Mai Viết	Trưởng	06/05/1997	10557				
92	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	10558				
93	1621060034	Hoàng Văn	Truyền	13/12/1998	10559				
94	1621060362	Bùi Hữu	Tú	19/12/1998	10560				
95	1621050308	Hoàng Đặng Anh	Tú	15/08/1998	10561				
96	1621080128	Nguyễn Quang	Tú	07/11/1998	10562				
97	1611050018	Phạm Đình	Tư	11/05/1998	10563				
98	1621030187	Cao Đình	Tuấn	28/12/1998	10564				
99	1621050034	Hà Anh	Tuấn	30/08/1998	10565				
100	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	10566				
101	1621030702	Hoàng Minh	Tuấn	23/02/1998	10567				
102	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/1995	10568				
103	1411020044	Hoàng Văn	Tuấn	14/07/1994	10569				
104	1621010065	Khương Văn	Tuấn	09/07/1998	10570				
105	1621070209	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	25/06/1998	10571				
106	1621050633	Nguyễn Quốc	Tuấn	21/06/1998	10572				
107	1321070699	Nguyễn Tài	Tuấn	04/10/1995	10573				
108	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	10574				
109	1621060231	Nguyễn Văn	Tuấn	31/12/1998	10575				
110	1621060260	Phạm Minh	Tuấn	18/10/1990	10576				
111	1621060677	Trần Anh	Tuấn	10/03/1998	10577				
112	1621060544	Bùi Thanh	Tùng	14/09/1998	10578				
113	1621050416	Đình Thanh	Tùng	09/06/1998	10579				
114	1621050312	Đỗ Hữu	Tùng	13/01/1998	10580				
115	1621060952	Lê Huy	Tùng	20/01/1998	10581				
116	1621010086	Ngô Xuân	Tùng	13/10/1998	10582				
117	1621070157	Nguyễn Bá	Tùng	11/09/1998	10583				
118	1421040335	Nguyễn Thanh	Tùng	22/02/1996	10584				
119	1621060263	Phạm Văn	Tường	03/08/1998	10585				
120	1621061050	Bùi Đặng	Tuyên	16/05/1998	10586				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD301** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621060132	Cao Văn	Tuyển	27/01/1997	10587				
122	1611060003	Lê Trung	Văn	06/09/1998	10588				
123	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	10589				
124	1621050140	Lê Quốc	Việt	10/04/1998	10590				
125	1621061057	Nguyễn Văn	Việt	07/09/1998	10591				
126	1621070131	Phạm Đăng	Vĩnh	06/09/1998	10592				
127	1621060655	Phạm Văn	Vĩnh	08/04/1998	10593				
128	1621070141	Hà Xuân	Vũ	24/03/1998	10594				
129	1621060631	Nguyễn An	Vũ	21/11/1998	10595				
130	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	27/10/1998	10596				
131	1521030021	Nguyễn Quốc	Vượng	09/11/1997	10597				
132	1621020034	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	02/12/1997	10598				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030422 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở tuyển khoáng

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD303** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050057	Phạm Bảo	Hà	28/02/1996	10599				
2	1321030637	Nguyễn Thái	Hưng	20/03/1995	10600				
3	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	05/08/1995	10601				
4	1121040248	Đặng Trọng	Thắng	31/05/1993	10602				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040107 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa mạo và trầm tích đệ tứ

Ngày thi: **8/10/2017**Phòng thi: **HNAD303**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010155	Phí Quốc	Đạt	14/01/1997	10603				
2	1521020179	Lương Thành	Giang	01/11/1997	10604				
3	1521020001	Nguyễn Thanh	Hải	04/01/1996	10605				
4	1531020414	Đoàn Bình	Trọng	20//0/193/	10606				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040902 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường trầm tích
Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD303 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040243	Nguyễn Ngọc	Tân	22/01/1995	10607				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Quan trắc biến dạng công trình

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA203

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030419	Trần Thế	Anh	19/09/1995	10608				
2	1321030098	Nguyễn Quốc	Huy	09/06/1995	10609				
3	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/1995	10610				
4	1321030877	Nguyễn Thị Hương	Thủy	09/12/1995	10611				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA203

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1631030005	Nguyễn Văn	Cương	16/11/1982	10612				
2	1631030019	Phạm Tiến	Nghĩa	10/08/1993	10613				
3	1531070047	Đỗ Trường	Phúc	25//0/197/	10614				
4	1421030640	Nguyễn Duy	Vĩnh	10/08/1996	10615				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050701 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA203

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030064	Lương Tuấn	Anh	29/06/1997	10616				
2	1521030054	Đổng Xuân	Bình	26/06/1997	10617				
3	1521030190	Bùi Thế	Đạt	10/01/1997	10618				
4	1521030060	Nguyễn Anh	Dũng	15/12/1997	10619				
5	1521030123	Phạm Quang	Huy	04/07/1997	10620				
6	1521030250	Nguyễn Sơn	Lâm	22/12/1997	10621				
7	1521030093	Đinh Tiến	Mạnh	16/09/1996	10622				
8	1521030274	Hoàng Thị	Nghĩa	15/10/1997	10623				
9	1521030313	Phan Thị Phương	Thảo	06/06/1996	10624				
10	1521030122	Nguyễn Hoàng	Tiến	21/12/1997	10625				
11	1321030966	Trần Văn	Tùng	04/09/1995	10626				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060115 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Thăm dò phóng xạ

Ngày thi: **8/10/2017**Phòng thi: **HNAD303**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010036	Nghiêm Quốc	Chính	15/09/1996	10627				
2	1421010059	Cao Đức	Duy	13/05/1996	10628				
3	1421010130	Trần Đức	Hoàng	21/12/1996	10629				
4	1421010165	Nguyễn Văn	Khánh	21/06/1996	10630				
5	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/1996	10631				
6	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	10632				
7	1421010277	Trần Phong	Quyền	25/06/1996	10633				
8	1421010298	Phạm Văn	Thành	18/02/1996	10634				
9	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/1996	10635				
10	1421010314	Trần Văn	Thiệp	16/06/1995	10636				
11	1421010405	Đào Thu	Trang	26/03/1996	10637				
12	1421010345	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/04/1996	10638				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060304 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Công nghệ sinh học đại cương

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/1997	10639				
2	1521010411	Lê Duy	Đạt	06/02/1997	10640				
3	1521010800	Đinh Tùng	Dương	06/06/1995	10641				
4	1621010267	Hồ Sỹ	Hiền	20/10/1997	10642				
5	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/1996	10643				
6	1521010439	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/03/1997	10644				
7	1521010372	Nguyễn Vũ	Hung	23/02/1997	10645				
8	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	10646				
9	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	10647				
10	1521010335	Đỗ Văn	Lâm	29/08/1997	10648				
11	1521010343	Nhâm Tuấn	Linh	12/07/1997	10649				
12	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	10650				
13	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/1997	10651				
14	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	10652				
15	1521010387	Hoàng Nhật	Phương	10/09/1997	10653				
16	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/1996	10654				
17	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	10655				
18	1521010349	Trương Minh	Tuấn	29/12/1997	10656				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060318 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Công nghệ lọc dầu

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010178	Nguyễn Đỗ	Khiêm	08/11/1994	10657				
2	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/1995	10658				
3	1321010216	Đỗ Thành	Long	03/04/1995	10659				
4	1221020102	Nguyễn Văn	Ngọc	14/06/1994	10660				
5	1321010500	Nguyễn Hoàng	Phi	31/07/1995	10661				
6	1321010420	Phạm Anh	Việt	15/08/1995	10662				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060412 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010069	Lê Xuân	Duẩn	16/11/1995	10663				
2	1421010107	Bùi Thị	Hiền	02/10/1996	10664				
3	1421040108	Dương Minh	Hiếu	01/03/1996	10665				
4	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	10666				
5	1421010178	Hà Diệu	Linh	17/11/1996	10667				
6	1321010230	Đỗ Văn	Minh	20/11/1995	10668				
7	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/1994	10669				
8	1321010328	Hoàng Nguyễn	Thắng	11/01/1995	10670				
9	1321010308	Nguyễn Thị	Thanh	16/07/1995	10671				
10	1321070650	Phạm Duy	Thành	20/11/1995	10672				
11	1321010320	Nguyễn Thị	Thảo	28/06/1995	10673				
12	1421010312	Đỗ Văn	Thiên	20/04/1995	10674				
13	1421010331	Đỗ Quyết	Tiến	08/10/1996	10675				
14	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/1995	10676				
15	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	10677				
16	1221010353	Trần Văn	Tĩnh	14/06/1993	10678				
17	1421010352	Dương Văn	Trung	21/09/1996	10679				
18	1421030217	Phương Anh	Tú	27/11/1996	10680				
19	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/1995	10681				
20	1421020185	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/04/1996	10682				
21	1421010374	Mạc Trần	Tùng	11/09/1995	10683				
22	1421010376	Nguyễn Thanh	Tùng	18/05/1995	10684				
23	1321010423	Nguyễn Văn	Vinh	27/07/1995	10685				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060419 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010333	Ngô Văn	Thắng	05/07/1994	10686				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060420 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Thu hồi dầu khí tăng cường

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010327	Trần Công	Thắng	17/03/1994	10687				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060428 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAA405 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020402	Đặng Ngọc	Anh	04/04/1995	10688				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060515 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học ứng dụng trong thiết bị dầu khí
Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAA406 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010176	Nguyễn Hoàng	Huy	25/10/1995	10689				
2	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/1995	10690				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phát triển ứng dụng Web + BTL

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050022	Lê Thạc	Chiến	08/05/1995	10691				
2	1521050154	Đỗ Tất	Cường	01/04/1997	10692				
3	1321050053	Chu Công	Đạt	24/01/1995	10693				
4	1321050054	Hoàng Thành	Đạt	27/06/1994	10694				
5	1321050483	Tạ Quốc	Đạt	10/07/1995	10695				
6	1421020306	Nguyễn Minh	Đức	25/11/1994	10696				
7	1321050044	Nguyễn Văn	Dũng	15/11/1995	10697				
8	1321050050	Nguyễn Tuấn	Dương	27/12/1995	10698				
9	1321050051	Vũ Bảo	Dương	15/09/1995	10699				
10	1321050472	Phạm Khương	Duy	08/08/1994	10700				
11	1321050069	Lê Thị	Hằng	09/09/1995	10701				
12	1321050066	Nguyễn Sông	Hào	10/11/1995	10702				
13	1321050073	Nguyễn Đức	Hiền	10/12/1995	10703				
14	1321050548	Trần Đức	Hiếu	01/05/1994	10704				
15	1221050046	Đào Xuân	Hiệu	07/07/1994	10705				
16	1321050549	Trần Hữu	Hiệu	26/05/1995	10706				
17	1421050424	Nguyễn Thị	Huệ	10/01/1996	10707				
18	1521050389	Trần Đức	Hùng	15/10/1995	10708				
19	1321050590	Nguyễn Bảo	Khanh	04/08/1995	10709				
20	1321050106	Bùi Quang	Khoa	19/12/1994	10710				
21	1421050100	Lê Kế	Kiên	27/11/1996	10711				
22	1421050107	Ngô Thị	Linh	15/04/1996	10712				
23	1321050643	Đinh Trung	Nghĩa	17/02/1995	10713				
24	1321050145	Ngô Thị Hồng	Ngọc	19/09/1994	10714				
25	1321050158	Mai Đức	Phúc	01/06/1995	10715				
26	1321050159	Hà Văn	Phương	16/11/1995	10716				
27	1421050554	Lại Đức	Quân	19/05/1996	10717				
28	1321050163	Nguyễn Văn	Quang	27/10/1995	10718				
29	1421050573	Bùi Nam	Sơn	07/11/1995	10719				
30	1321050185	Chu Văn	Thắng	13/09/1995	10720				
31	1521050102	Nguyễn Văn	Thắng	14/09/1997	10721				
32	1321050191	Nguyễn Phi	Thiên	23/05/1995	10722				
33	1321050723	Nguyễn Thị	Thiện	15/03/1995	10723				
34	1321050193	Đinh Trịnh	Thịnh	19/02/1995	10724				
35	1421050197	Nguyễn Thị	Thu	11/01/1996	10725				
36	1321050200	Lê Thị	Thúy	08/09/1995	10726				
37	1321050199	Nguyễn Xuân	Thùy	19/04/1994	10727				
38	1321050738	Trần Thị Thanh	Thùy	30/09/1995	10728				
39	1321050202	Hà Văn	Tiến	20/03/1995	10729				
40	1321050746	Phạm Đức	Tiến	15/06/1995	10730				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phát triển ứng dụng Web + BTL

Ngày thi: **8/10/2017**Phòng thi: **HNAD403**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421050208	Trần Minh	Tiến	19/02/1996	10731				
42	1421050655	Đỗ Thanh	Trang	15/08/1996	10732				
43	1421050689	Nguyễn Văn	Tuấn	11/10/1996	10733				
44	1421050719	Vũ Thị Hải	Yến	16/01/1996	10734				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080609 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kế toán máy (tin kinh tế)

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050017	Nguyễn Ngọc	Bích	14/11/1994	10735				
2	1321050452	Phạm Thế	Cường	02/03/1995	10736				
3	1321050461	Vũ Thị Kim	Dung	06/10/1995	10737				
4	1321050047	Nguyễn Duy	Dương	15/06/1995	10738				
5	1321050470	Đỗ Văn	Duy	27/02/1995	10739				
6	1321050493	Hoàng Thị	Giang	29/03/1995	10740				
7	1321050070	Phan Thị	Hằng	12/10/1995	10741				
8	1321050535	Trần Đức	Hậu	10/10/1995	10742				
9	1321050085	Trần Thị	Huệ	10/03/1995	10743				
10	1321050115	Nguyễn Thành	Liên	26/08/1995	10744				
11	1321050120	Vũ Thùy	Linh	01/11/1995	10745				
12	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/1995	10746				
13	1321050642	Nguyễn Thị	Ngát	09/08/1995	10747				
14	1321050157	Vũ Ngọc	Phú	16/05/1994	10748				
15	1321050654	Bùi Văn	Phúc	28/02/1995	10749				
16	1321050662	Nguyễn Văn	Phượng	21/11/1994	10750				
17	1421050165	Trương Thị	Quỳnh	04/10/1996	10751				
18	1321050704	Trương Hải	Thành	30/10/1995	10752				
19	1321050197	Trần Đức	Thuần	18/12/1995	10753				
20	1321050747	Phạm Văn	Tiến	29/12/1992	10754				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080707 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Lập trình mạng

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050605	Thế Mạnh	Kiên	11/10/1995	10755				
2	1421050159	Nguyễn Viết	Quang	07/07/1996	10756				
3	1321050716	Chu Đức	Thắng	25/04/1995	10757				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật liệu kỹ thuật + TN

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010072	Nguyễn Khắc	Hải	16/06/1997	10758				
2	1221010800	Đỗ Vũ	Thư	07/03/1991	10759				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4100150 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/1996	10760				
2	1321070438	Nguyễn Văn	Cường	18/10/1995	10761				
3	1321070044	Đặng Ngọc	Đạt	13/03/1995	10762				
4	1631070051	Phạm Minh	Đạt	22/10/1992	10763				
5	1321070467	Đặng Trọng	Đoan	14/01/1993	10764				
6	1321070469	Nguyễn Xuân	Đoán	12/09/1995	10765				
7	1321070065	Phạm Đức	Hiển	12/11/1995	10766				
8	1321070072	Phạm Quang	Hiếu	24/04/1995	10767				
9	1321070502	Phạm Trung	Hiếu	26/08/1995	10768				
10	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	10769				
11	1321070524	Lê Quang	Hùng	12/10/1995	10770				
12	1321070543	Hà Văn	Khánh	20/12/1994	10771				
13	1321070588	Nguyễn Đức	Mạnh	21/01/1994	10772				
14	1631070055	Ngô Văn	Nguyên	13/04/1995	10773				
15	1321020656	Đinh Trọng	Nhân	15/12/1995	10774				
16	1321070615	Lương Tuấn	Phi	29/05/1995	10775				
17	1321070141	Nguyễn Hoàng	Phi	21/09/1995	10776				
18	1321070154	Nguyễn Văn	Quyền	22/02/1995	10777				
19	1321020182	Nguyễn Minh	Sơn	21/08/1995	10778				
20	1321070653	Bùi Đức	Thắng	02/01/1995	10779				
21	1321070669	Lê Văn	Tiến	15/07/1994	10780				
22	1321070198	Nguyễn Thành	Trung	22/01/1995	10781				
23	1321070704	Đào Mạnh	Tùng	15/10/1994	10782				
24	1631070058	Nguyễn Hữu	Túy	29/07/1994	10783				
25	1421040347	Hoàng Tuấn	Vũ	07/10/1996	10784				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110104 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường
Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAA305 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080164	Trần Nhật	Hùng	30/10/1997	10785				
2	1521080034	Nguyễn Đăng	Trung	12/11/1997	10786				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài: Tổng số tờ: Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Quản lý chất thải rắn

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080233	Lê Xuân	Hùng	18/08/1996	10787				
2	1421080055	Bùi Hoàng Mỹ	Linh	29/07/1996	10788				
3	1221080045	Hoàng Văn	Minh	14/12/1994	10789				
4	1421080289	Lục Văn	Minh	01/05/1996	10790				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	10791				
2	1321070400	Lường Kế	An	06/12/1995	10792				
3	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	10793				
4	1421030242	Đặng Tuấn	Anh	23/07/1995	10794				
5	1421040003	Đinh Nhật	Anh	17/02/1996	10795				
6	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	10796				
7	1421030003	Lưu Ngọc	Anh	22/12/1996	10797				
8	1421030252	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/10/1996	10798				
9	1421060014	Vũ Hoàng	Anh	16/08/1996	10799				
10	1421020224	Đoàn Thanh	Ba	01/12/1995	10800				
11	1321060018	Lê Xuân	Bách	16/08/1995	10801				
12	1421060015	Nguyễn Văn	Bách	20/07/1996	10802				
13	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	10803				
14	1421060338	Nguyễn Thế	Bính	25/02/1996	10804				
15	1421070173	Nguyễn Hiếu	Bình	21/04/1996	10805				
16	1521070183	Nguyễn Văn	Cánh	08/11/1997	10806				
17	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	06/01/1996	10807				
18	1421010033	Nguyễn Ngọc	Chiến	01/02/1996	10808				
19	1421040381	Phạm Văn	Chiến	04/10/1995	10809				
20	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	10810				
21	1521040201	Bùi Văn	Chính	17/01/1997	10811				
22	1321030448	Lưu Tuấn	Chính	28/04/1995	10812				
23	1421030289	Nguyễn Hữu	Chương	14/09/1996	10813				
24	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/1996	10814				
25	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/1994	10815				
26	1421060036	Nguyễn Quốc	Công	10/10/1996	10816				
27	1421060038	Nguyễn Văn	Công	29/01/1996	10817				
28	1421040032	Phạm Đình	Công	10/04/1996	10818				
29	1421045002	Trần Hoàng	Cương	26/04/1995	10819				
30	1421020253	Lại Xuân	Cường	19/09/1996	10820				
31	1421020027	Lưu Văn	Cường	07/07/1996	10821				
32	1321030464	Nguyễn Mạnh	Cường	06/12/1995	10822				
33	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/1997	10823				
34	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	10824				
35	1521070126	Nguyễn Văn	Đại	16/02/1996	10825				
36	1421060072	Nguyễn Văn	Đăng	30/06/1996	10826				
37	1521060157	Lê Đức	Đạt	04/09/1997	10827				
38	1421060378	Mai Tiến	Đạt	11/09/1996	10828				
39	1421070030	Nguyễn Thành	Đạt	02/04/1996	10829				
40	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	10830				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	10831				
42	1421030295	Đỗ Đức	Doanh	07/10/1996	10832				
43	1521020158	Bế Ngọc	Đông	20/11/1996	10833				
44	1521030059	Đoàn Văn	Đồng	20/09/1996	10834				
45	1121070006	Nguyễn Văn	Đồng	10/12/1993	10835				
46	1421070244	Đoàn Quang	Đức	05/11/1996	10836				
47	1321060468	Lê Huỳnh	Đức	17/09/1994	10837				
48	1421030320	Nguyễn Anh	Đức	12/02/1996	10838				
49	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/1995	10839				
50	1521060067	Nguyễn Quý	Đức	30/01/1996	10840				
51	1421060082	Phạm Việt	Đức	26/11/1996	10841				
52	1321070034	Đinh Văn	Dũng	10/03/1994	10842				
53	1421040047	Nghiêm Xuân	Dũng	10/05/1996	10843				
54	1321030473	Ngô Tiến	Dũng	01/01/1995	10844				
55	1321060052	Nguyễn Thọ	Dũng	13/10/1995	10845				
56	1421060050	Nguyễn Tiến	Dũng	01/04/1996	10846				
57	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/1996	10847				
58	1421060052	Trần Khắc	Dũng	17/08/1995	10848				
59	1321030032	Trần Tất	Dũng	12/06/1995	10849				
60	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	10850				
61	1521020083	Tạ Văn	Được	20/08/1996	10851				
62	1421060059	Đỗ Đức	Dương	14/05/1996	10852				
63	1421060061	Ngô Minh	Dương	08/11/1996	10853				
64	1321040054	Nguyễn Thanh	Dương	06/11/1995	10854				
65	1531070014	Vũ Xuân	Dương	27//0/197/	10855				
66	1521040133	Đinh Công	Duy	25/05/1997	10856				
67	1321040051	Lê Ba	Duy	05/05/1995	10857				
68	1421030327	Đặng Thanh	Giang	05/09/1996	10858				
69	1321060093	Lương Ngọc	Giang	22/03/1995	10859				
70	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	10860				
71	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	10861				
72	1421060406	Nguyễn Đức	Hải	05/12/1995	10862				
73	1421040095	Nông Văn	Hàn	06/01/1996	10863				
74	1421040103	Đỗ Văn	Hiền	11/07/1995	10864				
75	1421040107	Lê Văn	Hiệp	20/10/1996	10865				
76	1421030349	Nguyễn Hoàng	Hiệp	05/12/1996	10866				
77	1421060099	Nguyễn Hoàng	Hiệp	09/12/1996	10867				
78	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	10868				
79	1321060117	Bùi Thanh	Hiếu	07/09/1994	10869				
80	1421060104	Nguyễn Trọng	Hiếu	15/01/1996	10870				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321030079	Phạm Văn	Hiếu	11/11/1995	10871				
82	1421040111	Trịnh Thành	Hiếu	11/06/1996	10872				
83	1321010154	Vũ Trung	Hiếu	23/12/1994	10873				
84	1421020065	Phạm Văn	Hình	23/04/1996	10874				
85	1321070073	Lê Đức	Hòa	02/09/1994	10875				
86	1421020067	Nguyễn Văn	Hòa	19/01/1995	10876				
87	1421020069	Đỗ Huy	Hoàng	22/10/1996	10877				
88	1421030363	Nguyễn Hữu	Hoàng	24/03/1996	10878				
89	1421030364	Nguyễn Phi	Hoàng	13/09/1996	10879				
90	1421040116	Nguyễn Văn	Hoàng	06/11/1996	10880				
91	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	10881				
92	1421030081	Đỗ Xuân	Hợp	17/11/1996	10882				
93	1421060436	Đỗ Mạnh	Hùng	14/08/1996	10883				
94	1421040125	Nguyễn Hữu	Hùng	05/10/1995	10884				
95	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/1996	10885				
96	1321040122	Đoàn Quang	Huy	24/07/1995	10886				
97	1421040129	Lại Quang	Huy	17/12/1996	10887				
98	1421040131	Nguyễn Quang	Huy	11/09/1996	10888				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060280	Nguyễn Bá	Hường	02/06/1996	10889				
2	1421030107	Vũ Văn	Khang	10/06/1996	10890				
3	1421020410	Bùi Quốc	Khánh	30/09/1996	10891				
4	1421030108	Hoàng Duy	Khánh	06/10/1995	10892				
5	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	05/01/1996	10893				
6	1421050097	Phan Anh	Khánh	02/08/1996	10894				
7	1321030651	Trần Đăng	Khánh	12/06/1995	10895				
8	1421030409	Hứa Tiến	Khiêm	13/11/1996	10896				
9	1321060158	Phạm Đức	Khôi	17/11/1995	10897				
10	1521010167	Võ Tá	Khuê	04/12/1997	10898				
11	1421070342	Lại Duy	Kiên	29/08/1996	10899				
12	1421045005	Vương Tuấn	Lâm	20/10/1996	10900				
13	1421030119	Đỗ Văn	Linh	07/11/1996	10901				
14	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/1995	10902				
15	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/1997	10903				
16	1321060548	Hoàng Văn	Lĩnh	12/01/1995	10904				
17	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	10905				
18	1421060163	Nguyễn Xuân	Lộc	02/09/1996	10906				
19	1321040517	Đỗ Trọng	Long	02/02/1995	10907				
20	1421060161	Nguyễn Ngọc	Long	06/11/1996	10908				
21	1321030129	Nguyễn Văn	Long	28/01/1992	10909				
22	1421020093	Thái Hoàng	Long	06/05/1996	10910				
23	1421060168	Đỗ Xuân	Mạnh	09/02/1996	10911				
24	1421060165	Dương Viết	Mạnh	15/06/1996	10912				
25	1321060559	Nguyễn Duy	Mạnh	25/08/1995	10913				
26	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	10914				
27	1321030713	Trần Duy	Mạnh	02/02/1995	10915				
28	1321040531	Trần Hùng	Mạnh	11/11/1995	10916				
29	1421040457	Trần Văn	Mạnh	10/01/1993	10917				
30	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	10918				
31	1421040188	Nguyễn Công	Minh	30/05/1996	10919				
32	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	05/06/1993	10920				
33	1421020108	Nguyễn Văn	Minh	30/03/1996	10921				
34	1421040462	Đỗ Hồng	Nam	30/08/1996	10922				
35	1521060012	Lê Tiến	Nam	25/11/1997	10923				
36	1421030138	Nguyễn Phương	Nam	09/09/1996	10924				
37	1421030467	Nguyễn Sơn	Nam	02/11/1995	10925				
38	1321030752	Trần Quang	Ngọc	13/09/1994	10926				
39	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/1994	10927				
40	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/1997	10928				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421060202	Nguyễn Văn	Ninh	26/06/1996	10929				
42	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/1997	10930				
43	1421060204	Nguyễn Thị Kim	Oanh	27/07/1996	10931				
44	1321040203	Đinh Văn	Phi	18/05/1995	10932				
45	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/1996	10933				
46	1421040473	Lê Trọng	Phú	30/04/1996	10934				
47	1521060396	Hoàng Đức	Phuong	09/07/1997	10935				
48	1421060529	Nguyễn Việt	Phuong	05/07/1996	10936				
49	1421030508	Lương Văn	Quân	22/04/1996	10937				
50	1421020521	Vũ Hồng	Quân	08/11/1995	10938				
51	1421030503	Bùi An	Quang	09/09/1995	10939				
52	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/1997	10940				
53	1321060225	Phạm Ngọc	Quang	11/01/1995	10941				
54	1321030189	Hoàng Tử	Quý	10/11/1995	10942				
55	1421060219	Hà Minh	Quyết	18/12/1996	10943				
56	1521060367	Trần Văn	Sáng	01/05/1997	10944				
57	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	10945				
58	1421060231	Phan Hoàng	Sơn	07/12/1996	10946				
59	1321060246	Phan Hữu	Sơn	03/10/1995	10947				
60	1421040239	Phạm Xuân	Tâm	05/09/1995	10948				
61	1321070177	Cao Xuân	Thắng	12/02/1995	10949				
62	1321060282	Lê Quang	Thắng	20/04/1995	10950				
63	1421030561	Vũ Ngọc	Thắng	16/07/1996	10951				
64	1521030074	Lã Hữu	Thành	11/11/1997	10952				
65	1321030209	Nguyễn Doãn	Thành	08/12/1994	10953				
66	1421070115	Tô Minh	Thành	08/11/1996	10954				
67	1421030183	Lưu Thị Thu	Thảo	28/07/1996	10955				
68	1421020582	Hoàng Minh	Thép	12/12/1996	10956				
69	1421030192	Nguyễn Thị ái	Thị	29/11/1996	10957				
70	1421040272	Chu Văn	Thị	18/04/1996	10958				
71	1421040801	Dương Đức	Thiện		10959				
72	1321070181	Phạm Duy	Thiện	16/11/1995	10960				
73	1421020587	Nguyễn Đăng	Thọ	17/10/1996	10961				
74	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/1997	10962				
75	1221030149	Nguyễn Văn	Thuân	20/02/1993	10963				
76	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/1996	10964				
77	1421020606	Đinh Phúc	Thương	03/10/1996	10965				
78	1321020219	Hoàng Anh	Tiến	25/02/1994	10966				
79	1421020165	Vũ Văn	Tĩnh	25/02/1996	10967				
80	1221060454	Nguyễn Văn	Toàn	04/08/1994	10968				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/1994	10969				
82	1421040298	Nguyễn Thị	Trang	27/05/1996	10970				
83	1421020173	Hoàng Quốc	Trọng	06/02/1996	10971				
84	1531060401	Lương Văn	Trung	02//0/194/	10972				
85	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	10973				
86	1421060613	Thái Văn	Trưởng	24/02/1995	10974				
87	1421060286	Đậu Văn	Tú	19/09/1996	10975				
88	1421070512	Nguyễn Hữu	Tú	10/01/1996	10976				
89	1421030218	Đào Văn	Tuân	14/02/1995	10977				
90	1421060290	Nguyễn Văn	Tuân	28/02/1996	10978				
91	1421020181	Bùi Minh	Tuấn	23/09/1996	10979				
92	1421040315	Lê Anh	Tuấn	04/10/1996	10980				
93	1421040317	Lê Văn	Tuấn	08/07/1996	10981				
94	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	10982				
95	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	10983				
96	1421010378	Tổng Quang	Tuyển	24/11/1996	10984				
97	1421060313	Nguyễn Đức	Văn	07/07/1996	10985				
98	1321070715	Nguyễn Văn	Vệ	15/01/1995	10986				
99	1421020706	Nguyễn Hải	Yến	13/10/1995	10987				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010304 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá vô cơ phần 2

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010383	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/08/1997	10988				
2	1521040135	Vi Văn	Chúc	23/06/1997	10989				
3	1521040203	Đào Văn	Công	11/10/1997	10990				
4	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	10991				
5	1521040114	Nguyễn Văn	Hải	21/02/1997	10992				
6	1421040157	Đỗ Thị Hà	Lê	29/07/1996	10993				
7	1421040441	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/01/1996	10994				
8	1421040166	Nguyễn Thị	Linh	29/03/1996	10995				
9	1421010209	Đỗ Quang	Nam	06/10/1996	10996				
10	1521040276	Phạm Thị Hồng	Nhung	06/06/1997	10997				
11	1321010265	Hồ Trọng	Phú	28/12/1995	10998				
12	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/1996	10999				
13	1421010332	Lường Hữu	Tiến	05/09/1996	11000				
14	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	11001				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060401 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý phá hủy

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA406

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020006	Lê Tuấn	Anh	18/03/1996	11002				
2	1421010182	Trương Xuân	Linh	15/03/1996	11003				
3	1421010241	Trần Xuân	Phong	30/12/1995	11004				
4	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/1996	11005				
5	1421011287	Ngô Quang	Quý	08/02/1996	11006				
6	1421050176	Phạm Thái	Tài	27/04/1996	11007				
7	1421010308	Nguyễn Đình	Thăng	10/01/1996	11008				
8	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	11009				
9	1421010354	Nguyễn Khánh	Trung	21/08/1996	11010				
10	1421010382	Phạm Quốc	Việt	26/07/1996	11011				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070401 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý kế toán

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010001L	Soudsaychai Homdoua	.	26/01/1997	11012				
2	1424010014	Ngô Hoàng	Ân	14/08/1996	11013				
3	1421050004	Chu Mai	Anh	28/12/1995	11014				
4	1524010113	Đinh Thị Kim	Anh	27/11/1997	11015				
5	1524010169	Lê Thị Minh	Anh	16/10/1996	11016				
6	1524010157	Nguyễn Thị Châu	Anh	09/12/1997	11017				
7	1524010179	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/05/1997	11018				
8	1524010038	Nguyễn Tiến	Anh	28/04/1997	11019				
9	1424010006	Nguyễn Văn	Anh	30/07/1996	11020				
10	1524010364	Phạm Đức	Anh	24/06/1997	11021				
11	1524010355	Trần Thị Kim	Anh	31/10/1997	11022				
12	1524010147	Trần Thị Vân	Anh	25/04/1996	11023				
13	1524010367	Vũ Hồng Quốc	Anh	29/07/1997	11024				
14	1424010013	Vũ Việt	Anh	18/02/1996	11025				
15	1421020017	Đặng Văn	Bằng	05/12/1996	11026				
16	1524010126	Đỗ Văn	Bằng	23/06/1996	11027				
17	1524010373	Lê Thị	Cầm	05/06/1995	11028				
18	1524010082	Ngô Thị Minh	Châu	28/04/1997	11029				
19	1421050290	Nguyễn Đình	Châu	30/01/1996	11030				
20	1524010236	Nguyễn Hữu	Đạt	16/12/1997	11031				
21	1524010028	Nguyễn Xuân	Đạt	03/06/1997	11032				
22	1321020039	Phạm Quý	Dậu	22/09/1993	11033				
23	1421050049	Lê Tiến	Đức	10/02/1996	11034				
24	1521020037	Trương Thị	Dung	19/06/1994	11035				
25	1524010230	Đỗ Việt	Dương	15/05/1997	11036				
26	1321040052	Nguyễn Ngọc	Duy	11/06/1995	11037				
27	1524010396	Bùi Huy	Giang	01/06/1997	11038				
28	1424010031	Đậu Trường	Giang	19/03/1996	11039				
29	1524010022	Nguyễn Thu	Hà	21/02/1997	11040				
30	1524010171	Phạm Thị Thu	Hà	10/07/1996	11041				
31	1421050058	Nguyễn Hữu	Hải	16/12/1995	11042				
32	1524010331	Vũ Minh	Hằng	03/07/1997	11043				
33	1524010254	Bùi Thanh	Hiền	16/03/1997	11044				
34	1624010178	Trần Thị	Hiền	13/05/1998	11045				
35	1524010574	Võ Xuân	Hiền	17/12/1997	11046				
36	1524010070	Nguyễn Hoàng	Hiệp	04/11/1997	11047				
37	1524010190	Lê Thị Phương	Hoa	09/05/1997	11048				
38	1524010421	Ninh Thị	Hoa	12/01/1997	11049				
39	1424010057	Hà Ngọc	Hoàn	09/12/1996	11050				
40	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	11051				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070401 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý kế toán

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1524010204	Phạm Thị	Hồng	27/05/1997	11052				
42	1321050566	Lâm Mạnh	Hùng	29/01/1995	11053				
43	1524010280	Đặng Văn	Hung	02/10/1997	11054				
44	1324010136	Lưu Thu	Hường	05/09/1995	11055				
45	1624010485	Mai Thị Thu	Hường	21/11/1998	11056				
46	1524010445	Nguyễn Tiến Quang	Huy	25/08/1997	11057				
47	1524010446	Phạm Doãn	Huy	10/11/1996	11058				
48	1524010124	Nguyễn Thị	Huyền	03/10/1997	11059				
49	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/11/1997	11060				
50	1421050470	Dương Thị	Lan	10/11/1996	11061				
51	1524010055	Nguyễn Thị Phương	Loan	05/01/1997	11062				
52	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	11063				
53	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	11064				
54	1424010124	Lê Ngọc	Minh	28/12/1995	11065				
55	1524010579	Vũ Quang	Nam	02/09/1997	11066				
56	1524010476	Trần Thị Hằng	Nga	19/02/1997	11067				
57	1321050142	Hoàng Thọ	Nghĩa	24/12/1995	11068				
58	1524010161	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/11/1997	11069				
59	1524010287	Nguyễn Thị	Nguyên	13/07/1996	11070				
60	1524010130	Nguyễn Thị	Như	16/11/1997	11071				
61	1524010485	Bùi Hồng	Nhung	24/04/1997	11072				
62	1524010009	Trương Ngọc	Phú	12/05/1997	11073				
63	1524010132	Đặng Bích	Phương	04/06/1997	11074				
64	1424010151	Lê Hoài	Phương	19/09/1994	11075				
65	1524010296	Nguyễn Thị út	Phương	24/09/1997	11076				
66	1421040219	Hoàng Văn	Quang	04/07/1996	11077				
67	1321060223	Nguyễn Văn	Quang	08/06/1994	11078				
68	1421050162	Trần Công	Quyết	19/03/1996	11079				
69	1521020005	Nguyễn Mai	Quỳnh	02/07/1997	11080				
70	1424010513	Nguyễn Thị	Quỳnh	19/09/1996	11081				
71	1524010155	Trần Thị	Quỳnh	08/07/1997	11082				
72	1524010063	Nguyễn Thị	Soan	02/04/1997	11083				
73	1524010003	Nguyễn Công	Sơn	13/09/1997	11084				
74	1524010341	Vũ Như	Thọ	17/01/1997	11085				
75	1224010466	Nguyễn Thị	Thu	16/08/1993	11086				
76	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/04/1997	11087				
77	1524010516	Trương Lập	Thu	15/09/1997	11088				
78	1524010214	Trần Anh	Thư	13/02/1997	11089				
79	1524010173	Trần Minh	Thư	25/02/1997	11090				
80	1424010191	Cao Thị	Thúy	21/11/1996	11091				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070401 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý kế toán

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1524010034	Đặng Thị	Thúy	30/08/1997	11092				
82	1524010525	Nguyễn Thị	Thụy	21/09/1997	11093				
83	1524010057	Nguyễn Thị	Trang	07/08/1997	11094				
84	1524010121	Nguyễn Thị	Trang	17/10/1997	11095				
85	1524010306	Nguyễn Thị Hồng	Trang	24/11/1997	11096				
86	1524010037	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/10/1997	11097				
87	1524010541	Nguyễn Văn	Trí	10/07/1997	11098				
88	1524010543	Nguyễn Sỹ	Triển	29/04/1997	11099				
89	1524010244	Nguyễn Hoàng	Trung	17/01/1997	11100				
90	1524010548	Phạm Thanh	Tú	28/09/1997	11101				
91	1321060331	Ngô Văn	Tuấn	22/03/1994	11102				
92	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	11103				
93	1424010616	Nguyễn Sơn	Tùng	24/06/1996	11104				
94	1524010134	Hoàng Thị Ngọc	Tuyết	03/08/1997	11105				
95	1524010305	Hoàng Thảo	Vi	10/10/1997	11106				
96	1524010019	Phạm Việt	Việt	23/05/1996	11107				
97	1621060551	Vũ Văn	Vinh	14/06/1997	11108				
98	1524010025	Lương Xuân	Vĩnh	10/01/1997	11109				
99	1524010565	Trần Ngọc Thảo	Vy	27/06/1997	11110				
100	1524010142	Trần Thị	Yên	12/06/1997	11111				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080406 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Viễn thám trong địa tin học

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050218	Đàm Quang	Trường	18/01/1993	11112				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4100150 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070009	Vũ Thế	Bảy	16/04/1995	11113				
2	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	11114				
3	1321030022	Lê Vinh	Chức	05/02/1995	11115				
4	1321070066	Phạm Trọng	Hiệp	20/10/1995	11116				
5	1321070074	Nguyễn Bá	Hòa	15/11/1994	11117				
6	1321070164	Cao Hoàng	Thạch	11/05/1989	11118				
7	1321070659	Nguyễn Xuân	Thắng	06/10/1994	11119				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sinh thái học môi trường

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030238	Trần Đức	Huy	17/08/1997	11120				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110303 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Quan trắc và xử lý số liệu môi trường

Ngày thi: 8/10/2017 Phòng thi: HNAD402 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080316	Kiều Văn	Phong	10/03/1996	11121				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300111 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng

Ngày thi: **8/10/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020554	Đào Đức	Tân	11/03/1996	11122				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/1992	11123				
2	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/1997	11124				
3	1521070052	Lê Xuân	Anh	24/10/1997	11125				
4	1321040003	Mai Viết	Anh	07/11/1995	11126				
5	1521040088	Nguyễn Đức	Anh	09/06/1997	11127				
6	1521070040	Nguyễn Mạnh	Anh	07/06/1997	11128				
7	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	01/02/1997	11129				
8	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/1997	11130				
9	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	11131				
10	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/1997	11132				
11	1521010171	Nguyễn Sỹ	Bảo	25/11/1996	11133				
12	1521079001	Lò Văn	Bình	25/06/1997	11134				
13	1521070183	Nguyễn Văn	Cảnh	08/11/1997	11135				
14	1421040023	Trương Quang	Chí	07/11/1996	11136				
15	1421070013	Mai Ngọc	Chiến	04/05/1995	11137				
16	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	11138				
17	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/1997	11139				
18	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/1995	11140				
19	1521060445	Đào Văn	Cương	27/06/1997	11141				
20	1521070197	Khuất Duy	Cương	10/03/1997	11142				
21	1521070199	Cao Xuân	Cường	15/05/1997	11143				
22	1521010193	Đỗ Đức	Cường	04/03/1997	11144				
23	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	11145				
24	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	11146				
25	1521010156	Phan Mạnh	Cường	07/04/1997	11147				
26	1521040127	Phạm Hữu	Đang	30/08/1997	11148				
27	1521070133	Hoàng Hải	Đặng	03/01/1997	11149				
28	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	11150				
29	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	11151				
30	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	11152				
31	1521010134	Phạm Tiến	Đạt	23/03/1997	11153				
32	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/1995	11154				
33	1521060346	Trần Văn	Diệp	28/02/1997	11155				
34	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/1997	11156				
35	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	11157				
36	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	11158				
37	1521010028	Hoàng Anh	Dũng	20/08/1997	11159				
38	1521070101	Lê Thanh	Dũng	26/09/1997	11160				
39	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/1996	11161				
40	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	11162				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040001	Bùi Thị Thu	Hà	28/08/1997	11163				
42	1521060416	Nguyễn Thế	Hà	29/07/1997	11164				
43	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/1997	11165				
44	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/1996	11166				
45	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/1996	11167				
46	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/1997	11168				
47	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/1997	11169				
48	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	11170				
49	1421070300	Phạm Huy	Hoàng	20/01/1996	11171				
50	1524010092	Đặng Thái	Hùng	09/07/1997	11172				
51	1521040249	Phạm Thị	Hường	06/08/1996	11173				
52	1521010190	Lê Quang	Huy	14/12/1997	11174				
53	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/1997	11175				
54	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/1997	11176				
55	1521040256	Nguyễn Văn	Khánh	19/03/1997	11177				
56	1521070470	Nguyễn Thế	Khoa	15/03/1995	11178				
57	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/1994	11179				
58	1521070041	Vũ Văn	Kiệt	04/12/1997	11180				
59	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	11181				
60	1421040162	Phạm Thị	Liên	07/07/1996	11182				
61	1521040020	Nguyễn Thị	Liễu	24/07/1997	11183				
62	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	11184				
63	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/1997	11185				
64	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	11186				
65	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/1997	11187				
66	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/1997	11188				
67	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/09/1997	11189				
68	1521040134	Vĩ Văn	Mạnh	20/02/1997	11190				
69	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/1997	11191				
70	1521070305	Nguyễn Quang	Minh	11/08/1997	11192				
71	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	11193				
72	1521060357	Nguyễn Hoàng	Nam	08/11/1997	11194				
73	1521010027	Vũ Xuân	Nghị	04/07/1997	11195				
74	1521070319	Ngô Minh	Ngọc	10/01/1997	11196				
75	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	11197				
76	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	11198				
77	1521070324	Nguyễn Thị	Phú	20/05/1997	11199				
78	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	11200				
79	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	11201				
80	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/1997	11202				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521070114	Nguyễn Văn	Quyết	23/04/1996	11203				
82	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	11204				
83	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	11205				
84	1521010043	Nguyễn Văn	Sáng	01/12/1997	11206				
85	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	11207				
86	1521040075	Nguyễn Văn	Sơn	08/03/1997	11208				
87	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	11209				
88	1521070352	Nghiêm Đức	Thắng	20/08/1997	11210				
89	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/1996	11211				
90	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	11212				
91	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/1996	11213				
92	1521040026	Trịnh Thế	Thao	09/02/1995	11214				
93	1521070088	Hoàng Chí	Thảo	14/11/1997	11215				
94	1521010302	Đỗ Huy	Thiên	16/08/1997	11216				
95	1521070064	Đoàn Văn	Thịnh	04/09/1997	11217				
96	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	11218				
97	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/1997	11219				
98	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/1997	11220				
99	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	11221				
100	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/1996	11222				
101	1521010211	Mai Văn	Toàn	15/04/1997	11223				
102	1521010182	Vũ Văn	Toàn	01/11/1997	11224				
103	1521040064	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/08/1997	11225				
104	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	11226				
105	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/09/1997	11227				
106	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	11228				
107	1521070379	Phạm Bá	Trong	01/09/1995	11229				
108	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	11230				
109	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	11231				
110	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	11232				
111	1521070047	Nhữ Quang	Trung	08/06/1997	11233				
112	1421070130	Trần Quốc	Trung	24/08/1996	11234				
113	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/1997	11235				
114	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/1997	11236				
115	1521010013	Lại Đình	Tú	18/07/1997	11237				
116	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	11238				
117	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	11239				
118	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/1997	11240				
119	1521070395	Lưu Thanh	Tuấn	02/06/1995	11241				
120	1521060440	Nguyễn Anh	Tuấn	24/09/1996	11242				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/1997	11243				
122	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	11244				
123	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/1997	11245				
124	1521010080	Phạm Quốc	Việt	03/01/1997	11246				
125	1521010032	Trần Quốc	Việt	13/11/1997	11247				
126	1521010037	Lê Hoàng	Vượng	02/09/1997	11248				
127	1521010269	Nguyễn Văn	Xuân	07/02/1997	11249				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060313 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Các phương pháp phân tích dụng cụ

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	11250				
2	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	11251				
3	1421010024	Võ Quốc	Bảo	14/09/1996	11252				
4	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/1996	11253				
5	1421010122	Nguyễn Dũng	Hòa	21/07/1996	11254				
6	0921060180	Phạm Ngọc	Hưng	04/05/1991	11255				
7	1421010395D	Quách Thị	Hương	15/06/1994	11256				
8	1421010143	Đinh Quang	Huy	15/11/1996	11257				
9	1421060147	Nhữ Văn	Khang	01/05/1986	11258				
10	1421010162	Lê Văn	Khanh	22/11/1996	11259				
11	1421020445	Hồ Trường	Long	10/09/1995	11260				
12	1421010210	Hà Duy	Nam	03/04/1996	11261				
13	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	11262				
14	1421010236	Trần Văn	Ninh	12/11/1996	11263				
15	1421020505	Nguyễn Hữu	Phát	01/08/1995	11264				
16	1421010247	Lê Công	Phương	11/04/1996	11265				
17	1421020125	Mai Lan	Phương	13/04/1996	11266				
18	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	11267				
19	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/1996	11268				
20	1421060547	Nguyễn Xuân	Sang	18/11/1996	11269				
21	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	11270				
22	1421010378	Tổng Quang	Tuyển	24/11/1996	11271				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090415 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	11272				
2	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/1997	11273				
3	1521060016	Nguyễn Tuấn	Anh	23/06/1997	11274				
4	1321040010	Trần Đức	Anh	05/09/1995	11275				
5	1521060252	Đặng Văn	Bằng	09/02/1994	11276				
6	1321060416	Nguyễn Trọng	Bình	05/05/1994	11277				
7	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/1995	11278				
8	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/1997	11279				
9	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	11280				
10	1321060426	Phạm Công	Chung	20/09/1995	11281				
11	1421010039	Đặng Chiến	Công	15/07/1996	11282				
12	1521060116	Nguyễn Thành	Công	27/11/1997	11283				
13	1321060432	Phan Viết	Cương	24/11/1995	11284				
14	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/1995	11285				
15	1321060436	Vũ Quốc	Cường	05/03/1994	11286				
16	1221010093	Vũ Văn	Đạt	25/07/1994	11287				
17	1521060103	Trần Văn	Đoàn	04/03/1997	11288				
18	1321060440	Đỗ Văn	Dũng	01/03/1994	11289				
19	1521060027	Đoàn Tiến	Dũng	22/09/1997	11290				
20	1321060442	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/1993	11291				
21	1421060050	Nguyễn Tiến	Dũng	01/04/1996	11292				
22	1321060058	Nguyễn Đình	Dương	16/07/1995	11293				
23	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/1995	11294				
24	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	06/03/1997	11295				
25	1221060254	Trần Đình	Duy	11/02/1994	11296				
26	1321060095	Ngô Huy	Hà	06/11/1995	11297				
27	1321060110	Đỗ Ngọc	Hiên	22/03/1995	11298				
28	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	11299				
29	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/1995	11300				
30	1321060491	Lê Văn	Hòa	16/11/1995	11301				
31	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	11302				
32	1521060220	Trần Minh	Hoàng	02/02/1997	11303				
33	1321060134	Lê Văn	Hùng	26/01/1995	11304				
34	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/1997	11305				
35	1521060280	Nguyễn Bá	Hường	02/06/1996	11306				
36	1321060526	Nguyễn Mạnh	Hường	09/10/1995	11307				
37	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/1997	11308				
38	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/02/1996	11309				
39	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/1997	11310				
40	1521060288	Nguyễn Văn	Huỳnh	09/03/1997	11311				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090415 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1631060011	Nguyễn Đăng	Khoa	10/09/1994	11312				
42	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/1997	11313				
43	1321060537	Nguyễn Văn	Kiên	04/09/1995	11314				
44	1321060540	Vũ Văn	Lâm	24/02/1993	11315				
45	1521060158	Nguyễn Thế	Lợi	17/11/1997	11316				
46	1321060169	Lê Hoàng	Long	03/06/1995	11317				
47	1521060110	Mạc Văn	Long	16/06/1995	11318				
48	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/1997	11319				
49	1321060550	Phạm Văn	Long	01/04/1995	11320				
50	1521060312	Đỗ Quang	Minh	20/07/1997	11321				
51	1321060564	Bùi Hải	Nam	12/12/1995	11322				
52	1321060203	Đoàn Văn	Nghiệp	26/10/1995	11323				
53	1521060155	Bùi Đức	Nguyễn	06/08/1997	11324				
54	1521060204	Phạm Minh	Nhật	27/02/1997	11325				
55	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	11326				
56	1221060379	Nguyễn Hà	Quảng	08/06/1994	11327				
57	1321060235	Nguyễn Văn	Quyết	20/11/1995	11328				
58	1521060328	Vũ Xuân	Sắc	07/08/1997	11329				
59	1521060330	Đặng Đình	Sơn	10/01/1997	11330				
60	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	11331				
61	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/1994	11332				
62	1221011062	Nguyễn Văn	Sơn	27/01/1994	11333				
63	1521060085	Nguyễn Văn	Tân	11/07/1997	11334				
64	1321060260	Nguyễn Trọng	Thạch	04/09/1994	11335				
65	1321060283	Lê Tiến	Thắng	22/07/1995	11336				
66	1521060001	Nguyễn Quang	Thắng	19/08/1997	11337				
67	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	11338				
68	1521060423	Nguyễn Duy	Thanh	17/10/1997	11339				
69	1321060274	Đỗ Duy	Thao	15/07/1994	11340				
70	1221060127	Nguyễn Huy	Thế	30/03/1994	11341				
71	1421060588	Phạm Văn	Thiện	17/04/1996	11342				
72	1521060278	Đậu Xuân	Thịnh	16/04/1997	11343				
73	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/1995	11344				
74	1521060201	Phạm Văn	Thuận	03/02/1997	11345				
75	1321060304	Phạm Quang	Thức	21/12/1995	11346				
76	1521060296	Đỗ Minh	Tiến	19/11/1997	11347				
77	1521060023	Hoàng Hữu	Tiến	24/03/1997	11348				
78	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	11349				
79	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/1995	11350				
80	1521060225	Nguyễn Văn	Tiến	28/02/1997	11351				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090415 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B

Ngày thi: 8/10/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321060313	Phạm Văn	Tĩnh	19/07/1995	11352				
82	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/1995	11353				
83	1321060650	Nguyễn Xuân	Trung	20/07/1995	11354				
84	1421060283	Trần Xuân	Trường	24/12/1996	11355				
85	1321060673	Lê Hữu	Tư	04/08/1995	11356				
86	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	11357				
87	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/1995	11358				
88	1521060270	Nguyễn Văn	Tường	07/07/1997	11359				
89	1521060359	Trần Văn	Tuyên	11/06/1997	11360				
90	1321060672	Nguyễn Văn	Tuyển	22/10/1994	11361				
91	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/1997	11362				
92	1321060349	Nguyễn Hoài	Vũ	02/04/1995	11363				
93	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	11364				
94	1521060361	Nguyễn Việt	Xuân	22/04/1997	11365				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040354	Lê Minh	An	19/07/1996	11366				
2	1621060849	Lê Trường	An	15/02/1998	11367				
3	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	11368				
4	1624010770	Bùi Thị Vân	Anh	29/05/1998	11369				
5	1421010005	Bùi Tuấn	Anh	22/06/1995	11370				
6	1621050546	Chu Văn Nam	Anh	28/05/1998	11371				
7	1624010146	Đặng Tuấn	Anh	16/04/1996	11372				
8	1521070144	Đào Hoàng	Anh	25/11/1997	11373				
9	1621060169	Dương Tuấn	Anh	13/02/1998	11374				
10	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	11375				
11	1621060204	Lê Hồng	Anh	07/07/1998	11376				
12	1621060474	Lê Việt	Anh	02/01/1998	11377				
13	1621030052	Lý Minh	Anh	02/05/1998	11378				
14	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	11379				
15	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	11380				
16	1621060276	Nguyễn Phạm Việt	Anh	12/08/1998	11381				
17	1621060654	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	28/04/1998	11382				
18	1421040005	Nguyễn Thị Mai	Anh	02/08/1996	11383				
19	1621050568	Phạm Tuấn	Anh	05/01/1998	11384				
20	1621030800	Tô Tuấn	Anh	20/07/1996	11385				
21	1621060606	Trần Quang	Anh	19/11/1998	11386				
22	1521010237	Trần Thị Lan	Anh	21/04/1997	11387				
23	1621060293	Trần Tuấn	Anh	02/03/1998	11388				
24	1624010173	Trần Việt Hoàng	Anh	09/06/1998	11389				
25	1621061005	Trương Nam	Anh	16/12/1998	11390				
26	1421040010	Vũ Công Việt	Anh	20/10/1996	11391				
27	1621050262	Vũ Thị Lan	Anh	26/09/1998	11392				
28	1621060912	Nguyễn Quốc	Bảo	11/08/1998	11393				
29	1611030007	Nguyễn Văn	Bảo	10/12/1997	11394				
30	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	11395				
31	1624010235	Đinh Thị Ngọc	Bích	05/03/1998	11396				
32	1621060790	Hà Ngọc	Biên	06/06/1997	11397				
33	1621010372	Lê Duy	Bình	18/06/1998	11398				
34	1621080080	Nguyễn Đức	Bình	10/11/1998	11399				
35	1624010608	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/09/1998	11400				
36	1521070183	Nguyễn Văn	Cảnh	08/11/1997	11401				
37	1621050422	Phạm Tiến	Cảnh	20/03/1998	11402				
38	1621060471	Vũ Hồng	Cát	30/10/1998	11403				
39	1624010469	Lê Khánh	Chi	22/08/1998	11404				
40	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	11405				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	11406				
42	1621060468	Hồ Thích	Chiến	17/12/1997	11407				
43	1621060227	Nguyễn Minh	Chiến	06/06/1998	11408				
44	1621060274	Nguyễn Minh	Chiến	17/06/1998	11409				
45	1624010968	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	30/08/1998	11410				
46	1621060573	Nguyễn Đức	Chính	26/06/1998	11411				
47	1621060637	Nguyễn Đức	Chính	02/12/1998	11412				
48	1621050579	Nguyễn Trí	Chung	20/11/1998	11413				
49	1621050283	Tạ Xuân	Công	21/08/1997	11414				
50	1621010011	Hoàng Văn	Cư	01/07/1998	11415				
51	1321030023	Đàm Như	Cương	12/01/1995	11416				
52	1621040710	Bùi Quang	Cường	23/08/1998	11417				
53	1621050301	Dương Văn	Cường	03/01/1998	11418				
54	1621030045	Hoàng Đình	Cường	16/10/1998	11419				
55	1621030112	Lưu Mạnh	Cường	28/03/1998	11420				
56	1621060530	Ngô Mạnh	Cường	27/03/1998	11421				
57	1521060441	Nguyễn Danh	Cường	07/05/1997	11422				
58	1621050524	Nguyễn Năng	Cường	05/06/1998	11423				
59	1621050575	Nguyễn Ngọc	Cường	08/05/1998	11424				
60	1521050178	Nguyễn Xuân	Cường	10/12/1997	11425				
61	1621060287	Phạm Văn	Cường	03/12/1998	11426				
62	1621060438	Thân Nhân	Cường	08/12/1998	11427				
63	1521050340	Trần Đăng	Cường	20/09/1994	11428				
64	1621050463	Đặng Văn	Đại	29/04/1998	11429				
65	1621050563	Nguyễn Doãn	Dần	24/07/1998	11430				
66	1421040398	Chu Phương	Đăng	13/12/1996	11431				
67	1621070724	Bùi Duy	Đạt	10/10/1997	11432				
68	1621060581	Lê Văn	Đạt	09/12/1998	11433				
69	1621060402	Nguyễn Duy	Đạt	10/02/1998	11434				
70	1621060409	Nguyễn Tiến	Đạt	06/05/1998	11435				
71	1621060497	Nguyễn Tiến	Đạt	10/05/1998	11436				
72	1421030311	Trần Tiến	Đạt	21/02/1996	11437				
73	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	11438				
74	1621060273	Vũ Thành	Đạt	26/01/1998	11439				
75	1621050844	Bùi Thị	Dinh	08/01/1998	11440				
76	1621060851	Đỗ Văn	Dinh	13/05/1998	11441				
77	1621060665	Nguyễn Thế	Dinh	14/06/1998	11442				
78	1621060422	Vũ Đình	Độ	20/10/1998	11443				
79	1621060609	Vũ Đức	Đoàn	11/05/1998	11444				
80	1621010211	Nguyễn Công	Doanh	25/04/1998	11445				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060878	Mai Ngọc	Đông	17/05/1998	11446				
82	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	11447				
83	1621060844	Trịnh Văn	Duẩn	01/10/1998	11448				
84	1621011052	Đỗ Anh	Đức	21/10/1998	11449				
85	1621050304	Đoàn Trung	Đức	14/03/1998	11450				
86	1621050291	Dương Hữu	Đức	16/06/1998	11451				
87	1621061059	Đinh Tiến	Dũng	18/02/1998	11452				
88	1621050839	Nguyễn Anh	Dũng	25/07/1998	11453				
89	1621060761	Nguyễn Bá	Dũng	12/05/1998	11454				
90	1521060263	Nguyễn Đình	Dũng	26/12/1997	11455				
91	1621060524	Nguyễn Huy	Dũng	01/02/1998	11456				
92	1621060457	Nguyễn Mạnh	Dũng	17/03/1998	11457				
93	1621060755	Nguyễn Tiến	Dũng	26/07/1998	11458				
94	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	09/09/1998	11459				
95	1321040048	Nguyễn Văn	Dũng	16/03/1995	11460				
96	1621060435	Vũ Thành	Dũng	04/09/1998	11461				
97	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	11462				
98	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	11463				
99	1621040020	Nguyễn Hoàng	Dương	18/05/1998	11464				
100	1621060349	Nguyễn Văn	Dương	30/12/1998	11465				
101	1621060872	Chu Đức	Duy	21/01/1998	11466				
102	1521050078	Đặng Ngọc	Duy	17/11/1997	11467				
103	1621080026	Nguyễn Văn	Duy	02/09/1998	11468				
104	1621050433	Trần Đăng	Duy	18/03/1998	11469				
105	1621010270	Ngô Thị	Duyên	23/11/1998	11470				
106	1521070009	Phạm Thế	Duyệt	29/05/1997	11471				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060798	Hà Văn	Đức	28/07/1998	11472				
2	1421020299	Hoàng Anh	Đức	28/02/1996	11473				
3	1421050049	Lê Tiến	Đức	10/02/1996	11474				
4	1621060223	Trần Minh	Đức	06/10/1998	11475				
5	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	11476				
6	1521050261	Trương Anh	Đức	24/11/1996	11477				
7	1621060437	Trương Minh	Đức	22/05/1998	11478				
8	1621050252	Trương Thành	Đức	27/09/1998	11479				
9	1524010112	Đinh Thị Hương	Giang	15/11/1997	11480				
10	1621060035	Nguyễn Phú	Giang	20/05/1998	11481				
11	1611050015	Nguyễn Văn	Giang	15/04/1998	11482				
12	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	27/02/1998	11483				
13	1621060369	Trần Thiên	Giang	04/04/1998	11484				
14	1321030526	Nguyễn Trọng	Giáp	28/01/1995	11485				
15	1624010633	Bùi Thị	Hà	06/08/1998	11486				
16	1621050106	Bùi Văn	Hà	04/11/1998	11487				
17	1621060063	Bùi Việt	Hà	28/09/1998	11488				
18	1621010342	Lý Ngọc	Hà	17/08/1997	11489				
19	1611020006	Trần Thị Thanh	Hà	31/08/1996	11490				
20	1621060489	Đinh Đức	Hải	09/10/1998	11491				
21	1621061106	Đinh Trần	Hải	02/10/1998	11492				
22	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	11493				
23	1621061052	Lại Hoàng	Hải	11/07/1998	11494				
24	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	11495				
25	1621050470	Nguyễn Thanh	Hải	01/10/1997	11496				
26	1621060072	Nguyễn Văn	Hải	28/04/1998	11497				
27	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	11498				
28	1621040111	Trương Thanh	Hải	05/09/1998	11499				
29	1621050459	Bùi Thị	Hân	20/06/1998	11500				
30	1621060396	Trần Ngọc	Hạnh	08/08/1998	11501				
31	1621070714	Hà Đình	Hào	22/04/1998	11502				
32	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	11503				
33	1621020033	Phạm Minh	Hào	21/02/1997	11504				
34	1624010352	Bùi Thị	Hậu	20/02/1998	11505				
35	1621060424	Đinh Văn	Hậu	10/11/1998	11506				
36	1621060125	Trần Đức	Hậu	29/07/1998	11507				
37	1621061036	Nguyễn Ngọc	Hiền	23/06/1998	11508				
38	1621060884	Trần Văn	Hiền	21/07/1998	11509				
39	1621020010	Đào Mạnh	Hiệp	03/05/1998	11510				
40	1621060590	Dương Tuấn	Hiệp	26/10/1998	11511				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060054	Nguyễn Duy	Hiệp	25/09/1998	11512				
42	1621060257	Nguyễn Quang	Hiệp	01/07/1998	11513				
43	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	11514				
44	1621060330	Trần Văn	Hiệp	29/09/1998	11515				
45	1621060294	Hoàng Bá	Hiếu	20/01/1998	11516				
46	1621030016	Lê Văn	Hiếu	10/04/1998	11517				
47	1621060789	Nguyễn Khắc	Hiếu	27/06/1998	11518				
48	1621060535	Nguyễn Trung	Hiếu	30/05/1998	11519				
49	1621060742	Nguyễn Trung	Hiếu	18/07/1998	11520				
50	1421020359	Nguyễn Văn	Hiếu	16/12/1996	11521				
51	1521050227	Nguyễn Văn	Hiếu	05/12/1997	11522				
52	1611080003	Trần Đức	Hiếu	12/05/1998	11523				
53	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	11524				
54	1621050634	Vũ Huy	Hiếu	01/07/1998	11525				
55	1621060580	Vũ Minh	Hiếu	05/02/1998	11526				
56	1624010988	Nguyễn Minh	Hoà	08/08/1998	11527				
57	1621010265	Nguyễn Doãn	Hòa	23/05/1998	11528				
58	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/1997	11529				
59	1521060368	Bùi Lê	Hoàng	14/04/1997	11530				
60	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	11531				
61	1621050481	Nguyễn Tiến	Hoàng	02/09/1998	11532				
62	1621010189	Trương Việt	Hoàng	11/06/1998	11533				
63	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	11534				
64	1221060266	Nguyễn Hữu	Hội	09/03/1994	11535				
65	1621060278	Nguyễn Quang	Hồng	09/04/1998	11536				
66	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	11537				
67	1621060567	Đỗ Xuân	Hùng	20/04/1998	11538				
68	1624010089	Kiều Việt	Hùng	10/12/1998	11539				
69	1621060415	Vũ Huy	Hùng	01/05/1998	11540				
70	1521050237	Bùi Duy	Hưng	27/06/1997	11541				
71	1621060663	Đỗ Việt	Hưng	14/10/1998	11542				
72	1521060429	Lê Văn	Hưng	29/10/1997	11543				
73	1621050475	Nguyễn Công	Hưng	20/05/1997	11544				
74	1621061022	Phạm Mai	Hưng	17/02/1998	11545				
75	1421020405	Phạm Việt	Hưng	17/06/1996	11546				
76	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	11547				
77	1621060572	Hoàng Ngọc	Huy	15/06/1997	11548				
78	1621060669	Lưu Quang	Huy	24/12/1998	11549				
79	1621050141	Nguyễn Quang	Huy	19/10/1998	11550				
80	1621030084	Vũ Đức	Huy	14/09/1998	11551				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421050449	Bùi Văn	Kết	04/05/1995	11552				
82	1621060333	Trần Cao	Khải	27/11/1998	11553				
83	1621060245	Trần Quang	Khải	22/11/1998	11554				
84	1621050231	Đinh Duy	Khánh	16/09/1998	11555				
85	1621061018	Đỗ Ngọc	Khánh	29/10/1998	11556				
86	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	11557				
87	1621050841	Nguyễn Thị	Khánh	28/07/1998	11558				
88	1621060838	Phạm Duy	Khánh	10/02/1998	11559				
89	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	11560				
90	1621050131	Đỗ Sơn	Khoa	13/11/1998	11561				
91	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	01/10/1998	11562				
92	1621060674	Vũ Đăng	Khoa	07/06/1998	11563				
93	1621060668	Đỗ Trung	Kiên	31/07/1998	11564				
94	1621060077	Mai Ngọc	Kiên	08/01/1998	11565				
95	1621060381	Nguyễn Trần	Kiên	18/01/1998	11566				
96	1421050101	Nguyễn Thị	Lam	06/05/1996	11567				
97	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	11568				
98	1621060355	Trữ Sơn	Lâm	23/05/1998	11569				
99	1621060411	Vũ Đình	Lâm	17/09/1998	11570				
100	1621061029	Phạm Quốc	Lập	18/09/1998	11571				
101	1621060205	Đinh Khắc Quang	Linh	26/04/1998	11572				
102	1621070043	Hoàng Duy	Linh	07/12/1998	11573				
103	1621060658	Kiều Quang	Linh	20/05/1998	11574				
104	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	11575				
105	1621060202	Mai Ngọc	Linh	02/04/1998	11576				
106	1411070028	Nguyễn Tiên	Linh	09/03/1992	11577				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/1994	11578				
2	1621061068	Lê Ngọc	Lĩnh	07/07/1998	11579				
3	1621050325	Trịnh Thị	Loan	10/01/1998	11580				
4	1621060853	Nguyễn Văn	Lợi	07/02/1998	11581				
5	1521060144	Bùi Phi	Long	02/04/1997	11582				
6	1621050745	Lê Minh	Long	23/04/1998	11583				
7	1621050343	Mai Thành	Long	18/11/1998	11584				
8	1621050128	Nguyễn Doãn	Long	11/01/1998	11585				
9	1621061092	Nguyễn Văn	Long	17/10/1996	11586				
10	1621060265	Trịnh Tiến	Long	02/02/1998	11587				
11	1621060512	Nguyễn Phú	Lực	25/04/1998	11588				
12	1621050611	Bùi Đức	Lương	10/05/1998	11589				
13	1621060636	Lê Đức	Lương	05/10/1998	11590				
14	1624010255	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1998	11591				
15	1621050550	Bùi Đức	Mạnh	02/07/1998	11592				
16	1621060514	Nguyễn Sỹ	Mạnh	13/09/1998	11593				
17	1621050816	Phạm Đức	Mạnh	20/05/1998	11594				
18	1621060515	Đình Quang	Minh	08/06/1998	11595				
19	1621060866	Lâm Văn	Minh	04/10/1998	11596				
20	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	11597				
21	1621060193	Lưu Công	Minh	25/02/1998	11598				
22	1621050208	Nguyễn Bình	Minh	20/02/1998	11599				
23	1621050632	Nguyễn Công	Minh	14/04/1997	11600				
24	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	11601				
25	1621060280	Nguyễn Văn	Minh	20/08/1998	11602				
26	1621060913	Nguyễn Văn	Minh	10/07/1998	11603				
27	1621050313	Phạm Văn	Minh	03/05/1998	11604				
28	1621050442	Phan Quang	Minh	20/11/1998	11605				
29	1621060816	Trần Ngô Vũ	Minh	02/07/1998	11606				
30	1621060235	Võ Ngọc	Minh	07/03/1998	11607				
31	1621050215	Bùi Diễm	My	25/04/1998	11608				
32	1621060720	Hoàng Đỗ Bảo	Nam	06/01/1997	11609				
33	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	11610				
34	1621060186	Ngô Hoàng	Nam	06/07/1998	11611				
35	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	11612				
36	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	06/02/1998	11613				
37	1621070219	Nguyễn Phương	Nam	22/04/1998	11614				
38	1621050532	Nguyễn Quang	Nam	18/05/1998	11615				
39	1621050637	Quách Hoàng	Nam	01/04/1998	11616				
40	1621030706	Từ Văn	Nam	05/12/1998	11617				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060084	Vũ Thái	Nam	09/06/1998	11618				
42	1621060074	Vũ Tú	Nam	09/01/1998	11619				
43	1621060322	Nguyễn Bình Minh	Nghĩa	26/03/1998	11620				
44	1621040057	Trần Quang	Nghĩa	21/11/1998	11621				
45	1521010176	Đặng Nguyễn Duy	Ngọc	25/01/1997	11622				
46	1621061088	Đặng Thị Minh	Ngọc	27/08/1998	11623				
47	1621060689	Trần Văn	Ngọc	18/03/1998	11624				
48	1621010023	Phạm Thị Hồng	Nguyên	23/03/1998	11625				
49	1621060139	Vũ Trọng	Nguyên	10/03/1997	11626				
50	1621050556	Tạ Thị ánh	Nguyệt	05/04/1998	11627				
51	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	11628				
52	1621010110	Thái Phi	Nhật	16/12/1998	11629				
53	1621060684	Trần Minh	Nhật	04/11/1998	11630				
54	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	11631				
55	1611050011	Nguyễn Đình	Phong	23/01/1998	11632				
56	1621060552	Nguyễn Tất	Phong	30/10/1998	11633				
57	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	11634				
58	1621060393	Hoàng Văn	Phòng	25/02/1998	11635				
59	1621010109	Đoàn Ngọc	Phúc	20/03/1998	11636				
60	1621030074	Phạm Hồng	Phúc	01/11/1998	11637				
61	1611060025	Nguyễn Lê Hữu	Phước	02/12/1998	11638				
62	1621060002	Nguyễn Đức	Phương	26/10/1998	11639				
63	1421040216	Nguyễn Văn	Phương	30/03/1995	11640				
64	1421070099	Bùi Hải	Quân	17/02/1996	11641				
65	1621050805	Bùi Văn	Quân	24/02/1998	11642				
66	1621050320	Nguyễn Trung	Quân	26/09/1998	11643				
67	1621061095	Trịnh Duy	Quân	22/03/1998	11644				
68	1621010123	Đỗ Nhật	Quang	30/05/1998	11645				
69	1621060553	Đỗ Trọng	Quang	22/02/1998	11646				
70	1621010137	Phạm Tiến	Quang	04/06/1998	11647				
71	1621060588	Triệu Tiến	Quang	20/08/1998	11648				
72	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	11649				
73	1621060587	Vũ Huy	Quý	12/01/1998	11650				
74	1621060129	Hoàng Văn	Quyết	16/04/1998	11651				
75	1621060752	Phạm Anh	Quyết	20/10/1998	11652				
76	1611080002	Bùi Thị	Quỳnh	27/06/1998	11653				
77	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	16/01/1998	11654				
78	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	04/10/1996	11655				
79	1621060455	Tổng Trường	Sâm	07/10/1998	11656				
80	1621070175	Bùi Hoàng	Sơn	20/11/1998	11657				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	11658				
82	1621070055	Đào Văn	Sơn	03/02/1998	11659				
83	1621070174	Đỗ Hồng	Sơn	04/05/1998	11660				
84	1621060650	Đoàn Thanh	Sơn	10/01/1998	11661				
85	1621060365	Mai Huy	Sơn	20/10/1998	11662				
86	1621060140	Nguyễn Khắc	Sơn	26/02/1998	11663				
87	1621060005	Nguyễn Thái	Sơn	06/04/1998	11664				
88	1621060069	Nguyễn Thanh	Sơn	20/11/1998	11665				
89	1611040009	Nguyễn Trường	Sơn	29/09/1998	11666				
90	1621050259	Nguyễn Trường	Sơn	30/10/1998	11667				
91	1621070011	Phạm Hồng	Sơn	29/06/1998	11668				
92	1621061004	Trần Hồng	Sơn	01/08/1998	11669				
93	1621060117	Trần Văn	Sơn	24/05/1997	11670				
94	1621060729	Trịnh Công	Sơn	21/01/1998	11671				
95	1621050074	Nguyễn Văn	Sỹ	09/09/1998	11672				
96	1621050460	Hoàng Văn	Tá	06/03/1998	11673				
97	1621080131	Đỗ Xuân	Tài	09/03/1997	11674				
98	1621060410	Hà Thị Linh	Tâm	15/11/1997	11675				
99	1421060239	Lê Doãn	Tâm	16/05/1995	11676				
100	1321030824	Nguyễn Đức	Tâm	29/05/1995	11677				
101	1621050095	Phạm Bá	Tảo	29/11/1998	11678				
102	1321020709	Ngô Văn	Thái	04/08/1995	11679				
103	1621050598	Nguyễn Văn	Thái	24/05/1996	11680				
104	1621060307	Nguyễn Văn	Thái	28/10/1998	11681				
105	1621050160	Đặng Văn	Thanh	14/03/1998	11682				
106	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	02/02/1996	11683				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621061025	Nguyễn Văn	Thắm	27/09/1998	11684				
2	1321070177	Cao Xuân	Thắng	12/02/1995	11685				
3	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	22/12/1997	11686				
4	1621060856	Nguyễn Đức	Thắng	08/10/1998	11687				
5	1621010176	Nguyễn Hữu	Thắng	06/08/1998	11688				
6	1621050057	Phạm Văn	Thắng	12/11/1998	11689				
7	1621060509	Vũ Tiến	Thắng	18/11/1998	11690				
8	1621060321	Lê Đạt Xuân	Thành	20/04/1998	11691				
9	1521030312	Nguyễn Đức	Thành	19/11/1997	11692				
10	1621010178	Nguyễn Tiến	Thành	10/02/1998	11693				
11	1621050355	Nguyễn Văn	Thành	17/07/1998	11694				
12	1621060450	Phạm Văn	Thành	24/06/1998	11695				
13	1621060240	Nguyễn Văn	Thao	11/05/1998	11696				
14	1621060484	Nguyễn Phú	Thảo	10/03/1998	11697				
15	1621050109	Phạm Phương	Thảo	30/10/1998	11698				
16	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	11699				
17	1621050253	Nguyễn Văn	Thi	26/01/1998	11700				
18	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	11701				
19	1621050764	Trịnh Việt	Thiên	25/11/1998	11702				
20	1621050505	Vũ Ngọc	Thiên	02/09/1998	11703				
21	1611040012	Nguyễn Trọng	Thiện	05/07/1998	11704				
22	1621060502	Đào Văn	Thịnh	01/07/1998	11705				
23	1621060124	Nguyễn Xuân	Thịnh	29/11/1998	11706				
24	1524010252	Vũ Trung	Thông	06/03/1997	11707				
25	1624010607	Võ Thị	Thu	04/09/1998	11708				
26	1621060271	Ngô Tiến	Thư	15/11/1998	11709				
27	1621061082	Nguyễn Ngọc	Thuần	21/09/1998	11710				
28	1621050052	Hà Văn	Thuận	23/02/1998	11711				
29	1621060405	Phạm Văn	Thuật	07/04/1997	11712				
30	1621050587	Nguyễn Thị Phương	Thúy	04/11/1998	11713				
31	1621060719	Đỗ Văn	Thùy	10/07/1998	11714				
32	1421050199	Nguyễn Thanh	Thùy	17/02/1996	11715				
33	1621060388	Đặng Quang	Tiến	06/07/1998	11716				
34	1621060546	Hà Quang	Tiến	04/06/1998	11717				
35	1521050087	Lê Quý	Tiến	12/12/1997	11718				
36	1621060708	Nguyễn Minh	Tiến	04/10/1998	11719				
37	1621060935	Nguyễn Quang	Tiến	12/03/1998	11720				
38	1621060880	Phạm Minh	Tiến	25/03/1998	11721				
39	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	11722				
40	1621060416	Trương Mạnh	Tiến	19/12/1997	11723				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060366	Nguyễn Văn	Tín	01/01/1998	11724				
42	1221010353	Trần Văn	Tình	14/06/1993	11725				
43	1621060898	Nguyễn Năng	Toán	16/10/1998	11726				
44	1421040292	Bùi Văn	Toàn	28/06/1996	11727				
45	1621060577	Nguyễn Khắc	Toàn	10/11/1998	11728				
46	1621060927	Vũ Bá	Toàn	08/06/1998	11729				
47	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	11730				
48	1521070122	Nguyễn Hữu	Toàn	30/08/1997	11731				
49	1621060176	Trương Quốc	Toàn	24/08/1998	11732				
50	1624010575	Lê Thị Thu	Trà	19/03/1998	11733				
51	1621050232	Nguyễn Thu	Trang	28/05/1998	11734				
52	1624010337	Phạm Thị Kiều	Trang	26/09/1998	11735				
53	1621050776	Từ Bá	Trọng	13/06/1998	11736				
54	1621060131	Mai Văn	Trực	25/02/1998	11737				
55	1621060127	Bùi Quang	Trung	20/09/1998	11738				
56	1624010930	Lê Quang	Trung	27/10/1998	11739				
57	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	11740				
58	1521050497	Nguyễn Đức	Trung	23/12/1997	11741				
59	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	11742				
60	1321020770	Nguyễn Thành	Trung	13/03/1994	11743				
61	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/1997	11744				
62	1621050490	Trần Văn	Trung	07/03/1998	11745				
63	1621060699	Văn Đình	Trung	08/07/1997	11746				
64	1621010252	Cao Thế	Trường	09/10/1998	11747				
65	1621060772	Trần Phú	Trường	23/01/1998	11748				
66	1621060201	Trần Xuân	Trường	03/10/1998	11749				
67	1621060034	Hoàng Văn	Truyền	13/12/1998	11750				
68	1421070510	Lê Anh	Tú	12/09/1996	11751				
69	1621060953	Nguyễn Anh	Tú	20/02/1998	11752				
70	1521060121	Nguyễn Văn	Tú	16/06/1997	11753				
71	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	11754				
72	1421010368	Nguyễn Ngọc	Tuấn	06/12/1995	11755				
73	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	11756				
74	1621050303	Nguyễn Văn	Tuấn	19/06/1998	11757				
75	1621050571	Nguyễn Văn	Tuấn	25/02/1998	11758				
76	1621060231	Nguyễn Văn	Tuấn	31/12/1998	11759				
77	1621010214	Phạm Kinh	Tuấn	25/05/1998	11760				
78	1621060677	Trần Anh	Tuấn	10/03/1998	11761				
79	1621050312	Đỗ Hữu	Tùng	13/01/1998	11762				
80	1621010086	Ngô Xuân	Tùng	13/10/1998	11763				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621010213	Nguyễn Lâm	Tùng	27/08/1998	11764				
82	1621010076	Nguyễn Xuân	Tùng	25/01/1998	11765				
83	1621050596	Doãn	Tường	28/10/1998	11766				
84	1621050212	Phạm Mạnh	Tường	11/10/1998	11767				
85	1621070147	Bùi Công	Tuyên	07/01/1998	11768				
86	1521020086	Lê Thanh	Tuyển	13/07/1997	11769				
87	1621060425	Đỗ Văn	Uy	27/02/1998	11770				
88	1621060733	Bùi Tuấn	Việt	05/02/1998	11771				
89	1621050140	Lê Quốc	Việt	10/04/1998	11772				
90	1621060558	Nguyễn Đức	Việt	16/03/1998	11773				
91	1624010794	Nguyễn Hoàng	Việt	11/12/1998	11774				
92	1621060647	Nguyễn Trọng	Việt	16/10/1998	11775				
93	1621060378	Bùi Hữu	Vinh	08/03/1998	11776				
94	1621060709	Nguyễn Văn	Vinh	18/11/1998	11777				
95	1621070131	Phạm Đăng	Vĩnh	06/09/1998	11778				
96	1621060655	Phạm Văn	Vĩnh	08/04/1998	11779				
97	1621050606	Ngô Hoàng	Vũ	15/07/1998	11780				
98	1621060631	Nguyễn An	Vũ	21/11/1998	11781				
99	1624010589	Võ Thị	Vui	20/04/1998	11782				
100	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	27/10/1998	11783				
101	1611060021	Phan Quốc	Vương	28/01/1998	11784				
102	1621060181	Vũ Minh	Vượng	16/09/1998	11785				
103	1621030071	Nguyễn Văn	Vỹ	01/02/1997	11786				
104	1624010518	Trần Thị Hoàng	Yến	26/12/1997	11787				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010309 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá hữu cơ phần 1

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	01/01/1997	11788				
2	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	11789				
3	1421040014	Lâm Xuân	Bắc	02/08/1996	11790				
4	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/1997	11791				
5	1321040019	Trần Quang	Bình	06/10/1995	11792				
6	1521040203	Đào Văn	Công	11/10/1997	11793				
7	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/02/1997	11794				
8	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	11795				
9	1321020063	Nguyễn Tiến	Đạt	13/03/1995	11796				
10	1521040090	Phạm Quốc	Đạt	18/01/1996	11797				
11	1321020039	Phạm Quý	Dậu	22/09/1993	11798				
12	1221040070	Nguyễn Anh	Đức	28/10/1993	11799				
13	1521040114	Nguyễn Văn	Hải	21/02/1997	11800				
14	1521010109	Nguyễn Trung	Hiếu	18/10/1996	11801				
15	1321040490	Cao Vũ Duy	Hoàng	29/10/1995	11802				
16	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/1995	11803				
17	1521040249	Phạm Thị	Hường	06/08/1996	11804				
18	1421020399	Phạm Duy	Huỳnh	16/01/1996	11805				
19	1521010218	Nguyễn Đức	Long	14/05/1997	11806				
20	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	11807				
21	1321040553	Nguyễn Thị	Phượng	10/04/1995	11808				
22	1421070119	Vũ Việt	Thắng	03/08/1996	11809				
23	1321020193	Nguyễn Chí	Thanh	08/09/1995	11810				
24	1421040244	Nguyễn Công	Thanh	27/07/1996	11811				
25	1421040247	Nguyễn Tài	Thanh	30/05/1996	11812				
26	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/1995	11813				
27	1321040582	Nguyễn Đức	Tiếp	12/07/1995	11814				
28	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/1997	11815				
29	1521010158	Nguyễn Thị Hương	Trang	09/09/1997	11816				
30	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	11817				
31	1421020628	Vũ Văn	Trọng	15/12/1996	11818				
32	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	11819				
33	1421040562	Nguyễn Văn	Tùng	30/07/1996	11820				
34	1321020809	Nguyễn Thế	Vinh	11/11/1995	11821				
35	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	11822				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050526 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Trắc địa đại cương

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020122	Lê Đồng	An	15/10/1997	11823				
2	1521020135	Phùng Duy	Anh	13/09/1997	11824				
3	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	04/10/1995	11825				
4	1321080408	Đỗ Văn	Cảnh	20/06/1994	11826				
5	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/1997	11827				
6	1521010256	Mai Anh	Công	11/07/1997	11828				
7	1521020151	Phan Thế	Của	09/10/1997	11829				
8	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	05/06/1997	11830				
9	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	11831				
10	1521020158	Bê Ngọc	Đông	20/11/1996	11832				
11	1521020159	Đỗ Minh	Đông	13/01/1997	11833				
12	1321020494	Nguyễn Văn	Đông	07/06/1994	11834				
13	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/1995	11835				
14	1521020166	Lê Văn	Dũng	09/09/1996	11836				
15	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/1996	11837				
16	1321030080	Tạ Quang	Hiếu	10/09/1995	11838				
17	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/1996	11839				
18	1521020031	Nguyễn Văn	Hóa	25/11/1997	11840				
19	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/1993	11841				
20	1521010301	Nguyễn Huy	Hoàn	29/08/1997	11842				
21	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/1997	11843				
22	1421050076	Lại Văn	Hùng	18/04/1996	11844				
23	1321010186	Trần Thanh	Hưng	07/02/1992	11845				
24	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/1993	11846				
25	1521020097	Lê Gia	Khánh	13/08/1997	11847				
26	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/1997	11848				
27	1521020368	Nguyễn Đức	Lương	04/01/1997	11849				
28	1321060559	Nguyễn Duy	Mạnh	25/08/1995	11850				
29	1321030713	Trần Duy	Mạnh	02/02/1995	11851				
30	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/1997	11852				
31	1421050132	Lương Thị	Mừng	28/10/1996	11853				
32	1421030134	Đào Hồng	Nam	22/01/1996	11854				
33	1421050134	Nguyễn Thành	Nam	11/12/1996	11855				
34	1321080064	Ngô Thị Thúy	Nga	19/07/1995	11856				
35	1421020487	Đình Thị	Ngà	28/07/1996	11857				
36	1531070047	Đỗ Trường	Phúc	25/0/197/	11858				
37	1521020090	Đình Trọng	Quang	22/03/1997	11859				
38	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/1997	11860				
39	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	11861				
40	1521020002L	Phenglilerm	Sansout	14/04/1995	11862				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050526 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Trắc địa đại cương

Ngày thi: 8/11/2017 Phòng thi: HNAD402 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/1996	11863				
42	1424010173	Hoàng Thị Huyền	Thanh	13/07/1996	11864				
43	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/1997	11865				
44	1521020098	Dương Quốc	Trung	11/01/1997	11866				
45	1521020088	Nguyễn Mạnh	Trường	07/09/1997	11867				
46	1321070707	Nguyễn Thanh	Tùng	09/07/1995	11868				
47	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/1997	11869				
48	1521020001L	Souliphone	Yanxana	13/10/1996	11870				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060306 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Quá trình và thiết bị truyền nhiệt

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/1996	11871				
2	1421010022	Lê Quốc	Bảo	12/03/1996	11872				
3	1121010422	Nguyễn Hùng	Dũng	20/08/1993	11873				
4	1221010144	Nguyễn Quý	Hoàng	18/06/1994	11874				
5	1421060147	Nhữ Văn	Khang	01/05/1986	11875				
6	1421020445	Hồ Trường	Long	10/09/1995	11876				
7	1121010418	Trương Công	Nam	29/07/1992	11877				
8	1321010500	Nguyễn Hoàng	Phi	31/07/1995	11878				
9	1421020125	Mai Lan	Phương	13/04/1996	11879				
10	1321010298	Vũ Hoài	Sơn	04/05/1995	11880				
11	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	11881				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4100158 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học đá

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/1997	11882				
2	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/1997	11883				
3	1521040074	Lê Đắc	Trưởng	11/04/1997	11884				
4	1521040093	Lê Văn	Tuyên	20/06/1996	11885				
5	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	11886				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4100206 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kết cấu thép

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070431	Cao Văn	Công	15/04/1995	11887				
2	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	11888				
3	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	11889				
4	1421070220	Nguyễn Ngọc	Dự	26/12/1996	11890				
5	1421070047	Nguyễn Minh	Hiếu	03/12/1996	11891				
6	1321070079	Trần Văn	Hoàng	25/01/1994	11892				
7	1421070053	Phan Thanh	Hùng	14/06/1996	11893				
8	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	11894				
9	1421070066	Trần Đăng	Khoa	01/11/1996	11895				
10	1421070067	Nguyễn Duy	Khương	06/12/1996	11896				
11	1421070344	Nguyễn Khắc	Kim	15/10/1995	11897				
12	1421070346	Văn Huy	Lâm	28/04/1996	11898				
13	1421070082	Nguyễn Tiến	Mạnh	24/09/1996	11899				
14	1421070083	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/1996	11900				
15	1421070088	Nguyễn Văn	Minh	16/10/1996	11901				
16	1321070147	Bùi Ngọc	Phương	04/09/1995	11902				
17	1631070056	Vũ Hồng	Sơn	27/08/1994	11903				
18	1421070104	Trần Đình	Sông	10/04/1996	11904				
19	1421070110	Đặng Quốc	Thạch	27/01/1996	11905				
20	1421070116	Nguyễn Toàn	Thăng	04/06/1996	11906				
21	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/1996	11907				
22	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/1996	11908				
23	1421070129	Trần Hoàng	Trung	31/12/1996	11909				
24	1421070131	Nguyễn Văn	Trương	13/07/1996	11910				
25	1631070024	Phạm Minh	Tuấn	01/10/1995	11911				
26	1531070067	Phan Thanh	Tùng	16/0/198/	11912				
27	1621030117	Đinh Đỗ	An	17/03/1998	11913				
28	1621070127	Lê Tuấn	An	21/03/1998	11914				
29	1621030069	Nguyễn Minh	An	27/09/1998	11915				
30	1621030101	Nguyễn Việt	An	28/05/1998	11916				
31	1621040076	Vũ Duy	An	05/01/1998	11917				
32	1621040121	Bùi Văn	Anh	24/10/1998	11918				
33	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/02/1998	11919				
34	1621010242	Lê Phú	Anh	20/08/1998	11920				
35	1621010368	Lê Thị Châm	Anh	10/01/1998	11921				
36	1621010331	Lê Thị Phương	Anh	12/10/1998	11922				
37	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	11923				
38	1621050624	Lê Tuấn	Anh	08/04/1998	11924				
39	1621010067	Lưu Đức	Anh	12/09/1998	11925				
40	1621050512	Nguyễn Quang Duy	Anh	08/10/1998	11926				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010222	Nguyễn Tùng Quang	Anh	11/03/1998	11927				
42	1621010099	Phạm Văn	Anh	24/08/1998	11928				
43	1621060078	Phan Hùng	Anh	05/05/1998	11929				
44	1624010101	Trần Minh	Anh	11/01/1997	11930				
45	1621070151	Trần Thế	Anh	03/11/1997	11931				
46	1621080074	Trần Thị Tú	Anh	16/05/1998	11932				
47	1621060068	Vi Tuấn	Anh	03/08/1998	11933				
48	1621050330	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	03/12/1998	11934				
49	1421020224	Đoàn Thanh	Ba	01/12/1995	11935				
50	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	11936				
51	1621050467	Hà Vĩnh Nhật	Bảo	23/02/1998	11937				
52	1624010778	Phạm Thị	Bích	23/01/1998	11938				
53	1621050525	Thiều Văn	Bình	18/01/1998	11939				
54	1621050372	Trần Thanh	Bình	05/05/1998	11940				
55	1521030033	Bùi Tiến	Cảnh	26/02/1997	11941				
56	1621010727	Đậu Đình	Chắt	09/04/1997	11942				
57	1621050305	Nguyễn Thị	Chi	23/08/1998	11943				
58	1621040039	Nguyễn Đình	Chí	01/04/1998	11944				
59	1621070180	Chu Minh	Chiến	24/09/1998	11945				
60	1621030089	Nguyễn Công	Chiến	21/12/1997	11946				
61	1621050071	Nguyễn Đình	Chiến	26/10/1998	11947				
62	1621010241	Phạm Ngọc	Chiến	09/12/1998	11948				
63	1621010308	Phạm Thị	Chín	01/01/1998	11949				
64	1621050188	Nguyễn Văn	Chuẩn	28/04/1998	11950				
65	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	11951				
66	1621060682	Nguyễn Văn	Chương	20/03/1998	11952				
67	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	11953				
68	1621080111	Trương Thị	Cúc	16/04/1998	11954				
69	1621050113	Trần Văn	Cương	19/06/1998	11955				
70	1621060013	Lê Mạnh	Cường	13/12/1998	11956				
71	1621070003	Ngô Quang	Cường	16/02/1998	11957				
72	1621040133	Nguyễn Hữu	Cường	22/11/1997	11958				
73	1621060983	Nguyễn Hữu	Cường	11/07/1998	11959				
74	1621010354	Nguyễn Văn	Cường	09/06/1998	11960				
75	1621020026	Trần Mạnh	Cường	18/12/1998	11961				
76	1621050180	Bùi Đình	Đa	03/04/1998	11962				
77	1621010709	Hoàng Liên	Đa	23/09/1998	11963				
78	1621010066	Bùi Đăng	Đại	19/06/1998	11964				
79	1621010075	Trần Văn	Đại	07/11/1997	11965				
80	1621070156	Nguyễn Chí	Đan	08/07/1998	11966				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1624010229	Nguyễn Thị	Đào	23/06/1998	11967				
82	1621070201	Bà Tiến	Đạt	14/08/1998	11968				
83	1621070112	Đinh Duy	Đạt	06/01/1997	11969				
84	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/1995	11970				
85	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	11971				
86	1621010258	Lê Xuân	Đạt	01/12/1998	11972				
87	1621050059	Ngô Xuân	Đạt	28/03/1998	11973				
88	1621060055	Nguyễn Thành	Đạt	07/10/1998	11974				
89	1621060897	Nguyễn Thọ	Đạt	18/08/1998	11975				
90	1621040053	Phạm Thành	Đạt	01/05/1998	11976				
91	1621050715	Trần Mạnh	Đạt	26/03/1998	11977				
92	1621061058	Trần Quốc	Đạt	22/11/1997	11978				
93	1621060465	Trịnh Văn	Đạt	15/01/1998	11979				
94	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	11980				
95	1621070212	Nguyễn Thành	Đô	20/06/1987	11981				
96	1621080158	Sinh Văn	Doài	07/03/1996	11982				
97	1621070004	Lưu Văn	Đoan	03/03/1998	11983				
98	1621050869	Đào Quang	Đoàn	05/03/1998	11984				
99	1621060596	Nguyễn Thành	Đoàn	20/02/1998	11985				
100	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	11986				
101	1621010147	Hồ Văn	Đồng	17/08/1997	11987				
102	1621040091	Lương Ngọc	Du	04/06/1998	11988				
103	1621060413	Hoàng Bá	Duẩn	14/10/1998	11989				
104	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	11990				
105	1621070019	Đoàn Việt	Đức	16/08/1998	11991				
106	1621050287	Hoàng Anh	Đức	03/09/1998	11992				
107	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	11993				
108	1621060254	Nguyễn Minh	Đức	08/01/1997	11994				
109	1621050485	Nguyễn Viết	Đức	09/12/1998	11995				
110	1621040715	Phạm Hồng	Đức	08/09/1998	11996				
111	1621040129	Phạm Văn	Đức	08/11/1998	11997				
112	1621050368	Trần Anh	Đức	12/09/1998	11998				
113	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	02/11/1998	11999				
114	1621050635	Trần Xuân	Đức	07/01/1998	12000				
115	1624010074	Vũ Minh	Đức	28/06/1998	12001				
116	1624011047	Vũ Thị Kim	Dung	09/03/1998	12002				
117	1621070202	Đỗ Bá	Dũng	30/06/1998	12003				
118	1621020714	Lê Văn	Dũng	29/06/1998	12004				
119	1621070024	Lê Việt	Dũng	01/07/1998	12005				
120	1621050090	Nguyễn Mạnh	Dũng	11/04/1998	12006				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621050384	Nguyễn Sỹ	Dũng	02/10/1998	12007				
122	1621030023	Trần Tiến	Dũng	06/12/1998	12008				
123	1621020059	Trần Đăng	Dương	07/01/1998	12009				
124	1621020053	Vũ Hoàng	Dương	08/04/1997	12010				
125	1624010204	Lê Khương	Duy	11/04/1998	12011				
126	1621060519	Nguyễn Huy	Duy	25/10/1998	12012				
127	1621010153	Nguyễn Quang	Duy	01/10/1998	12013				
128	1521040144	Nguyễn Xuân	Duy	28/05/1996	12014				
129	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	12015				
130	1621010141	Vũ Đức	Duy	20/10/1998	12016				
131	1624010465	Cao Thị Hương	Giang	09/11/1998	12017				
132	1621020002	Đặng Hương	Giang	02/01/1998	12018				
133	1621040075	Nguyễn Thị	Giang	03/10/1998	12019				
134	1621010103	Nguyễn Thị Hà	Giang	20/08/1998	12020				
135	1621050558	Nguyễn Hồng	Hà	26/09/1998	12021				
136	1624010879	Nguyễn Thị	Hà	13/06/1998	12022				
137	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	12023				
138	1621040117	Đinh Ngọc	Hải	29/06/1998	12024				
139	1621010226	Mai Thanh	Hải	21/10/1998	12025				
140	1621060533	Nguyễn Đức	Hải	07/02/1998	12026				
141	1621060328	Nguyễn Minh	Hải	07/08/1998	12027				
142	1621020712	Nguyễn Thị Thanh	Hải	29/05/1998	12028				
143	1621061009	Nguyễn Viết	Hải	13/10/1998	12029				
144	1621070014	Nguyễn Viết	Hải	09/12/1998	12030				
145	1621050192	Phạm Minh	Hải	01/06/1998	12031				
146	1621010224	Trương Ngọc	Hải	17/08/1998	12032				
147	1621080079	Tô Thị	Hằng	31/01/1998	12033				
148	1624010487	Trần Thị Thanh	Hằng	07/09/1998	12034				
149	1621050245	Lưu Thị	Hạnh	16/12/1998	12035				
150	1624010785	Ngô Thị	Hạnh	07/07/1998	12036				
151	1621070164	Lê Sỹ	Hào	09/11/1998	12037				
152	1621070216	Phạm Thanh	Hào	20/06/1997	12038				
153	1624010162	Bá Thị Thanh	Hào	28/06/1998	12039				
154	1621010152	Trần Phùng Trung	Hiền	16/08/1998	12040				
155	1624010730	Đinh Thị	Hiền	30/10/1998	12041				
156	1621010267	Hồ Sỹ	Hiền	20/10/1997	12042				
157	1621080008	Nguyễn Đức	Hiệp	28/03/1998	12043				
158	1621070081	Trần Gia	Hiệp	20/11/1998	12044				
159	1621050270	Trần Quang	Hiệp	22/02/1997	12045				
160	1621010292	Đặng Minh	Hiếu	16/03/1998	12046				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
161	1621050875	Đinh Văn	Hiếu	13/08/1998	12047				
162	1621040107	Đoàn Mạnh	Hiếu	07/03/1998	12048				
163	1621040135	Nguyễn Đức	Hiếu	27/04/1998	12049				
164	1621060830	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/06/1998	12050				
165	1621060377	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1998	12051				
166	1621010232	Trần Minh	Hiếu	12/06/1998	12052				
167	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	12053				
168	1621060620	Nguyễn Văn	Hòa	27/03/1998	12054				
169	1621050080	Lê Bất	Hoàn	01/06/1998	12055				
170	1621060717	Lưu Văn	Hoàn	27/10/1998	12056				
171	1624010139	Nguyễn Huy	Hoàng	13/09/1998	12057				
172	1621050449	Phạm Minh	Hoàng	30/11/1998	12058				
173	1621050523	Vũ Ngọc Chí	Hoàng	19/09/1998	12059				
174	1621050840	Vũ Nguyên	Hoàng	16/03/1998	12060				
175	1621050386	Lê Thạc	Học	01/01/1998	12061				
176	1621060585	Lại Văn	Hồng	01/06/1998	12062				
177	1621050564	Nguyễn Thị	Hồng	07/08/1998	12063				
178	1621060443	Hoàng Văn	Hợp	14/12/1997	12064				
179	1621040072	Ma Thị Minh	Huế	30/08/1998	12065				
180	1621010379	Phạm Thị	Huệ	17/05/1998	12066				
181	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	12067				
182	1621080099	Lê Bất	Hùng	18/04/1998	12068				
183	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	12069				
184	1621050375	Lê Văn	Hùng	04/06/1996	12070				
185	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	12071				
186	1321030613	Nguyễn Việt	Hùng	10/06/1994	12072				
187	1621050369	Đỗ Mạnh	Hưng	29/09/1998	12073				
188	1621050249	Quách Duy	Hưng	03/11/1998	12074				
189	1621060150	Vũ Trí	Hưng	05/11/1998	12075				
190	1624010693	Cần Thị Thu	Hương	03/11/1998	12076				
191	1624010591	Đặng Thị Mai	Hương	17/04/1998	12077				
192	1624010049	Nguyễn Thị	Hương	25/05/1998	12078				
193	1621080072	Nguyễn Thị Lan	Hương	07/10/1998	12079				
194	1621010349	Nguyễn Thị Mai	Hương	01/12/1998	12080				
195	1621010337	Nguyễn Thị	Hường	09/03/1998	12081				
196	1621050630	Nguyễn Thị	Hường	13/12/1998	12082				
197	1621070082	Chữ Mạnh	Hường	20/09/1997	12083				
198	1621010129	Đỗ Quang	Huy	03/01/1998	12084				
199	1624010726	Đỗ Quang	Huy	30/04/1998	12085				
200	1621050804	Lê Quang	Huy	02/11/1998	12086				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
201	1621080023	Tổng Quang	Huy	07/05/1998	12087				
202	1621050548	Trần Quang	Huy	09/09/1998	12088				
203	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	04/09/1998	12089				
204	1621010737	Hoàng Thị	Huyền	08/12/1998	12090				
205	1621080728	Lê Vũ Ngọc	Huyền	14/06/1998	12091				
206	1624010691	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	10/07/1998	12092				
207	1621030700	Đặng Duy	Huỳnh	13/06/1998	12093				
208	1621060107	Hồ Diên	Kê	20/07/1998	12094				
209	1621070115	Hoàng Đình	Khải	04/10/1998	12095				
210	1521060084	Đào Văn	Khánh	20/09/1997	12096				
211	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	12097				
212	1621050775	Lưu Quốc	Khánh	09/05/1998	12098				
213	1621070176	Nguyễn Kim	Khánh	30/11/1998	12099				
214	1621010276	Nguyễn Trọng	Khánh	05/09/1998	12100				
215	1621030073	Nguyễn Ngọc	Khiêm	18/12/1998	12101				
216	1621070098	Nguyễn Văn	Khôe	23/09/1998	12102				
217	1621050206	Bùi Minh	Khuê	10/11/1998	12103				
218	1621050407	Nguyễn Trọng	Khuê	01/08/1998	12104				
219	1621040038	Đỗ Trung	Kiên	12/05/1998	12105				
220	1621060116	Lê Đình	Kiên	12/10/1998	12106				
221	1621010724	Phạm Văn	Kiên	20/10/1997	12107				
222	1621050569	Phan Duy	Kiên	30/08/1998	12108				
223	1621060067	Trần Trung	Kiên	22/01/1998	12109				
224	1621040051	Nguyễn Minh	Lâm	30/01/1998	12110				
225	1621050088	Nguyễn Văn	Lâm	18/04/1998	12111				
226	1321010200	Phạm Văn	Lâm	17/05/1995	12112				
227	1621010009	Dương Thị	Lan	17/04/1998	12113				
228	1621060414	Vũ Thị	Lan	23/02/1998	12114				
229	1621040801	Somsak	LIDTHIDE	26/01/1996	12115				
230	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	12116				
231	1621080130	Ngô Văn	Liêm	02/06/1998	12117				
232	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	21/03/1998	12118				
233	1621080133	Đoàn Thị	Linh	29/09/1998	12119				
234	1621060726	Nguyễn Quang	Linh	05/10/1998	12120				
235	1621060288	Nguyễn Thị Hải	Linh	20/02/1998	12121				
236	1621050399	Nguyễn Thị Hoài	Linh	26/10/1998	12122				
237	1624010267	Nguyễn Thùy	Linh	10/08/1998	12123				
238	1621050735	Phạm Quang	Linh	06/10/1998	12124				
239	1621010741	Vương Hoài	Linh	05/03/1998	12125				
240	1621060973	Nguyễn Trọng	Linh	21/11/1998	12126				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
241	1624010382	Nguyễn Thị	Loan	22/04/1998	12127				
242	1621070124	Hồ Văn	Lộc	02/05/1997	12128				
243	1621061013	Phạm Văn	Lộc	16/08/1998	12129				
244	1621070211	Hoàng	Long	29/12/1998	12130				
245	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	12131				
246	1621080725	Vũ Đức	Long	17/02/1998	12132				
247	1621050200	Vũ Thành	Long	22/10/1998	12133				
248	1621010369	Nguyễn Chí	Lực	14/08/1998	12134				
249	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/1997	12135				
250	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/1997	12136				
251	1621080036	Đoàn Ngọc	Lương	18/09/1998	12137				
252	1621070059	Lê Quang	Lượng	03/07/1998	12138				
253	1621070109	Nguyễn Văn	Lượng	22/08/1998	12139				
254	1621010118	Nguyễn Văn	Lưu	29/01/1998	12140				
255	1621060629	Trần Đức	Lưu	15/11/1998	12141				
256	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/1996	12142				
257	1624010978	Phạm Lưu	Ly	22/10/1998	12143				
258	1624010628	Trịnh Thị Hương	Ly	08/03/1998	12144				
259	1621050835	Nguyễn Văn	Mẫn	26/10/1998	12145				
260	1621050580	Lưu Thế	Mạnh	04/10/1998	12146				
261	1621070148	Trần Đức	Mạnh	17/02/1998	12147				
262	1621010259	Trịnh Đức	Mạnh	20/04/1998	12148				
263	1621070732	Vũ Văn	Mậu	11/05/1998	12149				
264	1621050599	Bùi Đức	Minh	13/07/1998	12150				
265	1621010127	Hà Văn	Minh	30/05/1998	12151				
266	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/1997	12152				
267	1621070136	Lê Văn	Minh	05/03/1998	12153				
268	1621010146	Lương Tất	Minh	19/06/1997	12154				
269	1621070199	Nguyễn Phú	Minh	07/05/1998	12155				
270	1621060950	Nguyễn Văn	Minh	27/07/1994	12156				
271	1621070034	Phạm Công	Minh	29/09/1998	12157				
272	1621010034	Trần Quang	Minh	13/08/1998	12158				
273	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	12159				
274	1621020040	Vũ Tiến	Minh	08/03/1998	12160				
275	1621060007	Vũ Văn	Mười	26/03/1998	12161				
276	1621050456	Nguyễn Thị	My	19/03/1998	12162				
277	1621020706	Hoàng Duy	Nam	03/06/1998	12163				
278	1321030154	Nguyễn Đức	Nam	11/12/1994	12164				
279	1621050584	Trần Đức	Nam	06/12/1998	12165				
280	1621050833	Trần Hữu	Nam	10/06/1998	12166				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
281	1621050026	Lê Thị	Ngân	08/10/1998	12167				
282	1621050006	Nguyễn Thị	Ngân	04/11/1998	12168				
283	1621010326	Trần Đại	Nghĩa	20/04/1998	12169				
284	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/1996	12170				
285	1624010904	Nguyễn Hoàng	Ngọc	05/12/1998	12171				
286	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	12172				
287	1621050731	Trần Thị	Ngọc	21/06/1998	12173				
288	1624010630	Lộ Thị	Nhân	06/08/1998	12174				
289	1621010310	Lê Văn	Nhân	15/10/1998	12175				
290	1621010319	Dương Doãn	Nhật	30/08/1998	12176				
291	1321070612	Trần Văn	Nhật	14/03/1995	12177				
292	1621010149	Hà Thị Tuyết	Nhung	24/02/1998	12178				
293	1624010663	Trần Thị Hồng	Nhung	22/08/1998	12179				
294	1624010596	Vũ Hồng	Nhung	05/09/1998	12180				
295	1621010281	Phạm Thị	Ninh	25/10/1998	12181				
296	1621010900	Lornn	Odm	04/05/1995	12182				
297	1621060956	Võ Quốc	Pháp	16/06/1998	12183				
298	1621050608	Vũ Tấn	Phát	30/08/1998	12184				
299	1621070198	Nguyễn Thành	Phổ	10/02/1998	12185				
300	1621050190	Nguyễn Bá	Phong	19/04/1998	12186				
301	1621070086	Nguyễn Duy	Phong	25/09/1998	12187				
302	1621060341	Nguyễn Thanh	Phong	28/12/1997	12188				
303	1621060387	Nguyễn Tuấn	Phong	09/09/1998	12189				
304	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	12190				
305	1621040706	Vũ Hữu	Phú	03/06/1998	12191				
306	1621050617	Nguyễn Ngọc	Phúc	18/06/1998	12192				
307	1621010324	Phạm Xuân	Phúc	05/07/1998	12193				
308	1621050111	Trần Phong	Phúc	18/04/1998	12194				
309	1621050178	Nguyễn Bá Lưu	Phước	05/10/1998	12195				
310	1621011049	Dương Thị	Phương	20/03/1998	12196				
311	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	12197				
312	1621080127	Nguyễn Thị	Phương	10/02/1998	12198				
313	1621050362	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1998	12199				
314	1621010323	Lê Trọng	Quân	11/06/1998	12200				
315	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	12201				
316	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	12202				
317	1621050395	Hy Vinh	Quang	12/07/1998	12203				
318	1621061026	Nguyễn Đăng	Quang	23/05/1998	12204				
319	1621070007	Nguyễn Tiến	Quang	12/12/1998	12205				
320	1621040106	Trần Lê Hồng	Quang	02/02/1998	12206				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
321	1621010313	Vương Đình	Quang	14/09/1998	12207				
322	1621010343	Nguyễn Minh	Quý	28/07/1998	12208				
323	1621060171	Trương Hữu	Quý	25/05/1998	12209				
324	1621060464	Nguyễn Bá	Quyền	12/10/1998	12210				
325	1621040123	Nguyễn Văn	Quyền	26/06/1998	12211				
326	1621070133	Trần Đức	Quyền	12/12/1998	12212				
327	1621050789	Vũ Văn	Quyết	18/03/1998	12213				
328	1621050461	Đỗ Đình	Quỳnh	24/09/1998	12214				
329	1621050068	Nguyễn Thị	Quỳnh	20/11/1998	12215				
330	1621050803	Phạm Thị Hương	Quỳnh	11/11/1998	12216				
331	1624010149	Phạm Thị Như	Quỳnh	24/11/1998	12217				
332	1621040134	Trần Xuân	Sang	14/08/1998	12218				
333	1621010272	Lê Hữu	Sáng	25/05/1998	12219				
334	1621040800	Thanakone	SENGMAI	20/04/1997	12220				
335	1621040803	Somneuk	SITTHIEN	09/03/1994	12221				
336	1621030013	Thò Bá	Sở	21/01/1997	12222				
337	1621060570	Đặng Văn	Sơn	03/09/1998	12223				
338	1621060189	Đinh Xuân	Sơn	30/07/1998	12224				
339	1621040708	Hoàng Đoàn	Sơn	30/01/1998	12225				
340	1621070172	Hoàng Trọng	Sơn	21/08/1994	12226				
341	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	12227				
342	1624010152	Ngô Hồng	Sơn	31/12/1998	12228				
343	1621010722	Nguyễn Hải	Sơn	25/12/1998	12229				
344	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	12230				
345	1621080101	Thái Minh	Sơn	02/08/1997	12231				
346	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	12232				
347	1621010171	Phạm Ngọc	Tài	05/11/1998	12233				
348	1621030072	Trần Minh	Tài	01/11/1998	12234				
349	1621050620	Đoàn Đình	Tâm	19/02/1998	12235				
350	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	12236				
351	1621060977	Luyện Văn	Tấn	01/02/1998	12237				
352	1621060791	Nguyễn Văn	Tấn	01/08/1998	12238				
353	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	12239				
354	1621050040	Đặng Văn	Thái	28/06/1998	12240				
355	1621080116	Hoàng Thọ	Thắng	14/01/1998	12241				
356	1621050365	Kiều Mạnh	Thắng	25/02/1998	12242				
357	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	12243				
358	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	12244				
359	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	12245				
360	1621070088	Nguyễn Ngọc	Thanh	24/11/1998	12246				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
361	1624010741	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/11/1998	12247				
362	1621080142	Lưu Xuân	Thành	13/09/1998	12248				
363	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	12249				
364	1621050173	Nguyễn Danh	Thành	27/12/1998	12250				
365	1621010181	Nguyễn Tuấn	Thành	22/01/1998	12251				
366	1621010024	Nguyễn Văn	Thành	02/01/1995	12252				
367	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	12253				
368	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	12254				
369	1621010115	Nguyễn Thị Liên	Thảo	04/03/1998	12255				
370	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/1997	12256				
371	1621050069	Nguyễn Đỗ	Thật	08/02/1998	12257				
372	1621061006	Nguyễn Văn	Thế	29/09/1998	12258				
373	1621040716	Cao Sỹ	Thiện	23/09/1998	12259				
374	1621061019	Dương Ngọc	Thiệu	21/12/1997	12260				
375	1621061067	Đình Văn	Thịnh	04/10/1998	12261				
376	1621050573	Trần Đức	Thịnh	10/03/1998	12262				
377	1621040084	Nguyễn Thị	Thơm	29/04/1998	12263				
378	1621050337	Nguyễn Đức	Thu	27/11/1994	12264				
379	1624010016	Phạm Thị Hoài	Thư	08/11/1998	12265				
380	1621060848	Nguyễn Hải	Thuận	18/10/1998	12266				
381	1521010102	Phạm Quang	Thuận	08/08/1997	12267				
382	1621050102	Lê Văn	Thuật	12/10/1996	12268				
383	1621010307	Lê Chung	Thức	10/09/1998	12269				
384	1624010353	Trần Thị	Thương	17/12/1998	12270				
385	1624010910	Trần Thị Mộng	Thúy	15/10/1998	12271				
386	1624010727	Lê Thị Hồng	Thùy	06/06/1997	12272				
387	1621070038	Nguyễn Đức	Thùy	09/10/1998	12273				
388	1621080062	Phí Thu	Thùy	10/07/1998	12274				
389	1521010292	Chu Trung	Tiến	15/09/1996	12275				
390	1621050061	Hoàng Ngọc	Tiến	10/04/1998	12276				
391	1621010327	Nguyễn Hữu	Tiến	16/02/1998	12277				
392	1621040109	Nguyễn Hữu	Tiến	09/09/1997	12278				
393	1621050155	Nguyễn Ngọc	Tiến	26/03/1998	12279				
394	1621010180	Nguyễn Văn	Tiến	16/10/1998	12280				
395	1621050179	Nguyễn Văn	Tiến	16/12/1998	12281				
396	1621070044	Nguyễn Văn	Tiến	30/05/1998	12282				
397	1621070069	Phạm Minh	Tiến	31/07/1998	12283				
398	1621010314	Phạm Khắc	Tiếp	05/04/1998	12284				
399	1621060106	Đại Mạnh	Tính	11/10/1998	12285				
400	1621010158	Vũ Thế	Tình	23/01/1997	12286				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
401	1621070194	Nguyễn Ngọc	Toàn	30/11/1998	12287				
402	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	12288				
403	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	12289				
404	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	12290				
405	1624010491	Lại Thùy	Trang	06/12/1998	12291				
406	1621080117	Trần Thị Quỳnh	Trang	10/07/1998	12292				
407	1621060731	Đinh Quốc	Triệu	31/10/1998	12293				
408	1621040122	Đào Văn	Trọng	23/12/1997	12294				
409	1621030044	Lê Công	Trực	05/08/1998	12295				
410	1621040012	Bùi Hữu	Trung	17/08/1998	12296				
411	1621050774	Đỗ Văn	Trung	27/09/1998	12297				
412	1621040103	Nguyễn Bá	Trung	25/10/1998	12298				
413	1621060608	Phạm Thành	Trung	02/09/1998	12299				
414	1621050882	Lê Minh	Trường	04/04/1998	12300				
415	1311030131	Nguyễn Xuân	Trường	14/11/1994	12301				
416	1621070028	Trần Xuân	Trường	19/02/1998	12302				
417	1621060057	Hoàng Văn	Trường	18/05/1996	12303				
418	1621050464	Bùi Minh	Tú	10/04/1998	12304				
419	1621080066	Hoàng Đình	Tú	24/04/1998	12305				
420	1621050292	Nguyễn Anh	Tú	08/10/1998	12306				
421	1621061037	Nguyễn Trọng	Tú	02/06/1998	12307				
422	1621010091	Phạm Tuấn	Tú	08/09/1998	12308				
423	1621050332	Phạm Văn	Tú	18/05/1998	12309				
424	1621070032	Trịnh Công	Tú	01/02/1997	12310				
425	1621050881	Nguyễn Anh	Tuấn	16/01/1998	12311				
426	1621050633	Nguyễn Quốc	Tuấn	21/06/1998	12312				
427	1621060476	Nguyễn Văn	Tuấn	11/01/1998	12313				
428	1621040116	Phạm Như Anh	Tuấn	28/06/1998	12314				
429	1621060638	Trương Văn	Tuấn	13/01/1998	12315				
430	1621080065	Lê Ngọc	Tùng	07/06/1998	12316				
431	1621010017	Ngô Hoàng	Tùng	05/09/1998	12317				
432	1621070157	Nguyễn Bá	Tùng	11/09/1998	12318				
433	1621070221	Nguyễn Đức	Tùng	14/06/1998	12319				
434	1621060885	Nguyễn Xuân	Tùng	28/03/1998	12320				
435	1621040090	Phạm Thanh	Tùng	14/09/1998	12321				
436	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/03/1998	12322				
437	1621010298	Trần Trí	Tùng	25/07/1998	12323				
438	1624010154	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21/01/1998	12324				
439	1611060003	Lê Trung	Văn	06/09/1998	12325				
440	1621070045	Đàm Hữu	Vạn	26/10/1998	12326				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
441	1621050243	Nguyễn Quốc	Việt	21/11/1998	12327				
442	1624010760	Ngô Thế	Vinh	23/03/1998	12328				
443	1621070222	Trần Hoàng	Vũ	18/11/1998	12329				
444	1624010273	Lỗ Thị Minh	Yến	14/06/1998	12330				
445	1621080156	Mạc Thị Hải	Yến	02/02/1998	12331				
446	1621070083	Đặng Đình	Hùng	22/09/1998	12332				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090414 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt A

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060005	Lê Tuấn	Anh	06/10/1996	12333				
2	1421060007	Nguyễn Ngọc	Anh	22/11/1996	12334				
3	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	09/07/1996	12335				
4	1421060080	Lưu Huyền	Đức	17/10/1996	12336				
5	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/1995	12337				
6	1421020276	Đình Xuân	Dương	25/08/1996	12338				
7	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	08/11/1997	12339				
8	1521010189	Bùi Khắc	Hình	10/05/1997	12340				
9	1521020056	Lê Đắc	Hùng	08/05/1997	12341				
10	1521010248	Lê Văn	Huy	30/09/1997	12342				
11	1521010083	Nguyễn Quốc	Huy	02/10/1997	12343				
12	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/1997	12344				
13	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/1997	12345				
14	1421010180	Nguyễn Mạnh	Linh	14/01/1990	12346				
15	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Ly	20/04/1997	12347				
16	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	12348				
17	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/1997	12349				
18	1521010199	Phạm Văn	Nam	02/07/1997	12350				
19	1421060197	Bùi Hữu	Nguyên	19/01/1996	12351				
20	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	12352				
21	1521010084	Nguyễn Văn	Nhỏ	12/01/1997	12353				
22	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/1996	12354				
23	1321060225	Phạm Ngọc	Quang	11/01/1995	12355				
24	1421060553	Nguyễn Văn	Sơn	23/02/1996	12356				
25	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/1997	12357				
26	1521010012	Hoàng Văn	Thanh	05/12/1997	12358				
27	1421060250	Nguyễn Đình	Thành	16/04/1996	12359				
28	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/1997	12360				
29	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	12361				
30	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	12362				
31	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/02/1996	12363				
32	1521010106	Ngô Quốc	Tiến	09/11/1997	12364				
33	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/1997	12365				
34	1421060273	Trần Văn	Tiến	24/02/1996	12366				
35	1521010211	Mai Văn	Toàn	15/04/1997	12367				
36	1521010147	Vũ Văn	Trọng	21/11/1997	12368				
37	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	12369				
38	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/1996	12370				
39	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/1997	12371				
40	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/1997	12372				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090414 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt A

Ngày thi: 8/11/2017 Phòng thi: HNAD402 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010294	Mạnh Trọng	Tuấn	19/02/1997	12373				
42	1421060309	Cao Văn	Tuyển	29/08/1996	12374				
43	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	12375				
44	1521010080	Phạm Quốc	Việt	03/01/1997	12376				
45	1421060316	Phan Đức	Việt	08/09/1996	12377				
46	1521010122	Hồ Tuấn	Vũ	01/06/1997	12378				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040519 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất công trình

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	12379				
2	1521070108	Hà Thế	Anh	10/09/1996	12380				
3	1421070158	Nguyễn Hoàng	Anh	06/09/1994	12381				
4	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/1997	12382				
5	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/1997	12383				
6	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/1997	12384				
7	1521079001	Lò Văn	Bình	25/06/1997	12385				
8	1521070183	Nguyễn Văn	Cảnh	08/11/1997	12386				
9	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	12387				
10	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	05/08/1996	12388				
11	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	12389				
12	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/1995	12390				
13	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	12391				
14	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	12392				
15	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	12393				
16	1521070213	Tạ Văn	Đoan	14/11/1997	12394				
17	1521070214	Nguyễn Công	Đoan	12/05/1997	12395				
18	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	12396				
19	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	12397				
20	1421070255	Vũ Ngọc	Đức	21/08/1996	12398				
21	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/1997	12399				
22	1521070230	Vũ Văn	Dũng	01/10/1997	12400				
23	1521070232	Trần Thị Thùy	Dương	29/07/1997	12401				
24	1521070063	Trần Văn	Đương	08/11/1997	12402				
25	1521070045	Bùi Viết	Duy	05/08/1997	12403				
26	1521070437	Đình Quang	Duy	24/01/1997	12404				
27	1631040050	Đỗ Ngọc	Duy	16/10/1995	12405				
28	1411070006	Đường Gia	Duy	24/06/1995	12406				
29	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	12407				
30	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	12408				
31	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	12409				
32	1521079002	Vi Văn	Hà	10/11/1995	12410				
33	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/1997	12411				
34	1631040051	Phạm Đức	Hiền	27/11/1995	12412				
35	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/1997	12413				
36	1521040125	Nguyễn Văn	Hiệp	20/02/1997	12414				
37	1631040052	Nguyễn Văn	Hiệp	22/11/1995	12415				
38	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/1997	12416				
39	1521070012	Hoàng Minh	Hiếu	26/07/1997	12417				
40	1521070254	Hoàng Văn	Hiếu	14/12/1997	12418				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040519 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất công trình

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/1996	12419				
42	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	12420				
43	1421070058	Chu Hải	Hung	03/03/1996	12421				
44	1631040053	Phạm Quang	Huy	22/02/1994	12422				
45	1521070287	Nguyễn Văn	Khoa	10/11/1997	12423				
46	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	01/12/1996	12424				
47	1521070119	Phạm Trung	Kiên	02/02/1996	12425				
48	1521070041	Vũ Văn	Kiệt	04/12/1997	12426				
49	1521070157	Cung Đức	Lâm	02/06/1997	12427				
50	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/1997	12428				
51	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	12429				
52	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	12430				
53	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/1997	12431				
54	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	12432				
55	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	12433				
56	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	12434				
57	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/1996	12435				
58	1631040056	Nguyễn Trung	Nguyên	08/06/1995	12436				
59	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/1997	12437				
60	1521070003	Phạm Đăng	Quân	21/03/1997	12438				
61	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/1995	12439				
62	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	12440				
63	1521070145	Cao Mạnh	Thắng	11/08/1997	12441				
64	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	01/08/1997	12442				
65	1521070464	Bùi Đức	Tiến	06/05/1997	12443				
66	1521070043	Đỗ Thế	Tiến	24/08/1997	12444				
67	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	12445				
68	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	12446				
69	1421070510	Lê Anh	Tú	12/09/1996	12447				
70	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	12448				
71	1421070540	Vũ Văn	Ước	02/03/1996	12449				
72	1521040078	Đặng Long	Vũ	04/11/1997	12450				
73	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/1994	12451				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090418 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	12452				
2	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	12453				
3	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/1997	12454				
4	1521010171	Nguyễn Sỹ	Bảo	25/11/1996	12455				
5	1521010213	Trịnh Quốc	Bảo	05/01/1998	12456				
6	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	06/03/1997	12457				
7	1521010272	Nguyễn Hữu	Chiến	14/06/1997	12458				
8	1521060386	Nguyễn Văn	Chiều	02/03/1997	12459				
9	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/1994	12460				
10	1521010271	Đỗ Văn	Cường	09/05/1997	12461				
11	1631060051	Nguyễn Đình	Cường	20/07/1986	12462				
12	1521010156	Phan Mạnh	Cường	07/04/1997	12463				
13	1421040040	Đỗ Trọng	Dân	17/12/1996	12464				
14	1621061058	Trần Quốc	Đạt	22/11/1997	12465				
15	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/1997	12466				
16	1521010003	Lê Trung	Đức	25/05/1997	12467				
17	1321040075	Nguyễn Văn	Đức	19/05/1995	12468				
18	1421010087	Phạm Minh	Đức	27/07/1996	12469				
19	1421010088	Phạm Văn	Đức	29/07/1996	12470				
20	1421060083	Phạm Văn	Đường	12/11/1996	12471				
21	1521010169	Phan Hồng	Duy	29/09/1997	12472				
22	1521010030	Trần Thành	Giang	12/11/1996	12473				
23	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	12474				
24	1521060309	Bùi Việt	Hải	11/11/1997	12475				
25	1521060247	Nguyễn Xuân	Hải	09/08/1997	12476				
26	1521010010	Hoàng Phú Xuân	Hào	11/03/1997	12477				
27	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/1997	12478				
28	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/1994	12479				
29	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/1995	12480				
30	1521010202	Lê Trung	Hiếu	16/06/1997	12481				
31	1521010025	Nguyễn Viêt	Hiếu	09/09/1997	12482				
32	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/1996	12483				
33	1521010065	Trần Minh	Hiếu	20/09/1997	12484				
34	1521010149	Trần Minh	Hiếu	11/10/1997	12485				
35	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/1997	12486				
36	1521010301	Nguyễn Huy	Hoàn	29/08/1997	12487				
37	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	/ /19 3	12488				
38	1521010279	Đỗ Huy	Hoàng	20/08/1997	12489				
39	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/1996	12490				
40	1321060501	Nguyễn Minh	Hoàng	13/03/1995	12491				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090418 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	12492				
42	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/1997	12493				
43	1321060133	Lâm Vũ	Hùng	14/01/1995	12494				
44	1411060076	Nguyễn Đăng	Hùng	06/10/1996	12495				
45	1521010137	Đỗ Văn	Hùng	21/01/1997	12496				
46	1521010015	Nguyễn Thành	Hùng	14/08/1996	12497				
47	1421040131	Nguyễn Quang	Huy	11/09/1996	12498				
48	1421060134	Trần Quốc	Huy	08/09/1996	12499				
49	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/1997	12500				
50	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/1997	12501				
51	1321010193	Hoàng Nam	Khánh	12/08/1995	12502				
52	1521010053	Trương Công	Khánh	13/11/1996	12503				
53	1521010167	Võ Tá	Khuê	04/12/1997	12504				
54	1521060163	Nguyễn Văn	Kiên	25/02/1997	12505				
55	1521010118	Phạm Văn	Kiên	22/09/1997	12506				
56	1221040139	Phạm Tuấn	Kiệt	20/08/1994	12507				
57	1521010056	Vũ Hồng	Kông	30/09/1997	12508				
58	1521010195	Nguyễn Tuấn	Linh	06/06/1997	12509				
59	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/1997	12510				
60	1521019004	Phạm Gia	Luân	/ /19 3	12511				
61	1421010190	Lê Văn	Lực	09/05/1996	12512				
62	1321060555	Dương Minh	Lượng	10/09/1994	12513				
63	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	12514				
64	1421020470	Lê Trọng	Minh	18/09/1996	12515				
65	1321040176	Trần Văn	Minh	15/04/1995	12516				
66	1321060564	Bùi Hải	Nam	12/12/1995	12517				
67	1521010027	Vũ Xuân	Nghị	04/07/1997	12518				
68	1411060129	Nguyễn Văn	Phi	20/12/1996	12519				
69	1521060413	Nguyễn Duy	Phúc	05/11/1997	12520				
70	1421010267	Lê Văn Hải	Quân	06/02/1996	12521				
71	1221010281	Nguyễn Hồng	Quân	12/08/1993	12522				
72	1321040216	Bùi Tất	Quang	26/03/1995	12523				
73	1411060134	Phạm Nhật	Quang	01/01/1996	12524				
74	1521060281	Phạm Thế	Quý	29/09/1997	12525				
75	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/1997	12526				
76	1521010016	Phan Trọng	Quý	27/09/1996	12527				
77	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	06/08/1996	12528				
78	1321060238	Đặng Sỹ	Quỳnh	23/07/1995	12529				
79	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	12530				
80	1521010043	Nguyễn Văn	Sáng	01/12/1997	12531				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090418 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 8/11/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521010283	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/01/1997	12532				
82	1421040499	Nguyễn Hồng	Sơn	04/04/1996	12533				
83	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	30/09/1997	12534				
84	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/1995	12535				
85	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/1997	12536				
86	1521010054	Trần Văn	Tam	08/08/1996	12537				
87	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/1995	12538				
88	1321060286	Nguyễn Khắc Đại	Thắng	13/01/1995	12539				
89	1421060256	Nguyễn Mạnh	Thắng	26/08/1995	12540				
90	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	12541				
91	1521010110	Phạm Đức	Thắng	15/05/1997	12542				
92	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	05/10/1996	12543				
93	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/1997	12544				
94	1221060410	Trần Đình	Thành	01/09/1993	12545				
95	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/1997	12546				
96	1421010312	Đỗ Văn	Thiêm	20/04/1995	12547				
97	1421040801	Dương Đức	Thiện		12548				
98	1421030194	Vũ Đình	Thơm	29/10/1995	12549				
99	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/1995	12550				
100	1321040291	Đỗ Văn	Tiến	08/05/1995	12551				
101	1631060006	Phạm Đình	Tiến	25/10/1993	12552				
102	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	12553				
103	1521010079	Trần Mạnh	Tĩnh	30/09/1997	12554				
104	1521060151	Trần Văn	Tổ	15/02/1997	12555				
105	1221060147	Trần Đức	Toàn	08/11/1994	12556				
106	1221060457	Bùi Văn	Tráng	02/06/1994	12557				
107	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/09/1997	12558				
108	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/1996	12559				
109	1321060656	Nguyễn Kim	Trường	17/09/1994	12560				
110	1421060285	Tạ Xuân	Trường	24/08/1996	12561				
111	1521010013	Lại Đình	Tú	18/07/1997	12562				
112	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/1995	12563				
113	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	12564				
114	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	12565				
115	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	12566				
116	1321040325	Phạm Văn	Tuyển	20/11/1995	12567				
117	1521010111	Đỗ Ngọc	Tuyền	26/08/1997	12568				
118	1521010032	Trần Quốc	Việt	13/11/1997	12569				
119	1521060171	Phạm Quốc	Vượng	27/09/1997	12570				
120	1521010037	Lê Hoàng	Vượng	02/09/1997	12571				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090418 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 8/11/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 9 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521010269	Nguyễn Văn	Xuân	07/02/1997	12572				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010303 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá vô cơ phần 1 + TN

Ngày thi: **8/12/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	12573				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020001	Hoàng Thị Thúy	An	25/10/1994	12574				
2	1421040354	Lê Minh	An	19/07/1996	12575				
3	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/1996	12576				
4	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/1997	12577				
5	1421040002	Vũ Thanh	An	07/07/1996	12578				
6	1614010030	Bùi Phương	Anh	06/08/1998	12579				
7	1321020402	Đặng Ngọc	Anh	04/04/1995	12580				
8	1221010006	Đặng Thế	Anh	19/11/1994	12581				
9	1624010305	Đinh Thị Lan	Anh	18/03/1998	12582				
10	1521030026	Đỗ Ngọc	Anh	22/09/1996	12583				
11	1421040004	Đỗ Thị Trung	Anh	22/06/1996	12584				
12	1521030155	Hoàng Tuấn	Anh	09/11/1997	12585				
13	1421070003	Lê Đức	Anh	20/08/1996	12586				
14	1621060204	Lê Hồng	Anh	07/07/1998	12587				
15	1421040357	Lê Quang Đức	Anh	27/05/1996	12588				
16	1521050158	Lê Tuấn	Anh	25/05/1997	12589				
17	1521070167	Lê Xuân Tuấn	Anh	30/08/1997	12590				
18	1624010615	Lưu Thị Phương	Anh	25/10/1998	12591				
19	1321020410	Ngô Văn	Anh	26/10/1995	12592				
20	1321010008	Nguyễn Đức	Anh	11/07/1995	12593				
21	1521040088	Nguyễn Đức	Anh	09/06/1997	12594				
22	1421040359	Nguyễn Hoàng	Anh	28/11/1996	12595				
23	1624010440	Nguyễn Phương	Anh	24/12/1998	12596				
24	1321010012	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	29/10/1995	12597				
25	1421040005	Nguyễn Thị Mai	Anh	02/08/1996	12598				
26	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	12599				
27	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/1997	12600				
28	1521020132	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	23/07/1995	12601				
29	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/1997	12602				
30	1521030065	Phạm Phương	Anh	14/12/1997	12603				
31	1614010700	Phạm Thị Vân	Anh	13/12/1998	12604				
32	1321010018	Phạm Tuấn	Anh	26/10/1995	12605				
33	1421050268	Phạm Tuấn	Anh	12/06/1996	12606				
34	1521080038	Trần Nguyễn Mai	Anh	06/02/1997	12607				
35	1521060206	Trần Tuấn	Anh	15/06/1997	12608				
36	1421040009	Trương Ngọc Tuấn	Anh	01/05/1996	12609				
37	1624010991	Nguyễn Ngọc	Ánh	03/10/1998	12610				
38	1521060078	Lưu Xuân	Bách	08/10/1997	12611				
39	1421020015	Phạm Văn	Bách	08/07/1996	12612				
40	1521060252	Đặng Văn	Bằng	09/02/1994	12613				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/1997	12614				
42	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	12615				
43	1624010115	Nguyễn Ngọc	Bảo	22/02/1998	12616				
44	1521010213	Trịnh Quốc	Bảo	05/01/1998	12617				
45	1421040372	Ngô Văn	Bính	22/03/1996	12618				
46	1421050286	Nguyễn Đức	Bính	01/06/1996	12619				
47	1321020023	Lê Văn	Cánh	12/09/1995	12620				
48	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	06/01/1996	12621				
49	1521030106	Lê Gia	Chí	14/08/1997	12622				
50	1421040023	Trương Quang	Chí	07/11/1996	12623				
51	1521050012	Hoàng Quyết	Chiến	20/08/1997	12624				
52	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/1995	12625				
53	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	09/04/1997	12626				
54	1521030010	Đặng Hữu	Chú	06/11/1997	12627				
55	1521040203	Đào Văn	Công	11/10/1997	12628				
56	1321010044	Mai Đức	Công	24/08/1995	12629				
57	1521010425	Nguyễn Cánh	Công	07/04/1997	12630				
58	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/1994	12631				
59	1521060116	Nguyễn Thành	Công	27/11/1997	12632				
60	1521050267	Hồ Sỹ	Cường	29/04/1995	12633				
61	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	12634				
62	1521050018	Ngô Thế	Cường	16/03/1997	12635				
63	1421040038	Phạm Quốc	Cường	03/11/1995	12636				
64	1521010156	Phan Mạnh	Cường	07/04/1997	12637				
65	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	12638				
66	1321010094	Lê Chu Hoàng	Đại	09/08/1995	12639				
67	1421040070	Đào Vũ	Đăng	26/03/1996	12640				
68	1321070456	Đỗ Thành	Đạt	11/10/1995	12641				
69	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	12642				
70	1521030191	Lê Tiến	Đạt	04/03/1997	12643				
71	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	12644				
72	1621060409	Nguyễn Tiến	Đạt	06/05/1998	12645				
73	1521060059	Phùng Xuân	Đạt	24/01/1997	12646				
74	1521040131	Phạm Đức	Diệp	28/08/1997	12647				
75	1521050350	Phạm Ngọc	Diệp	21/11/1997	12648				
76	1521060103	Trần Văn	Đoàn	04/03/1997	12649				
77	1421040075	Đoàn Trung	Đông	25/07/1996	12650				
78	1321010111	Phạm Văn	Đông	30/09/1995	12651				
79	1521050205	Lê Đình	Đông	05/06/1997	12652				
80	1321010068	Nguyễn Đình	Du	30/09/1992	12653				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD201 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221010105	Hoàng Anh	Đức	22/12/1994	12654				
82	1521030470	Nguyễn Đình	Đức	25/10/1997	12655				
83	1421020306	Nguyễn Minh	Đức	25/11/1994	12656				
84	1421040403	Nguyễn Văn	Đức	07/03/1996	12657				
85	1521010048	Nguyễn Xuân	Đức	29/09/1997	12658				
86	1521030009	Phạm Minh	Đức	13/08/1997	12659				
87	1521050296	Vũ Trọng	Đức	06/06/1997	12660				
88	1524010208	Đinh Thị	Dung	17/10/1997	12661				
89	1521019021	Đặng Quốc	Dũng	15/11/1997	12662				
90	1321050043	Nguyễn Tiến	Dũng	16/12/1995	12663				
91	1521070103	Nguyễn Trọng	Dũng	02/04/1996	12664				
92	1424010026	Ngô Văn	Dụng	10/04/1996	12665				
93	1521030205	Đặng Trùng	Dương	14/02/1997	12666				
94	1521030355	Ngô Khánh	Dương	02/09/1997	12667				
95	1521060427	Nguyễn Danh	Dương	23/11/1997	12668				
96	1521070232	Trần Thị Thùy	Dương	29/07/1997	12669				
97	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	12670				
98	1421030037	Vũ Văn	Dương	09/02/1996	12671				
99	1521059001	Dương Tuấn	Duy	/ /19 3	12672				
100	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	06/03/1997	12673				
101	1421010064	Phạm Công	Duy	20/04/1996	12674				
102	1521050364	Nguyễn Thị	Duyên	13/02/1997	12675				
103	1614010033	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	02/04/1998	12676				
104	1521030038	Trần Thị	Duyên	08/11/1997	12677				
105	1521040228	Phạm Tiến	Duyệt	21/10/1997	12678				
106	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	12679				
107	1624010099	Trần Thị Huyền	Giang	08/03/1998	12680				
108	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	12681				
109	1421020048	Nguyễn Văn	Giáp	22/01/1995	12682				
110	1521050005	Bạch Quang	Hà	27/03/1997	12683				
111	1421070262	Cam Văn	Hà	25/04/1996	12684				
112	1624010356	Đào Thị	Hà	23/02/1998	12685				
113	1321010126	Đậu Thị	Hà	05/11/1995	12686				
114	1421040090	Lê Đăng	Hải	26/10/1996	12687				
115	1321010137	Ngô Sỹ	Hải	10/01/1995	12688				
116	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	08/11/1997	12689				
117	1521010060	Nguyễn Ngọc	Hải	15/07/1997	12690				
118	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	12691				
119	1511070003	Nguyễn Việt	Hán	25/05/1997	12692				
120	1521050260	Doãn Thị	Hạnh	14/06/1997	12693				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050028	Nguyễn Thị	Hằng	08/10/1996	12694				
2	1624010079	Vũ Thị Thúy	Hằng	26/08/1998	12695				
3	1624010274	Nguyễn Thị	Hào	17/07/1998	12696				
4	1321020091	Trương Đình	Hậu	19/08/1995	12697				
5	1421040103	Đỗ Văn	Hiển	11/07/1995	12698				
6	1521030410	Nguyễn Thị	Hiền	20/11/1996	12699				
7	1321020093	Phạm Duy	Hiền	04/03/1995	12700				
8	1321030568	Nguyễn Thế	Hiền	10/10/1994	12701				
9	1421040107	Lê Văn	Hiệp	20/10/1996	12702				
10	1421070279	Nguyễn Quang	Hiệp	23/03/1996	12703				
11	1521010074	Bùi Thành	Hiếu	25/01/1996	12704				
12	1521080005	Chu Minh	Hiếu	05/07/1997	12705				
13	1521050007	Đào Trung	Hiếu	26/05/1997	12706				
14	1421040108	Dương Minh	Hiếu	01/03/1996	12707				
15	1521010202	Lê Trung	Hiếu	16/06/1997	12708				
16	1421040110	Nguyễn Minh	Hiếu	21/04/1996	12709				
17	1521030048	Nguyễn Minh	Hiếu	21/06/1997	12710				
18	1521080003	Nguyễn Minh	Hiếu	15/02/1997	12711				
19	1521050227	Nguyễn Văn	Hiếu	05/12/1997	12712				
20	1621060440	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/1998	12713				
21	1521050115	Trần Trung	Hiếu	15/02/1997	12714				
22	1321020100	Nguyễn Huy	Hiệu	30/03/1995	12715				
23	1521010189	Bùi Khắc	Hình	10/05/1997	12716				
24	1521050377	Đặng Thanh	Hoa	28/08/1997	12717				
25	1321010156	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	14/08/1995	12718				
26	1521030384	Nguyễn Việt	Hoa	12/09/1997	12719				
27	1521010098	Dương Văn	Hòa	23/03/1997	12720				
28	1421040113	Ngô Quang	Hòa	17/06/1996	12721				
29	1624010685	Nguyễn Thị	Hòa	11/03/1998	12722				
30	1624010616	Nghiêm Thị	Hoài	18/06/1998	12723				
31	1421070292	Hoàng Công	Hoan	18/12/1996	12724				
32	1421020363	Nguyễn Văn	Hoán	01/10/1996	12725				
33	1421040115	Bùi Văn	Hoàn	15/02/1996	12726				
34	1521080308	Bùi Văn	Hoàng	07/04/1997	12727				
35	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/1997	12728				
36	1521050185	Nghiêm Hữu	Hoàng	29/03/1997	12729				
37	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/1997	12730				
38	1521060269	Nguyễn Đình	Hoàng	06/12/1997	12731				
39	1421040116	Nguyễn Văn	Hoàng	06/11/1996	12732				
40	1521050212	Nguyễn Văn	Hoàng	25/10/1997	12733				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/1997	12734				
42	1421070302	Quang	Hoàng	29/10/1996	12735				
43	1521060220	Trần Minh	Hoàng	02/02/1997	12736				
44	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/1997	12737				
45	1521060299	Bùi Văn	Hội	20/03/1997	12738				
46	1321030600	Bùi Mạnh	Hồng	23/03/1995	12739				
47	1624010031	Nguyễn Thị ánh	Hồng	24/05/1998	12740				
48	1411030032	Bùi Quang	Hợp	25/10/1995	12741				
49	1421040134	Thào A	Hử	12/09/1996	12742				
50	1521010186	Hồ Sỹ	Hùng	04/02/1997	12743				
51	1521050224	Lê Mạnh	Hùng	20/09/1996	12744				
52	1521060117	Nguyễn Mạnh	Hùng	13/05/1997	12745				
53	1521030092	Nguyễn Văn	Hùng	20/02/1997	12746				
54	1321010173	Nguyễn Việt	Hùng	20/12/1995	12747				
55	1321030096	Trương Mạnh	Hùng	09/08/1994	12748				
56	1421040135	Hoàng Văn	Hưng	20/06/1996	12749				
57	1421040139	Nguyễn Chí	Hưng	02/04/1996	12750				
58	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	09/09/1997	12751				
59	1521010015	Nguyễn Thành	Hưng	14/08/1996	12752				
60	1421030398	Nguyễn Tuấn	Hưng	24/08/1996	12753				
61	1421040140	Nguyễn Văn	Hưng	18/12/1996	12754				
62	1321010186	Trần Thanh	Hưng	07/02/1992	12755				
63	1521050263	Trịnh Quang	Hưng	23/07/1997	12756				
64	1521030056	Trương Thanh	Hưng	14/02/1997	12757				
65	1521010117	Vũ Mạnh	Hưng	01/03/1994	12758				
66	1624010032	Lê Thị Lan	Hương	23/08/1998	12759				
67	1624010606	Lê Thị Thanh	Hương	03/08/1998	12760				
68	1421040143	Nguyễn Mai	Hương	31/12/1996	12761				
69	1624010711	Nguyễn Thị Thu	Hương	05/02/1998	12762				
70	1624010539	Vương Thị Thu	Hường	18/05/1998	12763				
71	1521060280	Nguyễn Bá	Hường	02/06/1996	12764				
72	1521080171	Đặng Quang	Huy	16/05/1997	12765				
73	1421040129	Lại Quang	Huy	17/12/1996	12766				
74	1521030017	Lê Văn	Huy	25/04/1997	12767				
75	1421040130	Nguyễn Quang	Huy	19/08/1996	12768				
76	1421070055	Nguyễn Quang	Huy	30/11/1996	12769				
77	1521010083	Nguyễn Quốc	Huy	02/10/1997	12770				
78	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/1997	12771				
79	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/1997	12772				
80	1521030075	Nguyễn Văn	Huy	16/08/1997	12773				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/02/1996	12774				
82	1321020118	Phạm Văn	Huy	04/03/1995	12775				
83	1521050201	Bùi Văn	Huyền	10/12/1997	12776				
84	1624010442	Bùi Thị	Huyền	07/12/1998	12777				
85	1521080174	Đoàn Thị	Huyền	30/10/1997	12778				
86	1521030243	Nguyễn Văn	Huyền	06/01/1997	12779				
87	1624010109	Trần Thu	Huyền	20/04/1997	12780				
88	1521080067	Đỗ Bảo	Khánh	02/09/1997	12781				
89	1521050242	Trần Hoàng	Khánh	11/10/1996	12782				
90	1521050037	Trương Quốc	Khánh	25/09/1997	12783				
91	1521050129	Lê Duy	Kiên	19/11/1996	12784				
92	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/1996	12785				
93	1421050464	Nguyễn Trung	Kiên	01/04/1996	12786				
94	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/1997	12787				
95	1521050408	Trần Văn	Kiên	23/10/1997	12788				
96	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	12789				
97	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/1997	12790				
98	1624010531	Nguyễn Thị	Lan	19/11/1998	12791				
99	1421020429	Nguyễn Quỳnh	Liên	20/08/1996	12792				
100	1521040020	Nguyễn Thị	Liễu	24/07/1997	12793				
101	1521030045	Nguyễn Hoàng	Linh	09/10/1997	12794				
102	1624010013	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	17/12/1998	12795				
103	1524010612	Nguyễn Phương	Linh	16/03/1997	12796				
104	1624010267	Nguyễn Thùy	Linh	10/08/1998	12797				
105	1521050246	Thái Thị Thùy	Linh	18/03/1997	12798				
106	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	12799				
107	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	12800				
108	1521060255	Chào Láo	Lỡ	28/09/1995	12801				
109	1624010096	Hoàng Bích	Loan	14/08/1998	12802				
110	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/1997	12803				
111	1621060088	Vũ Thị Kim	Loan	06/05/1998	12804				
112	1421080065	Nguyễn Thị	Lộc	23/09/1996	12805				
113	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	12806				
114	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/1997	12807				
115	1324010572	Nguyễn Bảo	Long	06/04/1994	12808				
116	1421010186	Nguyễn Hữu	Long	30/09/1996	12809				
117	1624010209	Tạ Văn	Long	30/11/1998	12810				
118	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/1997	12811				
119	1321010217	Trần	Long	23/11/1995	12812				
120	1421020453	Trương Tam	Long	25/04/1996	12813				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/1997	12814				
2	1521060158	Nguyễn Thế	Lợi	17/11/1997	12815				
3	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/07/1996	12816				
4	1421040174	Chữ Viết	Luận	12/12/1996	12817				
5	1521060248	Nguyễn Tiến	Lực	12/09/1997	12818				
6	1624010234	Trần Thị Hương	Ly	29/05/1998	12819				
7	1614010021	Đặng Thị	Mai	28/12/1998	12820				
8	1614010705	Phạm Thị	Mai	14/03/1998	12821				
9	1421020103	Đặng Xuân	Mạnh	19/08/1996	12822				
10	1321060559	Nguyễn Duy	Mạnh	25/08/1995	12823				
11	1421070080	Nguyễn Học	Mạnh	02/02/1996	12824				
12	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	12825				
13	1521050425	Nguyễn Văn	Mạnh	05/08/1997	12826				
14	1421040456	Phạm Duy	Mạnh	24/03/1995	12827				
15	1421040182	Phương Tiến	Mạnh	30/10/1996	12828				
16	1421040183	Tô Xuân	Mạnh	02/01/1996	12829				
17	1421040457	Trần Văn	Mạnh	10/01/1993	12830				
18	1421010198	Trịnh Văn	Mạnh	15/02/1994	12831				
19	1421040184	Võ Hồng	Mạnh	28/10/1996	12832				
20	1621060697	Vũ Đức	Mạnh	20/08/1998	12833				
21	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	06/09/1997	12834				
22	1421070385	Bùi Huy	Minh	07/07/1996	12835				
23	1421040188	Nguyễn Công	Minh	30/05/1996	12836				
24	1621060373	Nguyễn Công	Minh	01/03/1998	12837				
25	1521050427	Nguyễn Văn	Minh	06/08/1997	12838				
26	1421080292	Tổng Hà	My	15/10/1996	12839				
27	1421060183	Đặng Hoài	Nam	23/10/1995	12840				
28	1424010445	Đỗ Thế Phương	Nam	03/06/1996	12841				
29	1521050431	Hoàng Quốc	Nam	09/07/1997	12842				
30	1321020155	Nguyễn Giang	Nam	12/05/1995	12843				
31	1521050074	Nguyễn Văn	Nam	18/08/1997	12844				
32	1421020707	Phan Công	Nam	13/06/1996	12845				
33	1521030049	Võ Hoài	Nam	07/01/1997	12846				
34	1421040194	Vũ Trọng	Nam	21/09/1996	12847				
35	1624010043	Lưu Thị	Nga	20/07/1998	12848				
36	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	12849				
37	1624010653	Phạm Thị	Nga	11/12/1998	12850				
38	1321011079	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/03/1994	12851				
39	1521010027	Vũ Xuân	Nghị	04/07/1997	12852				
40	1521060338	Hà Văn	Nghĩa	16/06/1997	12853				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD401 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521050217	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/04/1997	12854				
42	1521070317	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	07/08/1997	12855				
43	1521039003	Nông Văn	Nghĩa	28/11/1996	12856				
44	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/1996	12857				
45	1624010252	Lê Bích	Ngọc	10/12/1998	12858				
46	1521010239	Tô Thanh	Ngọc	17/09/1997	12859				
47	1321030167	Trần Quốc	Ngọc	15/03/1995	12860				
48	1624010798	Vũ Tuấn	Ngọc	28/04/1998	12861				
49	1521050198	Phạm Anh	Ngữ	23/10/1997	12862				
50	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/1994	12863				
51	1624010840	Phạm Thị Thu	Nguyệt	15/06/1998	12864				
52	1624010287	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/02/1998	12865				
53	1624010596	Vũ Hồng	Nhung	05/09/1998	12866				
54	1321030770	Phạm Văn	Ninh	15/05/1994	12867				
55	1624010022	Đinh Thị	Oanh	20/03/1998	12868				
56	1321010500	Nguyễn Hoàng	Phi	31/07/1995	12869				
57	1321050155	Vũ Tuấn	Phong	15/02/1995	12870				
58	1421040473	Lê Trọng	Phú	30/04/1996	12871				
59	1421040476	Lâm Văn	Phúc	28/06/1996	12872				
60	1521030072	Trần Đình	Phúc	03/02/1997	12873				
61	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/1996	12874				
62	1521030369	Bùi Hạnh Thảo	Phương	23/10/1996	12875				
63	1521030007	Bùi Minh	Phương	05/01/1997	12876				
64	1321010272	Bùi Văn	Phương	11/03/1995	12877				
65	1624010136	Cao Thị	Phương	05/05/1997	12878				
66	1421040214	Đặng Việt	Phương	06/03/1995	12879				
67	1624010361	Hoàng Thị Lam	Phương	08/06/1998	12880				
68	1424010151	Lê Hoài	Phương	19/09/1994	12881				
69	1321050160	Lê Văn	Phương	27/10/1992	12882				
70	1624010850	Nguyễn Thị	Phương	16/05/1998	12883				
71	1421040216	Nguyễn Văn	Phương	30/03/1995	12884				
72	1624010062	Phạm Thị Minh	Phương	19/11/1998	12885				
73	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/1994	12886				
74	1321020685	Nguyễn Trọng	Quân	28/04/1995	12887				
75	1321010284	Nguyễn Văn	Quân	09/11/1995	12888				
76	1421040225	Nguyễn Văn	Quân	01/09/1995	12889				
77	1521070003	Phạm Đăng	Quân	21/03/1997	12890				
78	1421020130	Trương Khắc	Quân	30/07/1995	12891				
79	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	05/12/1997	12892				
80	1421010260	Phạm Văn	Quang	03/11/1996	12893				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321050670	Vũ Mạnh	Quang	24/01/1995	12894				
82	1421060537	Nguyễn Xuân	Quảng	19/07/1996	12895				
83	1521030295	Lê Duy	Quý	16/05/1997	12896				
84	1421040491	Đoàn Xuân	Quý	14/10/1996	12897				
85	1521010254	Phạm Bảo	Quý	21/08/1997	12898				
86	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/1997	12899				
87	1621060780	Nguyễn Thái	Quyền	17/10/1998	12900				
88	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/1995	12901				
89	1521060328	Vũ Xuân	Sắc	07/08/1997	12902				
90	1521060324	Trần Y Quốc	Sang	21/09/1997	12903				
91	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/1996	12904				
92	1521030053	Nguyễn Tiến	Sĩ	10/10/1997	12905				
93	1421040232	Cao Văn	Sơn	15/05/1995	12906				
94	1521060330	Đặng Đình	Sơn	10/01/1997	12907				
95	1621060570	Đặng Văn	Sơn	03/09/1998	12908				
96	1421080101	Hoàng Thái	Sơn	29/10/1996	12909				
97	1421040501	Nguyễn Văn	Sơn	13/07/1996	12910				
98	1421080345	Trần Ngọc	Sơn	26/12/1996	12911				
99	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/1997	12912				
100	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/1997	12913				
101	1521050167	Trương Hoài	Sơn	16/08/1997	12914				
102	1521060253	Nguyễn Việt	Sóng	25/02/1997	12915				
103	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/1997	12916				
104	1321050175	Nguyễn Văn	Tạc	27/04/1995	12917				
105	1621060725	Đỗ Trọng	Tài	08/02/1998	12918				
106	1521010073	Vũ Công	Tài	05/03/1997	12919				
107	1421010290	Vũ Hữu	Tài	20/02/1991	12920				
108	1421060559	Đỗ Văn	Tân	28/08/1995	12921				
109	1521010135	Nguyễn Việt	Tân	11/12/1997	12922				
110	1321050177	Cao Thế	Thái	24/12/1995	12923				
111	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/1995	12924				
112	1421030539	Nguyễn Duyên	Thái	16/05/1996	12925				
113	1321070169	Nguyễn Ngọc	Thái	20/01/1995	12926				
114	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	12927				
115	1421070111	Hoàng Văn	Thanh	19/09/1996	12928				
116	1421040247	Nguyễn Tài	Thanh	30/05/1996	12929				
117	1321010311	Cao Ngọc	Thành	12/02/1995	12930				
118	1521050001	Đào Trung	Thành	16/08/1997	12931				
119	1521030061	Đỗ Văn	Thành	15/10/1997	12932				
120	1521030074	Lã Hữu	Thành	11/11/1997	12933				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040259	Nguyễn Văn	Thắng	03/05/1994	12934				
2	1521030040	Đỗ Chiến	Thắng	19/02/1997	12935				
3	1421020575	Hoàng Thắng	Thắng	10/02/1996	12936				
4	1421070117	Lù Đức	Thắng	22/02/1996	12937				
5	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	12938				
6	1521060001	Nguyễn Quang	Thắng	19/08/1997	12939				
7	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	02/02/1997	12940				
8	1221010325	Phạm Công	Thắng	15/10/1994	12941				
9	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	12942				
10	1521060140	Phạm Hữu	Thắng	03/02/1997	12943				
11	1221010327	Trần Công	Thắng	17/03/1994	12944				
12	1421040251	Mai Hiền	Thành	19/04/1996	12945				
13	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/1996	12946				
14	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/1996	12947				
15	1421040254	Nguyễn Minh	Thành	03/07/1996	12948				
16	1621010178	Nguyễn Tiến	Thành	10/02/1998	12949				
17	1421070115	Tô Minh	Thành	08/11/1996	12950				
18	1521010185	Vũ Đức	Thành	02/08/1997	12951				
19	1624010938	Bùi Thị	Thảo	11/10/1998	12952				
20	1421030181	Đậu Xuân	Thảo	06/07/1995	12953				
21	1624010617	Lê Thị Phương	Thảo	25/07/1998	12954				
22	1421040260	Lưu Phương	Thảo	10/01/1996	12955				
23	1411060163	Nguyễn Phương	Thảo	26/03/1995	12956				
24	1421030553	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/11/1996	12957				
25	1614010019	Phạm Thu	Thảo	16/07/1998	12958				
26	1521050234	Trần Thị Thu	Thảo	14/08/1997	12959				
27	1614010032	Phạm Thị	Thêm	14/03/1998	12960				
28	1621050253	Nguyễn Văn	Thị	26/01/1998	12961				
29	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/1997	12962				
30	1521010001	Đinh Đức	Thiện	20/02/1997	12963				
31	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/1996	12964				
32	1521070367	Lê Văn	Thiện	02/09/1996	12965				
33	1421060588	Phạm Văn	Thiện	17/04/1996	12966				
34	1521030104	Trương Quốc	Thiện	20/01/1997	12967				
35	1521050484	Vũ Đức	Thiện	30/08/1996	12968				
36	1321020206	Nguyễn Văn	Thỏa	11/04/1995	12969				
37	1521060050	Trần Văn	Thoàn	27/08/1997	12970				
38	1624010151	Phạm Thị Hồng	Thơm	16/01/1998	12971				
39	1614010013	Nguyễn Thị	Thư	28/07/1998	12972				
40	1624010438	Nguyễn Thị Yến	Thư	26/12/1998	12973				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421040524	Lê Xuân	Thuần	10/03/1995	12974				
42	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/1996	12975				
43	1624010446	Lương Thị	Thúy	01/01/1998	12976				
44	1521040314	Phạm Thanh	Thúy	19/05/1996	12977				
45	1421020159	Lê Đức	Thùy	29/04/1996	12978				
46	1521060015	Công Ngọc	Tiến	07/01/1997	12979				
47	1621060708	Nguyễn Minh	Tiến	04/10/1998	12980				
48	1421040286	Nguyễn Tân	Tiến	16/01/1996	12981				
49	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/1997	12982				
50	1421050208	Trần Minh	Tiến	19/02/1996	12983				
51	1421040529	Đoàn Mạnh	Tiếp	27/09/1996	12984				
52	1421020164	Lê Đức	Tín	14/01/1995	12985				
53	1521050491	Nguyễn Công	Toán	14/05/1997	12986				
54	1521050032	Cao Khánh	Toàn	16/09/1997	12987				
55	1321010363	Đặng Tuấn	Toàn	15/07/1995	12988				
56	1321010364	Nguyễn Thị	Toàn	31/01/1995	12989				
57	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	12990				
58	1624010575	Lê Thị Thu	Trà	19/03/1998	12991				
59	1521030145	Đào Huyền	Trang	04/09/1997	12992				
60	1521040064	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/08/1997	12993				
61	1624010475	Lê Thị	Trang	16/10/1998	12994				
62	1624010015	Lý Thị Huyền	Trang	04/05/1997	12995				
63	1521010158	Nguyễn Thị Hương	Trang	09/09/1997	12996				
64	1521080028	Phạm Thị Ngọc	Trang	11/03/1997	12997				
65	1521080039	Trần Cao Hà	Trang	16/07/1997	12998				
66	1624010346	Trương Thị	Trang	28/10/1998	12999				
67	1321050754	Vũ Thị	Trang	09/07/1995	13000				
68	1521050038	Lê Ngọc	Trung	30/08/1991	13001				
69	1624010930	Lê Quang	Trung	27/10/1998	13002				
70	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	13003				
71	1321010379	Phạm Bảo	Trung	14/04/1995	13004				
72	1521060217	Phạm Đình	Trung	21/05/1996	13005				
73	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	13006				
74	1521030080	Đào Duy	Trường	09/02/1997	13007				
75	1521050002	Nguyễn Đăng	Trường	30/03/1997	13008				
76	1221020500	Nguyễn Duy	Tú	28/09/1994	13009				
77	1411060192	Nguyễn Hữu	Tú	01/11/1995	13010				
78	1521030342	Phùng Ngọc	Tuân	30/05/1997	13011				
79	1521060057	Trần Anh	Tuân	17/09/1997	13012				
80	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	13013				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD301 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/1995	13014				
82	1521050131	Nguyễn Anh	Tuấn	05/06/1995	13015				
83	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1997	13016				
84	1421040320	Nguyễn Đình	Tuấn	08/07/1996	13017				
85	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	03/03/1997	13018				
86	1521060259	Nguyễn Minh	Tuấn	10/02/1997	13019				
87	1521060399	Nguyễn Văn	Tuấn	16/01/1997	13020				
88	1321010399	Phạm Hoàng	Tuấn	13/01/1995	13021				
89	1521050033	Trần Văn	Tuấn	01/02/1997	13022				
90	1421040330	Đào Duy	Tùng	25/04/1996	13023				
91	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/1996	13024				
92	1421040332	Nguyễn Chí	Tùng	19/01/1994	13025				
93	1421040334	Nguyễn Quang	Tùng	15/05/1996	13026				
94	1421070533	Phạm Thanh	Tùng	28/05/1996	13027				
95	1421070534	Phạm Văn	Tùng	06/10/1994	13028				
96	1521010145	Phạm Thị	Tươi	20/09/1997	13029				
97	1521010111	Đỗ Ngọc	Tuyền	26/08/1997	13030				
98	1421070540	Vũ Văn	Ước	02/03/1996	13031				
99	1321010417	Lê Thị	Vân	01/07/1995	13032				
100	1521060187	Nguyễn Anh	Văn	12/09/1997	13033				
101	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/1997	13034				
102	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	13035				
103	1624010302	Hoàng Quốc	Việt	09/01/1998	13036				
104	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	13037				
105	1521050168	Nguyễn Đại	Việt	22/03/1997	13038				
106	1521010122	Hồ Tuấn	Vũ	01/06/1997	13039				
107	1521030109	Lê Quang	Vũ	01/02/1996	13040				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030302 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật liệu xây dựng

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	13041				
2	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	13042				
3	1421070011	Dương Bá	Cảnh	18/03/1996	13043				
4	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	13044				
5	1521070262	Nguyễn Duy	Huân	10/01/1997	13045				
6	1321070147	Bùi Ngọc	Phương	04/09/1995	13046				
7	1521070024	Nguyễn Đức	Sơn	12/08/1997	13047				
8	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	13048				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050303 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở đo ảnh + BTL

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD303 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511030005	Nguyễn Văn	Bình	03/06/1997	13049				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050401 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Trắc địa cơ sở 1 + BTL

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050119	Phạm Văn	Chung	01/12/1996	13050				
2	1621030149	Trần Văn	Giang	26/02/1998	13051				
3	1621030138	Trần Hoàng	Hà	30/07/1998	13052				
4	1521050123	Nguyễn Tuấn	Hung	24/06/1997	13053				
5	1621030267	Lê Trường	Nam	20/03/1998	13054				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070216 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Quản trị học

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAA205

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010290	Nông Ngọc	ánh	29/08/1997	13055				
2	1524010186	Lê Đức	Chính	06/12/1997	13056				
3	1524010230	Đỗ Việt	Dương	15/05/1997	13057				
4	1524010133	Lê Thị	Mai	12/06/1997	13058				
5	1524010471	Phạm Tuyết	Minh	21/09/1997	13059				
6	1524010117	Đào Thị	Thành	16/11/1997	13060				
7	1521050011	Nguyễn Thị	Xuân	03/01/1997	13061				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070411 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tài chính tiền tệ

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAA205 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010306	Nguyễn Thị Hồng	Trang	24/11/1997	13062				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090152 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vận hành hệ thống điện

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAA205

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221060009	Ninh Văn	Bắc	01/07/1994	13063				
2	1421060569	Lưu Văn	Thanh	14/05/1994	13064				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tín hiệu và hệ thống

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	13065				
2	1521060133	Hồ Mậu	Đại	13/06/1997	13066				
3	1521060046	Phan Văn	Đạo	28/08/1997	13067				
4	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	13068				
5	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/1995	13069				
6	1521060150	Trần Trung	Đức	22/05/1997	13070				
7	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	13071				
8	1521060079	Nguyễn Hoàng	Dương	19/06/1997	13072				
9	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	13073				
10	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/1995	13074				
11	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/1997	13075				
12	1521060081	Trần Tiên	Hiệp	15/03/1997	13076				
13	1521060172	Đinh Quý	Hiếu	28/11/1997	13077				
14	1521060226	Đỗ Trọng	Hiếu	03/08/1997	13078				
15	1521060161	Vũ Minh	Hung	03/05/1997	13079				
16	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	13080				
17	1421060186	Hoàng Văn	Nam	25/10/1996	13081				
18	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	13082				
19	1521060064	Mạc Duy	Phương	06/10/1997	13083				
20	1521060168	Vũ Văn	Quyển	09/06/1997	13084				
21	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	13085				
22	1521060258	Nguyễn Thành	Tâm	10/01/1997	13086				
23	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/1995	13087				
24	1521060014	Mạc Duy	Thảo	25/08/1997	13088				
25	1631060005	Đặng Thành	Thịnh	20/09/1993	13089				
26	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	13090				
27	1521060256	Nguyễn Mạnh	Tuấn	24/10/1997	13091				
28	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	13092				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090209 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Điều khiển số

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060404	Lê Đức	Anh	13/09/1995	13093				
2	1321060006	Lê Tuấn	Anh	08/03/1993	13094				
3	1321060406	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1995	13095				
4	1321060012	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/1994	13096				
5	1321060022	Phùng Minh Chí	Bảo	05/08/1995	13097				
6	1321060028	Phạm Phú	Chiến	24/09/1995	13098				
7	1321060428	Phạm Văn	Công	24/04/1992	13099				
8	1321060037	Bùi Cao	Cường	06/09/1995	13100				
9	1321060061	Ngô Văn	Đại	10/06/1994	13101				
10	1321030495	Mạc Đức	Đạo	30/10/1995	13102				
11	1321060068	Nguyễn Thành	Đạt	23/08/1995	13103				
12	1321060464	Đoàn Mạnh	Đồng	01/07/1995	13104				
13	1321060467	Cao Xuân	Đức	25/10/1995	13105				
14	1321060085	Phạm Văn	Đức	19/09/1995	13106				
15	1321060355	Nguyễn Hồng	Duy	11/09/1995	13107				
16	1321060092	Đoàn Bá	Giang	06/11/1995	13108				
17	1321060093	Lương Ngọc	Giang	22/03/1995	13109				
18	1321060097	Đặng Ngọc	Hải	29/12/1995	13110				
19	1321060107	Nguyễn Kim	Hậu	02/10/1993	13111				
20	1321060120	Nguyễn Mạnh	Hiếu	20/08/1995	13112				
21	1321060492	Nguyễn Văn	Hòa	30/03/1995	13113				
22	1421060116	Trần Xuân	Hoàng	28/12/1995	13114				
23	1321060139	Phạm Văn	Hùng	23/04/1995	13115				
24	1321060512	Trịnh Quang	Huy	28/09/1994	13116				
25	1321060149	Phạm Thị	Huyền	10/08/1995	13117				
26	1321060150	Ngô Huy	Huỳnh	21/08/1995	13118				
27	1321060157	Nguyễn Thành	Khôi	31/08/1993	13119				
28	1321060158	Phạm Đức	Khôi	17/11/1995	13120				
29	1321060159	Nguyễn Đắc	Khuong	05/06/1995	13121				
30	1321060535	Lý Huy	Kiên	30/06/1995	13122				
31	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/1994	13123				
32	1321060552	Trần Xuân	Lộc	26/12/1995	13124				
33	1321060181	Đỗ Đăng	Mạnh	08/03/1995	13125				
34	1321060187	Nguyễn Văn	Minh	20/02/1995	13126				
35	1321060189	Trần Trọng	Minh	28/02/1995	13127				
36	1321060202	Cao Văn	Nghiên	22/10/1995	13128				
37	1321060575	Lê Thị Mỹ	Ngọc	04/09/1995	13129				
38	1321060205	Phạm Thiện	Ngọc	05/04/1994	13130				
39	1321060208	Hoàng Văn	Nhật	05/05/1995	13131				
40	1321060253	Lê Văn	Tâm	20/01/1995	13132				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090209 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Điều khiển số

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321060262	Phạm Quang	Thái	06/08/1995	13133				
42	1321060611	Lương Thị Hồng	Thắm	26/07/1995	13134				
43	1321060266	Bùi Văn	Thành	24/08/1994	13135				
44	1321060268	Lê Văn	Thành	07/03/1995	13136				
45	1321060273	Trần Văn	Thành	25/04/1995	13137				
46	1321060291	Phạm Văn	Thế	03/02/1995	13138				
47	1321060292	Nguyễn Thuận	Thiên	05/04/1995	13139				
48	1321060314	Đào Văn	Tĩnh	14/10/1994	13140				
49	1321060341	Phạm Đức	Tùng	11/05/1995	13141				
50	1321060342	Trần Thanh	Tùng	29/08/1995	13142				
51	1321030989	Đặng Thế	Vương	01/10/1995	13143				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090219 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Mạng truyền thông công nghiệp

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	13144				
2	1221060234	Nguyễn Văn	Chiến	15/07/1993	13145				
3	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/1995	13146				
4	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	13147				
5	1321060134	Lê Văn	Hùng	26/01/1995	13148				
6	1321060519	Nguyễn Văn Hoàng	Hung	30/10/1995	13149				
7	1221060352	Phạm Xuân	Minh	19/05/1994	13150				
8	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	13151				
9	1321060283	Lê Tiến	Thắng	22/07/1995	13152				
10	1321060613	Ngô Minh	Thắng	06/05/1995	13153				
11	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/1995	13154				
12	1631060006	Phạm Đình	Tiến	25/10/1993	13155				
13	1321060319	Phan Văn	Trung	21/11/1995	13156				
14	1531060032	Đoàn Anh	Tuấn	10/03/1994	13157				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4100204 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kết cấu bê tông cốt thép

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070169	Nguyễn Bá	Ân	17/06/1995	13158				
2	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/1996	13159				
3	1421070033	Đinh Văn	Định	10/01/1996	13160				
4	1421070035	Đinh Công	Đức	19/04/1994	13161				
5	1421070046	Hoàng Trọng	Hiệp	23/07/1996	13162				
6	1421070291	Nguyễn Cao	Hóa	28/01/1996	13163				
7	1421070053	Phan Thanh	Hùng	14/06/1996	13164				
8	1521070268	Vũ Đình	Hùng	26/11/1997	13165				
9	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	13166				
10	1421070062	Trần Quang	Khải	10/07/1996	13167				
11	1421070067	Nguyễn Duy	Khương	06/12/1996	13168				
12	1421070116	Nguyễn Toàn	Thăng	04/06/1996	13169				
13	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/1996	13170				
14	1421070495	Lâm Văn	Trình	19/02/1996	13171				
15	1421070131	Nguyễn Văn	Trường	13/07/1996	13172				
16	1321070205	Phạm Văn	Tuấn	05/05/1995	13173				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110114 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAA409

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010001L	Soudsaychai Homdoua	.	26/01/1997	13174				
2	1221050143	Đỗ Thị Lan	Anh	25/05/1994	13175				
3	1221030216	Hoàng Ngọc	Đạt	03/05/1994	13176				
4	1421030034	Lê Hồng	Dương	05/01/1996	13177				
5	1421020064	Đỗ Văn	Hiệu	25/07/1996	13178				
6	1421020002L	Khamthay	SYVILAY	08/09/1994	13179				
7	1421010319	Lê Đức	Thọ	07/09/1996	13180				
8	1321040330	Đoàn Đức	Vinh	21/11/1995	13181				
9	1531070410	Dương Văn	Vũ	05//0/195/	13182				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110236 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAA409

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050063	Đỗ Hoàng	Hải	04/07/1995	13183				
2	1221050042	Phạm Thị	Hằng	31/08/1994	13184				
3	1321050086	Lê Bá	Hùng	01/08/1994	13185				
4	1321040137	Đinh Văn	Hương	26/11/1994	13186				
5	1321020567	Nguyễn Quang	Huy	20/09/1994	13187				
6	1421030107	Vũ Văn	Khang	10/06/1996	13188				
7	1531070403	Nguyễn Khắc	Long	19//1/191/	13189				
8	1424010156	Vũ Minh	Phương	09/12/1996	13190				
9	1321050172	Phạm Anh	Sơn	04/05/1995	13191				
10	1421050615	Nguyễn Văn	Thiện	13/01/1996	13192				
11	1221020520	Bùi Đức	Trung	11/03/1994	13193				
12	1321020794	Lê Sơn	Tùng	14/10/1995	13194				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020004	Nguyễn Trường	An	22/02/1995	13195				
2	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	13196				
3	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	13197				
4	1621010045	Lưu Đức	Ba	06/06/1998	13198				
5	1631020067	Lương Văn	Bằng	14/05/1995	13199				
6	1321020026	Hoàng Quốc	Cần	20/01/1995	13200				
7	1421010034	Lê Thành	Chinh	08/06/1996	13201				
8	1421040027	Phạm Đức	Chính	20/01/1996	13202				
9	1221070021	Trần Minh	Công	24/08/1994	13203				
10	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	13204				
11	1521020052	Dương Công	Đang	29/04/1997	13205				
12	1411070008	Đinh Văn Thành	Đạt	03/07/1993	13206				
13	1421040062	Lê Tấn	Đạt	13/01/1995	13207				
14	1321040063	Phạm Quốc	Đạt	27/05/1995	13208				
15	1321020072	Trần Duy	Đông	29/08/1991	13209				
16	1221040068	Lê Trung	Đức	26/03/1994	13210				
17	1221040070	Nguyễn Anh	Đức	28/10/1993	13211				
18	1421020041	Nguyễn Anh	Đức	20/06/1996	13212				
19	1521020115	Nguyễn Minh	Đức	14/11/1997	13213				
20	1511060004	Nguyễn Việt	Đức	08/01/1997	13214				
21	1521020040	Trần Trung	Đức	07/10/1996	13215				
22	1321020043	Nguyễn Bá	Dũng	08/10/1995	13216				
23	1321060442	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/1993	13217				
24	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	13218				
25	1421040053	Trịnh Quang	Dũng	08/12/1996	13219				
26	1421040059	Đặng Văn	Dương	28/10/1996	13220				
27	1511060008	Nguyễn Văn	Dương	01/11/1997	13221				
28	1321030486	Vũ Đình	Duy	28/11/1995	13222				
29	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/1997	13223				
30	1321040477	Lã Hải	Hà	16/08/1995	13224				
31	1421040409	Đào Quang	Hải	07/02/1996	13225				
32	1521020108	Lê Quang	Hải	08/06/1997	13226				
33	1321060098	Nguyễn Hoài	Hải	23/02/1995	13227				
34	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	13228				
35	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/1996	13229				
36	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	13230				
37	1521020208	Đinh Xuân	Hòa	01/06/1997	13231				
38	1611040006	Nguyễn Xuân	Hòa	16/10/1998	13232				
39	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/1995	13233				
40	1521060368	Bùi Lê	Hoàng	14/04/1997	13234				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	13235				
42	1321070077	Phạm Đức	Hoàng	05/03/1995	13236				
43	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	13237				
44	1421020380	Bùi Việt	Hùng	06/11/1995	13238				
45	1511060020	Hoàng Văn	Hưng	28/09/1997	13239				
46	1411040029	Phạm Trần Quang	Huy	31/08/1995	13240				
47	1521060084	Đào Văn	Khánh	20/09/1997	13241				
48	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/1996	13242				
49	1521020079	Đông Đăng	Khoa	18/01/1993	13243				
50	1511060015	Lê Văn	Lợi	10/04/1997	13244				
51	1421070075	Trần Duy	Lợi	06/05/1995	13245				
52	1321060550	Phạm Văn	Long	01/04/1995	13246				
53	1511060013	Phạm Văn	Luân	15/10/1997	13247				
54	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/1997	13248				
55	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	13249				
56	1521020114	Nguyễn Danh	Lưu	08/10/1997	13250				
57	1411070031	Nguyễn Ngọc	Ly	25/01/1996	13251				
58	1521020068	Hà Trung	Minh	06/07/1997	13252				
59	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	13253				
60	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/1997	13254				
61	1411060118	Vũ Triệu	Minh	01/04/1996	13255				
62	1421020113	Lê Kỳ	Nam	19/02/1996	13256				
63	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	13257				
64	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/1997	13258				
65	1321040197	Hoàng Văn	Nhất	12/12/1995	13259				
66	1321040203	Đinh Văn	Phi	18/05/1995	13260				
67	1321070621	Nguyễn Tiến	Phúc	19/10/1995	13261				
68	1521020120	Vũ Hồng	Quân	09/06/1997	13262				
69	1631020073	Phạm Ngọc	Quyên	29/06/1995	13263				
70	1321060235	Nguyễn Văn	Quyết	20/11/1995	13264				
71	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	13265				
72	1611040009	Nguyễn Trường	Sơn	29/09/1998	13266				
73	1121020174	Nguyễn Văn	Sỹ	23/03/1993	13267				
74	1321070637	Dương Đức	Tâm	06/02/1995	13268				
75	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/1996	13269				
76	1631020075	Nguyễn Văn	Thành	04/01/1995	13270				
77	1611060012	Nguyễn Thị	Thao	12/04/1998	13271				
78	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	13272				
79	1611040012	Nguyễn Trọng	Thiện	05/07/1998	13273				
80	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/1996	13274				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421020585	Nguyễn Văn	Thịnh	07/06/1996	13275				
82	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/1995	13276				
83	1521020314	Đỗ Tất	Thường	15/02/1997	13277				
84	1421040283	Linh Sỹ	Thượng	17/04/1996	13278				
85	1521020070	Tổng Thị Thanh	Thùy	26/01/1997	13279				
86	1631020076	Hoàng Ngọc	Tiến	28/04/1995	13280				
87	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/1997	13281				
88	1321060320	Phùng Hữu	Trung	14/09/1995	13282				
89	1521020326	Nguyễn Xuân	Trương	26/11/1997	13283				
90	1521020112	Trần Nhật	Trương	03/08/1997	13284				
91	1521020003	Bùi Minh	Tuấn	03/06/1997	13285				
92	1321070203	Nguyễn Anh	Tuấn	20/08/1995	13286				
93	1521020382	Nguyễn Đăng	Tuấn	16/08/1997	13287				
94	1421020186	Vũ Đức	Tuấn	29/10/1996	13288				
95	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/1997	13289				
96	1521020086	Lê Thanh	Tuyển	13/07/1997	13290				
97	1611060003	Lê Trung	Văn	06/09/1998	13291				
98	1621070141	Hà Xuân	Vũ	24/03/1998	13292				
99	1421040348	Lê	Vũ	07/09/1996	13293				
100	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/1997	13294				
101	1611040015	Nguyễn Bắc	Vũ	12/09/1998	13295				
102	1421040573	Trần Hoàng	Vũ	21/06/1996	13296				
103	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	13297				
104	1611060021	Phan Quốc	Vương	28/01/1998	13298				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080604 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Phát triển ứng dụng tin học trong quản lý - văn phòng

Ngày thi: 8/12/2017 Phòng thi: HNAD203 Tiết bắt đầu: 6 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050011	Bùi Thị	ánh	14/07/1996	13299				
2	1421050083	Phạm Thị	Huyền	06/12/1995	13300				
3	1421050470	Dương Thị	Lan	10/11/1996	13301				
4	1421050140	Hoàng Thị Thúy	Ngân	17/12/1996	13302				
5	1421050211	Trần Thị Thanh	Tính	13/12/1996	13303				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010602 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020429	Nguyễn Văn	Biên	20/05/1992	13304				
2	1321020023	Lê Văn	Cảnh	12/09/1995	13305				
3	1411050007	Lê Đình	Chí	30/08/1995	13306				
4	1421040023	Trương Quang	Chí	07/11/1996	13307				
5	1321040433	Nguyễn Văn	Công	20/08/1994	13308				
6	1321060083	Mai Văn	Đức	20/02/1995	13309				
7	1321010072	Lê Trọng	Dũng	12/03/1995	13310				
8	1321010074	Ngô Thanh	Dũng	26/10/1995	13311				
9	1411060029	Nguyễn Ngọc	Duy	11/02/1996	13312				
10	1321050471	Phạm Hồng	Duy	11/01/1994	13313				
11	1321020092	Nguyễn Mạnh	Hiền	22/04/1994	13314				
12	1221030054	Đào Phan	Hiền	28/09/1994	13315				
13	1321011032	Hoàng Văn	Hiền	18/02/1995	13316				
14	1321010151	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/03/1995	13317				
15	1321070072	Phạm Quang	Hiếu	24/04/1995	13318				
16	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/1996	13319				
17	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	13320				
18	1321030092	Nguyễn Văn	Hùng	24/10/1995	13321				
19	1421050087	Nguyễn Duy	Hung	29/09/1996	13322				
20	1421050437	Trịnh Thị	Huyền	21/09/1996	13323				
21	1321010182	Hà Văn	Huỳnh	27/07/1994	13324				
22	1411030079	Phạm Ngọc	Khang	29/07/1996	13325				
23	1221040126	Phạm Văn	Khánh	12/06/1994	13326				
24	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	01/12/1996	13327				
25	1221070081	Phạm Khắc	Khương	15/10/1994	13328				
26	1411060098	Nông Trung	Kiên	06/08/1996	13329				
27	1411040036	Nguyễn Văn	Lâm	30/12/1995	13330				
28	1411040039	Đỗ Văn	Long	10/08/1996	13331				
29	1321070113	Nguyễn Gia	Lư	16/03/1995	13332				
30	1624010234	Trần Thị Hương	Ly	29/05/1998	13333				
31	1421050120	Hoàng Thị	Lý	21/09/1996	13334				
32	1411060118	Vũ Triệu	Minh	01/04/1996	13335				
33	1221030113	Kiều Bảo	Ngọc	15/05/1994	13336				
34	1421050534	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	08/04/1996	13337				
35	1611050011	Nguyễn Đình	Phong	23/01/1998	13338				
36	1321010438	Tạ Xuân	Phong	08/06/1994	13339				
37	1324010221	Đoàn Quang	Phương	22/10/1995	13340				
38	1321060232	Đoàn Văn	Quý	28/08/1995	13341				
39	1421050162	Trần Công	Quyết	19/03/1996	13342				
40	1624010152	Ngô Hồng	Sơn	31/12/1998	13343				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010602 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF2

Ngày thi: 8/12/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	13344				
42	1321010301	Phạm Văn	Tài	12/04/1995	13345				
43	1421050178	Phạm Minh	Tâm	20/11/1996	13346				
44	1411040051	Phạm Văn	Thanh	10/03/1996	13347				
45	1321030215	Nguyễn Viết	Thảo	30/01/1993	13348				
46	1321010325	Tào Thị Phương	Thảo	10/10/1995	13349				
47	1611040012	Nguyễn Trọng	Thiện	05/07/1998	13350				
48	1321020729	Nguyễn Văn	Thịnh	01/01/1995	13351				
49	1321040573	Phan Sang	Thu	20/02/1995	13352				
50	1321020212	Đoàn Đức	Thuận	21/09/1995	13353				
51	1321050199	Nguyễn Xuân	Thùy	19/04/1994	13354				
52	1321070190	Phạm Văn	Tiến	15/08/1995	13355				
53	1421050207	Phùng Danh	Tiến	21/07/1996	13356				
54	1624010733	Phan Việt	Trình	25/10/1998	13357				
55	1611050018	Phạm Đình	Tư	11/05/1998	13358				
56	1221020529	Trần Minh	Tuân	02/07/1994	13359				
57	1321040322	Đỗ Xuân	Tùng	17/10/1994	13360				
58	1321010406	Nguyễn Mạnh	Tùng	15/03/1995	13361				
59	1321030966	Trần Văn	Tùng	04/09/1995	13362				
60	1321070209	Nguyễn Đức	Tường	21/04/1995	13363				
61	1321020249	Nguyễn Văn	Tuyến	15/08/1995	13364				
62	1321040325	Phạm Văn	Tuyến	20/11/1995	13365				
63	1621060589	Đào Đình	Võ	27/11/1998	13366				
64	1611040015	Nguyễn Bắc	Vũ	12/09/1998	13367				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000005 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD302

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030032	Trần Đức	Duy	15/12/1996	13368				
2	1321070077	Phạm Đức	Hoàng	05/03/1995	13369				
3	1421040162	Phạm Thị	Liên	07/07/1996	13370				
4	1421070100	Phí Hồng	Quân	23/11/1996	13371				
5	1421030183	Lưu Thị Thu	Thảo	28/07/1996	13372				
6	1421060288	Vũ Anh	Tú	24/10/1995	13373				
7	1321040317	Nguyễn Anh	Tuấn	13/04/1995	13374				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA409

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411040004	Phạm Tuấn	Anh	09/02/1996	13375				
2	1321010111	Phạm Văn	Đông	30/09/1995	13376				
3	1411020008	Hoàng Kim	Duy	18/10/1995	13377				
4	1411060029	Nguyễn Ngọc	Duy	11/02/1996	13378				
5	1411060076	Nguyễn Đăng	Hùng	06/10/1996	13379				
6	1631070052	Nguyễn Văn	Hung	05/11/1992	13380				
7	1411030035	Nguyễn Thị Thanh	Lam	27/03/1996	13381				
8	1411060118	Vũ Triệu	Minh	01/04/1996	13382				
9	1411060163	Nguyễn Phương	Thảo	26/03/1995	13383				
10	1411030059	Giang Sơn	Thịnh	20/05/1996	13384				
11	1411050072	Nguyễn Thủy	Tiên	30/12/1996	13385				
12	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/1995	13386				
13	1321050766	Lưu Văn	Trường	24/11/1995	13387				
14	1321010412	Hà Đăng	Tường	02/04/1995	13388				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030069	Nguyễn Minh	An	27/09/1998	13389				
2	1621050322	Phạm Trường	An	04/10/1998	13390				
3	1521030114	Phạm Xuân	An	17/06/1997	13391				
4	1621040076	Vũ Duy	An	05/01/1998	13392				
5	1621040121	Bùi Văn	Anh	24/10/1998	13393				
6	1621040025	Hoàng Tuấn	Anh	04/01/1998	13394				
7	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	13395				
8	1321070405	Lê Tuấn	Anh	11/04/1995	13396				
9	1621050624	Lê Tuấn	Anh	08/04/1998	13397				
10	1621060474	Lê Việt	Anh	02/01/1998	13398				
11	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	13399				
12	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	13400				
13	1621050603	Nguyễn Nam	Anh	25/08/1998	13401				
14	1621050512	Nguyễn Quang Duy	Anh	08/10/1998	13402				
15	1321040007	Nguyễn Tuấn	Anh	19/06/1995	13403				
16	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	13404				
17	1621010222	Nguyễn Tùng Quang	Anh	11/03/1998	13405				
18	1621050383	Vũ Quang Tuấn	Anh	07/10/1998	13406				
19	1621050413	Vũ Thị	Anh	06/03/1997	13407				
20	1621050827	Đỗ Xuân	Bách	13/07/1998	13408				
21	1621060148	Nguyễn Quang	Bách	15/02/1998	13409				
22	1221020007	Nguyễn Xuân	Bách	22/02/1994	13410				
23	1621060703	Đinh Quốc	Bảo	03/09/1998	13411				
24	1621050467	Hà Vĩnh Nhật	Bảo	23/02/1998	13412				
25	1621060790	Hà Ngọc	Biên	06/06/1997	13413				
26	1621060992	Nguyễn Bá	Bình	31/10/1998	13414				
27	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	13415				
28	1621050422	Phạm Tiến	Cánh	20/03/1998	13416				
29	1621060471	Vũ Hồng	Cát	30/10/1998	13417				
30	1621010727	Đậu Đình	Chắt	09/04/1997	13418				
31	1621050186	Nguyễn Thế	Châu	16/02/1998	13419				
32	1621050305	Nguyễn Thị	Chi	23/08/1998	13420				
33	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	13421				
34	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	13422				
35	1621060227	Nguyễn Minh	Chiến	06/06/1998	13423				
36	1621060274	Nguyễn Minh	Chiến	17/06/1998	13424				
37	1621050281	Trần Minh	Chiến	02/03/1998	13425				
38	1621050886	Nguyễn Công	Chính	10/06/1998	13426				
39	1621060573	Nguyễn Đức	Chính	26/06/1998	13427				
40	1621050188	Nguyễn Văn	Chuẩn	28/04/1998	13428				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	13429				
42	1621030045	Hoàng Đình	Cường	16/10/1998	13430				
43	1621060056	Lê Mạnh	Cường	26/03/1998	13431				
44	1621050524	Nguyễn Năng	Cường	05/06/1998	13432				
45	1621050575	Nguyễn Ngọc	Cường	08/05/1998	13433				
46	1621060698	Nguyễn Hải	Đăng	23/03/1998	13434				
47	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	21/11/1998	13435				
48	1621070724	Bùi Duy	Đạt	10/10/1997	13436				
49	1621010258	Lê Xuân	Đạt	01/12/1998	13437				
50	1621060409	Nguyễn Tiến	Đạt	06/05/1998	13438				
51	1621040053	Phạm Thành	Đạt	01/05/1998	13439				
52	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	13440				
53	1621060851	Đỗ Văn	Dinh	13/05/1998	13441				
54	1621070004	Lưu Văn	Đoan	03/03/1998	13442				
55	1621070065	Phan Văn	Đông	30/01/1998	13443				
56	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	13444				
57	1621050304	Đoàn Trung	Đức	14/03/1998	13445				
58	1621050019	Lê Chí	Đức	23/01/1998	13446				
59	1411030022	Phạm Minh	Đức	22/08/1996	13447				
60	1621050368	Trần Anh	Đức	12/09/1998	13448				
61	1621050635	Trần Xuân	Đức	07/01/1998	13449				
62	1621060475	Trịnh Minh	Đức	14/04/1998	13450				
63	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	13451				
64	1521050144	Từ Minh	Đức	04/02/1997	13452				
65	1621060361	Bùi Tiến	Dũng	26/12/1998	13453				
66	1621060666	Đỗ Mạnh	Dũng	25/12/1998	13454				
67	1621020714	Lê Văn	Dũng	29/06/1998	13455				
68	1621070024	Lê Việt	Dũng	01/07/1998	13456				
69	1621050090	Nguyễn Mạnh	Dũng	11/04/1998	13457				
70	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	09/09/1998	13458				
71	1321040048	Nguyễn Văn	Dũng	16/03/1995	13459				
72	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/1996	13460				
73	1621030023	Trần Tiến	Dũng	06/12/1998	13461				
74	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	13462				
75	1621020053	Vũ Hoàng	Dương	08/04/1997	13463				
76	1621060302	Lê Văn	Duy	21/06/1998	13464				
77	1621060239	Nguyễn Khương	Duy	23/10/1998	13465				
78	1621080026	Nguyễn Văn	Duy	02/09/1998	13466				
79	1621050433	Trần Đăng	Duy	18/03/1998	13467				
80	1621010141	Vũ Đức	Duy	20/10/1998	13468				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060063	Bùi Việt	Hà	28/09/1998	13469				
82	1631060008	Nguyễn Trọng	Hà	24/08/1995	13470				
83	1621020709	Trần Mạnh	Hà	28/10/1998	13471				
84	1621070711	Trần Thu	Hà	01/10/1998	13472				
85	1621040117	Đinh Ngọc	Hải	29/06/1998	13473				
86	1621061106	Đinh Trần	Hải	02/10/1998	13474				
87	1521020108	Lê Quang	Hải	08/06/1997	13475				
88	1621060533	Nguyễn Đức	Hải	07/02/1998	13476				
89	1621060328	Nguyễn Minh	Hải	07/08/1998	13477				
90	1621050470	Nguyễn Thanh	Hải	01/10/1997	13478				
91	1621020712	Nguyễn Thị Thanh	Hải	29/05/1998	13479				
92	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/1997	13480				
93	1621061062	Nguyễn Văn	Hải	27/05/1996	13481				
94	1621070014	Nguyễn Việt	Hải	09/12/1998	13482				
95	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	13483				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621040111	Trương Thanh	Hải	05/09/1998	13484				
2	1621050549	Nguyễn Thị	Hằng	27/10/1998	13485				
3	1621010210	Nguyễn Thị	Hạnh	09/10/1998	13486				
4	1621070164	Lê Sỹ	Hào	09/11/1998	13487				
5	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	13488				
6	1621070216	Phạm Thanh	Hào	20/06/1997	13489				
7	1621010152	Trần Phùng Trung	Hiển	16/08/1998	13490				
8	1621061074	Vũ Thị	Hiển	20/01/1998	13491				
9	1621010267	Hồ Sỹ	Hiển	20/10/1997	13492				
10	1621060884	Trần Văn	Hiển	21/07/1998	13493				
11	1621060257	Nguyễn Quang	Hiệp	01/07/1998	13494				
12	1621060784	Phạm Tuấn	Hiệp	07/09/1998	13495				
13	1621060177	Trần Ngọc	Hiệp	14/10/1998	13496				
14	1621050063	Trần Văn	Hiệp	19/10/1998	13497				
15	1621050159	Trương Hoàng	Hiệp	19/09/1998	13498				
16	1321050074	Vũ Sỹ	Hiệp	08/11/1995	13499				
17	1621060294	Hoàng Bá	Hiếu	20/01/1998	13500				
18	1621050027	Hoàng Minh	Hiếu	23/10/1998	13501				
19	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	13502				
20	1621060830	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/06/1998	13503				
21	1621060010	Nguyễn Minh	Hiếu	11/04/1998	13504				
22	1621070193	Nguyễn Trọng	Hiếu	22/12/1997	13505				
23	1621060535	Nguyễn Trung	Hiếu	30/05/1998	13506				
24	1621060377	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1998	13507				
25	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	13508				
26	1621060038	Trần Đăng	Hiếu	26/11/1998	13509				
27	1521010065	Trần Minh	Hiếu	20/09/1997	13510				
28	1621010232	Trần Minh	Hiếu	12/06/1998	13511				
29	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	13512				
30	1621050634	Vũ Huy	Hiếu	01/07/1998	13513				
31	1621050054	Vũ Minh	Hiếu	08/11/1998	13514				
32	1621030030	Nguyễn Trung	Hóa	14/02/1998	13515				
33	1621050855	Lương Xuân	Hòa	03/08/1998	13516				
34	1621010007	Cao Văn	Hoan	19/10/1998	13517				
35	1621070094	Nguyễn Xuân	Hoan	21/05/1997	13518				
36	1621050080	LêBAT	Hoàn	01/06/1998	13519				
37	1621060717	Lưu Văn	Hoàn	27/10/1998	13520				
38	1321040490	Cao Vũ Duy	Hoàng	29/10/1995	13521				
39	1621040006	Ngô Huy	Hoàng	14/02/1998	13522				
40	1621060071	Nguyễn Như	Hoàng	17/08/1998	13523				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050481	Nguyễn Tiến	Hoàng	02/09/1998	13524				
42	1621050449	Phạm Minh	Hoàng	30/11/1998	13525				
43	1621060804	Phạm Minh	Hoàng	01/12/1998	13526				
44	1621060118	Thân Huy	Hoàng	08/07/1998	13527				
45	1621060318	Trần Việt	Hoàng	06/09/1998	13528				
46	1621060828	Vũ Đình	Hoàng	16/01/1998	13529				
47	1621050840	Vũ Nguyên	Hoàng	16/03/1998	13530				
48	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	13531				
49	1621050028	Trần Văn	Học	21/11/1998	13532				
50	1621040072	Ma Thị Minh	Huế	30/08/1998	13533				
51	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	13534				
52	1621060567	Đỗ Xuân	Hùng	20/04/1998	13535				
53	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	13536				
54	1621050042	Nguyễn Mạnh	Hùng	19/05/1998	13537				
55	1621010364	Nguyễn Quốc	Hùng	10/12/1997	13538				
56	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	29/04/1998	13539				
57	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/1995	13540				
58	1621060522	Nguyễn Việt	Hùng	28/06/1998	13541				
59	1621050877	Tổng Duy	Hùng	16/10/1998	13542				
60	1621050475	Nguyễn Công	Hưng	20/05/1997	13543				
61	1421020405	Phạm Việt	Hưng	17/06/1996	13544				
62	1621080072	Nguyễn Thị Lan	Hương	07/10/1998	13545				
63	1621060831	Nguyễn Văn	Hương	18/10/1998	13546				
64	1621050630	Nguyễn Thị	Hường	13/12/1998	13547				
65	1621070082	Chữ Mạnh	Hương	20/09/1997	13548				
66	1621050842	Lê Quang	Huy	29/01/1998	13549				
67	1621060669	Lưu Quang	Huy	24/12/1998	13550				
68	1321040124	Nguyễn Quang	Huy	30/01/1995	13551				
69	1621050548	Trần Quang	Huy	09/09/1998	13552				
70	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	04/09/1998	13553				
71	1621060799	Vì Tiến	Huy	11/09/1998	13554				
72	1621030084	Vũ Đức	Huy	14/09/1998	13555				
73	1621010737	Hoàng Thị	Huyền	08/12/1998	13556				
74	1621080728	Lê Vũ Ngọc	Huyền	14/06/1998	13557				
75	1621050900	Biasavanh	INTHICHA	25/08/1997	13558				
76	1621060115	Lương Minh	Khang	18/12/1998	13559				
77	1621061018	Đỗ Ngọc	Khánh	29/10/1998	13560				
78	1621050841	Nguyễn Thị	Khánh	28/07/1998	13561				
79	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	13562				
80	1621030073	Nguyễn Ngọc	Khiêm	18/12/1998	13563				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/1996	13564				
82	1321060157	Nguyễn Thành	Khôi	31/08/1993	13565				
83	1621050407	Nguyễn Trọng	Khuê	01/08/1998	13566				
84	1621060116	Lê Đình	Kiên	12/10/1998	13567				
85	1411060098	Nông Trung	Kiên	06/08/1996	13568				
86	1621010724	Phạm Văn	Kiên	20/10/1997	13569				
87	1621040099	Nguyễn Hoa	Kỳ	23/12/1998	13570				
88	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	13571				
89	1621070132	Nguyễn Thanh	Lịch	05/01/1998	13572				
90	1621040801	Somsak	LIDTHIDE	26/01/1996	13573				
91	1621060205	Đinh Khắc Quang	Linh	26/04/1998	13574				
92	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	13575				
93	1621060202	Mai Ngọc	Linh	02/04/1998	13576				
94	1421080264	Nguyễn Nhật	Linh	10/04/1996	13577				
95	1621060436	Nguyễn Quang	Linh	12/11/1998	13578				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060288	Nguyễn Thị Hải	Linh	20/02/1998	13579				
2	1621050399	Nguyễn Thị Hoài	Linh	26/10/1998	13580				
3	1621080152	Nguyễn Thị Thùy	Linh	27/01/1998	13581				
4	1621060445	Trịnh Văn	Linh	08/01/1998	13582				
5	1621060973	Nguyễn Trọng	Linh	21/11/1998	13583				
6	1621060088	Vũ Thị Kim	Loan	06/05/1998	13584				
7	1621061013	Phạm Văn	Lộc	16/08/1998	13585				
8	1621050745	Lê Minh	Long	23/04/1998	13586				
9	1621050077	Nguyễn Duy	Long	01/04/1998	13587				
10	1221060343	Vũ Thành	Long	20/05/1988	13588				
11	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	13589				
12	1621050100	Nguyễn Văn	Luật	30/07/1998	13590				
13	1621060483	Trần Tiến	Lực	07/08/1996	13591				
14	1621060996	Nguyễn Chí	Lương	03/01/1998	13592				
15	1621070059	Lê Quang	Lượng	03/07/1998	13593				
16	1621070109	Nguyễn Văn	Lượng	22/08/1998	13594				
17	1621010118	Nguyễn Văn	Lưu	29/01/1998	13595				
18	1621050550	Bùi Đức	Mạnh	02/07/1998	13596				
19	1621060788	Đặng Văn	Mạnh	10/02/1998	13597				
20	1621070732	Vũ Văn	Mậu	11/05/1998	13598				
21	1621050599	Bùi Đức	Minh	13/07/1998	13599				
22	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	13600				
23	1621070136	Lê Văn	Minh	05/03/1998	13601				
24	1621060193	Lưu Công	Minh	25/02/1998	13602				
25	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	13603				
26	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	13604				
27	1621060280	Nguyễn Văn	Minh	20/08/1998	13605				
28	1621060979	Nguyễn Anh	Mười	06/04/1998	13606				
29	1621060007	Vũ Văn	Mười	26/03/1998	13607				
30	1621080052	Nguyễn Diệp	My	07/10/1998	13608				
31	1621050456	Nguyễn Thị	My	19/03/1998	13609				
32	1621060408	Đặng Trung	Nam	22/01/1998	13610				
33	1621020706	Hoàng Duy	Nam	03/06/1998	13611				
34	1621030005	Hoàng Văn	Nam	04/09/1998	13612				
35	1621050126	Khương Xuân	Nam	02/07/1998	13613				
36	1621030707	Lê Xuân	Nam	28/08/1998	13614				
37	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	06/02/1998	13615				
38	1621060550	Phạm Viết	Nam	11/02/1998	13616				
39	1621060520	Phạm Xuân	Nam	03/12/1998	13617				
40	1621050584	Trần Đức	Nam	06/12/1998	13618				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060084	Vũ Thái	Nam	09/06/1998	13619				
42	1421040194	Vũ Trọng	Nam	21/09/1996	13620				
43	1521020054	Bùi Đại	Nghĩa	26/12/1997	13621				
44	1621010326	Trần Đại	Nghĩa	20/04/1998	13622				
45	1321040193	Đinh Quang	Ngọc	17/05/1994	13623				
46	1621060689	Trần Văn	Ngọc	18/03/1998	13624				
47	1621060139	Vũ Trọng	Nguyên	10/03/1997	13625				
48	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	13626				
49	1621050280	Trần Dư	Phan	03/08/1998	13627				
50	1621050608	Vũ Tấn	Phát	30/08/1998	13628				
51	1411060129	Nguyễn Văn	Phi	20/12/1996	13629				
52	1621080042	Nguyễn Hồng	Phong	29/06/1998	13630				
53	1621060552	Nguyễn Tất	Phong	30/10/1998	13631				
54	1621050805	Bùi Văn	Quân	24/02/1998	13632				
55	1621010186	Nguyễn Hữu	Quân	24/10/1998	13633				
56	1621010159	Nguyễn Khắc	Quân	08/04/1997	13634				
57	1621050320	Nguyễn Trung	Quân	26/09/1998	13635				
58	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	13636				
59	1621060338	Vũ Hồng	Quân	01/04/1998	13637				
60	1621060899	Vũ Hồng	Quân	09/04/1998	13638				
61	1621050629	Bùi Nhật	Quang	25/10/1998	13639				
62	1421080098	Bùi Sỹ	Quang	07/03/1996	13640				
63	1621050288	Mai Cảnh	Quang	16/01/1998	13641				
64	1621060862	Nguyễn Vinh	Quang	09/05/1998	13642				
65	1621060479	Phạm Nhật	Quang	02/12/1998	13643				
66	1621010137	Phạm Tiến	Quang	04/06/1998	13644				
67	1621010175	Trần Thanh	Quang	05/11/1997	13645				
68	1621010313	Vương Đình	Quang	14/09/1998	13646				
69	1621060171	Trương Hữu	Quý	25/05/1998	13647				
70	1621040123	Nguyễn Văn	Quyền	26/06/1998	13648				
71	1621050239	Nguyễn Văn	Quyền	06/10/1998	13649				
72	1621070133	Trần Đức	Quyền	12/12/1998	13650				
73	1621050789	Vũ Văn	Quyết	18/03/1998	13651				
74	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/1995	13652				
75	1621010272	Lê Hữu	Sáng	25/05/1998	13653				
76	1621040800	Thanakone	SENGMAI	20/04/1997	13654				
77	1621040803	Somneuk	SITTHIEN	09/03/1994	13655				
78	1621030013	Thò Bá	Sở	21/01/1997	13656				
79	1621070175	Bùi Hoàng	Sơn	20/11/1998	13657				
80	1411050059	Hoàng Văn	Sơn	17/10/1996	13658				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060215	Lê Hồng	Sơn	26/08/1997	13659				
82	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	13660				
83	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	13661				
84	1621080101	Thái Minh	Sơn	02/08/1997	13662				
85	1621050497	Trần Ngọc	Sơn	06/08/1998	13663				
86	1621060117	Trần Văn	Sơn	24/05/1997	13664				
87	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	13665				
88	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	13666				
89	1621030072	Trần Minh	Tài	01/11/1998	13667				
90	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	13668				
91	1621030095	Trần Công	Tâm	31/03/1998	13669				
92	1621050605	Nguyễn Anh	Tân	04/11/1998	13670				
93	1621050880	Nguyễn Đình	Tân	27/08/1998	13671				
94	1621060977	Luyện Văn	Tấn	01/02/1998	13672				
95	1621050598	Nguyễn Văn	Thái	24/05/1996	13673				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060307	Nguyễn Văn	Thái	28/10/1998	13674				
2	1621060356	Phạm Đình	Thái	06/06/1998	13675				
3	1621050440	Đoàn Đức	Thắng	06/04/1998	13676				
4	1621050365	Kiều Mạnh	Thắng	25/02/1998	13677				
5	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	13678				
6	1621050139	Nguyễn Văn	Thắng	06/11/1998	13679				
7	1621050601	Nguyễn Văn	Thắng	19/08/1998	13680				
8	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	13681				
9	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/1994	13682				
10	1621050057	Phạm Văn	Thắng	12/11/1998	13683				
11	1621060508	Phạm Văn	Thắng	22/07/1997	13684				
12	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	13685				
13	1621050160	Đặng Văn	Thanh	14/03/1998	13686				
14	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	02/02/1996	13687				
15	1621070088	Nguyễn Ngọc	Thanh	24/11/1998	13688				
16	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/1995	13689				
17	1411040051	Phạm Văn	Thanh	10/03/1996	13690				
18	1621010383	Đinh Tiến	Thành	24/09/1997	13691				
19	1621050355	Nguyễn Văn	Thành	17/07/1998	13692				
20	1621060450	Phạm Văn	Thành	24/06/1998	13693				
21	1621050253	Nguyễn Văn	Thị	26/01/1998	13694				
22	1621050505	Vũ Ngọc	Thiên	02/09/1998	13695				
23	1421040523	Đỗ Đức	Thiện	30/04/1996	13696				
24	1621030094	Trần Văn	Thiện	08/01/1998	13697				
25	1621050478	Nguyễn Tiến	Thịnh	21/07/1998	13698				
26	1621060124	Nguyễn Xuân	Thịnh	29/11/1998	13699				
27	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	08/09/1998	13700				
28	1621050573	Trần Đức	Thịnh	10/03/1998	13701				
29	1321040573	Phan Sang	Thu	20/02/1995	13702				
30	1321050196	Tạ Ngọc	Thuần	16/01/1995	13703				
31	1621061082	Nguyễn Ngọc	Thuần	21/09/1998	13704				
32	1621050450	Nguyễn Phú	Thuận	06/11/1998	13705				
33	1621060460	Trần Ngọc	Thuận	18/09/1998	13706				
34	1621010307	Lê Chung	Thức	10/09/1998	13707				
35	1621050155	Nguyễn Ngọc	Tiến	26/03/1998	13708				
36	1621010180	Nguyễn Văn	Tiến	16/10/1998	13709				
37	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	13710				
38	1621070025	Trần Văn	Tiến	10/07/1998	13711				
39	1621060218	Trịnh Quang	Tiến	15/08/1998	13712				
40	1621060335	Tạ Quang	Tiếp	24/09/1998	13713				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010158	Vũ Thế	Tĩnh	23/01/1997	13714				
42	1621050423	Nguyễn Đức	Tĩnh	08/09/1998	13715				
43	1621050455	Đặng Đình	Toàn	20/10/1998	13716				
44	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	13717				
45	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	13718				
46	1621060999	Nguyễn Đức	Toàn	15/09/1996	13719				
47	1321060641	Trương Quốc	Toàn	04/08/1994	13720				
48	1621030063	Lê Hà	Trang	01/08/1998	13721				
49	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	13722				
50	1621050557	Trần Thị Nhật	Trang	19/11/1998	13723				
51	1621060642	Nguyễn Văn	Trọng	07/09/1998	13724				
52	1411050077	Lê Minh	Trung	19/05/1996	13725				
53	1621030036	Lê Quang	Trung	13/07/1998	13726				
54	1621040103	Nguyễn Bá	Trung	25/10/1998	13727				
55	1621010266	Trần Quang	Trung	13/03/1998	13728				
56	1621050412	Nguyễn Ngọc	Trường	10/07/1998	13729				
57	1621070028	Trần Xuân	Trường	19/02/1998	13730				
58	1621010081	Ứng Mạnh	Tú	08/02/1998	13731				
59	1521050294	Đỗ Anh	Tuấn	12/02/1997	13732				
60	1621030702	Hoàng Minh	Tuấn	23/02/1998	13733				
61	1621070209	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	25/06/1998	13734				
62	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	13735				
63	1621050571	Nguyễn Văn	Tuấn	25/02/1998	13736				
64	1621060260	Phạm Minh	Tuấn	18/10/1990	13737				
65	1621050416	Đinh Thanh	Tùng	09/06/1998	13738				
66	1621010199	Đồng Mạnh	Tùng	20/10/1998	13739				
67	1621080065	Lê Ngọc	Tùng	07/06/1998	13740				
68	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	13741				
69	1621070157	Nguyễn Bá	Tùng	11/09/1998	13742				
70	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/03/1998	13743				
71	1621050238	Trần Minh	Tùng	01/08/1998	13744				
72	1621050544	Trịnh Duy	Tùng	01/11/1998	13745				
73	1621050431	Nguyễn Tự	Tuyên	27/07/1998	13746				
74	1621060132	Cao Văn	Tuyển	27/01/1997	13747				
75	1621060733	Bùi Tuấn	Việt	05/02/1998	13748				
76	1411050088	Đỗ Quốc	Việt	08/06/1994	13749				
77	1621060558	Nguyễn Đức	Việt	16/03/1998	13750				
78	1621050243	Nguyễn Quốc	Việt	21/11/1998	13751				
79	1621061057	Nguyễn Văn	Việt	07/09/1998	13752				
80	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	27/10/1998	13753				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **8/14/2017** Phòng thi: **HNAD301** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621070083	Đặng Đình	Hùng	22/09/1998	13754				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030356 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học đá

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	01/01/1997	13755				
2	1521040110	Trần Đức	Cảnh	08/01/1997	13756				
3	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	13757				
4	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/02/1997	13758				
5	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/1995	13759				
6	1521040001	Bùi Thị Thu	Hà	28/08/1997	13760				
7	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	13761				
8	1521040240	Lý Như	Hoa	13/11/1996	13762				
9	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	13763				
10	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	13764				
11	1421040159	Nguyễn Thị út	Lệ	14/03/1996	13765				
12	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/1997	13766				
13	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/09/1997	13767				
14	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/1997	13768				
15	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	13769				
16	1521040291	Đỗ Minh	Sáng	04/04/1996	13770				
17	1521040292	Bùi Hoàng	Sơn	05/04/1997	13771				
18	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	13772				
19	1521040305	Cao Văn	Thành	07/01/1997	13773				
20	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiên	24/02/1997	13774				
21	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/1997	13775				
22	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/1997	13776				
23	1521040024	Nguyễn Thùy	Trang	22/04/1997	13777				
24	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	13778				
25	1521040319	Đặng Quang	Trung	01/09/1997	13779				
26	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	13780				
27	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	13781				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040207 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất mỏ

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511020007	Trần Tuấn	Anh	29/05/1997	13782				
2	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	13783				
3	1511020001	Bùi Đăng	Cường	18/09/1997	13784				
4	1521040042	Trịnh Mạnh	Dũng	12/09/1997	13785				
5	1411020015	Đỗ Trung	Hiếu	03/09/1996	13786				
6	1521040149	Lê Đình	Hoạt	15/02/1997	13787				
7	1521040176	Bùi Thế	Huy	28/09/1997	13788				
8	1421040131	Nguyễn Quang	Huy	11/09/1996	13789				
9	1521040098	Trần Trung	Kiên	05/07/1997	13790				
10	1521040009	Nguyễn Văn	Lợi	08/11/1997	13791				
11	1521040106	Nguyễn Văn	Minh	03/10/1997	13792				
12	1631040058	Nguyễn Công	Phú	11/10/1995	13793				
13	1421040268	Nguyễn Văn	Thắng	06/03/1996	13794				
14	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/1997	13795				
15	1521040175	Bùi Duy	Tình	19/11/1996	13796				
16	1411020038	Ngô Văn	Tinh	17/05/1994	13797				
17	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	13798				
18	1411020044	Hoàng Văn	Tuấn	14/07/1994	13799				
19	1421045011	Lê Văn	Tuấn	01/12/1996	13800				
20	1521040162	Nguyễn Đức	Tuấn	21/06/1997	13801				
21	1521040027	Vũ Văn	Tuấn	19/07/1997	13802				
22	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	13803				
23	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/1997	13804				
24	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	13805				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050202 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xây dựng lưới trắc địa

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA205

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030241	Vũ Sơn	An	16/06/1996	13806				
2	1421030255	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/11/1996	13807				
3	1421030005	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/1994	13808				
4	1421030043	Phạm Quang	Đạt	21/11/1995	13809				
5	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	13810				
6	1421030374	Nguyễn Hữu	Hùng	08/02/1995	13811				
7	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/1995	13812				
8	1631030020	Bùi Thanh	Ngọc	12/07/1995	13813				
9	1421030611	Nguyễn Văn	Tuấn	09/08/1996	13814				
10	1321030966	Trần Văn	Tùng	04/09/1995	13815				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060142 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa vật lý đại cương

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010129	Đinh Hải	Anh	20/08/1996	13816				
2	1421020236	Đặng Thanh	Bình	25/05/1996	13817				
3	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/1997	13818				
4	1631070051	Phạm Minh	Đạt	22/10/1992	13819				
5	1321050058	Vũ Ngọc	Đô	22/05/1994	13820				
6	1521010161	Lê Văn	Đuẩn	18/01/1996	13821				
7	1521020115	Nguyễn Minh	Đức	14/11/1997	13822				
8	1521020162	Phạm Minh	Đức	28/10/1997	13823				
9	1521020067	Nguyễn Tiến	Dũng	29/10/1996	13824				
10	1521010210	Nguyễn Văn	Dũng	28/11/1995	13825				
11	1521020083	Tạ Văn	Được	20/08/1996	13826				
12	1531070014	Vũ Xuân	Dương	27/0/197/	13827				
13	1521020121	Nông Đức	Hoàng	16/06/1997	13828				
14	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	13829				
15	1321050107	Lê Minh	Khôi	18/04/1995	13830				
16	1521020082	Nguyễn Vũ	Kiên	05/03/1996	13831				
17	1421010172	Nguyễn Sơn	Lâm	07/01/1996	13832				
18	1321070588	Nguyễn Đức	Mạnh	21/01/1994	13833				
19	1521020068	Hà Trung	Minh	06/07/1997	13834				
20	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/1997	13835				
21	1421050541	Ngô Đình	Phong	08/11/1995	13836				
22	1521010253	Đỗ Duy	Phúc	22/01/1997	13837				
23	1521020314	Đỗ Tất	Thương	15/02/1997	13838				
24	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	13839				
25	1521010300	Hoàng Văn	Tú	26/11/1997	13840				
26	1521010281	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	14/08/1997	13841				
27	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/1997	13842				
28	1521010209	Trần Vũ Hải	Vinh	07/04/1997	13843				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060210 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý via dầu khí + TH

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA304

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010128	Doãn Huy	Hoàng	10/08/1996	13844				
2	1421010403	Nghiêm Quang	Khánh	13/05/1996	13845				
3	1421010176	Bùi Thị	Linh	03/05/1996	13846				
4	1424010445	Đỗ Thế Phương	Nam	03/06/1996	13847				
5	1421070119	Vũ Việt	Thắng	03/08/1996	13848				
6	1421020185	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/04/1996	13849				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060413 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Công nghệ khoan dầu khí

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA304

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	13850				
2	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/1996	13851				
3	1321010133	Trần Việt	Hà	03/02/1995	13852				
4	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/1995	13853				
5	1321010204	Cao Hoàng Nhật	Lân	20/01/1995	13854				
6	1221010327	Trần Công	Thắng	17/03/1994	13855				
7	1421010298	Phạm Văn	Thành	18/02/1996	13856				
8	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/1995	13857				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070205 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Marketing căn bản

Ngày thi: **8/14/2017** Phòng thi: **HNAA304** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050402	Phạm Duy	An	10/02/1993	13858				
2	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	13859				
3	1524010055	Nguyễn Thị Phương	Loan	05/01/1997	13860				
4	1321050642	Nguyễn Thị	Ngát	09/08/1995	13861				
5	1524010189	Lưu Thị	Quyên	25/01/1997	13862				
6	1321050172	Phạm Anh	Sơn	04/05/1995	13863				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070215 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tâm lý học quản trị kinh doanh

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA304

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010014	Ngô Hoàng	Ân	14/08/1996	13864				
2	1524010099	Nguyễn Trà	My	24/12/1997	13865				
3	1324010221	Đoàn Quang	Phương	22/10/1995	13866				
4	1424010169	Nguyễn Cao	Sơn	04/05/1996	13867				
5	1421040552	Lý Anh	Tú	09/07/1996	13868				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080122 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin

Ngày thi: 8/14/2017 Phòng thi: HNAA203 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050128	Cao Thế	Anh	23/02/1997	13869				
2	1421050279	Phạm Hà	Bắc	12/02/1996	13870				
3	1521050041	Nguyễn Mạnh	Cường	17/01/1997	13871				
4	1521050178	Nguyễn Xuân	Cường	10/12/1997	13872				
5	1321050070	Phan Thị	Hằng	12/10/1995	13873				
6	1521050275	Phạm Mạnh	Hiếu	25/10/1997	13874				
7	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/1995	13875				
8	1521050214	Tạ Tấn	Lộc	21/02/1997	13876				
9	1521050433	Lê Hoàng	Nam	28/03/1996	13877				
10	1521050444	Phạm Quang	Nhật	03/02/1997	13878				
11	1521050121	Phí Thành	Phúc	02/05/1997	13879				
12	1521050124	Trần Tuấn	Quang	24/02/1997	13880				
13	1521050138	Nguyễn Hữu	Trang	04/10/1997	13881				
14	1521050163	Đỗ Đức	Trọng	17/02/1995	13882				
15	1521050033	Trần Văn	Tuấn	01/02/1997	13883				
16	1521050168	Nguyễn Đại	Việt	22/03/1997	13884				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090107 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: An toàn điện

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA203

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060426	Phạm Văn	Hoàng	11/05/1995	13885				
2	1321060275	Trịnh Văn	Thao	10/03/1995	13886				
3	1421060588	Phạm Văn	Thiện	17/04/1996	13887				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090222 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí
Ngày thi: **8/14/2017** Phòng thi: **HNAD402** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060400	Nguyễn Đình	An	15/05/1994	13888				
2	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	13889				
3	1321060416	Nguyễn Trọng	Bình	05/05/1994	13890				
4	1221060234	Nguyễn Văn	Chiến	15/07/1993	13891				
5	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	13892				
6	1321060426	Phạm Công	Chung	20/09/1995	13893				
7	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/1995	13894				
8	1321060436	Vũ Quốc	Cường	05/03/1994	13895				
9	1321060462	Ngô Đức	Đông	15/02/1995	13896				
10	1321060469	Lê Văn	Đức	09/06/1995	13897				
11	1321070055	Nguyễn Quý	Đức	08/10/1994	13898				
12	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/1995	13899				
13	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	13900				
14	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/1995	13901				
15	1321060133	Lâm Vũ	Hùng	14/01/1995	13902				
16	1321060526	Nguyễn Mạnh	Hương	09/10/1995	13903				
17	1321050604	Nguyễn Trung	Kiên	08/07/1995	13904				
18	1321060537	Nguyễn Văn	Kiên	04/09/1995	13905				
19	1321030680	Mai Ngọc	Linh	27/11/1995	13906				
20	1321060548	Hoàng Văn	Linh	12/01/1995	13907				
21	1321060169	Lê Hoàng	Long	03/06/1995	13908				
22	1321060550	Phạm Văn	Long	01/04/1995	13909				
23	1631060053	Vũ Nhật	Nam	28/09/1994	13910				
24	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	13911				
25	1221060379	Nguyễn Hà	Quảng	08/06/1994	13912				
26	1321060235	Nguyễn Văn	Quyết	20/11/1995	13913				
27	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/1994	13914				
28	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/1995	13915				
29	1321060260	Nguyễn Trọng	Thạch	04/09/1994	13916				
30	1321060283	Lê Tiến	Thắng	22/07/1995	13917				
31	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	13918				
32	1221060410	Trần Đình	Thành	01/09/1993	13919				
33	1321060685	Nguyễn Trọng	Thế	01/08/1994	13920				
34	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/1995	13921				
35	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	13922				
36	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/1995	13923				
37	1631060006	Phạm Đình	Tiến	25/10/1993	13924				
38	1321060312	Nguyễn Xuân	Tĩnh	24/09/1995	13925				
39	1221060456	Tổng Văn	Toại	06/01/1994	13926				
40	1321060642	Dương Văn	Ton	05/05/1994	13927				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090222 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí

Ngày thi: 8/14/2017 Phòng thi: HNAD402 Tiết bắt đầu: 3 Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321060650	Nguyễn Xuân	Trung	20/07/1995	13928				
42	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	13929				
43	1321060672	Nguyễn Văn	Tuyển	22/10/1994	13930				
44	1321060347	Phạm Thọ	Văn	13/10/1994	13931				
45	1224010334	Nguyễn Đức	Việt	16/02/1993	13932				
46	1321060675	Nguyễn Văn	Việt	25/03/1995	13933				
47	1321060349	Nguyễn Hoài	Vũ	02/04/1995	13934				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật điện +TN

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050027	Lương Xuân	Cương	15/08/1996	13935				
2	1521020196	Đào Trung	Hiếu	28/10/1996	13936				
3	1521020079	Đông Đăng	Khoa	18/01/1993	13937				
4	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/1997	13938				
5	1421060322D	Lý Láo	San	03/07/1995	13939				
6	1521020070	Tổng Thị Thanh	Thùy	26/01/1997	13940				
7	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/1997	13941				
8	1521020326	Nguyễn Xuân	Trường	26/11/1997	13942				
9	1521020112	Trần Nhật	Trường	03/08/1997	13943				
10	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/02/1995	13944				
11	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/1997	13945				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090541 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Máy thủy lực và máy nén khí

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010066	Phạm Văn	Dự	03/02/1996	13946				
2	1421010185	Hà Minh	Long	12/11/1996	13947				
3	1421010190	Lê Văn	Lực	09/05/1996	13948				
4	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/1996	13949				
5	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	13950				
6	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	06/08/1996	13951				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4100201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật liệu xây dựng

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/1997	13952				
2	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/1997	13953				
3	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	13954				
4	1521070133	Hoàng Hải	Đặng	03/01/1997	13955				
5	1521070132	Lương Hồng	Đặng	22/03/1997	13956				
6	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	13957				
7	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	13958				
8	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	13959				
9	1521070153	Trần Văn	Dương	07/07/1997	13960				
10	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/1997	13961				
11	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	13962				
12	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	13963				
13	1521070100	Đàm Xuân	Hiếu	13/08/1997	13964				
14	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	13965				
15	1521070470	Nguyễn Thế	Khoa	15/03/1995	13966				
16	1421070344	Nguyễn Khắc	Kim	15/10/1995	13967				
17	1521070157	Cung Đức	Lâm	02/06/1997	13968				
18	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/1997	13969				
19	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/1997	13970				
20	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/1997	13971				
21	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	13972				
22	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	13973				
23	1521070300	Phạm Đức	Long	18/12/1997	13974				
24	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	13975				
25	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	13976				
26	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/1996	13977				
27	1521070036	Trần Văn	Phú	31/03/1997	13978				
28	1521070325	Trần Hồng	Phúc	25/02/1997	13979				
29	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	13980				
30	1521070003	Phạm Đăng	Quân	21/03/1997	13981				
31	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/1995	13982				
32	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	13983				
33	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/1997	13984				
34	1521070043	Đỗ Thế	Tiến	24/08/1997	13985				
35	1511070005	Trần Văn	Trình	06/09/1997	13986				
36	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	13987				
37	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	06/12/1997	13988				
38	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/1997	13989				
39	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	13990				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050249	Cao Doãn	An	03/06/1995	13991				
2	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	13992				
3	1421050252	Đàm Trung	Anh	20/08/1996	13993				
4	1321050406	Đinh Tuấn	Anh	21/05/1995	13994				
5	1321040001	Đỗ Tuấn	Anh	10/10/1995	13995				
6	1221050145	Hà Thế	Anh	28/06/1993	13996				
7	1421010014	Nguyễn Tuấn	Anh	01/01/1996	13997				
8	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	13998				
9	1221060009	Ninh Văn	Bắc	01/07/1994	13999				
10	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/1994	14000				
11	1421020015	Phạm Văn	Bách	08/07/1996	14001				
12	1421020226	Trần Xuân	Bách	23/09/1994	14002				
13	1221010028	Lê Tuấn	Bằng	10/08/1994	14003				
14	1421060016	Bùi Văn	Bào	27/09/1995	14004				
15	1421030010	Đoàn Văn	Bào	23/07/1996	14005				
16	1321030018	Phạm Ngọc	Bào	08/10/1994	14006				
17	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	14007				
18	1421070009	Nguyễn Ninh	Bình	25/12/1996	14008				
19	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/1994	14009				
20	1321020023	Lê Văn	Cảnh	12/09/1995	14010				
21	1421050288	Nguyễn Tuấn	Cảnh	07/07/1996	14011				
22	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/1996	14012				
23	1521010398	Nguyễn Linh	Chi	26/07/1997	14013				
24	1421040381	Phạm Văn	Chiến	04/10/1995	14014				
25	1421070182	Giáp Văn	Chinh	25/07/1996	14015				
26	1421040027	Phạm Đức	Chính	20/01/1996	14016				
27	1321070429	Đỗ	Chung	05/08/1994	14017				
28	1221010043	Nguyễn Vũ Thành	Chung	26/12/1994	14018				
29	1421070189	Nguyễn Hữu	Công	14/11/1996	14019				
30	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/1995	14020				
31	1321050029	Phạm Ngô Anh	Cương	27/06/1995	14021				
32	1321060038	Bùi Khánh	Cường	28/06/1995	14022				
33	1421020255	Nguyễn Mạnh	Cường	09/08/1996	14023				
34	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	05/11/1996	14024				
35	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	14025				
36	1321020060	Trần Văn	Đàm	22/08/1994	14026				
37	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	14027				
38	1421060071	Nguyễn Văn	Đăng	06/04/1996	14028				
39	1321030040	Phạm Văn	Đăng	28/02/1994	14029				
40	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/1996	14030				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221010093	Vũ Văn	Đạt	25/07/1994	14031				
42	1321020039	Phạm Quý	Dậu	22/09/1993	14032				
43	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	14033				
44	1321030507	Lê Văn	Định	13/03/1993	14034				
45	1321010107	Lê Thành	Đô	08/02/1995	14035				
46	1421040073	Nguyễn Văn	Đô	30/09/1996	14036				
47	1421020040	Thân Văn	Đoàn	24/05/1996	14037				
48	1421060078	Nguyễn Văn	Đồng	03/03/1995	14038				
49	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	14039				
50	1421030317	Bùi Anh	Đức	12/09/1995	14040				
51	1321040072	Bùi Minh	Đức	01/08/1995	14041				
52	1421050049	Lê Tiến	Đức	10/02/1996	14042				
53	1421070036	Nguyễn Anh	Đức	01/02/1996	14043				
54	1421070249	Nguyễn Anh	Đức	10/08/1996	14044				
55	1421010088	Phạm Văn	Đức	29/07/1996	14045				
56	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	14046				
57	1421050036	Mỹ Duy	Dũng	10/02/1996	14047				
58	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	02/10/1996	14048				
59	1321040056	Phạm Thị Thùy	Dương	02/05/1995	14049				
60	1421060062	Trần Văn	Dương	18/09/1996	14050				
61	1521010363	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/07/1997	14051				
62	1421020048	Nguyễn Văn	Giáp	22/01/1995	14052				
63	1421070262	Cam Văn	Hà	25/04/1996	14053				
64	1321030529	Đào Đức	Hà	03/01/1994	14054				
65	1421060406	Nguyễn Đức	Hải	05/12/1995	14055				
66	1421060094	Nguyễn Đức	Hanh	26/04/1996	14056				
67	1321050066	Nguyễn Sông	Hào	10/11/1995	14057				
68	1421010100	Đặng Văn	Hào	05/10/1996	14058				
69	1321030074	Vũ Duy	Hiền	11/09/1995	14059				
70	1421030353	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1996	14060				
71	1321070500	Lê Minh	Hiếu	14/01/1995	14061				
72	1521010306	Nguyễn Danh	Hiếu	23/10/1997	14062				
73	1621060440	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/1998	14063				
74	1321030079	Phạm Văn	Hiếu	11/11/1995	14064				
75	1321010154	Vũ Trung	Hiếu	23/12/1994	14065				
76	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	14066				
77	1421040417	Đào Quang	Hoàng	13/09/1996	14067				
78	1521010432	Đỗ Tiến	Hoàng	01/10/1994	14068				
79	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	14069				
80	1421070302	Quang	Hoàng	29/10/1996	14070				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321050085	Trần Thị	Huệ	10/03/1995	14071				
82	1421050078	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/11/1995	14072				
83	1421010148	Cảnh Chi	Hung	18/04/1996	14073				
84	1421030099	Lê Văn	Hung	09/04/1993	14074				
85	1421010153	Trần Văn	Hung	01/10/1996	14075				
86	1421050443	Nguyễn Duy	Hương	15/03/1995	14076				
87	1321040137	Đình Văn	Hương	26/11/1994	14077				
88	1321070532	Đỗ Đức	Huy	23/02/1995	14078				
89	1421040128	Hoàng Quốc	Huy	27/08/1996	14079				
90	1421040130	Nguyễn Quang	Huy	19/08/1996	14080				
91	1421070055	Nguyễn Quang	Huy	30/11/1996	14081				
92	1421060132	Nguyễn Văn	Huy	01/04/1996	14082				
93	1321050093	Vũ Duy	Huy	28/03/1995	14083				
94	1421060137	Lê Thạc	Huỳnh	20/04/1996	14084				
95	1421050449	Bùi Văn	Kết	04/05/1995	14085				
96	1421040435	Hoàng Bảo	Khánh	14/07/1995	14086				
97	1421040152	Nguyễn Nam	Khánh	30/07/1995	14087				
98	1421070064	Trần Văn	Khánh	09/08/1995	14088				
99	1421070066	Trần Đăng	Khoa	01/11/1996	14089				
100	1421030413	Doãn Văn	Khương	18/02/1996	14090				
101	1421070067	Nguyễn Duy	Khương	06/12/1996	14091				
102	1321070106	Nguyễn Văn	Khương	17/01/1995	14092				
103	1321070561	Thẩm Quang	Lâm	19/03/1995	14093				
104	1321020136	Vũ Khánh	Lâm	16/07/1995	14094				
105	1421050470	Dương Thị	Lan	10/11/1996	14095				
106	1321030671	Trần Quốc	Lập	20/11/1995	14096				
107	1421040440	Trần Văn	Lê	11/11/1996	14097				
108	1421050104	Lê Thị	Lệ	18/04/1995	14098				
109	1321030674	Nguyễn Thị Bích	Liên	14/03/1995	14099				
110	1421050107	Ngô Thị	Linh	15/04/1996	14100				
111	1421050479	Nguyễn Nhật	Linh	16/11/1996	14101				
112	1321030124	Nguyễn Trọng	Linh	27/12/1994	14102				
113	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	14103				
114	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	14104				
115	1421010182	Trương Xuân	Linh	15/03/1996	14105				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060163	Nguyễn Xuân	Lộc	02/09/1996	14106				
2	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	14107				
3	1421040168	Nguyễn Hoàng	Long	11/10/1996	14108				
4	1421020092	Nguyễn Nhật	Long	08/08/1996	14109				
5	1421020448	Nguyễn Thế	Long	05/01/1994	14110				
6	1421020093	Thái Hoàng	Long	06/05/1996	14111				
7	1421020451	Trần Hiếu	Long	10/10/1996	14112				
8	1421060168	Đỗ Xuân	Mạnh	09/02/1996	14113				
9	1421060165	Dương Viết	Mạnh	15/06/1996	14114				
10	1321040529	Hà Trọng	Mạnh	10/09/1994	14115				
11	1321070119	Lê Trọng	Mạnh	04/10/1995	14116				
12	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/1996	14117				
13	1421070382	Nguyễn Tiến	Mạnh	23/03/1996	14118				
14	1421060171	Nguyễn Văn	Mạnh	21/01/1996	14119				
15	1421040457	Trần Văn	Mạnh	10/01/1993	14120				
16	1421040184	Võ Hồng	Mạnh	28/10/1996	14121				
17	1421020110	Phạm Văn	Minh	09/12/1995	14122				
18	1421050132	Lương Thị	Mừng	28/10/1996	14123				
19	1421040462	Đỗ Hồng	Nam	30/08/1996	14124				
20	1421060186	Hoàng Văn	Nam	25/10/1996	14125				
21	1421010213	Nguyễn Thành	Nam	02/01/1996	14126				
22	1421050521	Phạm Văn	Nam	06/04/1994	14127				
23	1321011079	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/03/1994	14128				
24	1321060202	Cao Văn	Nghiên	22/10/1995	14129				
25	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	05/08/1995	14130				
26	1421040207	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/12/1996	14131				
27	1321030773	Nguyễn Trọng	Pháp	17/07/1995	14132				
28	1321040204	Đỗ Văn	Phi	29/04/1995	14133				
29	1321070141	Nguyễn Hoàng	Phi	21/09/1995	14134				
30	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	14135				
31	1421020122	Nguyễn Trọng	Phong	20/11/1996	14136				
32	1531070047	Đỗ Trường	Phúc	25/0/197/	14137				
33	1321050158	Mai Đức	Phúc	01/06/1995	14138				
34	1421050154	Nguyễn Văn	Phúc	28/11/1996	14139				
35	1421030500	Vũ Minh	Phương	01/10/1996	14140				
36	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	14141				
37	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	14142				
38	1421050159	Nguyễn Viết	Quang	07/07/1996	14143				
39	1421040221	Phạm Đình	Quảng	18/11/1996	14144				
40	1221040203	Vũ Văn	Quý	03/05/1994	14145				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421020132	Phạm Văn	Quyền	06/10/1996	14146				
42	1421030163	Đặng Thanh	Sơn	28/04/1996	14147				
43	1421050168	Dương Xuân	Sơn	25/10/1995	14148				
44	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/1996	14149				
45	1421050176	Phạm Thái	Tài	27/04/1996	14150				
46	1421030171	Thái Văn	Tài	18/11/1996	14151				
47	1421060239	Lê Doãn	Tâm	16/05/1995	14152				
48	1514010001	Trương Thị	Tâm	23/09/1997	14153				
49	1421050179	Ngô Bá	Tân	07/02/1996	14154				
50	1421070109	Đào Nguyên	Tấn	10/01/1996	14155				
51	1421040236	Nguyễn Trọng	Tạo	24/01/1996	14156				
52	1321070164	Cao Hoàng	Thạch	11/05/1989	14157				
53	1421070110	Đặng Quốc	Thạch	27/01/1996	14158				
54	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/1995	14159				
55	1321060282	Lê Quang	Thắng	20/04/1995	14160				
56	1421030558	Lường Khắc	Thắng	09/07/1996	14161				
57	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	14162				
58	1421050184	Nguyễn Duy	Thành	06/03/1995	14163				
59	1421010300	Phí Trung	Thành	03/03/1996	14164				
60	1321050181	Hồ Trung	Thao	17/11/1994	14165				
61	1321070175	Nguyễn Thu	Thảo	02/11/1995	14166				
62	1421020582	Hoàng Minh	Thép	12/12/1996	14167				
63	1421030192	Nguyễn Thị ái	Thi	29/11/1996	14168				
64	1421070121	Nguyễn Đức	Thiện	25/08/1996	14169				
65	1321070181	Phạm Duy	Thiện	16/11/1995	14170				
66	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	14171				
67	1421070123	Hoàng Văn	Thống	17/05/1994	14172				
68	1421050196	Nguyễn Thị	Thu	22/01/1995	14173				
69	1321070184	Đinh Văn	Thuận	28/10/1995	14174				
70	1321070186	Hoàng	Thương	05/05/1994	14175				
71	1421020159	Lê Đức	Thùy	29/04/1996	14176				
72	1321050199	Nguyễn Xuân	Thùy	19/04/1994	14177				
73	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	07/10/1996	14178				
74	1321070668	Hà Văn	Tiến	16/08/1994	14179				
75	1421010332	Lường Hữu	Tiến	05/09/1996	14180				
76	1421050207	Phùng Danh	Tiến	21/07/1996	14181				
77	1321040582	Nguyễn Đức	Tiếp	12/07/1995	14182				
78	1421040530	Nguyễn Trung	Tín	05/09/1995	14183				
79	1421010335	Trần Đức	Tín	05/05/1996	14184				
80	1421050211	Trần Thị Thanh	Tính	13/12/1996	14185				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421040532	Lê Hữu	Tĩnh	30/08/1996	14186				
82	1221060144	Trần Văn	Tĩnh	03/05/1994	14187				
83	1321050206	Đoàn Đức	Toàn	27/06/1995	14188				
84	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/1994	14189				
85	1421040298	Nguyễn Thị	Trang	27/05/1996	14190				
86	1421050216	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	10/06/1996	14191				
87	1421070493	Ngô Minh	Trí	23/09/1996	14192				
88	1421020628	Vũ Văn	Trọng	15/12/1996	14193				
89	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	14194				
90	1421040542	Nguyễn Lê	Trung	23/10/1996	14195				
91	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	14196				
92	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	14197				
93	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/1996	14198				
94	1321030246	Nguyễn Xuân	Trường	24/08/1994	14199				
95	1421040311	Đình Quốc	Trường	17/02/1996	14200				
96	1421060281	Nguyễn Đăng	Truyền	16/11/1996	14201				
97	1421030215	Nguyễn Sỹ	Tú	24/05/1996	14202				
98	1321050770	Phạm Bảo	Tú	20/06/1995	14203				
99	1321030939	Đỗ Thanh	Tuấn	02/06/1995	14204				
100	1421060619	Khúc Anh	Tuấn	12/04/1995	14205				
101	1421010365	Ngô Anh	Tuấn	16/04/1996	14206				
102	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/04/1996	14207				
103	1421060293	Nguyễn Sỹ Minh	Tuấn	02/03/1996	14208				
104	1621060677	Trần Anh	Tuấn	10/03/1998	14209				
105	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	14210				
106	1321050787	Phạm Thanh	Tùng	14/08/1995	14211				
107	1421020679	Vũ Thanh	Tùng	02/10/1996	14212				
108	1421060312	Trần Mạnh	Tường	14/06/1996	14213				
109	1421010378	Tổng Quang	Tuyền	24/11/1996	14214				
110	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	14215				
111	1421040568	Đặng Đình	Văn	11/03/1996	14216				
112	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	14217				
113	1421040573	Trần Hoàng	Vũ	21/06/1996	14218				
114	1421050244	Trần Thế	Vũ	08/07/1995	14219				
115	1421050719	Vũ Thị Hải	Yến	16/01/1996	14220				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090307 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Lý thuyết mạch điện - điện tử +TN

Ngày thi: 8/14/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/1997	14221				
2	1521060136	Mai Đức	Anh	10/12/1997	14222				
3	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	14223				
4	1521060323	Phan Ngọc	Anh	10/12/1997	14224				
5	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/1997	14225				
6	1221060010	Đỗ Thanh	Bình	02/10/1994	14226				
7	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	14227				
8	1521060129	Nguyễn Minh	Châu	26/02/1997	14228				
9	1521060049	Đỗ Lường	Chung	02/09/1996	14229				
10	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	14230				
11	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/1996	14231				
12	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	14232				
13	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	14233				
14	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/1995	14234				
15	1521060067	Nguyễn Quý	Đức	30/01/1996	14235				
16	1521060027	Đoàn Tiến	Dũng	22/09/1997	14236				
17	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/1997	14237				
18	1521060263	Nguyễn Đình	Dũng	26/12/1997	14238				
19	1521060326	Trần Quốc	Dược	13/08/1997	14239				
20	1521060079	Nguyễn Hoàng	Dương	19/06/1997	14240				
21	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	14241				
22	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/1997	14242				
23	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	14243				
24	1521060226	Đỗ Trọng	Hiếu	03/08/1997	14244				
25	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	14245				
26	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	14246				
27	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	14247				
28	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/1997	14248				
29	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/1997	14249				
30	1521060135	Hà Văn	Hùng	28/08/1997	14250				
31	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	09/09/1997	14251				
32	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/1997	14252				
33	1521060280	Nguyễn Bá	Hường	02/06/1996	14253				
34	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	14254				
35	1521060311	Đồng Quang	Huỳnh	10/07/1997	14255				
36	1521060288	Nguyễn Văn	Huỳnh	09/03/1997	14256				
37	1521060333	Nguyễn An	Khang	11/12/1997	14257				
38	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/1997	14258				
39	1521060158	Nguyễn Thế	Lợi	17/11/1997	14259				
40	1521060119	Nguyễn Đức	Long	04/06/1997	14260				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017**

Mã học phần: 4090307 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Lý thuyết mạch điện - điện tử +TN
Ngày thi: **8/14/2017** Phòng thi: **HNAD401** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/1997	14261				
42	1521060175	Bùi Văn	Luân	11/04/1997	14262				
43	1521060248	Nguyễn Tiến	Lực	12/09/1997	14263				
44	1521060312	Đỗ Quang	Minh	20/07/1997	14264				
45	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/1997	14265				
46	1521060012	Lê Tiến	Nam	25/11/1997	14266				
47	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/1997	14267				
48	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	14268				
49	1521060204	Phạm Minh	Nhật	27/02/1997	14269				
50	1521060168	Vũ Văn	Quyển	09/06/1997	14270				
51	1521060328	Vũ Xuân	Sắc	07/08/1997	14271				
52	1521060253	Nguyễn Việt	Sóng	25/02/1997	14272				
53	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	14273				
54	1521060077	Đỗ Văn	Thắng	18/10/1997	14274				
55	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/1997	14275				
56	1521060242	Đậu Xuân	Thành	07/03/1996	14276				
57	1521060020	Phạm Đăng	Thiện	16/04/1997	14277				
58	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	14278				
59	1521060201	Phạm Văn	Thuận	03/02/1997	14279				
60	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/1997	14280				
61	1521060015	Công Ngọc	Tiến	07/01/1997	14281				
62	1521060225	Nguyễn Văn	Tiến	28/02/1997	14282				
63	1521060277	Hoàng Đức	Tôn	15/01/1997	14283				
64	1521060057	Trần Anh	Tuân	17/09/1997	14284				
65	1521060043	Lê Minh	Tuấn	14/09/1997	14285				
66	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	14286				
67	1521060246	Nguyễn Thanh	Tùng	30/01/1997	14287				
68	1421060302	Nguyễn Thế	Tùng	04/04/1996	14288				
69	1521060270	Nguyễn Văn	Tường	07/07/1997	14289				
70	1521060245	Phạm Văn	Tuyển	05/06/1997	14290				
71	1521060187	Nguyễn Anh	Văn	12/09/1997	14291				
72	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	14292				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017**

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **8/15/2017**

Phòng thi: **HNAD203**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040003	Đinh Nhật	Anh	17/02/1996	14293				
2	1321030005	Mạc Quế	Anh	30/08/1995	14294				
3	1321010012	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	29/10/1995	14295				
4	1221011138	Võ Công Tuấn	Anh	18/12/1994	14296				
5	1631020067	Lương Văn	Bằng	14/05/1995	14297				
6	1321020022	Trịnh Đình	Bình	16/08/1994	14298				
7	1221010045	Nguyễn Hoàng	Công	18/09/1994	14299				
8	1321060041	Đỗ Văn	Cường	08/07/1995	14300				
9	1321010099	Nguyễn Sỹ	Đạt	13/03/1990	14301				
10	1421070024	Phạm Văn	Diện	17/06/1996	14302				
11	1321060075	Đào Văn	Đông	06/02/1995	14303				
12	1421030047	Mai Văn	Đông	03/12/1996	14304				
13	1421010089	Phạm Văn	Đức	30/03/1996	14305				
14	1421070262	Cam Văn	Hà	25/04/1996	14306				
15	1421030056	Đào Hồng	Hà	05/08/1996	14307				
16	1321040086	Phạm Thanh	Hai	09/03/1996	14308				
17	1421070043	Trịnh Văn	Hải	26/02/1995	14309				
18	1421060098	Đặng Ngọc	Hiệp	21/10/1996	14310				
19	1421040113	Ngô Quang	Hòa	17/06/1996	14311				
20	1221060266	Nguyễn Hữu	Hội	09/03/1994	14312				
21	1321060151	Ngô Duy	Hưng	12/01/1995	14313				
22	1321070532	Đỗ Đức	Huy	23/02/1995	14314				
23	1321010182	Hà Văn	Huỳnh	27/07/1994	14315				
24	1321010193	Hoàng Nam	Khánh	12/08/1995	14316				
25	1421030413	Doãn Văn	Khương	18/02/1996	14317				
26	1421070342	Lại Duy	Kiên	29/08/1996	14318				
27	1321040515	Trần Đăng	Linh	21/09/1995	14319				
28	1321060168	Bùi Văn	Long	22/08/1995	14320				
29	1421020445	Hồ Trường	Long	10/09/1995	14321				
30	1421050489	Lê Văn	Long	10/05/1994	14322				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: #N/A

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040175	Lương Cao	Luận	20/08/1996	14323				
2	1321070584	Dương Kim	Mạnh	15/06/1995	14324				
3	1321020630	Hoàng Văn	Mậu	28/04/1994	14325				
4	1321020261	Đào Nhật	Minh	09/12/1995	14326				
5	1321030724	Trần Công	Minh	11/12/1995	14327				
6	1421060193	Nguyễn Văn	Nghĩa	22/05/1993	14328				
7	1321070136	Lê Đình	Ngọc	05/08/1995	14329				
8	1321020658	Trần Bá	Nhật	26/02/1995	14330				
9	1321010274	Lưu Văn	Phương	18/08/1995	14331				
10	1321060234	Đặng Đình	Quyết	25/05/1994	14332				
11	1321040224	Đoàn Trọng	Quỳnh	01/03/1994	14333				
12	1321040259	Nguyễn Văn	Thăng	03/05/1994	14334				
13	1421070111	Hoàng Văn	Thanh	19/09/1996	14335				
14	1221040231	Đoàn Trung	Thành	10/06/1994	14336				
15	1321030839	Trần Hoàng	Thành	29/12/1995	14337				
16	1421070121	Nguyễn Đức	Thiện	25/08/1996	14338				
17	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/1997	14339				
18	1321010351	Hoàng Thu	Thủy	01/06/1995	14340				
19	1321040579	Đồng Văn	Tiến	28/04/1994	14341				
20	1631060006	Phạm Đình	Tiến	25/10/1993	14342				
21	1321020752	Trần Văn	Tiến	25/01/1995	14343				
22	1321020756	Nguyễn Duy	Toàn	09/06/1995	14344				
23	1321070674	Nguyễn Văn	Toàn	15/01/1995	14345				
24	1321070196	Phùng Đức	Toàn	02/10/1995	14346				
25	1321050765	Lê Xuân	Trường	22/04/1994	14347				
26	1321050767	Phạm Quang	Trường	10/04/1994	14348				
27	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/1995	14349				
28	1421030619	Nguyễn Mạnh	Tùng	27/04/1996	14350				
29	1421070540	Vũ Văn	Ước	02/03/1996	14351				
30	1321010416	Hoàng Thị	Vân	01/02/1995	14352				
31	1321050224	Trương Uy	Vũ	20/03/1994	14353				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050252	Đàm Trung	Anh	20/08/1996	14354				
2	1624010146	Đặng Tuấn	Anh	16/04/1996	14355				
3	1624010765	Hoàng Duy	Anh	02/08/1998	14356				
4	1624010297	Lê Mai	Anh	26/08/1998	14357				
5	1624010615	Lưu Thị Phương	Anh	25/10/1998	14358				
6	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	08/11/1995	14359				
7	1624010219	Nguyễn Đức	Anh	08/12/1994	14360				
8	1624010705	Nguyễn Thị	Anh	10/05/1998	14361				
9	1624010645	Nguyễn Thị Lan	Anh	22/11/1998	14362				
10	1624010670	Nguyễn Thị Mai	Anh	19/01/1998	14363				
11	1624010944	Nguyễn Thị Mai	Anh	14/06/1997	14364				
12	1624010383	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	11/03/1998	14365				
13	1421060009	Phạm Đăng Hải	Anh	07/06/1996	14366				
14	1624010537	Phạm Thị Ngọc	Anh	03/03/1998	14367				
15	1614010700	Phạm Thị Vân	Anh	13/12/1998	14368				
16	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	14369				
17	1624010053	Trần Tiến	Anh	25/09/1998	14370				
18	1621060293	Trần Tuấn	Anh	02/03/1998	14371				
19	1624010173	Trần Việt Hoàng	Anh	09/06/1998	14372				
20	1624010926	Kiều Thị Ngọc	Ánh	15/11/1998	14373				
21	1621050351	Nguyễn Văn	Bắc	04/02/1998	14374				
22	1321060018	Lê Xuân	Bách	16/08/1995	14375				
23	1624010778	Phạm Thị	Bích	23/01/1998	14376				
24	1624010608	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/09/1998	14377				
25	1621050186	Nguyễn Thế	Châu	16/02/1998	14378				
26	1624010890	Đặng Thị Kim	Chi	15/06/1998	14379				
27	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	14380				
28	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/1997	14381				
29	1621080006	Bê Thị	Chinh	07/10/1998	14382				
30	1624010522	Nguyễn Thị	Chinh	03/05/1998	14383				
31	1521060304	Nguyễn Xuân	Chính	10/06/1997	14384				
32	1621070003	Ngô Quang	Cường	16/02/1998	14385				
33	1221070205	Nguyễn Việt	Cường	20/04/1994	14386				
34	1521010273	Thái Mạnh	Cường	16/03/1997	14387				
35	1521050014	Đỗ Văn	Đà	10/11/1997	14388				
36	1621060344	Nguyễn Thành	Đại	31/10/1998	14389				
37	1621050240	Phùng Thế	Đại	15/10/1998	14390				
38	1521060418	Phạm Văn	Đăng	02/01/1997	14391				
39	1624010921	Vũ Thị	Đào	19/09/1998	14392				
40	1521030190	Bùi Thế	Đạt	10/01/1997	14393				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020065	Trịnh Công	Đạt	12/03/1995	14394				
42	1411060212	Nguyễn Vũ	Điệt	16/10/1996	14395				
43	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	14396				
44	1621010147	Hồ Văn	Đồng	17/08/1997	14397				
45	1421030317	Bùi Anh	Đức	12/09/1995	14398				
46	1521060419	Nguyễn Văn	Đức	25/01/1997	14399				
47	1624010074	Vũ Minh	Đức	28/06/1998	14400				
48	1624010556	Đặng Thùy	Dung	06/09/1998	14401				
49	1624010486	Nguyễn Thị Thùy	Dung	05/08/1998	14402				
50	1624010697	Trần Thị	Dung	01/06/1998	14403				
51	0821020147	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1991	14404				
52	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	14405				
53	1624010826	Bùi Văn	Dương	28/12/1998	14406				
54	1521080121	Nguyễn Bình	Dương	21/08/1997	14407				
55	1624010025	Nguyễn Ngọc	Dương	09/09/1998	14408				
56	1321030482	Lê Việt	Duy	22/02/1995	14409				
57	1621060016	Phạm Văn	Duy	12/08/1998	14410				
58	1624010658	Lại Thị	Duyên	04/08/1998	14411				
59	1621030199	Lương Mỹ	Duyên	02/09/1998	14412				
60	1624010428	Vũ Mỹ	Duyên	25/10/1998	14413				
61	1621080157	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1997	14414				
62	1624010619	Vũ Thị Linh	Giang	01/05/1998	14415				
63	1521050005	Bạch Quang	Hà	27/03/1997	14416				
64	1624010560	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	20/04/1998	14417				
65	1624010283	Trần Minh	Hằng	04/08/1998	14418				
66	1624010435	Trần Thị	Hằng	19/09/1998	14419				
67	1624010138	Nguyễn Thị	Hạnh	10/04/1998	14420				
68	1624010274	Nguyễn Thị	Hào	17/07/1998	14421				
69	1621060075	Phạm Quốc	Hậu	15/09/1998	14422				
70	1521030024	Trần Công	Hậu	10/04/1997	14423				
71	1624010610	Bùi Thu	Hiền	11/02/1998	14424				
72	1624010730	Đinh Thị	Hiền	30/10/1998	14425				
73	1624010916	Đinh Thị	Hiền	07/10/1998	14426				
74	1624010655	Hoàng Thị	Hiền	17/09/1998	14427				
75	1624010719	Nguyễn Thị	Hiền	07/08/1998	14428				
76	1624010178	Trần Thị	Hiền	13/05/1998	14429				
77	1521030219	Mai Công	Hiệp	22/05/1997	14430				
78	1621060830	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/06/1998	14431				
79	1521030058	Nguyễn Minh	Hiếu	17/10/1997	14432				
80	1621040115	Vũ Xuân	Hình	26/11/1998	14433				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010172	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1998	14434				
2	1624010988	Nguyễn Minh	Hoà	08/08/1998	14435				
3	1624010738	Nguyễn Duy	Hóa	14/06/1998	14436				
4	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/1996	14437				
5	1624010768	Đặng Thị Thu	Hòa	04/04/1998	14438				
6	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	14439				
7	1624010090	Lê Thị	Hoài	01/01/1998	14440				
8	1621080073	Nguyễn Thị Thu	Hoài	01/12/1998	14441				
9	1521060368	Bùi Lê	Hoàng	14/04/1997	14442				
10	1321040490	Cao Vũ Duy	Hoàng	29/10/1995	14443				
11	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	14444				
12	1621060585	Lại Văn	Hồng	01/06/1998	14445				
13	1624010425	Mai Thị	Huế	10/05/1998	14446				
14	1624010948	Đinh Thị	Huê	29/01/1998	14447				
15	1311070018	Đỗ Công	Hùng	16/06/1995	14448				
16	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	14449				
17	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/1994	14450				
18	1321030608	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/01/1993	14451				
19	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/1997	14452				
20	1521060429	Lê Văn	Hưng	29/10/1997	14453				
21	1621060559	Nguyễn Việt	Hưng	15/05/1998	14454				
22	1624010640	Ngô Thị Thu	Hường	10/09/1998	14455				
23	1624010859	Nguyễn Thị	Hường	15/11/1998	14456				
24	1521080171	Đặng Quang	Huy	16/05/1997	14457				
25	1621050842	Lê Quang	Huy	29/01/1998	14458				
26	1621060669	Lưu Quang	Huy	24/12/1998	14459				
27	1621060868	Nguyễn Quang	Huy	27/06/1998	14460				
28	1624010442	Bùi Thị	Huyền	07/12/1998	14461				
29	1624010618	Bùi Thu	Huyền	23/02/1998	14462				
30	1624010931	Nguyễn Thị	Huyền	21/09/1998	14463				
31	1521030243	Nguyễn Văn	Huyền	06/01/1997	14464				
32	1624010002	Trần Thị	Huyền	01/06/1998	14465				
33	1624010355	Trần Thị	Huyền	08/07/1998	14466				
34	1624010109	Trần Thu	Huyền	20/04/1997	14467				
35	1624010654	Trịnh Thị Khánh	Huyền	07/01/1998	14468				
36	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	14469				
37	1621050446	Đinh Duy	Khánh	15/10/1998	14470				
38	1421040435	Hoàng Bảo	Khánh	14/07/1995	14471				
39	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	14472				
40	1621010276	Nguyễn Trọng	Khánh	05/09/1998	14473				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060175	Phạm Trung	Khánh	27/12/1998	14474				
42	1421030112	Phí Ngọc	Kiêm	22/03/1995	14475				
43	1621060077	Mai Ngọc	Kiên	08/01/1998	14476				
44	1624010020	Nguyễn Trung	Kiên	20/12/1998	14477				
45	1624010126	Vũ Đức	Kiên	31/08/1998	14478				
46	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	14479				
47	1421030115	Ngô Văn	Lân	16/11/1996	14480				
48	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	14481				
49	1624010735	Bùi Quang	Linh	03/01/1998	14482				
50	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	21/03/1998	14483				
51	1624010313	Hồ Thuỳ	Linh	17/11/1998	14484				
52	1524010018	Mai Xuân	Linh	20/09/1995	14485				
53	1624010097	Nguyễn Mai	Linh	21/03/1998	14486				
54	1621060726	Nguyễn Quang	Linh	05/10/1998	14487				
55	1624010239	Nguyễn Thị Diệu	Linh	09/11/1998	14488				
56	1624011003	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	14/02/1998	14489				
57	1621080152	Nguyễn Thị Thùy	Linh	27/01/1998	14490				
58	1624010267	Nguyễn Thùy	Linh	10/08/1998	14491				
59	1624010164	Nguyễn Văn	Linh	06/02/1998	14492				
60	1621060163	Trần Nhật	Linh	04/02/1998	14493				
61	1624010736	Trần Thùy	Linh	08/02/1998	14494				
62	1621061068	Lê Ngọc	Linh	07/07/1998	14495				
63	1624010096	Hoàng Bích	Loan	14/08/1998	14496				
64	1621050585	Nguyễn Quế Thị	Loan	03/12/1998	14497				
65	1624010155	Nguyễn Thị	Loan	02/08/1998	14498				
66	1624010382	Nguyễn Thị	Loan	22/04/1998	14499				
67	1621030703	Đoàn Phú	Lộc	04/04/1998	14500				
68	1421030441	Ngô Xuân	Lộc	21/12/1995	14501				
69	1521060384	Nguyễn Thành	Long	31/03/1997	14502				
70	1624010209	Tạ Văn	Long	30/11/1998	14503				
71	1421060487	Đào Tiến	Lực	17/02/1996	14504				
72	1621050702	Nguyễn Thế	Lương	17/02/1998	14505				
73	1621040059	Trịnh Đình	Lương	06/05/1996	14506				
74	1624010461	Đinh Thảo	Ly	02/10/1998	14507				
75	1624010234	Trần Thị Hương	Ly	29/05/1998	14508				
76	1624010628	Trịnh Thị Hương	Ly	08/03/1998	14509				
77	1624010161	Vũ Thị Khánh	Ly	02/08/1998	14510				
78	1624010490	Nguyễn Hoa	Mai	14/10/1998	14511				
79	1624010678	Nguyễn Thị	Mai	08/10/1998	14512				
80	1624010255	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1998	14513				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1614010705	Phạm Thị	Mai	14/03/1998	14514				
2	1621060514	Nguyễn Sỹ	Mạnh	13/09/1998	14515				
3	1421030129	Nguyễn Văn	Mạnh	07/08/1996	14516				
4	1321020629	Phạm Tiến	Mạnh	26/04/1995	14517				
5	1624010417	Phạm Thị	Mên	19/08/1998	14518				
6	1624010889	Đào Thị Kim	Miên	04/06/1998	14519				
7	1521040343	Đinh Dũng	Minh	01/12/1997	14520				
8	1621010146	Lương Tất	Minh	19/06/1997	14521				
9	1521030268	Nguyễn Đức	Minh	27/08/1997	14522				
10	1221020389	Nguyễn Tuấn	Minh	18/12/1994	14523				
11	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	14524				
12	1311040074	Phạm Hữu	Minh	05/07/1995	14525				
13	1521060380	Đặng Văn	Mười	14/11/1996	14526				
14	1621080053	Nguyễn Ngọc Hà	My	02/12/1998	14527				
15	1521080207	Đỗ Văn	Nam	08/10/1997	14528				
16	1521080023	Nguyễn Thành	Nam	15/12/1997	14529				
17	1321060198	Nguyễn Văn	Nam	29/10/1994	14530				
18	1624010716	Bùi Thị Quỳnh	Nga	26/12/1998	14531				
19	1624010714	Hoàng Yến	Nga	10/10/1998	14532				
20	1624010406	Lương Thị Quỳnh	Nga	13/06/1997	14533				
21	1624010563	Nguyễn Thị	Nga	06/04/1998	14534				
22	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	14535				
23	1624010545	Nguyễn Thị	Ngân	05/10/1998	14536				
24	1521020054	Bùi Đại	Nghĩa	26/12/1997	14537				
25	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/1994	14538				
26	1624010599	Nguyễn Anh	Ngọc	30/11/1998	14539				
27	1624010904	Nguyễn Hoàng	Ngọc	05/12/1998	14540				
28	1621050823	Nguyễn Thị Hoa	Ngọc	10/01/1998	14541				
29	1624010713	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	24/02/1998	14542				
30	1524010192	Nguyễn Thùy	Ngọc	27/10/1996	14543				
31	1621050731	Trần Thị	Ngọc	21/06/1998	14544				
32	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	03/04/1998	14545				
33	1624010418	Trịnh Văn	Ngọc	06/06/1998	14546				
34	1421060197	Bùi Hữu	Nguyên	19/01/1996	14547				
35	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/1994	14548				
36	1621010023	Phạm Thị Hồng	Nguyên	23/03/1998	14549				
37	1624010754	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	07/10/1998	14550				
38	1624010630	Lộ Thị	Nhàn	06/08/1998	14551				
39	1624010370	Nguyễn Thị	Nhật	02/02/1999	14552				
40	1321070612	Trần Văn	Nhật	14/03/1995	14553				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521080044	Phương Thị	Như	01/11/1997	14554				
42	1624010689	Dương Thị Cẩm	Nhung	11/01/1998	14555				
43	1624010287	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/02/1998	14556				
44	1521010310	Tô Hồng	Nhung	28/04/1996	14557				
45	1624010663	Trần Thị Hồng	Nhung	22/08/1998	14558				
46	1624010596	Vũ Hồng	Nhung	05/09/1998	14559				
47	1624010723	Hoàng Kim	Oanh	07/10/1998	14560				
48	1624010496	Trịnh Thị Kim	Oanh	18/05/1998	14561				
49	1624010248	Phí Hồng	Phát	02/12/1998	14562				
50	1321040203	Đinh Văn	Phi	18/05/1995	14563				
51	1421010238	Nguyễn Đức	Phi	08/03/1996	14564				
52	1521041001	Nguyễn Văn	Phong	03/02/1997	14565				
53	1321030775	Phan Thanh	Phong	19/12/1995	14566				
54	1521080062	Nguyễn Quang	Phúc	24/10/1997	14567				
55	1521070457	Bùi Thị	Phương	01/09/1997	14568				
56	1624010774	Hà Thị	Phương	12/10/1998	14569				
57	1521060273	Lê Minh	Phương	27/09/1997	14570				
58	1624010227	Ngô Thị Minh	Phương	07/03/1998	14571				
59	1624010784	Vũ Thị	Phương	18/07/1998	14572				
60	1624010636	Nguyễn Thị Bích	Phượng	25/03/1998	14573				
61	1521070146	Vũ Hoàng	Quân	20/01/1997	14574				
62	1621060899	Vũ Hồng	Quân	09/04/1998	14575				
63	1621060479	Phạm Nhật	Quang	02/12/1998	14576				
64	1621050519	Đỗ Văn	Quyết	04/10/1998	14577				
65	1621060129	Hoàng Văn	Quyết	16/04/1998	14578				
66	1621060905	Ngô Minh	Quyết	14/07/1998	14579				
67	1621060659	Nguyễn Thành	Quyết	30/05/1998	14580				
68	1624010453	Lê Thị	Quỳnh	01/07/1998	14581				
69	1521080051	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	15/12/1997	14582				
70	1624010652	Mai Thị Hương	Quỳnh	07/07/1998	14583				
71	1624010318	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	06/07/1998	14584				
72	1321030808	Trịnh Bá	Sắc	20/02/1994	14585				
73	1621050274	Phạm Tài	Sang	04/05/1997	14586				
74	1624011046	Nguyễn Quang	Sáng	04/09/1998	14587				
75	1521060367	Trần Văn	Sáng	01/05/1997	14588				
76	1621040803	Somneuk	SITTHIEN	09/03/1994	14589				
77	1621060365	Mai Huy	Sơn	20/10/1998	14590				
78	1624010152	Ngô Hồng	Sơn	31/12/1998	14591				
79	1521080235	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/01/1997	14592				
80	1624010403	Nguyễn Hoàng	Sơn	11/05/1998	14593				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060725	Đỗ Trọng	Tài	08/02/1998	14594				
2	1621080131	Đỗ Xuân	Tài	09/03/1997	14595				
3	1624010078	Phương Tiến	Tài	28/02/1998	14596				
4	1421050179	Ngô Bá	Tân	07/02/1996	14597				
5	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	14598				
6	1624010041	Bùi Sỹ	Thắng	04/04/1998	14599				
7	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	14600				
8	1621060971	Nguyễn Hữu	Thắng	26/10/1998	14601				
9	1624010077	Nguyễn Văn	Thắng	19/06/1997	14602				
10	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	02/08/1997	14603				
11	1521060423	Nguyễn Duy	Thanh	17/10/1997	14604				
12	1621070088	Nguyễn Ngọc	Thanh	24/11/1998	14605				
13	1521060242	Đậu Xuân	Thành	07/03/1996	14606				
14	1621010383	Đinh Tiến	Thành	24/09/1997	14607				
15	1621010740	Dương Khắc	Thành	09/04/1996	14608				
16	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	14609				
17	1611060012	Nguyễn Thị	Thao	12/04/1998	14610				
18	1621060240	Nguyễn Văn	Thao	11/05/1998	14611				
19	1624010048	Đỗ Phương	Thảo	07/01/1998	14612				
20	1614010031	Nguyễn Thị	Thảo	24/02/1998	14613				
21	1624010772	Phạm Văn	Thích	01/06/1998	14614				
22	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	14615				
23	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	14616				
24	1621010043	Vũ Đình	Thoàn	26/11/1998	14617				
25	1224010466	Nguyễn Thị	Thu	16/08/1993	14618				
26	1624010607	Võ Thị	Thu	04/09/1998	14619				
27	1624010083	Nguyễn Thanh	Thư	23/05/1998	14620				
28	1624010703	Nguyễn Thị	Thư	30/07/1998	14621				
29	1624010438	Nguyễn Thị Yến	Thư	26/12/1998	14622				
30	1624010559	Trần Anh	Thư	07/07/1998	14623				
31	1624010433	Đào Thị	Thương	01/01/1998	14624				
32	1624010581	Chu Thị Thu	Thúy	25/08/1998	14625				
33	1624010868	Lê Hồng	Thúy	04/08/1998	14626				
34	1621060032	Nguyễn Thanh	Thùy	19/03/1998	14627				
35	1624010071	Lê Thị Thu	Thùy	27/04/1997	14628				
36	1621050705	Nguyễn Đình	Tiến	15/05/1998	14629				
37	1521030122	Nguyễn Hoàng	Tiến	21/12/1997	14630				
38	1621060927	Vũ Bá	Toàn	08/06/1998	14631				
39	1624010491	Lại Thùy	Trang	06/12/1998	14632				
40	1621030127	Phạm Thu	Trang	15/09/1998	14633				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010924	Phan Thị Thu	Trang	10/03/1998	14634				
42	1624010520	Uông Huyền	Trang	26/02/1998	14635				
43	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	14636				
44	1621050776	Từ Bá	Trọng	13/06/1998	14637				
45	1624010930	Lê Quang	Trung	27/10/1998	14638				
46	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	14639				
47	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	14640				
48	1621060963	Nguyễn Văn	Trung	14/06/1998	14641				
49	1521060456	Phạm Hoàng	Trung	27/05/1997	14642				
50	1621060699	Văn Đình	Trung	08/07/1997	14643				
51	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	14644				
52	1521030338	Nguyễn Xuân	Trưởng	28/07/1996	14645				
53	1624010715	Trương Văn	Trưởng	21/08/1997	14646				
54	1621050829	Chu Thanh	Tú	20/07/1998	14647				
55	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	14648				
56	1521060364	Phạm Ngọc	Tú	16/02/1997	14649				
57	1521030342	Phùng Ngọc	Tuân	30/05/1997	14650				
58	1621050303	Nguyễn Văn	Tuấn	19/06/1998	14651				
59	1624010208	Trần Minh	Tuấn	27/09/1998	14652				
60	1621050312	Đỗ Hữu	Tùng	13/01/1998	14653				
61	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/1995	14654				
62	1621010076	Nguyễn Xuân	Tùng	25/01/1998	14655				
63	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	14656				
64	1624010081	Nguyễn Thị	Tuyển	21/02/1998	14657				
65	1614010022	Phan Thị	Tuyết	06/11/1998	14658				
66	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	14659				
67	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	14660				
68	1521080056	Đỗ Thị	Xuân	25/03/1997	14661				
69	1521060361	Nguyễn Viết	Xuân	22/04/1997	14662				
70	1521080290	Vũ Thị	Yên	14/01/1997	14663				
71	1624010484	Đinh Thị Như	Yến	26/08/1998	14664				
72	1624010915	Trịnh Thị	Yến	02/03/1998	14665				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060316 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá học các hợp chất polyme

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010005	Bùi Tuấn	Anh	22/06/1995	14666				
2	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	14667				
3	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	14668				
4	1421020587	Nguyễn Đăng	Thọ	17/10/1996	14669				
5	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	14670				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật dầu khí đại cương

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020402	Đặng Ngọc	Anh	04/04/1995	14671				
2	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	14672				
3	1421010033	Nguyễn Ngọc	Chiến	01/02/1996	14673				
4	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	14674				
5	1321040104	Cao Xuân	Hoàng	23/05/1995	14675				
6	1421010148	Cảnh Chi	Hung	18/04/1996	14676				
7	1421010180	Nguyễn Mạnh	Linh	14/01/1990	14677				
8	1421080057	Nguyễn Ngọc	Linh	27/10/1996	14678				
9	1421080060	Trần Thị Thùy	Linh	17/05/1996	14679				
10	1321020180	Nguyễn Xuân	Sinh	10/10/1995	14680				
11	1321010301	Phạm Văn	Tài	12/04/1995	14681				
12	1421080379	Trần Thị	Thu	17/04/1996	14682				
13	1421010368	Nguyễn Ngọc	Tuấn	06/12/1995	14683				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090342 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật điện - điện tử

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	14684				
2	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/1997	14685				
3	1521040110	Trần Đức	Cảnh	08/01/1997	14686				
4	1521010256	Mai Anh	Công	11/07/1997	14687				
5	1421040035	Hà Văn	Cường	26/02/1996	14688				
6	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/1995	14689				
7	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	14690				
8	1421040045	Lý Văn	Dũng	01/02/1995	14691				
9	1521040233	Đào Thanh	Hải	28/07/1997	14692				
10	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	14693				
11	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/1996	14694				
12	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/1997	14695				
13	1521010137	Đỗ Văn	Hung	21/01/1997	14696				
14	1521010015	Nguyễn Thành	Hung	14/08/1996	14697				
15	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	14698				
16	1421040157	Đỗ Thị Hà	Lê	29/07/1996	14699				
17	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/1997	14700				
18	1521019004	Phạm Gia	Luân	/ /19 3	14701				
19	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	14702				
20	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	14703				
21	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/1994	14704				
22	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	14705				
23	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	14706				
24	1521010043	Nguyễn Văn	Sáng	01/12/1997	14707				
25	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	14708				
26	1421040235	Trần Ngọc	Tài	19/11/1996	14709				
27	1521010252	Lại Đức	Thái	10/04/1997	14710				
28	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	14711				
29	1421040258	Tráng A	Thào	17/03/1995	14712				
30	1521010001	Đinh Đức	Thiện	20/02/1997	14713				
31	1421040280	Lê Thu	Thùy	27/02/1996	14714				
32	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	07/10/1996	14715				
33	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	14716				
34	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	14717				
35	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	14718				
36	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	14719				
37	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	14720				
38	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	14721				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070163	Đinh Hoàng	Anh	02/08/1997	14722				
2	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	14723				
3	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	14724				
4	1521070052	Lê Xuân	Anh	24/10/1997	14725				
5	1521070040	Nguyễn Mạnh	Anh	07/06/1997	14726				
6	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	01/02/1997	14727				
7	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	14728				
8	1531070400	Nguyễn Đức	Cảnh	16/0/193/	14729				
9	1521070183	Nguyễn Văn	Cảnh	08/11/1997	14730				
10	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	14731				
11	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	05/08/1996	14732				
12	1631070003	Nguyễn Văn	Chung	20/08/1993	14733				
13	1521070097	Lê Minh	Công	22/11/1997	14734				
14	1521070199	Cao Xuân	Cường	15/05/1997	14735				
15	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	14736				
16	1521070132	Lương Hồng	Đang	22/03/1997	14737				
17	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	14738				
18	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	14739				
19	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	14740				
20	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	14741				
21	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	14742				
22	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/1997	14743				
23	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	14744				
24	1421070245	Hán Minh	Đức	20/02/1996	14745				
25	1521070221	Nguyễn Văn	Đức	08/07/1997	14746				
26	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	14747				
27	1521070101	Lê Thanh	Dũng	26/09/1997	14748				
28	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/1997	14749				
29	1321070035	Trần Anh	Dũng	25/10/1995	14750				
30	1521070230	Vũ Văn	Dũng	01/10/1997	14751				
31	1531070402	Nguyễn Đại	Dương	19/1/192/	14752				
32	1521070153	Trần Văn	Dương	07/07/1997	14753				
33	1521070063	Trần Văn	Đương	08/11/1997	14754				
34	1521070045	Bùi Việt	Duy	05/08/1997	14755				
35	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/1997	14756				
36	1521070009	Phạm Thế	Duyệt	29/05/1997	14757				
37	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	14758				
38	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	14759				
39	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	14760				
40	1521079002	Vĩ Văn	Hà	10/11/1995	14761				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/1997	14762				
42	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/1997	14763				
43	1521070100	Đàm Xuân	Hiếu	13/08/1997	14764				
44	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/1997	14765				
45	1521070025	Nguyễn Vũ	Hiếu	23/12/1997	14766				
46	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/1997	14767				
47	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	14768				
48	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	14769				
49	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	14770				
50	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	04/05/1997	14771				
51	1521070262	Nguyễn Duy	Huân	10/01/1997	14772				
52	1524010092	Đặng Thái	Hùng	09/07/1997	14773				
53	1521070058	Nguyễn Văn	Hùng	10/01/1997	14774				
54	1521070266	Phạm Minh	Hùng	22/02/1996	14775				
55	1521070444	Trần Việt	Hùng	17/07/1997	14776				
56	1421070060	Nguyễn Khắc	Hưng	31/05/1996	14777				
57	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	14778				
58	1521070470	Nguyễn Thế	Khoa	15/03/1995	14779				
59	1521070066	Trần Văn	Khoa	10/08/1996	14780				
60	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/1994	14781				
61	1521070055	Nguyễn Văn	Kiện	03/07/1997	14782				
62	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/1997	14783				
63	1321070108	Bùi Văn	Lịch	27/02/1995	14784				
64	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/1997	14785				
65	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/1997	14786				
66	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	14787				
67	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	14788				
68	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/1997	14789				
69	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	14790				
70	1531070403	Nguyễn Khắc	Long	19/1/191/	14791				
71	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	14792				
72	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/1997	14793				
73	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	14794				
74	1321070588	Nguyễn Đức	Mạnh	21/01/1994	14795				
75	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	14796				
76	1521070305	Nguyễn Quang	Minh	11/08/1997	14797				
77	1521070077	Phạm Văn	Minh	10/01/1996	14798				
78	1521070309	Đặng Phương	Nam	02/02/1997	14799				
79	1421070397	Vũ Văn	Nam	10/08/1996	14800				
80	1521070319	Ngô Minh	Ngọc	10/01/1997	14801				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/1997	14802				
82	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	14803				
83	1531070047	Đỗ Trường	Phúc	25//0/197/	14804				
84	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/1997	14805				
85	1521070130	Bùi Văn	Phuong	30/07/1997	14806				
86	1521070024	Nguyễn Đức	Sơn	12/08/1997	14807				
87	1521070134	Phạm Văn	Sơn	13/02/1997	14808				
88	1631070056	Vũ Hồng	Sơn	27/08/1994	14809				
89	1521070145	Cao Mạnh	Thắng	11/08/1997	14810				
90	1521070352	Nghiêm Đức	Thắng	20/08/1997	14811				
91	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	14812				
92	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	01/08/1997	14813				
93	1521070365	Hoàng Văn	Thế	30/05/1997	14814				
94	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/1997	14815				
95	1521070367	Lê Văn	Thiện	02/09/1996	14816				
96	1521070464	Bùi Đức	Tiến	06/05/1997	14817				
97	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/1994	14818				
98	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/1997	14819				
99	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/1996	14820				
100	1521070122	Nguyễn Hữu	Toàn	30/08/1997	14821				
101	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	14822				
102	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	14823				
103	1521070382	Phạm Đình	Trung	28/02/1997	14824				
104	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	14825				
105	1421070131	Nguyễn Văn	Trường	13/07/1996	14826				
106	1521070042	Nguyễn Anh	Tú	15/12/1997	14827				
107	1521070466	Trần Ngọc	Tú	15/02/1997	14828				
108	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	14829				
109	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	14830				
110	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/04/1996	14831				
111	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/1997	14832				
112	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	14833				
113	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	06/12/1997	14834				
114	1631070058	Nguyễn Hữu	Túy	29/07/1994	14835				
115	1521070095	Triệu Văn	Tuyên	16/11/1994	14836				
116	1531070408	Nguyễn Văn	Tuyến	16//1/192/	14837				
117	1531070409	Lê Văn	Ước	10//0/192/	14838				
118	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/1997	14839				
119	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	14840				
120	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	14841				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/1997	14842				
122	1531070410	Dương Văn	Vũ	05//0/195/	14843				
123	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/1994	14844				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090204 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật lập trình tự động hóa

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/1997	14845				
2	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	14846				
3	1521060323	Phan Ngọc	Anh	10/12/1997	14847				
4	1521060252	Đặng Văn	Bằng	09/02/1994	14848				
5	1521060056	Vũ Đức	Bình	23/09/1997	14849				
6	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	14850				
7	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	14851				
8	1221011017	Chu Đình	Chung	04/09/1993	14852				
9	1521060049	Đỗ Lường	Chung	02/09/1996	14853				
10	1521060116	Nguyễn Thành	Công	27/11/1997	14854				
11	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	14855				
12	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	14856				
13	1521060046	Phan Văn	Đạo	28/08/1997	14857				
14	1411060037	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/1996	14858				
15	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	14859				
16	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	14860				
17	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/1995	14861				
18	1511060004	Nguyễn Việt	Đức	08/01/1997	14862				
19	1421060362	Nguyễn Xuân	Dũng	07/01/1996	14863				
20	1521060079	Nguyễn Hoàng	Dương	19/06/1997	14864				
21	1521060107	Ngô Đức	Duy	14/05/1997	14865				
22	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	14866				
23	1421060406	Nguyễn Đức	Hải	05/12/1995	14867				
24	1521060294	Nguyễn Ngọc	Hân	11/10/1997	14868				
25	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	14869				
26	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	14870				
27	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	14871				
28	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/1997	14872				
29	1521060220	Trần Minh	Hoàng	02/02/1997	14873				
30	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/1997	14874				
31	1521060124	Vũ Đức Minh	Hoàng	26/09/1997	14875				
32	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/1997	14876				
33	1411060076	Nguyễn Đăng	Hùng	06/10/1996	14877				
34	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	09/09/1997	14878				
35	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/1997	14879				
36	1521060141	Vũ Mạnh	Hưng	23/01/1997	14880				
37	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/1997	14881				
38	1521060280	Nguyễn Bá	Hương	02/06/1996	14882				
39	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	14883				
40	1521060288	Nguyễn Văn	Huỳnh	09/03/1997	14884				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090204 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật lập trình tự động hóa

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060034	Nguyễn Bá	Linh	09/02/1997	14885				
42	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/1997	14886				
43	1221060089	Hoàng Văn	Mạnh	06/12/1994	14887				
44	1521060312	Đỗ Quang	Minh	20/07/1997	14888				
45	1421060186	Hoàng Văn	Nam	25/10/1996	14889				
46	1521060302	Lương Phương	Nam	19/06/1997	14890				
47	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	14891				
48	1521060204	Phạm Minh	Nhật	27/02/1997	14892				
49	1521060168	Vũ Văn	Quyển	09/06/1997	14893				
50	1421060223	Đỗ Ngọc	Sang	16/05/1996	14894				
51	1421060233	Vũ Xuân	Son	31/03/1996	14895				
52	1521060253	Nguyễn Viết	Sóng	25/02/1997	14896				
53	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	14897				
54	1521060258	Nguyễn Thành	Tâm	10/01/1997	14898				
55	1421060254	Đào Văn	Thắng	30/09/1996	14899				
56	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/1997	14900				
57	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/1997	14901				
58	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/1997	14902				
59	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/1996	14903				
60	1321060304	Phạm Quang	Thức	21/12/1995	14904				
61	1521060015	Công Ngọc	Tiến	07/01/1997	14905				
62	1521060023	Hoàng Hữu	Tiến	24/03/1997	14906				
63	1521060225	Nguyễn Văn	Tiến	28/02/1997	14907				
64	1521060277	Hoàng Đức	Tôn	15/01/1997	14908				
65	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/1997	14909				
66	1521060217	Phạm Đình	Trung	21/05/1996	14910				
67	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/1997	14911				
68	1321060673	Lê Hữu	Tư	04/08/1995	14912				
69	1321060341	Phạm Đức	Tùng	11/05/1995	14913				
70	1521060209	Phạm Văn	Tùng	02/12/1997	14914				
71	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/1997	14915				
72	1521060270	Nguyễn Văn	Tường	07/07/1997	14916				
73	1521060245	Phạm Văn	Tuyển	05/06/1997	14917				
74	1521060187	Nguyễn Anh	Văn	12/09/1997	14918				
75	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	14919				
76	1521060295	Đình Quang	Vinh	24/07/1997	14920				
77	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	14921				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070127	Lê Tuấn	An	21/03/1998	14922				
2	1521050045	Nguyễn Văn	An	06/09/1997	14923				
3	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	14924				
4	1621010368	Lê Thị Châm	Anh	10/01/1998	14925				
5	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	14926				
6	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	14927				
7	1621050512	Nguyễn Quang Duy	Anh	08/10/1998	14928				
8	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	14929				
9	1621060654	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	28/04/1998	14930				
10	1621080074	Trần Thị Tú	Anh	16/05/1998	14931				
11	1621030255	Vũ Tuấn	Anh	18/05/1998	14932				
12	1424010243	Mai Thị Ngọc	ánh	17/07/1995	14933				
13	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	14934				
14	1421020235	Đặng Quốc	Bình	22/01/1996	14935				
15	1621080080	Nguyễn Đức	Bình	10/11/1998	14936				
16	1621050372	Trần Thanh	Bình	05/05/1998	14937				
17	1421020023	Trần Phương	Chi	29/07/1996	14938				
18	1421040379	Bế Ngọc	Chiến	04/09/1996	14939				
19	1621050071	Nguyễn Đình	Chiến	26/10/1998	14940				
20	1621010308	Phạm Thị	Chín	01/01/1998	14941				
21	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	14942				
22	1621060056	Lê Mạnh	Cường	26/03/1998	14943				
23	1621060530	Ngô Mạnh	Cường	27/03/1998	14944				
24	1621070003	Ngô Quang	Cường	16/02/1998	14945				
25	1621050575	Nguyễn Ngọc	Cường	08/05/1998	14946				
26	1621050240	Phùng Thế	Đại	15/10/1998	14947				
27	1621050563	Nguyễn Doãn	Dần	24/07/1998	14948				
28	1621070724	Bùi Duy	Đạt	10/10/1997	14949				
29	1621030234	Đào Quốc	Đạt	02/11/1998	14950				
30	1621060412	Đỗ Thành	Đạt	29/01/1998	14951				
31	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/02/1998	14952				
32	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	14953				
33	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	14954				
34	1621060465	Trịnh Văn	Đạt	15/01/1998	14955				
35	1621060609	Vũ Đức	Đoàn	11/05/1998	14956				
36	1621010211	Nguyễn Công	Doanh	25/04/1998	14957				
37	1421040075	Đoàn Trung	Đông	25/07/1996	14958				
38	1421060077	Trần Xuân	Đông	06/06/1996	14959				
39	1621011052	Đỗ Anh	Đức	21/10/1998	14960				
40	1621050287	Hoàng Anh	Đức	03/09/1998	14961				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421020043	Nguyễn Đình	Đức	17/08/1996	14962				
42	1621040052	Nguyễn Minh	Đức	02/12/1998	14963				
43	1421040083	Nguyễn Văn	Đức	25/05/1996	14964				
44	1621040715	Phạm Hồng	Đức	08/09/1998	14965				
45	1621030217	Trần Tiến	Đức	29/04/1998	14966				
46	1421070254	Trịnh Quang	Đức	28/10/1996	14967				
47	1524010203	Phùng Thị	Dung	13/01/1997	14968				
48	1621060361	Bùi Tiến	Dũng	26/12/1998	14969				
49	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	09/09/1998	14970				
50	1621060252	Trương Văn	Dũng	20/09/1998	14971				
51	1621060985	Nguyễn Tùng	Duy	26/11/1998	14972				
52	1621050433	Trần Đăng	Duy	18/03/1998	14973				
53	1624010658	Lại Thị	Duyên	04/08/1998	14974				
54	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	14975				
55	1624010573	Lương Thị	Giang	02/09/1998	14976				
56	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	27/02/1998	14977				
57	1624010980	Đỗ Thị	Hà	16/06/1998	14978				
58	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	14979				
59	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	14980				
60	1621010226	Mai Thanh	Hải	21/10/1998	14981				
61	1621070700	Nguyễn Nam	Hải	30/06/1995	14982				
62	1421010096	Nguyễn Thanh	Hải	03/11/1996	14983				
63	1421020055	Trần Đức	Hải	10/08/1996	14984				
64	1624010079	Vũ Thị Thúy	Hằng	26/08/1998	14985				
65	1624010037	Nguyễn Thị	Hạnh	15/02/1998	14986				
66	1621020010	Đào Mạnh	Hiệp	03/05/1998	14987				
67	1621030178	Đinh Đức	Hiệp	14/10/1998	14988				
68	1621050734	Nguyễn Tấn	Hiệp	05/04/1998	14989				
69	1621070081	Trần Gia	Hiệp	20/11/1998	14990				
70	1621050270	Trần Quang	Hiệp	22/02/1997	14991				
71	1424010051	Vũ Hữu	Hiệp	15/12/1996	14992				
72	1621060294	Hoàng Bá	Hiếu	20/01/1998	14993				
73	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	14994				
74	1621060830	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/06/1998	14995				
75	1521010146	Trần Minh	Hiếu	22/09/1997	14996				
76	1421020064	Đỗ Văn	Hiệu	25/07/1996	14997				
77	1621060620	Nguyễn Văn	Hòa	27/03/1998	14998				
78	1621060071	Nguyễn Như	Hoàng	17/08/1998	14999				
79	1621050840	Vũ Nguyên	Hoàng	16/03/1998	15000				
80	1521030052	Phạm Quốc	Hoạt	23/05/1996	15001				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621060278	Nguyễn Quang	Hồng	09/04/1998	15002				
82	1621050564	Nguyễn Thị	Hồng	07/08/1998	15003				
83	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	15004				
84	1624010278	Lê Văn	Huân	12/05/1998	15005				
85	1621050375	Lê Văn	Hùng	04/06/1996	15006				
86	1421040125	Nguyễn Hữu	Hùng	05/10/1995	15007				
87	1621010711	Phạm Sĩ	Hùng	12/10/1998	15008				
88	1421070058	Chu Hải	Hưng	03/03/1996	15009				
89	1624010391	Nguyễn Thị	Hương	31/10/1998	15010				
90	1421010395D	Quách Thị	Hương	15/06/1994	15011				
91	1621050630	Nguyễn Thị	Hường	13/12/1998	15012				
92	1421010160	Trần Văn	Hữu	23/01/1996	15013				
93	1621060799	Vì Tiến	Huy	11/09/1998	15014				
94	1624010442	Bùi Thị	Huyền	07/12/1998	15015				
95	1624010999	Saiychai	KHAMPH	05/05/1992	15016				
96	1621080139	Đinh Thị Kim	Khánh	12/06/1998	15017				
97	1621010348	Nguyễn Quốc	Khánh	06/02/1997	15018				
98	1621050841	Nguyễn Thị	Khánh	28/07/1998	15019				
99	1624010020	Nguyễn Trung	Kiên	20/12/1998	15020				
100	1521010056	Vũ Hồng	Kông	30/09/1997	15021				
101	1621040051	Nguyễn Minh	Lâm	30/01/1998	15022				
102	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	15023				
103	1624010883	Lâm Thị Mỹ	Linh	15/08/1998	15024				
104	1621060801	Mai Chí	Linh	22/08/1998	15025				
105	1624010880	Mai Nguyễn Bảo	Linh	03/01/1998	15026				
106	1621080152	Nguyễn Thị Thùy	Linh	27/01/1998	15027				
107	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	15028				
108	1514010010	Trần Thị	Linh	02/11/1997	15029				
109	1621010351	Trần Thị	Linh	16/09/1998	15030				
110	1424010106	Trần Thị Tài	Linh	08/07/1996	15031				
111	1624010427	Trần Thị Kiều	Loan	27/10/1997	15032				
112	1621030015	Hoàng Đức	Lộc	24/11/1998	15033				
113	1621050334	Lê	Lộc	25/08/1998	15034				
114	1421070073	Hà Đức	Long	23/11/1996	15035				
115	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/1997	15036				
116	1621010212	Lê Văn	Long	10/02/1998	15037				
117	1621050128	Nguyễn Doãn	Long	11/01/1998	15038				
118	1521060421	Nguyễn Duy	Long	20/10/1997	15039				
119	1521070300	Phạm Đức	Long	18/12/1997	15040				
120	1621030042	Phạm Đức	Long	04/03/1998	15041				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1621080725	Vũ Đức	Long	17/02/1998	15042				
122	1621070109	Nguyễn Văn	Lượng	22/08/1998	15043				
123	1624010461	Đình Thảo	Ly	02/10/1998	15044				
124	1524010133	Lê Thị	Mai	12/06/1997	15045				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010913	Nguyễn Thị	Mai	01/05/1998	15046				
2	1624010255	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1998	15047				
3	1614010705	Phạm Thị	Mai	14/03/1998	15048				
4	1421060171	Nguyễn Văn	Mạnh	21/01/1996	15049				
5	1621070148	Trần Đức	Mạnh	17/02/1998	15050				
6	1421070385	Bùi Huy	Minh	07/07/1996	15051				
7	1621010127	Hà Văn	Minh	30/05/1998	15052				
8	1621060007	Vũ Văn	Mười	26/03/1998	15053				
9	1621060408	Đặng Trung	Nam	22/01/1998	15054				
10	1621050126	Khuông Xuân	Nam	02/07/1998	15055				
11	1621030267	Lê Trường	Nam	20/03/1998	15056				
12	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	06/02/1998	15057				
13	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/1996	15058				
14	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	15059				
15	1621030722	Phạm Thị	Nga	21/09/1998	15060				
16	1621050528	Nguyễn Văn	Ngọc	19/11/1997	15061				
17	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	03/04/1998	15062				
18	1621060689	Trần Văn	Ngọc	18/03/1998	15063				
19	1421060511	Lương Đình	Nguyên	20/01/1996	15064				
20	1621060139	Vũ Trọng	Nguyên	10/03/1997	15065				
21	1624010649	Lê Ánh	Nguyệt	21/10/1998	15066				
22	1621010319	Dương Doãn	Nhật	30/08/1998	15067				
23	1521060204	Phạm Minh	Nhật	27/02/1997	15068				
24	1624010287	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/02/1998	15069				
25	1624010269	Phạm Thị	Nhung	20/10/1998	15070				
26	1621060956	Võ Quốc	Pháp	16/06/1998	15071				
27	1621050608	Vũ Tấn	Phát	30/08/1998	15072				
28	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	15073				
29	1621030074	Phạm Hồng	Phúc	01/11/1998	15074				
30	1421040214	Đặng Việt	Phương	06/03/1995	15075				
31	1624010952	Đỗ Thu	Phương	23/07/1998	15076				
32	1624010227	Ngô Thị Minh	Phương	07/03/1998	15077				
33	1421070096	Nguyễn Anh	Phương	20/10/1995	15078				
34	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	15079				
35	1621080127	Nguyễn Thị	Phương	10/02/1998	15080				
36	1624010731	Nguyễn Thị	Phương	28/08/1998	15081				
37	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	15082				
38	1621061095	Trịnh Duy	Quân	22/03/1998	15083				
39	1521020120	Vũ Hồng	Quân	09/06/1997	15084				
40	1621060982	Trần Anh	Quang	13/08/1998	15085				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	15086				
42	1621050274	Phạm Tài	Sang	04/05/1997	15087				
43	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	15088				
44	1621070175	Bùi Hoàng	Sơn	20/11/1998	15089				
45	1424010169	Nguyễn Cao	Sơn	04/05/1996	15090				
46	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	15091				
47	1621070080	Nguyễn Xuân	Sơn	02/07/1998	15092				
48	1621061004	Trần Hồng	Sơn	01/08/1998	15093				
49	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	15094				
50	1621050460	Hoàng Văn	Tá	06/03/1998	15095				
51	1621050824	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/08/1998	15096				
52	1621050196	Vũ Tiên	Tân	02/11/1998	15097				
53	1621050095	Phạm Bá	Tào	29/11/1998	15098				
54	1621050040	Đặng Văn	Thái	28/06/1998	15099				
55	1621030085	Nguyễn Quốc	Thái	12/08/1998	15100				
56	1421070458	Đậu Việt	Thám	06/07/1995	15101				
57	1514010012	Đỗ Thị	Thắm	28/10/1997	15102				
58	1521050226	Nguyễn Đăng	Thăng	27/09/1997	15103				
59	1621060856	Nguyễn Đức	Thắng	08/10/1998	15104				
60	1621070091	Nguyễn Minh	Thắng	29/01/1998	15105				
61	1421040268	Nguyễn Văn	Thắng	06/03/1996	15106				
62	1421030560	Phạm Văn	Thắng	06/07/1996	15107				
63	1424010184	Trần Đắc Ngọc	Thắng	30/05/1994	15108				
64	1621060321	Lê Đạt Xuân	Thành	20/04/1998	15109				
65	1621060527	Mai Văn	Thành	08/01/1998	15110				
66	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	15111				
67	1621050227	Nguyễn Hữu	Thảo	30/05/1998	15112				
68	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/1995	15113				
69	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/1996	15114				
70	1621050253	Nguyễn Văn	Thị	26/01/1998	15115				
71	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	15116				
72	1624010701	Nguyễn Thị	Thoan	28/12/1998	15117				
73	1424010186	Hoàng Đức	Thuận	28/11/1996	15118				
74	1621060405	Phạm Văn	Thuật	07/04/1997	15119				
75	1524010200	Cao Thương	Thương	17/03/1997	15120				
76	1424010191	Cao Thị	Thúy	21/11/1996	15121				
77	1624010910	Trần Thị Mộng	Thúy	15/10/1998	15122				
78	1621050219	Vũ Phương	Thúy	06/10/1998	15123				
79	1621050756	Đặng Thị Ngọc	Thùy	25/01/1998	15124				
80	1621050615	Nguyễn Thị	Thùy	05/03/1998	15125				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1624010727	Lê Thị Hồng	Thủy	06/06/1997	15126				
82	1521070043	Đỗ Thế	Tiến	24/08/1997	15127				
83	1621060546	Hà Quang	Tiến	04/06/1998	15128				
84	1621050061	Hoàng Ngọc	Tiến	10/04/1998	15129				
85	1421060272	Phạm Hữu	Tiến	12/04/1996	15130				
86	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	15131				
87	1621030713	Trịnh Quang	Tiến	08/08/1998	15132				
88	1621060218	Trịnh Quang	Tiến	15/08/1998	15133				
89	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/1997	15134				
90	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/1996	15135				
91	1621060366	Nguyễn Văn	Tin	01/01/1998	15136				
92	1521010079	Trần Mạnh	Tính	30/09/1997	15137				
93	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	15138				
94	1621060176	Trương Quốc	Toàn	24/08/1998	15139				
95	1621030063	Lê Hà	Trang	01/08/1998	15140				
96	1524010037	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/10/1997	15141				
97	1621060051	Nguyễn Văn	Triển	25/02/1998	15142				
98	1624010733	Phan Việt	Trình	25/10/1998	15143				
99	1621050352	Bùi Văn	Trình	10/08/1998	15144				
100	1424010205	Đặng Đình	Trung	09/04/1996	15145				
101	1621070179	Cao Xuân	Trường	25/06/1998	15146				
102	1621070028	Trần Xuân	Trường	19/02/1998	15147				
103	1621050464	Bùi Minh	Tú	10/04/1998	15148				
104	1621060953	Nguyễn Anh	Tú	20/02/1998	15149				
105	1621061037	Nguyễn Trọng	Tú	02/06/1998	15150				
106	1621020017	Trần Anh	Tú	06/07/1998	15151				
107	1621010065	Khương Văn	Tuấn	09/07/1998	15152				
108	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1996	15153				
109	1624010750	Trần Minh	Tuấn	05/10/1998	15154				
110	1421040333	Nguyễn Phan Sơn	Tùng	05/10/1996	15155				
111	1621050596	Doãn	Tường	28/10/1998	15156				
112	1521060245	Phạm Văn	Tuyển	05/06/1997	15157				
113	1524010149	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	17/03/1996	15158				
114	1624010154	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21/01/1998	15159				
115	1424010627	Tô Thị	Vân	13/10/1996	15160				
116	1621080148	Nguyễn Thanh	Văn	22/02/1998	15161				
117	1621060578	Lò Sênh	Văng	08/06/1997	15162				
118	1621061057	Nguyễn Văn	Việt	07/09/1998	15163				
119	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	15164				
120	1524010053	Lê Huy	Vũ	17/09/1997	15165				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 8/15/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1421060319	Lê Tuấn	Vũ	11/09/1995	15166				
122	1521010037	Lê Hoàng	Vượng	02/09/1997	15167				
123	1621080156	Mạc Thị Hải	Yến	02/02/1998	15168				
124	1624010756	Nguyễn Thị	Yến	06/01/1998	15169				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010205 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Khoa học vật liệu đại cương

Ngày thi: **8/16/2017** Phòng thi: **HNAD101** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040357	Lê Quang Đức	Anh	27/05/1996	15170				
2	1421040131	Nguyễn Quang	Huy	11/09/1996	15171				
3	1421040499	Nguyễn Hồng	Sơn	04/04/1996	15172				
4	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/1996	15173				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu: 3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060849	Lê Trường	An	15/02/1998	15174				
2	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	15175				
3	1621010381	Bùi Phương	Anh	20/10/1997	15176				
4	1524010320	Đinh Thị Kiều	Anh	05/05/1997	15177				
5	1621060222	Đỗ Hữu	Anh	09/03/1998	15178				
6	1621060169	Dương Tuấn	Anh	13/02/1998	15179				
7	1621040025	Hoàng Tuấn	Anh	04/01/1998	15180				
8	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/02/1998	15181				
9	1621010242	Lê Phú	Anh	20/08/1998	15182				
10	1621010368	Lê Thị Châm	Anh	10/01/1998	15183				
11	1621060474	Lê Việt	Anh	02/01/1998	15184				
12	1621030052	Lý Minh	Anh	02/05/1998	15185				
13	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/1997	15186				
14	1621060654	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	28/04/1998	15187				
15	1624010645	Nguyễn Thị Lan	Anh	22/11/1998	15188				
16	1621010050	Trịnh Duy Tuấn	Anh	05/05/1998	15189				
17	1621060346	Đào Ngọc	ánh	06/04/1998	15190				
18	1621060912	Nguyễn Quốc	Bảo	11/08/1998	15191				
19	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	15192				
20	1621060790	Hà Ngọc	Biên	06/06/1997	15193				
21	1621010372	Lê Duy	Bình	18/06/1998	15194				
22	1621060992	Nguyễn Bá	Bình	31/10/1998	15195				
23	1621060471	Vũ Hồng	Cát	30/10/1998	15196				
24	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	15197				
25	1621060468	Hồ Thích	Chiến	17/12/1997	15198				
26	1621060227	Nguyễn Minh	Chiến	06/06/1998	15199				
27	1621060536	Nguyễn Minh	Chiến	19/10/1998	15200				
28	1621060326	Phan Đăng	Chiến	12/08/1998	15201				
29	1621010308	Phạm Thị	Chín	01/01/1998	15202				
30	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/1995	15203				
31	1621070729	Nguyễn Văn	Chương	24/02/1998	15204				
32	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/1994	15205				
33	1621030045	Hoàng Đình	Cường	16/10/1998	15206				
34	1621060013	Lê Mạnh	Cường	13/12/1998	15207				
35	1621060983	Nguyễn Hữu	Cường	11/07/1998	15208				
36	1621060287	Phạm Văn	Cường	03/12/1998	15209				
37	1621010709	Hoàng Liên	Đa	23/09/1998	15210				
38	1621040068	Nguyễn Hải	Đăng	23/02/1998	15211				
39	1621020005	Bùi Nguyễn Công	Danh	28/08/1998	15212				
40	1621060643	Cao Văn	Đạt	23/03/1998	15213				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010258	Lê Xuân	Đạt	01/12/1998	15214				
42	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/02/1998	15215				
43	1621060409	Nguyễn Tiến	Đạt	06/05/1998	15216				
44	1621060695	Nguyễn Văn	Đạt	12/08/1998	15217				
45	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	15218				
46	1621070120	Phí Minh	Điền	13/09/1998	15219				
47	1621040037	Vũ Ngọc	Điều	13/01/1998	15220				
48	1621070212	Nguyễn Thành	Đô	20/06/1987	15221				
49	1621060422	Vũ Đình	Độ	20/10/1998	15222				
50	1621080158	Sinh Văn	Doài	07/03/1996	15223				
51	1621070004	Lưu Văn	Đoan	03/03/1998	15224				
52	1621060609	Vũ Đức	Đoàn	11/05/1998	15225				
53	1621060878	Mai Ngọc	Đông	17/05/1998	15226				
54	1621060347	Phạm Ngọc	Đông	27/03/1998	15227				
55	1621040091	Lương Ngọc	Du	04/06/1998	15228				
56	1621070730	Đinh Xuân	Đức	05/08/1998	15229				
57	1621011052	Đỗ Anh	Đức	21/10/1998	15230				
58	1221020215	Doãn Văn	Đức	18/10/1994	15231				
59	1621060798	Hà Văn	Đức	28/07/1998	15232				
60	1421060080	Lưu Huyền	Đức	17/10/1996	15233				
61	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	15234				
62	1621060223	Trần Minh	Đức	06/10/1998	15235				
63	1621060437	Trương Minh	Đức	22/05/1998	15236				
64	1621060133	Vũ Mạnh	Đức	12/02/1996	15237				
65	1624010556	Đặng Thùy	Dung	06/09/1998	15238				
66	1621020714	Lê Văn	Dũng	29/06/1998	15239				
67	1611060011	Nguyễn Anh	Dũng	15/01/1998	15240				
68	1621060761	Nguyễn Bá	Dũng	12/05/1998	15241				
69	1621060457	Nguyễn Mạnh	Dũng	17/03/1998	15242				
70	1621060755	Nguyễn Tiến	Dũng	26/07/1998	15243				
71	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	09/09/1998	15244				
72	1421080174	Vũ Việt	Dũng	18/04/1996	15245				
73	1621010239	Nguyễn Văn	Dương	14/08/1998	15246				
74	1621080026	Nguyễn Văn	Duy	02/09/1998	15247				
75	1621010141	Vũ Đức	Duy	20/10/1998	15248				
76	1621080157	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1997	15249				
77	1521050005	Bạch Quang	Hà	27/03/1997	15250				
78	1621010353	Nguyễn Thị Thanh	Hà	25/06/1998	15251				
79	1631060008	Nguyễn Trọng	Hà	24/08/1995	15252				
80	1621020709	Trần Mạnh	Hà	28/10/1998	15253				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060489	Đinh Đức	Hải	09/10/1998	15254				
2	1621010226	Mai Thanh	Hải	21/10/1998	15255				
3	1621060298	Nguyễn Đức	Hải	14/07/1998	15256				
4	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	15257				
5	1621060328	Nguyễn Minh	Hải	07/08/1998	15258				
6	1621020712	Nguyễn Thị Thanh	Hải	29/05/1998	15259				
7	1621061009	Nguyễn Việt	Hải	13/10/1998	15260				
8	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	15261				
9	1624010098	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	29/12/1998	15262				
10	1621010210	Nguyễn Thị	Hạnh	09/10/1998	15263				
11	1621070164	Lê Sỹ	Hào	09/11/1998	15264				
12	1621060125	Trần Đức	Hậu	29/07/1998	15265				
13	1624010572	Bùi Thị Thu	Hiền	14/12/1998	15266				
14	1621060257	Nguyễn Quang	Hiệp	01/07/1998	15267				
15	1621060540	Phạm Văn	Hiệp	23/03/1998	15268				
16	1621060330	Trần Văn	Hiệp	29/09/1998	15269				
17	1621060294	Hoàng Bá	Hiếu	20/01/1998	15270				
18	1621030016	Lê Văn	Hiếu	10/04/1998	15271				
19	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	15272				
20	1621060789	Nguyễn Khắc	Hiếu	27/06/1998	15273				
21	1621060377	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1998	15274				
22	1621060440	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/1998	15275				
23	1621080703	Nguyễn Văn	Hiếu	05/10/1998	15276				
24	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	15277				
25	1621060620	Nguyễn Văn	Hòa	27/03/1998	15278				
26	1621080073	Nguyễn Thị Thu	Hoài	01/12/1998	15279				
27	1621070094	Nguyễn Xuân	Hoan	21/05/1997	15280				
28	1621060165	Trần Khánh	Hoàn	18/03/1998	15281				
29	1621080056	Vũ Thị	Hoàn	28/02/1998	15282				
30	1621061089	Bùi Huy	Hoàng	19/12/1998	15283				
31	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	15284				
32	1621010189	Trương Việt	Hoàng	11/06/1998	15285				
33	1621060828	Vũ Đình	Hoàng	16/01/1998	15286				
34	1621060473	Nguyễn Quang	Hợp	07/02/1997	15287				
35	1621040072	Ma Thị Minh	Huế	30/08/1998	15288				
36	1621060421	Cao Thiên	Hùng	20/02/1998	15289				
37	1624010089	Kiều Việt	Hùng	10/12/1998	15290				
38	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	15291				
39	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	15292				
40	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	29/04/1998	15293				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060415	Vũ Huy	Hùng	01/05/1998	15294				
42	1621060114	Đậu Quốc	Hưng	18/09/1998	15295				
43	1624010693	Cần Thị Thu	Hương	03/11/1998	15296				
44	1624010606	Lê Thị Thanh	Hương	03/08/1998	15297				
45	1621060831	Nguyễn Văn	Hương	18/10/1998	15298				
46	1524010240	Nguyễn Thị Thúy	Hường	03/09/1997	15299				
47	1621010129	Đỗ Quang	Huy	03/01/1998	15300				
48	1621060572	Hoàng Ngọc	Huy	15/06/1997	15301				
49	1621050141	Nguyễn Quang	Huy	19/10/1998	15302				
50	1621060123	Nguyễn Văn	Huy	27/01/1998	15303				
51	1621080023	Tổng Quang	Huy	07/05/1998	15304				
52	1621060911	Trần Minh	Huy	01/09/1998	15305				
53	1411050036	Vũ Quang	Huy	03/07/1996	15306				
54	1621070704	Đặng Thị Thanh	Huyền	10/11/1998	15307				
55	1624010565	Nguyễn Minh	Huyền	20/12/1998	15308				
56	1621030700	Đặng Duy	Huỳnh	13/06/1998	15309				
57	1621060386	Nguyễn Đức	Khải	05/04/1997	15310				
58	1621060333	Trần Cao	Khải	27/11/1998	15311				
59	1621060042	Vũ Văn	Khải	07/07/1998	15312				
60	1621060115	Lương Minh	Khang	18/12/1998	15313				
61	1421040152	Nguyễn Nam	Khánh	30/07/1995	15314				
62	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	01/10/1998	15315				
63	1621060674	Vũ Đăng	Khoa	07/06/1998	15316				
64	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	01/12/1996	15317				
65	1621040038	Đỗ Trung	Kiên	12/05/1998	15318				
66	1621060077	Mai Ngọc	Kiên	08/01/1998	15319				
67	1621060381	Nguyễn Trần	Kiên	18/01/1998	15320				
68	1321060536	Nguyễn Trung	Kiên	31/12/1995	15321				
69	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/1997	15322				
70	1621070162	Nguyễn Văn	Kiên	20/01/1998	15323				
71	1621010724	Phạm Văn	Kiên	20/10/1997	15324				
72	1521070055	Nguyễn Văn	Kiện	03/07/1997	15325				
73	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	05/11/1998	15326				
74	1621060432	Nguyễn Tùng	Lâm	22/08/1998	15327				
75	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	15328				
76	1621030068	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/12/1998	15329				
77	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	15330				
78	1621060202	Mai Ngọc	Linh	02/04/1998	15331				
79	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	15332				
80	1624010576	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/05/1997	15333				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010388	Phạm Thị	Linh	28/07/1998	15334				
2	1621061068	Lê Ngọc	Lĩnh	07/07/1998	15335				
3	1624010427	Trần Thị Kiều	Loan	27/10/1997	15336				
4	1621060088	Vũ Thị Kim	Loan	06/05/1998	15337				
5	1621011032	Hoàng Phi	Long	30/06/1998	15338				
6	1621060398	Lê Hải	Long	02/07/1998	15339				
7	1521070300	Phạm Đức	Long	18/12/1997	15340				
8	1621060265	Trịnh Tiến	Long	02/02/1998	15341				
9	1621080725	Vũ Đức	Long	17/02/1998	15342				
10	1621060499	Nguyễn Thành	Luân	27/02/1998	15343				
11	1621060343	Nguyễn Văn	Luận	26/07/1998	15344				
12	1621080036	Đoàn Ngọc	Lương	18/09/1998	15345				
13	1621060636	Lê Đức	Lương	05/10/1998	15346				
14	1321030704	Bùi Vũ	Lượng	22/10/1995	15347				
15	1621070109	Nguyễn Văn	Lượng	22/08/1998	15348				
16	1621060788	Đặng Văn	Mạnh	10/02/1998	15349				
17	1621020039	Lường Quang	Mạnh	11/11/1998	15350				
18	1624010889	Đào Thị Kim	Miên	04/06/1998	15351				
19	1621060866	Lâm Văn	Minh	04/10/1998	15352				
20	1621010335	Lê Hữu	Minh	20/08/1997	15353				
21	1621010146	Lương Tất	Minh	19/06/1997	15354				
22	1621060193	Lưu Công	Minh	25/02/1998	15355				
23	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	15356				
24	1621060280	Nguyễn Văn	Minh	20/08/1998	15357				
25	1621070034	Phạm Công	Minh	29/09/1998	15358				
26	1621060007	Vũ Văn	Mười	26/03/1998	15359				
27	1621080052	Nguyễn Diệp	My	07/10/1998	15360				
28	1524010099	Nguyễn Trà	My	24/12/1997	15361				
29	1621030005	Hoàng Văn	Nam	04/09/1998	15362				
30	1321020155	Nguyễn Giang	Nam	12/05/1995	15363				
31	1621020058	Phạm Bá	Nam	25/05/1998	15364				
32	1621060520	Phạm Xuân	Nam	03/12/1998	15365				
33	1624010406	Lương Thị Quỳnh	Nga	13/06/1997	15366				
34	1321080064	Ngô Thị Thúy	Nga	19/07/1995	15367				
35	1621010092	Hoàng Gia	Nghị	03/02/1998	15368				
36	1521020054	Bùi Đại	Nghĩa	26/12/1997	15369				
37	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	15370				
38	1621010326	Trần Đại	Nghĩa	20/04/1998	15371				
39	1621080717	Đặng Thị Bích	Ngọc	13/03/1998	15372				
40	1621061088	Đặng Thị Minh	Ngọc	27/08/1998	15373				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu: 3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621080091	Quản Thị	Ngọc	28/06/1998	15374				
42	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	15375				
43	1624010754	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	07/10/1998	15376				
44	1621010319	Dương Doãn	Nhật	30/08/1998	15377				
45	1621010110	Thái Phi	Nhật	16/12/1998	15378				
46	1621060684	Trần Minh	Nhật	04/11/1998	15379				
47	1621010149	Hà Thị Tuyết	Nhung	24/02/1998	15380				
48	1621020024	Phạm Văn	Phi	05/11/1998	15381				
49	1621070712	Trịnh Bá	Phi	09/02/1998	15382				
50	1621060387	Nguyễn Tuấn	Phong	09/09/1998	15383				
51	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	15384				
52	1621060393	Hoàng Văn	Phong	25/02/1998	15385				
53	1621030074	Phạm Hồng	Phúc	01/11/1998	15386				
54	1621060090	Hoàng Xuân	Phương	07/02/1998	15387				
55	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	15388				
56	1621060198	Vũ Thành	Phương	10/02/1998	15389				
57	1621010186	Nguyễn Hữu	Quân	24/10/1998	15390				
58	1621060899	Vũ Hồng	Quân	09/04/1998	15391				
59	1621010123	Đỗ Nhật	Quang	30/05/1998	15392				
60	1621061026	Nguyễn Đăng	Quang	23/05/1998	15393				
61	1621070173	Nguyễn Văn	Quang	01/12/1998	15394				
62	1621010137	Phạm Tiến	Quang	04/06/1998	15395				
63	1621010343	Nguyễn Minh	Quý	28/07/1998	15396				
64	1621060171	Trương Hữu	Quý	25/05/1998	15397				
65	1621060464	Nguyễn Bá	Quyền	12/10/1998	15398				
66	1621050519	Đỗ Văn	Quyết	04/10/1998	15399				
67	1621010339	Nguyễn Đỗ	Quyết	04/06/1998	15400				
68	1621080155	Chu Diễm	Quỳnh	10/10/1998	15401				
69	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	16/01/1998	15402				
70	1621060455	Tổng Trường	Sâm	07/10/1998	15403				
71	1621010272	Lê Hữu	Sáng	25/05/1998	15404				
72	1621030013	Thò Bá	Sở	21/01/1997	15405				
73	1621060570	Đặng Văn	Sơn	03/09/1998	15406				
74	1411050059	Hoàng Văn	Sơn	17/10/1996	15407				
75	1621060215	Lê Hồng	Sơn	26/08/1997	15408				
76	1621010722	Nguyễn Hải	Sơn	25/12/1998	15409				
77	1621060069	Nguyễn Thanh	Sơn	20/11/1998	15410				
78	1621060117	Trần Văn	Sơn	24/05/1997	15411				
79	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	15412				
80	1621060857	Hoàng Hữu	Sỹ	22/05/1998	15413				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030072	Trần Minh	Tài	01/11/1998	15414				
2	1621030095	Trần Công	Tâm	31/03/1998	15415				
3	1621060389	Lê Hữu	Tấn	27/03/1998	15416				
4	1621060977	Luyện Văn	Tấn	01/02/1998	15417				
5	1621060356	Phạm Đình	Thái	06/06/1998	15418				
6	1421070458	Đậu Viết	Thám	06/07/1995	15419				
7	1621061025	Nguyễn Văn	Thâm	27/09/1998	15420				
8	1621080116	Hoàng Thọ	Thắng	14/01/1998	15421				
9	1621010176	Nguyễn Hữu	Thắng	06/08/1998	15422				
10	1621060508	Phạm Văn	Thắng	22/07/1997	15423				
11	1621060321	Lê Đạt Xuân	Thành	20/04/1998	15424				
12	1621080142	Lưu Xuân	Thành	13/09/1998	15425				
13	1411060161	Nguyễn Tuấn	Thành	29/08/1996	15426				
14	1621010181	Nguyễn Tuấn	Thành	22/01/1998	15427				
15	1621010715	Nguyễn Văn	Thành	07/12/1998	15428				
16	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	15429				
17	1621060450	Phạm Văn	Thành	24/06/1998	15430				
18	1611060012	Nguyễn Thị	Thao	12/04/1998	15431				
19	1621060484	Nguyễn Phú	Thảo	10/03/1998	15432				
20	1624010777	Nguyễn Thu	Thảo	08/03/1998	15433				
21	1621061006	Nguyễn Văn	Thế	29/09/1998	15434				
22	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	15435				
23	1621010077	Đinh Văn	Thiện	27/08/1998	15436				
24	1621060502	Đào Văn	Thịnh	01/07/1998	15437				
25	1621060124	Nguyễn Xuân	Thịnh	29/11/1998	15438				
26	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	08/09/1998	15439				
27	1621040084	Nguyễn Thị	Thơm	29/04/1998	15440				
28	1621060271	Ngô Tiến	Thư	15/11/1998	15441				
29	1621061082	Nguyễn Ngọc	Thuần	21/09/1998	15442				
30	1621060460	Trần Ngọc	Thuận	18/09/1998	15443				
31	1621060405	Phạm Văn	Thuật	07/04/1997	15444				
32	1624010433	Đào Thị	Thương	01/01/1998	15445				
33	1621060546	Hà Quang	Tiến	04/06/1998	15446				
34	1621010180	Nguyễn Văn	Tiến	16/10/1998	15447				
35	1621060366	Nguyễn Văn	Tín	01/01/1998	15448				
36	1521030325	Trần Văn	Toàn	09/03/1996	15449				
37	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	15450				
38	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	15451				
39	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	15452				
40	1624010452	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/06/1998	15453				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu: 3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060731	Đinh Quốc	Triệu	31/10/1998	15454				
42	1621060642	Nguyễn Văn	Trọng	07/09/1998	15455				
43	1621030044	Lê Công	Trực	05/08/1998	15456				
44	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	15457				
45	1621030036	Lê Quang	Trung	13/07/1998	15458				
46	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	15459				
47	1621060230	Ngô Quang	Tuấn	16/10/1997	15460				
48	1421070136	Nguyễn Anh	Tuấn	23/04/1996	15461				
49	1621010214	Phạm Kinh	Tuấn	25/05/1998	15462				
50	1621060260	Phạm Minh	Tuấn	18/10/1990	15463				
51	1624010208	Trần Minh	Tuấn	27/09/1998	15464				
52	1621060952	Lê Huy	Tùng	20/01/1998	15465				
53	1621070157	Nguyễn Bá	Tùng	11/09/1998	15466				
54	1621010213	Nguyễn Lâm	Tùng	27/08/1998	15467				
55	1621010076	Nguyễn Xuân	Tùng	25/01/1998	15468				
56	1621061050	Bùi Đăng	Tuyên	16/05/1998	15469				
57	1624010121	Dương Thị ánh	Tuyết	06/11/1998	15470				
58	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	15471				
59	1621060647	Nguyễn Trọng	Việt	16/10/1998	15472				
60	1621060378	Bùi Hữu	Vinh	08/03/1998	15473				
61	1621060709	Nguyễn Văn	Vinh	18/11/1998	15474				
62	1621060655	Phạm Văn	Vĩnh	08/04/1998	15475				
63	1621080156	Mạc Thị Hải	Yến	02/02/1998	15476				
64	1621020034	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	02/12/1997	15477				
65	1624010756	Nguyễn Thị	Yến	06/01/1998	15478				
66	1624010328	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/06/1998	15479				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010305 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/1997	15480				
2	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/1997	15481				
3	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	15482				
4	1521040110	Trần Đức	Cảnh	08/01/1997	15483				
5	1621010727	Đậu Đình	Chắt	09/04/1997	15484				
6	1521080019	Mai Văn	Chung	21/01/1997	15485				
7	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	15486				
8	1521010446	Nguyễn Thị ánh	Dương	29/03/1997	15487				
9	1521020016	Trịnh Xuân	Duy	05/09/1997	15488				
10	1521080308	Bùi Văn	Hoàng	07/04/1997	15489				
11	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/1997	15490				
12	1021020469	Nguyễn Văn	Hùng	26/01/1992	15491				
13	1521010372	Nguyễn Vũ	Hung	23/02/1997	15492				
14	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	15493				
15	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	15494				
16	1521010340	Hoàng Sơn	Lâm	23/05/1997	15495				
17	1521010360	Lương Thùy	Linh	21/06/1997	15496				
18	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/1997	15497				
19	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	15498				
20	1521080356	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12/06/1997	15499				
21	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/1996	15500				
22	1521010388	Nguyễn Thị	Quyên	05/06/1997	15501				
23	1221010296	Đỗ Văn	Sơn	08/01/1993	15502				
24	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	15503				
25	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/1994	15504				
26	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/1996	15505				
27	1421045009	Trần Bảo	Trung	20/12/1996	15506				
28	1521010349	Trương Minh	Tuấn	29/12/1997	15507				
29	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	15508				
30	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	15509				
31	1521010332	Phạm Văn Long	Vũ	19/01/1997	15510				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017**

Mã học phần: 4010307 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: **8/16/2017**

Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020006	Lê Tuấn	Anh	18/03/1996	15511				
2	1531020004	Nguyễn Đức	Bình	15//0/199/	15512				
3	1221080009	Đinh Văn	Chiến	03/10/1994	15513				
4	1421010033	Nguyễn Ngọc	Chiến	01/02/1996	15514				
5	1521010271	Đỗ Văn	Cường	09/05/1997	15515				
6	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	15516				
7	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	15517				
8	1521010236	Mạc Việt	Đức	24/06/1997	15518				
9	1521010048	Nguyễn Xuân	Đức	29/09/1997	15519				
10	1421010089	Phạm Văn	Đức	30/03/1996	15520				
11	1321010085	Trần Hải	Duy	17/05/1995	15521				
12	1421040102	Vũ Thị	Hiền	20/01/1996	15522				
13	1521010025	Nguyễn Việt	Hiếu	09/09/1997	15523				
14	1421010128	Doãn Huy	Hoàng	10/08/1996	15524				
15	1421010132	Phạm Văn	Hôn	20/04/1996	15525				
16	1521010140	Trần Văn	Hùng	26/01/1997	15526				
17	1421010151	Trần Đại	Hưng	07/04/1996	15527				
18	1321030640	Trần Quang	Hưng	08/06/1995	15528				
19	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/1997	15529				
20	1421020399	Phạm Duy	Huỳnh	16/01/1996	15530				
21	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/1997	15531				
22	1421030120	Nguyễn Duy	Linh	24/09/1996	15532				
23	1421020440	Trần Tuấn	Linh	10/10/1996	15533				
24	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/1997	15534				
25	1421080290	Trần Đức	Minh	14/07/1994	15535				
26	1421010233	Trần Thị	Nhuận	16/10/1996	15536				
27	1421010238	Nguyễn Đức	Phi	08/03/1996	15537				
28	1421080095	Nông Quốc	Phương	27/12/1996	15538				
29	1421040217	Trần Thu	Phương	03/10/1996	15539				
30	1321020729	Nguyễn Văn	Thịnh	01/01/1995	15540				
31	1421020160	Nguyễn Thị	Thùy	03/09/1995	15541				
32	1421080118	Nguyễn Đức	Tuấn	27/05/1996	15542				
33	1421020185	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/04/1996	15543				
34	1421010369	Nguyễn Văn	Tuấn	18/11/1996	15544				
35	1421080120	Trần Trung	Tuấn	02/05/1996	15545				
36	1531020048	Đào Duy	Tùng	27//0/196/	15546				
37	1321020794	Lê Sơn	Tùng	14/10/1995	15547				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất đại cương

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030054	Đông Xuân	Bình	26/06/1997	15548				
2	1321050053	Chu Công	Đạt	24/01/1995	15549				
3	1621050088	Nguyễn Văn	Lâm	18/04/1998	15550				
4	1621050456	Nguyễn Thị	My	19/03/1998	15551				
5	1321070611	Đặng Tiến	Nhất	23/03/1994	15552				
6	1321030759	Nguyễn Huy	Nhật	15/06/1991	15553				
7	1321030185	Trần Văn	Quang	10/12/1995	15554				
8	1321030819	Mai Xuân	Tài	13/03/1994	15555				
9	1521020061	Hoàng Văn	Thực	14/04/1996	15556				
10	1521040314	Phạm Thanh	Thúy	19/05/1996	15557				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040616 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511020007	Trần Tuấn	Anh	29/05/1997	15558				
2	1511020001	Bùi Đăng	Cường	18/09/1997	15559				
3	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/1996	15560				
4	1421020352	Đỗ Văn	Hiếu	29/05/1996	15561				
5	1221010299	Nguyễn Thanh	Sơn	18/10/1993	15562				
6	1321010311	Cao Ngọc	Thành	12/02/1995	15563				
7	1421020604	Trần Thị Minh	Thúy	31/03/1996	15564				
8	1321070707	Nguyễn Thanh	Tùng	09/07/1995	15565				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090309 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Điện tử tương tự và số +TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	15566				
2	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	15567				
3	1321060018	Lê Xuân	Bách	16/08/1995	15568				
4	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	15569				
5	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	15570				
6	1521040212	Nguyễn Tiến	Đạt	13/12/1997	15571				
7	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/1997	15572				
8	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	15573				
9	1521060216	Lê Minh	Đức	19/03/1997	15574				
10	1521060267	Phạm Minh	Đức	26/10/1997	15575				
11	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	15576				
12	1521060122	Lê Minh	Hiếu	23/11/1997	15577				
13	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/1997	15578				
14	1521060074	Nguyễn Đình	Hoàng	08/09/1996	15579				
15	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	15580				
16	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/1997	15581				
17	1521060333	Nguyễn An	Khang	11/12/1997	15582				
18	1521060084	Đào Văn	Khánh	20/09/1997	15583				
19	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/1997	15584				
20	1521060255	Chào Láo	Lờ	28/09/1995	15585				
21	1511060015	Lê Văn	Lợi	10/04/1997	15586				
22	1321060555	Dương Minh	Lượng	10/09/1994	15587				
23	1221060089	Hoàng Văn	Mạnh	06/12/1994	15588				
24	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/1997	15589				
25	1521060012	Lê Tiến	Nam	25/11/1997	15590				
26	1521060302	Lương Phương	Nam	19/06/1997	15591				
27	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/1997	15592				
28	1521060155	Bùi Đức	Nguyễn	06/08/1997	15593				
29	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	15594				
30	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/1997	15595				
31	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	15596				
32	1521060064	Mạc Duy	Phương	06/10/1997	15597				
33	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	05/12/1997	15598				
34	1521060168	Vũ Văn	Quyển	09/06/1997	15599				
35	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	04/10/1996	15600				
36	1521060324	Trần Y Quốc	Sang	21/09/1997	15601				
37	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	15602				
38	1521060073	Nguyễn Hữu	Tài	08/04/1997	15603				
39	1521060331	Nguyễn Minh	Tân	02/10/1997	15604				
40	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/1995	15605				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090309 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Điện tử tương tự và số +TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD403

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/1995	15606				
42	1521060219	Phạm Hữu	Thảo	12/11/1997	15607				
43	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	06/03/1997	15608				
44	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	15609				
45	1521060151	Trần Văn	Tổ	15/02/1997	15610				
46	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/1997	15611				
47	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/1997	15612				
48	1521060315	Bùi Doãn	Trường	03/12/1997	15613				
49	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	15614				
50	1521060145	Tôn Thế	Tùng	07/03/1997	15615				
51	1521060245	Phạm Văn	Tuyền	05/06/1997	15616				
52	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	07/12/1997	15617				
53	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/1997	15618				
54	1521040015	Nguyễn Hồng	Vinh	13/07/1997	15619				
55	1521060138	Đình Quang	Vũ	22/10/1997	15620				
56	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	15621				
57	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	15622				
58	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	15623				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090409 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật gia công cơ khí 2

Ngày thi: **8/16/2017** Phòng thi: **HNAD403** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060005	Lê Tuấn	Anh	06/10/1996	15624				
2	1421060250	Nguyễn Đình	Thành	16/04/1996	15625				
3	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	15626				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010109 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Logic đại cương

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030001L	Chomkhan Khunthila	.	23/07/1995	15627				
2	1421030243	Đỗ Tuấn	Anh	10/08/1996	15628				
3	1421060331	Vũ Tuấn	Anh	18/12/1996	15629				
4	1321030429	Nguyễn Văn	Bảy	15/07/1993	15630				
5	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	15631				
6	1621061058	Trần Quốc	Đạt	22/11/1997	15632				
7	1421030311	Trần Tiến	Đạt	21/02/1996	15633				
8	1421030295	Đỗ Đức	Doanh	07/10/1996	15634				
9	1321030519	Lê Anh	Đức	14/11/1995	15635				
10	1421030052	Vũ Quang	Đức	10/06/1996	15636				
11	1421060362	Nguyễn Xuân	Dũng	07/01/1996	15637				
12	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	02/10/1996	15638				
13	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/1995	15639				
14	1321030054	Thân Trường	Giang	23/09/1994	15640				
15	1321030056	Nguyễn Văn	Giáp	18/09/1995	15641				
16	1421060406	Nguyễn Đức	Hải	05/12/1995	15642				
17	1321030570	Dương Đức	Hiệp	21/01/1994	15643				
18	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/1996	15644				
19	1421030361	Phạm Đức	Hòa	20/06/1996	15645				
20	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/1993	15646				
21	1421030375	Nguyễn Phi	Hùng	23/09/1996	15647				
22	1421030089	Nguyễn Tiến	Hùng	13/06/1996	15648				
23	1421030378	Trần Ngọc	Hùng	15/09/1996	15649				
24	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/1993	15650				
25	1321060519	Nguyễn Văn Hoàng	Hưng	30/10/1995	15651				
26	1421030101	Đỗ Thị	Hương	20/12/1996	15652				
27	1421060459	Nguyễn Văn	Hường	26/08/1996	15653				
28	1421030108	Hoàng Duy	Khánh	06/10/1995	15654				
29	1321030651	Trần Đăng	Khánh	12/06/1995	15655				
30	1321060529	Vũ Duy	Khánh	16/11/1995	15656				
31	1421030413	Doãn Văn	Khương	18/02/1996	15657				
32	1421060160	Vũ Trọng	Linh	20/06/1996	15658				
33	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	15659				
34	1321050121	Nguyễn Văn	Long	04/10/1995	15660				
35	1421030127	Hoàng Thị Hải	Ly	04/04/1996	15661				
36	1421030134	Đào Hồng	Nam	22/01/1996	15662				
37	1421060500	Nguyễn Phương	Nam	28/08/1996	15663				
38	1321030158	Trần Nhật	Nam	28/11/1995	15664				
39	1321030159	Trần Thanh	Nam	17/07/1995	15665				
40	1421030475	Nguyễn Hữu	Ngọc	09/09/1996	15666				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010109 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Logic đại cương

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321030752	Trần Quang	Ngọc	13/09/1994	15667				
42	1421030503	Bùi An	Quang	09/09/1995	15668				
43	1421030162	Lê Thị	Sinh	13/08/1996	15669				
44	1321030196	Hoàng Xuân	Sơn	16/10/1995	15670				
45	1421030168	Phạm Xuân	Sơn	07/04/1996	15671				
46	1321060260	Nguyễn Trọng	Thạch	04/09/1994	15672				
47	1321060262	Phạm Quang	Thái	06/08/1995	15673				
48	1421080361	Lương Thiên	Thảo	17/10/1996	15674				
49	1421030183	Lưu Thị Thu	Thảo	28/07/1996	15675				
50	1421030553	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/11/1996	15676				
51	1221060127	Nguyễn Huy	Thế	30/03/1994	15677				
52	1421060260	Phạm Phú	Thịem	06/08/1994	15678				
53	1321060292	Nguyễn Thuận	Thiên	05/04/1995	15679				
54	1321060293	Lê Đình	Thiên	08/10/1995	15680				
55	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	15681				
56	1321030218	Nguyễn Đức	Thịnh	12/04/1995	15682				
57	1221030149	Nguyễn Văn	Thuân	20/02/1993	15683				
58	1421030201	Đặng Văn	Thực	26/11/1995	15684				
59	1421030203	Phạm Hữu	Thường	11/08/1995	15685				
60	1421060592	Nguyễn Văn	Thụy	18/05/1996	15686				
61	1421020609	Dương Ngọc	Tiến	27/01/1996	15687				
62	1321030234	Nguyễn Văn	Tiến	25/12/1993	15688				
63	1321030908	Đặng Văn	Trình	27/01/1995	15689				
64	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	15690				
65	1321030244	Bùi Đức	Trung	04/11/1995	15691				
66	1321060652	Dương Trọng	Trường	08/04/1995	15692				
67	1321080535	Nguyễn Kim	Trường	21/01/1993	15693				
68	1421030214	Ninh Văn	Trưởng	09/04/1996	15694				
69	1321030939	Đỗ Thanh	Tuấn	02/06/1995	15695				
70	1321030948	Nguyễn Trọng	Tuấn	19/02/1995	15696				
71	1421030225	Phạm Văn	Tuấn	25/06/1996	15697				
72	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	15698				
73	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/1995	15699				
74	1321060344	Vũ Văn	Tùng	29/07/1995	15700				
75	1421030624	Tô Bá	Tuyền	23/10/1996	15701				
76	1421030232	Nguyễn Doãn	Việt	27/09/1995	15702				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030503 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/1992	15703				
2	1521040145	Lê Xuân	An	26/06/1997	15704				
3	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/1997	15705				
4	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/1997	15706				
5	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/1997	15707				
6	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	15708				
7	1521060449	Lê Minh	Chiến	27/03/1997	15709				
8	1321040030	Phạm Văn	Công	16/01/1994	15710				
9	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/1997	15711				
10	1521060445	Đào Văn	Cương	27/06/1997	15712				
11	1321060035	Nguyễn Đình	Cương	15/10/1995	15713				
12	1421040384	Bùi Quốc	Cường	21/07/1995	15714				
13	1321060042	Lương Minh	Cường	30/06/1995	15715				
14	1521060441	Nguyễn Danh	Cường	07/05/1997	15716				
15	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	15717				
16	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/1997	15718				
17	1521041002	Nguyễn Văn	Cường	07/02/1997	15719				
18	1521040153	Trịnh Tiến	Cường	21/04/1995	15720				
19	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/1996	15721				
20	1421040070	Đào Vũ	Đăng	26/03/1996	15722				
21	1521060436	Lê Hồng	Đăng	01/01/1996	15723				
22	1521060418	Phạm Văn	Đăng	02/01/1997	15724				
23	1521060354	Đỗ Quốc	Đạt	07/10/1997	15725				
24	1321040065	Trần Tiến	Đạt	14/03/1995	15726				
25	1521060425	Nguyễn Văn	Đoàn	03/01/1997	15727				
26	1321060076	Đặng Duy	Đông	19/05/1995	15728				
27	1521060371	Nguyễn Văn	Đông	15/02/1997	15729				
28	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/1996	15730				
29	1521019021	Đặng Quốc	Dũng	15/11/1997	15731				
30	1521040223	Phan Văn	Dụng	23/07/1997	15732				
31	1521040034	Phạm Lê Quang	Dương	14/02/1997	15733				
32	1521040228	Phạm Tiến	Duyệt	21/10/1997	15734				
33	1521060363	Nguyễn Thanh	Hà	01/01/1997	15735				
34	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	08/11/1997	15736				
35	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	15737				
36	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/1997	15738				
37	1521060342	Nguyễn Tuấn	Hiệp	30/11/1997	15739				
38	1521060403	Bùi Trung	Hiếu	08/05/1997	15740				
39	1521010247	Lê Minh	Hiếu	03/09/1997	15741				
40	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/1997	15742				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030503 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/1996	15743				
42	1521020056	Lê Đắc	Hùng	08/05/1997	15744				
43	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	15745				
44	1521040249	Phạm Thị	Hường	06/08/1996	15746				
45	1521010248	Lê Văn	Huy	30/09/1997	15747				
46	1521010083	Nguyễn Quốc	Huy	02/10/1997	15748				
47	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/1997	15749				
48	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/1997	15750				
49	1521060458	Trần Quang	Huy	07/06/1997	15751				
50	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/1997	15752				
51	1521040138	Trịnh Xuân	Khánh	09/07/1997	15753				
52	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	15754				
53	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/1997	15755				
54	1521040020	Nguyễn Thị	Liễu	24/07/1997	15756				
55	1521060355	Nguyễn Tất	Lợi	05/03/1997	15757				
56	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	15758				
57	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/1997	15759				
58	1521060421	Nguyễn Duy	Long	20/10/1997	15760				
59	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	15761				
60	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/1997	15762				
61	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	15763				
62	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	15764				
63	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/1997	15765				
64	1521010239	Tô Thanh	Ngọc	17/09/1997	15766				
65	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	15767				
66	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/1997	15768				
67	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	15769				
68	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/1996	15770				
69	1521060432	Cao Đại	Quang	26/03/1996	15771				
70	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/1997	15772				
71	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/1994	15773				
72	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/1996	15774				
73	1521060367	Trần Văn	Sáng	01/05/1997	15775				
74	1321040232	Mã Văn	Sơn	20/12/1995	15776				
75	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	15777				
76	1521040294	Nguyễn Hồng	Sơn	26/08/1997	15778				
77	1521040075	Nguyễn Văn	Sơn	08/03/1997	15779				
78	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/1997	15780				
79	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/1997	15781				
80	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	15782				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030503 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521010123	Lê Quang	Tâm	14/10/1997	15783				
82	1521010135	Nguyễn Viết	Tân	11/12/1997	15784				
83	1421040241	Lương Trọng	Tấn	24/03/1996	15785				
84	1521060424	Trần Quang	Thắng	25/10/1997	15786				
85	1521040305	Cao Văn	Thành	07/01/1997	15787				
86	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/1996	15788				
87	1521040150	Nguyễn Minh	Thành	27/09/1997	15789				
88	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	15790				
89	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/1997	15791				
90	1521060388	Trần Quang	Thành	03/08/1997	15792				
91	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/1997	15793				
92	1521040121	Lý Việt	Thiên	23/05/1997	15794				
93	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/1996	15795				
94	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/1997	15796				
95	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/02/1997	15797				
96	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	09/08/1996	15798				
97	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	15799				
98	1321040281	Nguyễn Đức	Thọ	03/11/1994	15800				
99	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/1997	15801				
100	1521060406	Nguyễn Đức	Thuận	12/04/1997	15802				
101	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/1997	15803				
102	1521010106	Ngô Quốc	Tiến	09/11/1997	15804				
103	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/1997	15805				
104	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/1997	15806				
105	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/1997	15807				
106	1521040024	Nguyễn Thùy	Trang	22/04/1997	15808				
107	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/1996	15809				
108	1521060397	Vũ Ngọc	Triệu	05/09/1997	15810				
109	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	15811				
110	1521060426	Lê Thế	Trung	09/09/1997	15812				
111	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	15813				
112	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	15814				
113	1521060420	Nguyễn Hà	Trung	16/01/1997	15815				
114	1521040074	Lê Đắc	Trường	11/04/1997	15816				
115	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	15817				
116	1521010077	Hoàng Minh	Tuấn	12/01/1996	15818				
117	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/1997	15819				
118	1521060440	Nguyễn Anh	Tuấn	24/09/1996	15820				
119	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	15821				
120	1521060399	Nguyễn Văn	Tuấn	16/01/1997	15822				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030503 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN

Ngày thi: 8/16/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
121	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/1997	15823				
122	1521040027	Vũ Văn	Tuấn	19/07/1997	15824				
123	1321040623	Cao Sơn	Tùng	24/09/1995	15825				
124	1521040083	Vũ Xuân	Tùng	28/09/1997	15826				
125	1521040093	Lê Văn	Tuyên	20/06/1996	15827				
126	1521040062	Nguyễn Đình	Tuyên	18/04/1997	15828				
127	1521060359	Trần Văn	Tuyên	11/06/1997	15829				
128	1421040346	Hoàng Bảo	Việt	04/11/1996	15830				
129	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	15831				
130	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	15832				
131	1521060382	Nguyễn Văn	Việt	02/04/1997	15833				
132	1521010080	Phạm Quốc	Việt	03/01/1997	15834				
133	1521060385	Phùng Duy	Việt	17/09/1996	15835				
134	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/1997	15836				
135	1521010122	Hồ Tuấn	Vũ	01/06/1997	15837				
136	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	15838				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070127	Lê Tuấn	An	21/03/1998	15839				
2	1521030114	Phạm Xuân	An	17/06/1997	15840				
3	1621040076	Vũ Duy	An	05/01/1998	15841				
4	1624010305	Đinh Thị Lan	Anh	18/03/1998	15842				
5	1621070061	Đỗ Tuấn	Anh	30/05/1998	15843				
6	1624011040	Đoàn Phương	Anh	08/09/1998	15844				
7	1621040108	Đoàn Tiến	Anh	01/02/1998	15845				
8	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/1996	15846				
9	1621040025	Hoàng Tuấn	Anh	04/01/1998	15847				
10	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/02/1998	15848				
11	1624010943	Lê Thị Vân	Anh	08/08/1998	15849				
12	1621070077	Lê Văn Tiến	Anh	08/03/1997	15850				
13	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	15851				
14	1624010705	Nguyễn Thị	Anh	10/05/1998	15852				
15	1621050163	Nguyễn Tuấn	Anh	22/12/1998	15853				
16	1624010537	Phạm Thị Ngọc	Anh	03/03/1998	15854				
17	1624010173	Trần Việt Hoàng	Anh	09/06/1998	15855				
18	1621010050	Trịnh Duy Tuấn	Anh	05/05/1998	15856				
19	1421060331	Vũ Tuấn	Anh	18/12/1996	15857				
20	1621080114	Hoàng Thị Ngọc	ánh	27/11/1998	15858				
21	1621030054	Phạm Ngọc	ánh	28/02/1998	15859				
22	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	15860				
23	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	15861				
24	1621050051	Công Văn	Cao	16/05/1998	15862				
25	1621020800	Aekaxay	CHALERN	28/08/1993	15863				
26	1621070160	Dương Khắc Minh	Chiến	25/10/1998	15864				
27	1621030089	Nguyễn Công	Chiến	21/12/1997	15865				
28	1621070729	Nguyễn Văn	Chương	24/02/1998	15866				
29	1521060116	Nguyễn Thành	Công	27/11/1997	15867				
30	1621070003	Ngô Quang	Cường	16/02/1998	15868				
31	1321050034	Nguyễn Mạnh	Cường	16/02/1995	15869				
32	1621010354	Nguyễn Văn	Cường	09/06/1998	15870				
33	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	15871				
34	1621010709	Hoàng Liên	Đa	23/09/1998	15872				
35	1621070156	Nguyễn Chí	Đan	08/07/1998	15873				
36	1421060071	Nguyễn Văn	Đăng	06/04/1996	15874				
37	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	15875				
38	1621010367	Lê Văn	Đạt	30/09/1998	15876				
39	1621010258	Lê Xuân	Đạt	01/12/1998	15877				
40	1621050715	Trần Mạnh	Đạt	26/03/1998	15878				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621070120	Phí Minh	Diễn	13/09/1998	15879				
42	1621040037	Vũ Ngọc	Điều	13/01/1998	15880				
43	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	15881				
44	1621080158	Sinh Văn	Doài	07/03/1996	15882				
45	1621070004	Lưu Văn	Đoan	03/03/1998	15883				
46	1521070214	Nguyễn Công	Đoàn	12/05/1997	15884				
47	1621010147	Hồ Văn	Đồng	17/08/1997	15885				
48	1621040091	Lương Ngọc	Du	04/06/1998	15886				
49	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	15887				
50	1621070019	Đoàn Việt	Đức	16/08/1998	15888				
51	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	15889				
52	1621040136	Nguyễn Anh	Đức	24/08/1998	15890				
53	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	15891				
54	1621050368	Trần Anh	Đức	12/09/1998	15892				
55	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/1997	15893				
56	1521050296	Vũ Trọng	Đức	06/06/1997	15894				
57	1624010891	Đỗ Thị Thuý	Dung	20/04/1998	15895				
58	1624010362	Nguyễn Thị	Dung	01/05/1998	15896				
59	1621010105	Bùi Đức	Dũng	18/06/1998	15897				
60	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	15898				
61	1621040128	Phan Văn	Dũng	01/04/1998	15899				
62	1624010128	Vũ Nguyên	Dũng	23/11/1998	15900				
63	1621040020	Nguyễn Hoàng	Dương	18/05/1998	15901				
64	1624010025	Nguyễn Ngọc	Dương	09/09/1998	15902				
65	1424010269	Nguyễn Văn	Duy	27/10/1996	15903				
66	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	06/03/1997	15904				
67	1624010658	Lại Thị	Duyên	04/08/1998	15905				
68	1621010270	Ngô Thị	Duyên	23/11/1998	15906				
69	1621010162	Hà Kim	Giang	03/01/1997	15907				
70	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	15908				
71	1621040005	Nguyễn Huy	Giang	17/11/1998	15909				
72	1621040117	Đinh Ngọc	Hải	29/06/1998	15910				
73	1621010226	Mai Thanh	Hải	21/10/1998	15911				
74	1621070700	Nguyễn Nam	Hải	30/06/1995	15912				
75	1621010224	Trương Ngọc	Hải	17/08/1998	15913				
76	1624010729	Bùi Thị	Hằng	03/03/1998	15914				
77	1624010274	Nguyễn Thị	Hào	17/07/1998	15915				
78	1624010610	Bùi Thu	Hiền	11/02/1998	15916				
79	1624010730	Đinh Thị	Hiền	30/10/1998	15917				
80	1521070244	Nguyễn Văn	Hiền	09/02/1995	15918				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050197	Đinh Đức	Hiền	08/07/1997	15919				
2	1621010292	Đặng Minh	Hiếu	16/03/1998	15920				
3	1621040107	Đoàn Mạnh	Hiếu	07/03/1998	15921				
4	1621040135	Nguyễn Đức	Hiếu	27/04/1998	15922				
5	1621030050	Nguyễn Minh	Hiếu	30/04/1998	15923				
6	1621010232	Trần Minh	Hiếu	12/06/1998	15924				
7	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	15925				
8	1624010172	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1998	15926				
9	1621010305	Nguyễn Thế	Hoàng	22/02/1998	15927				
10	1624010425	Mai Thị	Huế	10/05/1998	15928				
11	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	15929				
12	1624010791	Hoàng Phi	Hùng	18/02/1998	15930				
13	1621010150	Lê Công	Hùng	10/05/1997	15931				
14	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	15932				
15	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	15933				
16	1621010364	Nguyễn Quốc	Hùng	10/12/1997	15934				
17	1621020041	Nguyễn Thế	Hùng	19/11/1998	15935				
18	1621010711	Phạm Sĩ	Hùng	12/10/1998	15936				
19	1624010591	Đặng Thị Mai	Hương	17/04/1998	15937				
20	1624010032	Lê Thị Lan	Hương	23/08/1998	15938				
21	1621050779	Nguyễn Thị	Hương	30/04/1998	15939				
22	1624010049	Nguyễn Thị	Hương	25/05/1998	15940				
23	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	15941				
24	1621070082	Chữ Mạnh	Hường	20/09/1997	15942				
25	1621070158	Bùi Quang	Huy	18/10/1998	15943				
26	1624010442	Bùi Thị	Huyền	07/12/1998	15944				
27	1624010618	Bùi Thu	Huyền	23/02/1998	15945				
28	1624010542	Công Thị	Huyền	19/03/1998	15946				
29	1621070704	Đặng Thị Thanh	Huyền	10/11/1998	15947				
30	1624010565	Nguyễn Minh	Huyền	20/12/1998	15948				
31	1624010536	Nguyễn Thị	Huyền	04/11/1998	15949				
32	1624010449	Phạm Thị	Huyền	09/12/1998	15950				
33	1624010355	Trần Thị	Huyền	08/07/1998	15951				
34	1624010654	Trịnh Thị Khánh	Huyền	07/01/1998	15952				
35	1621070115	Hoàng Đình	Khải	04/10/1998	15953				
36	1624010999	Saiychai	KHAMPH	05/05/1992	15954				
37	1621080139	Đinh Thị Kim	Khánh	12/06/1998	15955				
38	1621010276	Nguyễn Trọng	Khánh	05/09/1998	15956				
39	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	15957				
40	1621070098	Nguyễn Văn	Khoe	23/09/1998	15958				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010020	Nguyễn Trung	Kiên	20/12/1998	15959				
42	1621040099	Nguyễn Hoa	Kỳ	23/12/1998	15960				
43	1621030068	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/12/1998	15961				
44	1624010238	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/06/1998	15962				
45	1624010298	Phạm Thị	Lan	06/06/1998	15963				
46	1621070132	Nguyễn Thanh	Lịch	05/01/1998	15964				
47	1621040801	Somsak	LIDTHIDE	26/01/1996	15965				
48	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	15966				
49	1621050264	Đỗ Thị	Linh	14/11/1998	15967				
50	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	15968				
51	1624010941	Ngô Thị Khánh	Linh	02/09/1998	15969				
52	1624010013	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	17/12/1998	15970				
53	1624011003	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	14/02/1998	15971				
54	1621080710	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/05/1998	15972				
55	1624010576	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/05/1997	15973				
56	1624010267	Nguyễn Thùy	Linh	10/08/1998	15974				
57	1624010388	Phạm Thị	Linh	28/07/1998	15975				
58	1624010376	Phạm Thị Mỹ	Linh	27/09/1998	15976				
59	1624010096	Hoàng Bích	Loan	14/08/1998	15977				
60	1624010728	Trần Bích	Loan	16/12/1998	15978				
61	1621010369	Nguyễn Chí	Lực	14/08/1998	15979				
62	1621040059	Trịnh Đình	Lương	06/05/1996	15980				
63	1621070059	Lê Quang	Lượng	03/07/1998	15981				
64	1621050333	Phan Đình	Lượng	23/03/1998	15982				
65	1621010118	Nguyễn Văn	Lưu	29/01/1998	15983				
66	1621010316	Nguyễn Văn	Luyện	22/12/1998	15984				
67	1624010461	Đinh Thảo	Ly	02/10/1998	15985				
68	1624010628	Trịnh Thị Hương	Ly	08/03/1998	15986				
69	1624010490	Nguyễn Hoa	Mai	14/10/1998	15987				
70	1624010678	Nguyễn Thị	Mai	08/10/1998	15988				
71	1621070068	Nguyễn Thị Hồng	Mai	14/12/1998	15989				
72	1624010650	Trương Thị	Mai	25/02/1998	15990				
73	1621070049	Bùi Đức	Mạnh	14/06/1998	15991				
74	1621070148	Trần Đức	Mạnh	17/02/1998	15992				
75	1624010889	Đào Thị Kim	Miên	04/06/1998	15993				
76	1621070136	Lê Văn	Minh	05/03/1998	15994				
77	1621070034	Phạm Công	Minh	29/09/1998	15995				
78	1621070126	Trần Tuấn	Minh	21/11/1998	15996				
79	1421030138	Nguyễn Phương	Nam	09/09/1996	15997				
80	1621070219	Nguyễn Phương	Nam	22/04/1998	15998				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020485	Trần Văn	Nam	04/01/1996	15999				
2	1624010716	Bùi Thị Quỳnh	Nga	26/12/1998	16000				
3	1624010714	Hoàng Yến	Nga	10/10/1998	16001				
4	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	02/07/1998	16002				
5	1624010406	Lương Thị Quỳnh	Nga	13/06/1997	16003				
6	1624010043	Lưu Thị	Nga	20/07/1998	16004				
7	1624010563	Nguyễn Thị	Nga	06/04/1998	16005				
8	1624010653	Phạm Thị	Nga	11/12/1998	16006				
9	1621010092	Hoàng Gia	Nghị	03/02/1998	16007				
10	1521010027	Vũ Xuân	Nghị	04/07/1997	16008				
11	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	16009				
12	1521010200	Nguyễn Hữu	Nghĩa	30/11/1997	16010				
13	1521010176	Đặng Nguyễn Duy	Ngọc	25/01/1997	16011				
14	1624010599	Nguyễn Anh	Ngọc	30/11/1998	16012				
15	1621080091	Quản Thị	Ngọc	28/06/1998	16013				
16	1624010649	Lê Ánh	Nguyệt	21/10/1998	16014				
17	1624010840	Phạm Thị Thu	Nguyệt	15/06/1998	16015				
18	1621010319	Dương Doãn	Nhật	30/08/1998	16016				
19	1624010525	Đỗ Thị	Nhung	09/11/1998	16017				
20	1624010689	Dương Thị Cẩm	Nhung	11/01/1998	16018				
21	1621010149	Hà Thị Tuyết	Nhung	24/02/1998	16019				
22	1624010348	Lê Thị Yến	Oanh	20/06/1998	16020				
23	1624010496	Trịnh Thị Kim	Oanh	18/05/1998	16021				
24	1321040203	Đình Văn	Phi	18/05/1995	16022				
25	1621070198	Nguyễn Thành	Phổ	10/02/1998	16023				
26	1621010135	Đào Văn	Phúc	13/10/1998	16024				
27	1621010324	Phạm Xuân	Phúc	05/07/1998	16025				
28	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	16026				
29	1624010952	Đỗ Thu	Phương	23/07/1998	16027				
30	1621011049	Dương Thị	Phương	20/03/1998	16028				
31	1624010774	Hà Thị	Phương	12/10/1998	16029				
32	1624010361	Hoàng Thị Lam	Phương	08/06/1998	16030				
33	1624010731	Nguyễn Thị	Phương	28/08/1998	16031				
34	1624010062	Phạm Thị Minh	Phương	19/11/1998	16032				
35	1424010155	Trịnh Hà	Phương	06/08/1996	16033				
36	1624010784	Vũ Thị	Phương	18/07/1998	16034				
37	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	16035				
38	1621010323	Lê Trọng	Quân	11/06/1998	16036				
39	1621010186	Nguyễn Hữu	Quân	24/10/1998	16037				
40	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	16038				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010123	Đỗ Nhật	Quang	30/05/1998	16039				
42	1621070007	Nguyễn Tiến	Quang	12/12/1998	16040				
43	1621070173	Nguyễn Văn	Quang	01/12/1998	16041				
44	1621010137	Phạm Tiến	Quang	04/06/1998	16042				
45	1621070165	Vũ Kiến	Quốc	24/01/1998	16043				
46	1621070015	Hoàng Văn	Quý	01/01/1998	16044				
47	1621010343	Nguyễn Minh	Quý	28/07/1998	16045				
48	1521010016	Phan Trọng	Quý	27/09/1996	16046				
49	1624010903	Vũ Thị	Quý	02/03/1998	16047				
50	1624010797	Đỗ Văn	Quyền	24/12/1998	16048				
51	1621070103	Nguyễn Trọng	Quyền	22/10/1998	16049				
52	1624010453	Lê Thị	Quỳnh	01/07/1998	16050				
53	1621010272	Lê Hữu	Sáng	25/05/1998	16051				
54	1621040800	Thanakone	SENGMAI	20/04/1997	16052				
55	1621040803	Somneuk	SITTHIEN	09/03/1994	16053				
56	1621010251	Lê Cao	Sơn	05/12/1998	16054				
57	1621010116	Lê Hồng	Sơn	05/03/1997	16055				
58	1621010722	Nguyễn Hải	Sơn	25/12/1998	16056				
59	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	16057				
60	1621070210	Nguyễn Hoàng	Sơn	04/07/1998	16058				
61	1621070080	Nguyễn Xuân	Sơn	02/07/1998	16059				
62	1421020138	Phạm Thành	Sơn	04/11/1996	16060				
63	1621010093	Phan Duy	Sơn	22/04/1998	16061				
64	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	16062				
65	1624010078	Phương Tiến	Tài	28/02/1998	16063				
66	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	16064				
67	1521010135	Nguyễn Việt	Tân	11/12/1997	16065				
68	1621040026	Bùi Yến	Thanh	12/07/1998	16066				
69	1621070040	Lê Gia	Thanh	25/02/1996	16067				
70	1621070088	Nguyễn Ngọc	Thanh	24/11/1998	16068				
71	1621010739	Nguyễn Thị	Thanh	15/03/1998	16069				
72	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/1997	16070				
73	1321070172	Bùi Tiến	Thành	07/09/1995	16071				
74	1621070129	Mai Việt	Thành	02/05/1998	16072				
75	1621010080	Nguyễn Công	Thành	10/01/1998	16073				
76	1621010178	Nguyễn Tiến	Thành	10/02/1998	16074				
77	1624010623	Nguyễn Trí	Thành	06/11/1998	16075				
78	1621010026	Phạm Chí	Thành	03/12/1998	16076				
79	1624010679	Đương Thị	Thảo	10/03/1998	16077				
80	1621010738	Phạm Thị Phương	Thảo	16/07/1998	16078				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621010101	Hoàng Văn	Thắng	27/03/1998	16079				
2	1624010041	Bùi Sỹ	Thắng	04/04/1998	16080				
3	1624010077	Nguyễn Văn	Thắng	19/06/1997	16081				
4	1631040059	Nguyễn Việt	Thắng	19/10/1991	16082				
5	1621070029	Phạm Văn	Thế	08/01/1998	16083				
6	1621040100	Vũ Trọng	Thế	01/02/1998	16084				
7	1614010032	Phạm Thị	Thêm	14/03/1998	16085				
8	1624010772	Phạm Văn	Thích	01/06/1998	16086				
9	1621010077	Đình Văn	Thiện	27/08/1998	16087				
10	1421040801	Dương Đức	Thiện		16088				
11	1624010018	Trần Thị	Thịnh	13/11/1996	16089				
12	1621040130	Vũ Văn	Thịnh	22/08/1998	16090				
13	1621030008	Trần Quý	Thọ	05/05/1998	16091				
14	1624010701	Nguyễn Thị	Thoan	28/12/1998	16092				
15	1624010144	Nguyễn Thị	Thơm	17/07/1998	16093				
16	1624010570	Hoàng Thị Diệu	Thu	18/08/1998	16094				
17	1621010307	Lê Chung	Thức	10/09/1998	16095				
18	1624010433	Đào Thị	Thương	01/01/1998	16096				
19	1624010868	Lê Hồng	Thúy	04/08/1998	16097				
20	1624010446	Lương Thị	Thúy	01/01/1998	16098				
21	1621050819	Hoàng Văn	Thùy	08/09/1998	16099				
22	1624010727	Lê Thị Hồng	Thủy	06/06/1997	16100				
23	1624010647	Lê Thị Thanh	Thùy	13/10/1998	16101				
24	1621040109	Nguyễn Hữu	Tiến	09/09/1997	16102				
25	1621070069	Phạm Minh	Tiến	31/07/1998	16103				
26	1621070025	Trần Văn	Tiến	10/07/1998	16104				
27	1621010314	Phạm Khắc	Tiếp	05/04/1998	16105				
28	1621050423	Nguyễn Đức	Tĩnh	08/09/1998	16106				
29	1621070194	Nguyễn Ngọc	Toàn	30/11/1998	16107				
30	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/08/1997	16108				
31	1624010200	Hoàng Thị	Trang	28/06/1996	16109				
32	1624010052	Hoàng Thị Vân	Trang	27/06/1998	16110				
33	1624010491	Lại Thùy	Trang	06/12/1998	16111				
34	1624010015	Lý Thị Huyền	Trang	04/05/1997	16112				
35	1624010694	Dư Thị	Trình	26/01/1998	16113				
36	1621040122	Đào Văn	Trọng	23/12/1997	16114				
37	1621040086	Lê Bá Quốc	Trung	05/08/1998	16115				
38	1521060426	Lê Thế	Trung	09/09/1997	16116				
39	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	16117				
40	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/1997	16118				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010266	Trần Quang	Trung	13/03/1998	16119				
42	1621070179	Cao Xuân	Trưởng	25/06/1998	16120				
43	1521030337	Nguyễn Văn	Trưởng	05/07/1996	16121				
44	1421070510	Lê Anh	Tú	12/09/1996	16122				
45	1621010209	Nguyễn Công	Tú	03/02/1998	16123				
46	1624010547	Nguyễn Thanh	Tú	22/03/1998	16124				
47	1521060057	Trần Anh	Tuân	17/09/1997	16125				
48	1621050312	Đỗ Hữu	Tùng	13/01/1998	16126				
49	1621010063	Lê Văn	Tùng	20/04/1998	16127				
50	1621010086	Ngô Xuân	Tùng	13/10/1998	16128				
51	1621070149	Ngô Xuân	Tùng	23/10/1998	16129				
52	1621070157	Nguyễn Bá	Tùng	11/09/1998	16130				
53	1621010298	Trần Trí	Tùng	25/07/1998	16131				
54	1624010081	Nguyễn Thị	Tuyển	21/02/1998	16132				
55	1624010121	Dương Thị ánh	Tuyết	06/11/1998	16133				
56	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	16134				
57	1624010760	Ngô Thế	Vinh	23/03/1998	16135				
58	1621070141	Hà Xuân	Vũ	24/03/1998	16136				
59	1624010401	Nguyễn Thị	Xuân	01/02/1998	16137				
60	1624010959	Cao Thị	Xuyến	05/06/1996	16138				
61	1624010987	Đinh Thị Thanh	Yến	20/05/1998	16139				
62	1624010756	Nguyễn Thị	Yến	06/01/1998	16140				
63	1624010328	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/06/1998	16141				
64	1624010451	Phạm Thị	Yến	21/01/1998	16142				
65	1624010569	Phạm Thị	Yến	03/05/1998	16143				
66	1624010915	Trịnh Thị	Yến	02/03/1998	16144				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060327 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Động học và nhiệt động học trong công nghệ hóa học

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010005	Bùi Tuấn	Anh	22/06/1995	16145				
2	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/1996	16146				
3	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	16147				
4	1421010015	Trịnh Tuấn	Anh	10/11/1996	16148				
5	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	16149				
6	1421010022	Lê Quốc	Bảo	12/03/1996	16150				
7	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/1996	16151				
8	1421010084	Lê Văn	Đồng	12/08/1996	16152				
9	1221040043	Nguyễn Văn	Dự	07/03/1989	16153				
10	1221020561	Trần Đoàn	Duy	25/08/1994	16154				
11	1421010107	Bùi Thị	Hiền	02/10/1996	16155				
12	1421010110	Nguyễn Quang	Hiền	06/10/1996	16156				
13	1421010127	Vũ Thị	Hoài	10/12/1996	16157				
14	1421060147	Nhữ Văn	Khang	01/05/1986	16158				
15	1221010176	Nguyễn Công	Khanh	28/10/1994	16159				
16	1421010166	Trần Bá	Khánh	28/02/1996	16160				
17	1221010178	Nguyễn Đỗ	Khiêm	08/11/1994	16161				
18	1421011189	Dương Ngọc	Lam	09/06/1994	16162				
19	1421020445	Hồ Trường	Long	10/09/1995	16163				
20	1421010200	Đặng Công	Minh	15/10/1996	16164				
21	1221020102	Nguyễn Văn	Ngọc	14/06/1994	16165				
22	1421010224	Phạm Thị Bích	Ngọc	06/09/1996	16166				
23	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	16167				
24	1421020505	Nguyễn Hữu	Phát	01/08/1995	16168				
25	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/1996	16169				
26	1221010273	Hoàng Xuân	Quang	06/11/1994	16170				
27	1421010257	Nguyễn Văn	Quang	16/09/1996	16171				
28	1421010281	Trần Thị	Quỳnh	12/03/1996	16172				
29	1221010296	Đỗ Văn	Sơn	08/01/1993	16173				
30	1321010302	Hoàng Văn	Tam	17/07/1995	16174				
31	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	16175				
32	1421010327	Nguyễn Thị	Thúy	31/07/1996	16176				
33	1221010358	Nguyễn Văn	Toàn	19/10/1994	16177				
34	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	01/12/1996	16178				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kinh tế vĩ mô

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050070	Phan Thị	Hằng	12/10/1995	16179				
2	1521030410	Nguyễn Thị	Hiền	20/11/1996	16180				
3	1521030141	Nguyễn Gia	Long	13/03/1997	16181				
4	1521039003	Nông Văn	Nghĩa	28/11/1996	16182				
5	1624010418	Trịnh Văn	Ngọc	06/06/1998	16183				
6	1521030032	Chang A	Sa	29/08/1996	16184				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070303 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kinh tế công nghiệp

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010362	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/02/1997	16185				
2	1524010038	Nguyễn Tiến	Anh	28/04/1997	16186				
3	1524010364	Phạm Đức	Anh	24/06/1997	16187				
4	1524010421	Ninh Thị	Hoa	12/01/1997	16188				
5	1524010055	Nguyễn Thị Phương	Loan	05/01/1997	16189				
6	1614010705	Phạm Thị	Mai	14/03/1998	16190				
7	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	16191				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090130 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Lưới điện 1

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	16192				
2	1421060015	Nguyễn Văn	Bách	20/07/1996	16193				
3	1421060025	Phạm Văn	Cảnh	22/01/1996	16194				
4	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/1994	16195				
5	1421060042	Trần Văn	Cường	01/11/1996	16196				
6	1421060083	Phạm Văn	Đường	12/11/1996	16197				
7	1421060095	Lương Văn	Hậu	20/12/1996	16198				
8	1421060107	Trịnh Trung	Hiếu	24/11/1996	16199				
9	1421060130	Đặng Quang	Huy	23/08/1996	16200				
10	1421060138	Phạm Văn	Huỳnh	29/11/1996	16201				
11	1421060162	Ngô Đức	Lộc	01/07/1996	16202				
12	1421060175	Bùi Anh	Minh	25/12/1996	16203				
13	1421050516	Chu Văn	Nam	26/01/1995	16204				
14	1421060183	Đặng Hoài	Nam	23/10/1995	16205				
15	1421060185	Đỗ Phương	Nam	27/01/1996	16206				
16	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/1996	16207				
17	1421060196	Nguyễn Minh	Ngọc	25/01/1995	16208				
18	1421060203	Trịnh Văn	Ninh	13/07/1996	16209				
19	1421060208	Vũ Hồng	Phúc	30/12/1995	16210				
20	1421060214	Vũ Việt	Phương	22/10/1996	16211				
21	1421060221	Trần Văn	Quyết	13/08/1996	16212				
22	1421060258	Tạ Văn	Thắng	19/11/1996	16213				
23	1421060569	Lưu Văn	Thanh	14/05/1994	16214				
24	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	05/10/1996	16215				
25	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	16216				
26	1421060312	Trần Mạnh	Tường	14/06/1996	16217				
27	1421060636	Phạm Đức	Tuy	01/10/1996	16218				
28	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	16219				
29	1421060313	Nguyễn Đức	Văn	07/07/1996	16220				
30	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	16221				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090306 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở lý thuyết mạch điện 2 +TN

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221060009	Ninh Văn	Bắc	01/07/1994	16222				
2	1521060078	Lưu Xuân	Bách	08/10/1997	16223				
3	1521060004	Vũ Chí	Công	06/01/1997	16224				
4	1521060010	Phùng Văn	Cường	29/09/1997	16225				
5	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/1997	16226				
6	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/1996	16227				
7	1521040212	Nguyễn Tiến	Đạt	13/12/1997	16228				
8	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/1996	16229				
9	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/1997	16230				
10	1521060244	Bùi Văn	Duy	12/04/1997	16231				
11	1521060327	Nguyễn Đức	Duy	23/03/1997	16232				
12	1521060251	Đình Sơn	Hà	12/10/1997	16233				
13	1521060132	Hoàng Thị Thu	Hà	07/09/1997	16234				
14	1521060309	Bùi Việt	Hải	11/11/1997	16235				
15	1521060247	Nguyễn Xuân	Hải	09/08/1997	16236				
16	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/1997	16237				
17	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/1997	16238				
18	1521060320	Nguyễn Thanh	Hòa	27/11/1997	16239				
19	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/1997	16240				
20	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/1996	16241				
21	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	16242				
22	1521060035	Lường Tú	Huê	14/01/1997	16243				
23	1521060117	Nguyễn Mạnh	Hùng	13/05/1997	16244				
24	1521060144	Bùi Phi	Long	02/04/1997	16245				
25	1521060193	Vũ Đình	Nam	03/10/1997	16246				
26	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/1997	16247				
27	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/1997	16248				
28	1521060273	Lê Minh	Phương	27/09/1997	16249				
29	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	05/12/1997	16250				
30	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	04/10/1996	16251				
31	1521060324	Trần Y Quốc	Sang	21/09/1997	16252				
32	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/1996	16253				
33	1521060331	Nguyễn Minh	Tân	02/10/1997	16254				
34	1521060296	Đỗ Minh	Tiến	19/11/1997	16255				
35	1521060096	Vũ Đình	Tiến	08/12/1997	16256				
36	1521060151	Trần Văn	Tổ	15/02/1997	16257				
37	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/1997	16258				
38	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/1997	16259				
39	1531060401	Lương Văn	Trung	02/0/194/	16260				
40	1521060315	Bùi Đoàn	Trường	03/12/1997	16261				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090306 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở lý thuyết mạch điện 2 +TN

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1531060402	Nguyễn Thanh	Trưởng	22//0/192/	16262				
42	1521060259	Nguyễn Minh	Tuấn	10/02/1997	16263				
43	1521060145	Tôn Thế	Tùng	07/03/1997	16264				
44	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/1997	16265				
45	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	07/12/1997	16266				
46	1521060118	Nguyễn Xuân Anh	Việt	19/04/1997	16267				
47	1521040015	Nguyễn Hồng	Vinh	13/07/1997	16268				
48	1521060138	Đinh Quang	Vũ	22/10/1997	16269				
49	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	16270				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010110 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070400	Lường Kế	An	06/12/1995	16271				
2	1321030415	Phạm Quang	Anh	28/05/1995	16272				
3	1221010043	Nguyễn Vũ Thành	Chung	26/12/1994	16273				
4	1321030023	Đàm Như	Cương	12/01/1995	16274				
5	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	16275				
6	1421070033	Đình Văn	Định	10/01/1996	16276				
7	1321040069	Lưu Văn	Đoàn	11/09/1995	16277				
8	1421010066	Phạm Văn	Dự	03/02/1996	16278				
9	1421070245	Hán Minh	Đức	20/02/1996	16279				
10	1421030320	Nguyễn Anh	Đức	12/02/1996	16280				
11	1221070030	Vũ Khánh	Duy	08/07/1994	16281				
12	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	16282				
13	1421030348	Bùi Quang	Hiệp	11/09/1996	16283				
14	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	16284				
15	1421030361	Phạm Đức	Hòa	20/06/1996	16285				
16	1421040123	Hoàng Huy	Hùng	12/09/1996	16286				
17	1421040125	Nguyễn Hữu	Hùng	05/10/1995	16287				
18	1421070052	Nguyễn Huy	Hùng	20/11/1996	16288				
19	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/1996	16289				
20	1421070312	Phan Văn	Hùng	17/09/1996	16290				
21	1321070530	Vũ Huy	Hùng	04/09/1995	16291				
22	1421010148	Cảnh Chi	Hung	18/04/1996	16292				
23	1421040140	Nguyễn Văn	Hung	18/12/1996	16293				
24	1421050097	Phan Anh	Khánh	02/08/1996	16294				
25	1321070102	Nguyễn Đăng	Khoa	31/03/1994	16295				
26	1421070361	Nguyễn Tùng	Linh	18/11/1996	16296				
27	1421070431	Phạm Văn	Quân	24/04/1996	16297				
28	1421040229	Nguyễn Quang	Sang	29/03/1996	16298				
29	1421040239	Phạm Xuân	Tâm	05/09/1995	16299				
30	1321040245	Trịnh Minh	Tấn	29/11/1995	16300				
31	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/1995	16301				
32	1321070179	Nguyễn Văn	Thắng	30/10/1994	16302				
33	1421010335	Trần Đức	Tín	05/05/1996	16303				
34	1321060641	Trương Quốc	Toán	04/08/1994	16304				
35	1221030176	Hoàng Xuân	Trường	29/05/1994	16305				
36	1421030216	Nguyễn Tuấn	Tú	26/05/1996	16306				
37	1421020180	Vũ Duy	Tú	04/03/1996	16307				
38	1421011400	Nguyễn Anh	Tuấn	11/10/1994	16308				
39	1421060640	Nguyễn Duy	Tường	01/06/1995	16309				
40	1421070142	Nguyễn Đức	Việt	12/12/1996	16310				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010601 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010431	Bùi Thị Vân	Anh	25/07/1998	16311				
2	1321060013	Phạm Tuấn	Anh	22/07/1994	16312				
3	1421020017	Đặng Văn	Bằng	05/12/1996	16313				
4	1524010176	Nguyễn Ngọc Phương	Chi	20/07/1997	16314				
5	1621060536	Nguyễn Minh	Chiến	19/10/1998	16315				
6	1421010036	Nghiêm Quốc	Chinh	15/09/1996	16316				
7	1221070021	Trần Minh	Công	24/08/1994	16317				
8	1421020251	Nguyễn Duy	Cương	04/09/1995	16318				
9	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	16319				
10	1321020487	Bùi Văn	Đô	27/06/1995	16320				
11	1321060074	Hoàng Trung	Đô	01/01/1995	16321				
12	1421030318	Hoàng Trọng	Đức	26/02/1996	16322				
13	1321010074	Ngô Thanh	Dũng	26/10/1995	16323				
14	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/1996	16324				
15	1421030303	Đỗ Thế	Duy	17/01/1996	16325				
16	1624010428	Vũ Mỹ	Duyên	25/10/1998	16326				
17	1624010980	Đỗ Thị	Hà	16/06/1998	16327				
18	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	16328				
19	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/1996	16329				
20	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/1995	16330				
21	1321030096	Trương Mạnh	Hùng	09/08/1994	16331				
22	1321020121	Hà Văn	Hung	27/11/1995	16332				
23	1421060140	Nguyễn Hữu	Hung	22/10/1995	16333				
24	1321050588	Lê Khả	Khang	16/06/1995	16334				
25	1221070081	Phạm Khắc	Khương	15/10/1994	16335				
26	1521050409	Vì Quang	Kiên	20/08/1996	16336				
27	1321050109	Nguyễn Ngọc	Ký	27/10/1995	16337				
28	1321070562	Vũ Thanh	Lâm	28/03/1995	16338				
29	1521050111	Nguyễn Việt	Linh	13/12/1997	16339				
30	1321060177	Nguyễn Thế	Lực	03/08/1995	16340				
31	1521020254	Nguyễn Thị	Ly	06/01/1997	16341				
32	1421070083	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/1996	16342				
33	1321020629	Phạm Tiến	Mạnh	26/04/1995	16343				
34	1321070590	Đặng Nhật	Minh	23/12/1995	16344				
35	1421050131	Phùng Quang	Minh	24/03/1996	16345				
36	1421030467	Nguyễn Sơn	Nam	02/11/1995	16346				
37	1621060689	Trần Văn	Ngọc	18/03/1998	16347				
38	1521050198	Phạm Anh	Ngữ	23/10/1997	16348				
39	1321070141	Nguyễn Hoàng	Phi	21/09/1995	16349				
40	1521050196	Nguyễn Văn	Phước	19/06/1997	16350				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010601 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh NEF1

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060396	Hoàng Đức	Phuong	09/07/1997	16351				
42	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	16352				
43	1621010159	Nguyễn Khắc	Quân	08/04/1997	16353				
44	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	16354				
45	1421050165	Trương Thị	Quỳnh	04/10/1996	16355				
46	1421050167	Mai Văn	Sáng	02/11/1996	16356				
47	1421060237	Nguyễn Tiến	Tài	24/08/1995	16357				
48	1321020191	Hoàng Đức	Thái	05/04/1995	16358				
49	1421020575	Hoàng Thắng	Thắng	10/02/1996	16359				
50	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/1995	16360				
51	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	16361				
52	1221040244	Trịnh Quang	Thắng	16/11/1994	16362				
53	1421070463	Nguyễn Văn	Thành	15/02/1996	16363				
54	1321060272	Trần Ngọc	Thành	16/05/1995	16364				
55	1421020149	Đồng Thị Phương	Thảo	31/10/1996	16365				
56	1421060259	Lê Quốc	Thế	02/10/1996	16366				
57	1321020729	Nguyễn Văn	Thịnh	01/01/1995	16367				
58	1421080374	Dương Văn	Thông	02/01/1995	16368				
59	1321020738	Lê Đình	Thuật	21/02/1994	16369				
60	1421040286	Nguyễn Tân	Tiến	16/01/1996	16370				
61	1424010601	Đào Mạnh	Trí	29/09/1996	16371				
62	1421050218	Đàm Quang	Trường	18/01/1993	16372				
63	1321050766	Lưu Văn	Trường	24/11/1995	16373				
64	1421070132	Hoa Anh	Tuấn	02/01/1996	16374				
65	1521010294	Mạnh Trọng	Tuấn	19/02/1997	16375				
66	1421050689	Nguyễn Văn	Tuấn	11/10/1996	16376				
67	1521030020	Nguyễn Văn	Tuấn	26/10/1997	16377				
68	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/02/1995	16378				
69	1321070205	Phạm Văn	Tuấn	05/05/1995	16379				
70	1321070216	Trương Văn	Tuấn	20/10/1995	16380				
71	1421020199	Trần Tuấn	Vũ	26/08/1996	16381				
72	1611060021	Phan Quốc	Vương	28/01/1998	16382				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030504 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/1997	16383				
2	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	16384				
3	1521020092	Lương Đức	Anh	08/04/1997	16385				
4	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/1997	16386				
5	1521010383	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/08/1997	16387				
6	1521040191	Nguyễn Trọng Việt	Anh	06/02/1997	16388				
7	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	16389				
8	1521020135	Phùng Duy	Anh	13/09/1997	16390				
9	1521010171	Nguyễn Sỹ	Bảo	25/11/1996	16391				
10	1421020233	Lê Văn	Bền	03/04/1995	16392				
11	1321030439	Phan Huy	Bình	07/04/1994	16393				
12	1521010386	Mã Văn	Chiến	28/07/1997	16394				
13	1521040135	Vì Văn	Chúc	23/06/1997	16395				
14	1521040203	Đào Văn	Công	11/10/1997	16396				
15	1221010045	Nguyễn Hoàng	Công	18/09/1994	16397				
16	1521020151	Phan Thế	Của	09/10/1997	16398				
17	1321010048	Nhữ Linh	Cương	04/07/1995	16399				
18	1521010156	Phan Mạnh	Cường	07/04/1997	16400				
19	1521020055	Nguyễn Quang	Đại	13/02/1997	16401				
20	1321010062	Phạm Văn	Dân	23/06/1995	16402				
21	1521020084	Phan Văn	Đăng	01/10/1997	16403				
22	1521020362	Đàm Xuân	Đạt	17/02/1997	16404				
23	1521010411	Lê Duy	Đạt	06/02/1997	16405				
24	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/1997	16406				
25	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	16407				
26	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	05/06/1997	16408				
27	1521040090	Phạm Quốc	Đạt	18/01/1996	16409				
28	1521020065	Trịnh Công	Đạt	12/03/1995	16410				
29	1521020158	Bê Ngọc	Đông	20/11/1996	16411				
30	1221020215	Doãn Văn	Đức	18/10/1994	16412				
31	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	08/01/1997	16413				
32	1521020010	Bùi Việt	Dũng	26/08/1997	16414				
33	1521010028	Hoàng Anh	Dũng	20/08/1997	16415				
34	1521020166	Lê Văn	Dũng	09/09/1996	16416				
35	1521020067	Nguyễn Tiến	Dũng	29/10/1996	16417				
36	1521010800	Đinh Tùng	Dương	06/06/1995	16418				
37	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	16419				
38	1421020328	Đỗ Ngọc	Hải	14/11/1996	16420				
39	1521040114	Nguyễn Văn	Hải	21/02/1997	16421				
40	1521010010	Hoàng Phú Xuân	Hào	11/03/1997	16422				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030504 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020031	Nguyễn Văn	Hóa	25/11/1997	16423				
42	1521010432	Đỗ Tiến	Hoàng	01/10/1994	16424				
43	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/1997	16425				
44	1521010347	Nguyễn Duy	Hoàng	25/07/1997	16426				
45	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/1996	16427				
46	1521020215	Nguyễn Văn	Hùng	29/02/1996	16428				
47	1521020220	Hà Quang	Hung	16/01/1997	16429				
48	1521010015	Nguyễn Thành	Hung	14/08/1996	16430				
49	1521010372	Nguyễn Vũ	Hung	23/02/1997	16431				
50	1321030640	Trần Quang	Hung	08/06/1995	16432				
51	1521020035	Nguyễn Mai	Hương	29/09/1997	16433				
52	1521040251	Nguyễn Đình	Huy	15/05/1997	16434				
53	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	16435				
54	1521020235	Trần Linh	Khánh	20/09/1997	16436				
55	1521010167	Võ Tá	Khuê	04/12/1997	16437				
56	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	16438				
57	1521010340	Hoàng Sơn	Lâm	23/05/1997	16439				
58	1521010343	Nhâm Tuấn	Linh	12/07/1997	16440				
59	1521020103	Lý Đình	Long	05/05/1995	16441				
60	1521010374	Nguyễn Hoàng	Long	06/08/1997	16442				
61	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/1997	16443				
62	1521020253	Nguyễn Thọ	Lượng	06/05/1997	16444				
63	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/1997	16445				
64	1521020043	Trần Văn	Minh	16/05/1997	16446				
65	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	16447				
66	1521020007	Đỗ Trọng	Nghĩa	09/01/1997	16448				
67	1421020490	Phan Văn	Nghĩa	21/05/1996	16449				
68	1521040276	Phạm Thị Hồng	Nhung	06/06/1997	16450				
69	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	16451				
70	1521020267	Phạm Tấn	Phát	03/07/1996	16452				
71	1521020032	Đình Văn	Phúc	24/05/1997	16453				
72	1521010337	Phan Hồng	Phúc	18/04/1997	16454				
73	1521010403	Nguyễn Thị	Phượng	12/07/1997	16455				
74	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/1996	16456				
75	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	16457				
76	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	30/09/1997	16458				
77	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/1997	16459				
78	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/1996	16460				
79	1421020582	Hoàng Minh	Thép	12/12/1996	16461				
80	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/1996	16462				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030504 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: 8/17/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421020595	Nguyễn Quốc	Thuần	14/11/1994	16463				
82	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	16464				
83	1521019008	Nông Văn	Thuyết	28/11/1995	16465				
84	1421020608	Lê Văn	Tiêm	24/07/1995	16466				
85	1421020611	Lê Minh	Tiến	09/11/1996	16467				
86	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/1997	16468				
87	1521010393	Đinh Trọng	Tín	05/05/1997	16469				
88	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	16470				
89	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/09/1997	16471				
90	1521020321	Nguyễn Văn	Trình	21/04/1997	16472				
91	1521040052	Nguyễn Đức	Trung	29/10/1997	16473				
92	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	16474				
93	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	16475				
94	1521020327	Phạm Văn	Trường	06/04/1997	16476				
95	1521020390	Đặng Văn	Tuấn	01/08/1993	16477				
96	1421020655	Hà Anh	Tuấn	02/09/1995	16478				
97	1421020657	Lê Anh	Tuấn	08/12/1996	16479				
98	1521010349	Trương Minh	Tuấn	29/12/1997	16480				
99	1521020340	Đào Nguyên	Tùng	25/06/1997	16481				
100	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/1997	16482				
101	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	16483				
102	1521010026	Đoàn Văn	Viện	07/10/1997	16484				
103	1521020072	Hà Đức	Việt	02/07/1997	16485				
104	1421020695	Vũ Thế	Việt	13/02/1995	16486				
105	1421020698	Ngô Tuấn	Vũ	30/10/1996	16487				
106	1521010365	Nguyễn Thị	Xuân	27/03/1997	16488				
107	1521020075	Phạm Hải	Yến	04/08/1997	16489				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070144	Đào Hoàng	Anh	25/11/1997	16490				
2	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	16491				
3	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	16492				
4	1521070108	Hà Thế	Anh	10/09/1996	16493				
5	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/1997	16494				
6	1521070052	Lê Xuân	Anh	24/10/1997	16495				
7	1521060448	Ngô Tuấn	Anh	22/11/1996	16496				
8	1421070158	Nguyễn Hoàng	Anh	06/09/1994	16497				
9	1321060009	Nguyễn Thế	Anh	09/01/1995	16498				
10	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	01/02/1997	16499				
11	1521070423	Trần Hoàng	Anh	03/04/1997	16500				
12	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/1997	16501				
13	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	16502				
14	1321060019	Phạm Xuân	Bách	02/01/1994	16503				
15	1321060020	Nguyễn Chí	Bảo	28/10/1995	16504				
16	1521079001	Lò Văn	Bình	25/06/1997	16505				
17	1521070071	Nguyễn Thị Hồng	Châu	12/12/1997	16506				
18	1521060386	Nguyễn Văn	Chiều	02/03/1997	16507				
19	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/1997	16508				
20	1321030022	Lê Vinh	Chức	05/02/1995	16509				
21	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	05/08/1996	16510				
22	1631070003	Nguyễn Văn	Chung	20/08/1993	16511				
23	1321070431	Cao Văn	Công	15/04/1995	16512				
24	1521070097	Lê Minh	Công	22/11/1997	16513				
25	1321070020	Ngô Minh	Công	22/10/1995	16514				
26	1321070021	Nguyễn Đức	Công	07/08/1995	16515				
27	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	16516				
28	1521060445	Đào Văn	Cương	27/06/1997	16517				
29	1521070199	Cao Xuân	Cường	15/05/1997	16518				
30	1521060441	Nguyễn Danh	Cường	07/05/1997	16519				
31	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	16520				
32	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/1997	16521				
33	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	16522				
34	1521070126	Nguyễn Văn	Đại	16/02/1996	16523				
35	1521060436	Lê Hồng	Đăng	01/01/1996	16524				
36	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	16525				
37	1521060418	Phạm Văn	Đăng	02/01/1997	16526				
38	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	16527				
39	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	16528				
40	1321070457	Giáp Duy	Đạt	01/04/1995	16529				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/1995	16530				
42	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	16531				
43	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	16532				
44	1521070109	Nguyễn Văn	Đạt	15/07/1997	16533				
45	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	16534				
46	1321070029	Nguyễn Ngọc	Diện	31/10/1995	16535				
47	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	16536				
48	1521060346	Trần Văn	Điệp	28/02/1997	16537				
49	1421070032	Mai Văn	Đinh	10/10/1995	16538				
50	1521070213	Tạ Văn	Đoan	14/11/1997	16539				
51	1521070214	Nguyễn Công	Đoàn	12/05/1997	16540				
52	1321060076	Đặng Duy	Đông	19/05/1995	16541				
53	1521060371	Nguyễn Văn	Đông	15/02/1997	16542				
54	1321060078	Trịnh Lương	Đông	13/03/1995	16543				
55	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	16544				
56	1521070022	Đinh Văn	Đức	15/09/1997	16545				
57	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	16546				
58	1521060419	Nguyễn Văn	Đức	25/01/1997	16547				
59	1521070221	Nguyễn Văn	Đức	08/07/1997	16548				
60	1321060087	Phùng Văn	Đức	30/09/1995	16549				
61	1521060411	Lại Duy	Dũng	21/06/1996	16550				
62	1521070103	Nguyễn Trọng	Dũng	02/04/1996	16551				
63	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/1997	16552				
64	1321070035	Trần Anh	Dũng	25/10/1995	16553				
65	1521070230	Vũ Văn	Dũng	01/10/1997	16554				
66	1521070063	Trần Văn	Đương	08/11/1997	16555				
67	1521070045	Bùi Viết	Duy	05/08/1997	16556				
68	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	16557				
69	1421030032	Trần Đức	Duy	15/12/1996	16558				
70	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	16559				
71	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	16560				
72	1321060357	Lê Tuấn	Hà	08/04/1995	16561				
73	1521060416	Nguyễn Thế	Hà	29/07/1997	16562				
74	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	16563				
75	1531070022	Hoàng Phi	Hải	18/0/198/	16564				
76	1321060098	Nguyễn Hoài	Hải	23/02/1995	16565				
77	1521060414	Nguyễn Tiến	Hải	19/01/1997	16566				
78	1421070045	Phạm Văn	Hào	05/02/1994	16567				
79	1321060106	Nguyễn Bá	Hậu	02/08/1995	16568				
80	1521070136	Trần Văn	Hậu	02/06/1997	16569				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321060111	Lê Ngọc	Hiền	02/09/1995	16570				
82	1521070244	Nguyễn Văn	Hiền	09/02/1995	16571				
83	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/1997	16572				
84	1521060342	Nguyễn Tuấn	Hiệp	30/11/1997	16573				
85	1521060403	Bùi Trung	Hiếu	08/05/1997	16574				
86	1521060447	Mai Xuân	Hiếu	01/12/1997	16575				
87	1421060105	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/1996	16576				
88	1521070025	Nguyễn Vũ	Hiếu	23/12/1997	16577				
89	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/1997	16578				
90	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/1997	16579				
91	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	16580				
92	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	16581				
93	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	16582				
94	1321060123	Phạm Công	Hoàn	01/03/1995	16583				
95	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	16584				
96	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	04/05/1997	16585				
97	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	16586				
98	1521070262	Nguyễn Duy	Huấn	10/01/1997	16587				
99	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/1996	16588				
100	1521070266	Phạm Minh	Hùng	22/02/1996	16589				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/1997	16590				
2	1521070444	Trần Việt	Hùng	17/07/1997	16591				
3	1521070268	Vũ Đình	Hùng	26/11/1997	16592				
4	1521070269	Vũ Đức	Hùng	07/06/1997	16593				
5	1521060429	Lê Văn	Hùng	29/10/1997	16594				
6	1521070272	Trịnh Minh	Hùng	18/08/1997	16595				
7	1521070004	Lý Văn	Hương	19/08/1997	16596				
8	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/1995	16597				
9	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/1997	16598				
10	1521060458	Trần Quang	Huy	07/06/1997	16599				
11	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/1997	16600				
12	1521070080	Vương Tất	Huy	11/03/1997	16601				
13	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/05/1997	16602				
14	1321070099	Nguyễn Quang	Khánh	06/06/1994	16603				
15	1521070286	Vũ Văn	Khánh	25/04/1997	16604				
16	1521070287	Nguyễn Văn	Khoa	10/11/1997	16605				
17	1421070066	Trần Đăng	Khoa	01/11/1996	16606				
18	1521070066	Trần Văn	Khoa	10/08/1996	16607				
19	1321070104	Vũ Hoàng	Khoa	28/07/1994	16608				
20	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/1994	16609				
21	1321070106	Nguyễn Văn	Khương	17/01/1995	16610				
22	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	16611				
23	1521070148	Nguyễn Ngọc	Kiên	22/09/1997	16612				
24	1521070293	Nguyễn Văn	Kiên	31/10/1997	16613				
25	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/1997	16614				
26	1521070055	Nguyễn Văn	Kiện	03/07/1997	16615				
27	1521070041	Vũ Văn	Kiệt	04/12/1997	16616				
28	1521070157	Cung Đức	Lâm	02/06/1997	16617				
29	1421070353	Phạm Văn	Lâm	05/07/1996	16618				
30	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/1997	16619				
31	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	16620				
32	1521080187	Nguyễn Thị	Liên	10/02/1997	16621				
33	1321070567	Nguyễn Hải	Linh	05/07/1994	16622				
34	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/1997	16623				
35	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/1997	16624				
36	1421070361	Nguyễn Tùng	Linh	18/11/1996	16625				
37	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	16626				
38	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	16627				
39	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	16628				
40	1521060355	Nguyễn Tất	Lợi	05/03/1997	16629				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/1997	16630				
42	1521070018	Lê Duy	Long	05/08/1997	16631				
43	1521060421	Nguyễn Duy	Long	20/10/1997	16632				
44	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/1997	16633				
45	1521060384	Nguyễn Thành	Long	31/03/1997	16634				
46	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	16635				
47	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/1997	16636				
48	1321060175	Nguyễn Tiến	Luân	19/11/1995	16637				
49	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	16638				
50	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	16639				
51	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/1996	16640				
52	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	16641				
53	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	16642				
54	1521070305	Nguyễn Quang	Minh	11/08/1997	16643				
55	1421070088	Nguyễn Văn	Minh	16/10/1996	16644				
56	1521070077	Phạm Văn	Minh	10/01/1996	16645				
57	1521070309	Đặng Phương	Nam	02/02/1997	16646				
58	1321060192	Lương Thành	Nam	13/05/1995	16647				
59	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	16648				
60	1321060197	Nguyễn Ngọc	Nam	26/01/1995	16649				
61	1321070132	Trần Văn	Nam	26/11/1995	16650				
62	1521060338	Hà Văn	Nghĩa	16/06/1997	16651				
63	1521070317	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	07/08/1997	16652				
64	1321070136	Lê Đình	Ngọc	05/08/1995	16653				
65	1521070319	Ngô Minh	Ngọc	10/01/1997	16654				
66	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	07/12/1994	16655				
67	1321020656	Đinh Trọng	Nhân	15/12/1995	16656				
68	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/1997	16657				
69	1321070611	Đặng Tiến	Nhất	23/03/1994	16658				
70	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	16659				
71	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	16660				
72	1521070149	Nghiêm Hồng	Phong	14/02/1997	16661				
73	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/1997	16662				
74	1221070115	Trần Tuấn	Phong	20/11/1994	16663				
75	1521070005	Vũ Thành	Phong	08/04/1997	16664				
76	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	16665				
77	1521070324	Nguyễn Thi	Phú	20/05/1997	16666				
78	1521070036	Trần Văn	Phú	31/03/1997	16667				
79	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/1997	16668				
80	1531070047	Đỗ Trường	Phúc	25//0/197/	16669				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521060413	Nguyễn Duy	Phúc	05/11/1997	16670				
82	1521070325	Trần Hồng	Phúc	25/02/1997	16671				
83	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	16672				
84	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/1997	16673				
85	1521070457	Bùi Thị	Phương	01/09/1997	16674				
86	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/1997	16675				
87	1521060396	Hoàng Đức	Phương	09/07/1997	16676				
88	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/1997	16677				
89	1321060228	Trần Văn	Quân	17/06/1995	16678				
90	1521060432	Cao Đại	Quang	26/03/1996	16679				
91	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/1995	16680				
92	1321060223	Nguyễn Văn	Quang	08/06/1994	16681				
93	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/1997	16682				
94	1321060225	Phạm Ngọc	Quang	11/01/1995	16683				
95	1521070124	Trần Vinh	Quang	08/04/1997	16684				
96	1321060230	Lê Chấn	Quốc	20/05/1995	16685				
97	1521070114	Nguyễn Văn	Quyết	23/04/1996	16686				
98	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/1997	16687				
99	1421060322D	Lý Láo	San	03/07/1995	16688				
100	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	04/07/1997	16689				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070337	Bùi Xuân	Sơn	05/06/1997	16690				
2	1521070024	Nguyễn Đức	Sơn	12/08/1997	16691				
3	1521070134	Phạm Văn	Sơn	13/02/1997	16692				
4	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/1997	16693				
5	1421070446	Bùi Văn	Sự	20/08/1995	16694				
6	1321070160	Nguyễn Văn	Sỹ	22/07/1995	16695				
7	1521070345	Nguyễn Văn	Tâm	03/10/1996	16696				
8	1321070166	Phạm Văn	Thạch	29/06/1995	16697				
9	1521070145	Cao Mạnh	Thắng	11/08/1997	16698				
10	1521070118	Đoàn Xuân	Thắng	20/10/1997	16699				
11	1521070353	Nguyễn Công	Thắng	04/05/1997	16700				
12	1521060461	Nguyễn Văn	Thắng	06/07/1995	16701				
13	1521060424	Trần Quang	Thắng	25/10/1997	16702				
14	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	02/08/1997	16703				
15	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	16704				
16	1321070170	Mã Văn	Thanh	28/08/1995	16705				
17	1521060423	Nguyễn Duy	Thanh	17/10/1997	16706				
18	1631070057	Lê Văn	Thành	02/10/1991	16707				
19	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/1997	16708				
20	1521070363	Trần Huy	Thành	20/11/1997	16709				
21	1521060388	Trần Quang	Thành	03/08/1997	16710				
22	1321060275	Trịnh Văn	Thao	10/03/1995	16711				
23	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	01/08/1997	16712				
24	1521070365	Hoàng Văn	Thế	30/05/1997	16713				
25	1521070367	Lê Văn	Thiện	02/09/1996	16714				
26	1321070662	Phạm Văn	Thịnh	22/10/1995	16715				
27	1521070033	Nghiêm Đình	Thuần	20/12/1996	16716				
28	1521060406	Nguyễn Đức	Thuận	12/04/1997	16717				
29	1531070058	Nhữ Duy	Tiềm	23/03/1992	16718				
30	1521070464	Bùi Đức	Tiến	06/05/1997	16719				
31	1521070043	Đỗ Thế	Tiến	24/08/1997	16720				
32	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/1994	16721				
33	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/1997	16722				
34	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/1996	16723				
35	1521060393	Nguyễn Quốc	Tĩnh	18/11/1997	16724				
36	1321060316	Vũ Văn	Toàn	21/07/1994	16725				
37	1521070122	Nguyễn Hữu	Toán	30/08/1997	16726				
38	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/1996	16727				
39	1521060397	Vũ Ngọc	Triệu	05/09/1997	16728				
40	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	16729				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070379	Phạm Bá	Trong	01/09/1995	16730				
42	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	16731				
43	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/1997	16732				
44	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	16733				
45	1521060426	Lê Thế	Trung	09/09/1997	16734				
46	1521060420	Nguyễn Hà	Trung	16/01/1997	16735				
47	1321060318	Nguyễn Thế	Trung	07/10/1995	16736				
48	1521070047	Nhữ Quang	Trung	08/06/1997	16737				
49	1521060456	Phạm Hoàng	Trung	27/05/1997	16738				
50	1421070130	Trần Quốc	Trung	24/08/1996	16739				
51	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	16740				
52	1521070384	Trần Văn	Trưởng	29/04/1997	16741				
53	1521070385	Vì Hồng	Trưởng	18/09/1997	16742				
54	1521060345	Vũ Quang	Trưởng	11/11/1997	16743				
55	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	16744				
56	1521070042	Nguyễn Anh	Tú	15/12/1997	16745				
57	1521060364	Phạm Ngọc	Tú	16/02/1997	16746				
58	1521070466	Trần Ngọc	Tú	15/02/1997	16747				
59	1521070391	Đặng Danh	Tuấn	10/08/1997	16748				
60	1521060340	Đỗ Anh	Tuấn	18/04/1997	16749				
61	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	16750				
62	1521070060	Lương Anh	Tuấn	21/01/1997	16751				
63	1321060331	Ngô Văn	Tuấn	22/03/1994	16752				
64	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	16753				
65	1521060399	Nguyễn Văn	Tuấn	16/01/1997	16754				
66	1521060444	Nguyễn Văn	Tuấn	01/07/1997	16755				
67	1521060430	Phạm Anh	Tuấn	13/12/1997	16756				
68	1321060337	Đỗ Tiến	Tùng	02/11/1994	16757				
69	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/09/1997	16758				
70	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/1997	16759				
71	1521070406	Lê Xuân	Tùng	07/10/1997	16760				
72	1531070067	Phan Thanh	Tùng	16/0/198/	16761				
73	1321070710	Nguyễn Văn	Tuyên	17/10/1994	16762				
74	1521060359	Trần Văn	Tuyên	11/06/1997	16763				
75	1521070095	Triệu Văn	Tuyên	16/11/1994	16764				
76	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/1997	16765				
77	1521060382	Nguyễn Văn	Việt	02/04/1997	16766				
78	1521060385	Phùng Duy	Việt	17/09/1996	16767				
79	1521060446	Đặng Quang	Vinh	06/06/1996	16768				
80	1521070414	Dương Danh	Vinh	17/01/1997	16769				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: **8/18/2017** Phòng thi: **HNAD401** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	16770				
82	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	16771				
83	1321070721	Vũ Quang	Vinh	15/12/1995	16772				
84	1521040078	Đặng Long	Vũ	04/11/1997	16773				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030114 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: **8/18/2017**Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040004L	Soumany Keopaseuth	.	01/04/1989	16774				
2	1321050035	Nguyễn Mạnh	Cường	01/03/1995	16775				
3	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/1993	16776				
4	1221060266	Nguyễn Hữu	Hồi	09/03/1994	16777				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060414 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Công nghệ khai thác dầu khí

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	16778				
2	1421020185	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/04/1996	16779				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090206 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật đo lường + TH

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/1997	16780				
2	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	16781				
3	1521060049	Đỗ Lường	Chung	02/09/1996	16782				
4	1521060079	Nguyễn Hoàng	Dương	19/06/1997	16783				
5	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	16784				
6	1521060172	Đinh Quý	Hiếu	28/11/1997	16785				
7	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	16786				
8	1521060141	Vũ Mạnh	Hưng	23/01/1997	16787				
9	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/1997	16788				
10	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	16789				
11	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/1997	16790				
12	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	16791				
13	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	16792				
14	1521060168	Vũ Văn	Quyển	09/06/1997	16793				
15	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/1996	16794				
16	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/1997	16795				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090211 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu: 3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	16796				
2	1321030416	Phương Tuấn	Anh	30/10/1995	16797				
3	1321040008	Tạ Ngọc	Anh	08/12/1995	16798				
4	1321040010	Trần Đức	Anh	05/09/1995	16799				
5	1321060416	Nguyễn Trọng	Bình	05/05/1994	16800				
6	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	16801				
7	1321060449	Trương Đức	Đại	19/07/1995	16802				
8	1321060070	Trần Quang	Đạt	03/09/1995	16803				
9	1321060080	Đinh Bảo	Đức	14/11/1995	16804				
10	1321070055	Nguyễn Quý	Đức	08/10/1994	16805				
11	1321060440	Đỗ Văn	Dũng	01/03/1994	16806				
12	1321060059	Nguyễn Thái	Dương	30/04/1995	16807				
13	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	16808				
14	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/1995	16809				
15	1321060490	Lê Trọng	Hòa	11/03/1995	16810				
16	1321060491	Lê Văn	Hòa	16/11/1995	16811				
17	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	16812				
18	1321060134	Lê Văn	Hùng	26/01/1995	16813				
19	1321050604	Nguyễn Trung	Kiên	08/07/1995	16814				
20	1321060536	Nguyễn Trung	Kiên	31/12/1995	16815				
21	1321060540	Vũ Văn	Lâm	24/02/1993	16816				
22	1321030680	Mai Ngọc	Linh	27/11/1995	16817				
23	1321060178	Bùi Nhật	Lương	01/10/1995	16818				
24	1321060564	Bùi Hải	Nam	12/12/1995	16819				
25	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	16820				
26	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	16821				
27	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/1994	16822				
28	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/1995	16823				
29	1321060260	Nguyễn Trọng	Thạch	04/09/1994	16824				
30	1321060283	Lê Tiến	Thắng	22/07/1995	16825				
31	1321060613	Ngô Minh	Thắng	06/05/1995	16826				
32	1321060271	Phạm Xuân	Thành	23/05/1994	16827				
33	1321060685	Nguyễn Trọng	Thế	01/08/1994	16828				
34	1321060304	Phạm Quang	Thức	21/12/1995	16829				
35	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	16830				
36	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/1995	16831				
37	1321060673	Lê Hữu	Tư	04/08/1995	16832				
38	1321060335	Phạm Công	Tuấn	03/08/1995	16833				
39	1321060349	Nguyễn Hoài	Vũ	02/04/1995	16834				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090225 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học công nghiệp + TH

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060331	Vũ Tuấn	Anh	18/12/1996	16835				
2	1421060016	Bùi Văn	Bảo	27/09/1995	16836				
3	1421020255	Nguyễn Mạnh	Cường	09/08/1996	16837				
4	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	05/11/1996	16838				
5	1421060070	Nguyễn Hải	Đăng	05/03/1995	16839				
6	1421060071	Nguyễn Văn	Đăng	06/04/1996	16840				
7	1421060066	Lê Văn	Đạt	05/02/1995	16841				
8	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	16842				
9	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	16843				
10	1421060357	Phạm Văn	Du	20/06/1996	16844				
11	1421060079	Bùi Văn	Đức	05/04/1996	16845				
12	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	16846				
13	1421060049	Nguyễn Hồ Anh	Dũng	14/02/1996	16847				
14	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	02/10/1996	16848				
15	1421030329	Nguyễn Hoàng	Giang	13/02/1994	16849				
16	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/1996	16850				
17	1421060093	Vũ Hồng	Hải	15/11/1996	16851				
18	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/1995	16852				
19	1421020060	Bùi Trung	Hiếu	25/03/1996	16853				
20	1421060432	Nguyễn Văn	Hoạt	09/07/1996	16854				
21	1421020380	Bùi Việt	Hùng	06/11/1995	16855				
22	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hung	24/01/1993	16856				
23	1421060459	Nguyễn Văn	Hường	26/08/1996	16857				
24	1421020414	Nguyễn Sỹ	Khánh	05/03/1996	16858				
25	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/1996	16859				
26	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/1995	16860				
27	1421060160	Vũ Trọng	Linh	20/06/1996	16861				
28	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	16862				
29	1421060487	Đào Tiến	Lực	17/02/1996	16863				
30	1221060089	Hoàng Văn	Mạnh	06/12/1994	16864				
31	1421020470	Lê Trọng	Minh	18/09/1996	16865				
32	1421060500	Nguyễn Phương	Nam	28/08/1996	16866				
33	1421060512	Nguyễn Đức	Nhân	31/05/1996	16867				
34	1421060514	Phan Văn	Nhất	24/02/1994	16868				
35	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	16869				
36	1421060224	Nguyễn Thanh	Sang	25/07/1995	16870				
37	1421060229	Ngô Văn	Sơn	12/10/1995	16871				
38	1421060233	Vũ Xuân	Sơn	31/03/1996	16872				
39	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/1996	16873				
40	1421060257	Nguyễn Văn	Thắng	26/07/1996	16874				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090225 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học công nghiệp + TH

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD402

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421020581	Tô Xuân	Thắng	19/10/1996	16875				
42	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	06/06/1996	16876				
43	1221060127	Nguyễn Huy	Thế	30/03/1994	16877				
44	1421020173	Hoàng Quốc	Trọng	06/02/1996	16878				
45	1421030599	Nguyễn Thành	Tú	25/08/1996	16879				
46	1421060311	Nguyễn Duy	Tư	15/01/1995	16880				
47	1421060296	Phạm Công	Tuấn	23/01/1996	16881				
48	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	16882				
49	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	16883				
50	1421060643	Đặng Tuấn	Việt	10/09/1996	16884				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090302 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật điện tử +TN

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/1997	16885				
2	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	16886				
3	1421060043	Cư Seo	Diu	22/06/1996	16887				
4	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/1995	16888				
5	1521090038	Nguyễn Doãn	Hiền	01/0/192/	16889				
6	1521010433	Đặng Thị	Hoàn	20/04/1996	16890				
7	1521010372	Nguyễn Vũ	Hưng	23/02/1997	16891				
8	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	16892				
9	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	16893				
10	1521010360	Lương Thùy	Linh	21/06/1997	16894				
11	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/1997	16895				
12	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	16896				
13	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/02/1996	16897				
14	1421060537	Nguyễn Xuân	Quảng	19/07/1996	16898				
15	1221040203	Vũ Văn	Quý	03/05/1994	16899				
16	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	16900				
17	1421060553	Nguyễn Văn	Sơn	23/02/1996	16901				
18	1221060424	Hồ	Thanh	17/02/1992	16902				
19	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	16903				
20	1421060273	Trần Văn	Tiến	24/02/1996	16904				
21	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	16905				
22	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/1994	16906				
23	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/1996	16907				
24	1521010349	Trương Minh	Tuấn	29/12/1997	16908				
25	1521010145	Phạm Thị	Tươi	20/09/1997	16909				
26	1421060640	Nguyễn Duy	Tường	01/06/1995	16910				
27	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	16911				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090403 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học máy

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath		28/03/1992	16912				
2	1521040145	Lê Xuân	An	26/06/1997	16913				
3	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/1996	16914				
4	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/1997	16915				
5	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/1997	16916				
6	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	01/01/1997	16917				
7	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	16918				
8	1321040014	Đàm Văn Hoàng Tùng	Bách	27/03/1995	16919				
9	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/1997	16920				
10	1521040110	Trần Đức	Cảnh	08/01/1997	16921				
11	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	16922				
12	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	16923				
13	1521040135	Vì Văn	Chúc	23/06/1997	16924				
14	1521040203	Đào Văn	Công	11/10/1997	16925				
15	1421040032	Phạm Đình	Công	10/04/1996	16926				
16	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	16927				
17	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	16928				
18	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	04/03/1997	16929				
19	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/1996	16930				
20	1521040127	Phạm Hữu	Đang	30/08/1997	16931				
21	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	16932				
22	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/1995	16933				
23	1521040131	Phạm Đức	Diệp	28/08/1997	16934				
24	1421040385	Phạm Công	Doanh	18/02/1996	16935				
25	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	16936				
26	1521040119	Nguyễn Hữu	Đồng	26/12/1997	16937				
27	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/1996	16938				
28	1321040047	Nguyễn Đăng	Dũng	28/12/1995	16939				
29	1521040042	Trịnh Mạnh	Dũng	12/09/1997	16940				
30	1521040223	Phan Văn	Dụng	23/07/1997	16941				
31	1521040034	Phạm Lê Quang	Dương	14/02/1997	16942				
32	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	16943				
33	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	16944				
34	1521040233	Đào Thanh	Hải	28/07/1997	16945				
35	1521040011	Doãn Hồng	Hải	26/11/1997	16946				
36	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	16947				
37	1521040114	Nguyễn Văn	Hải	21/02/1997	16948				
38	1521040079	Trần Minh	Hân	13/02/1997	16949				
39	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/1997	16950				
40	1521040237	Ngô Xuân	Hiệp	31/08/1997	16951				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090403 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học máy

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040125	Nguyễn Văn	Hiệp	20/02/1997	16952				
42	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/1997	16953				
43	1421040115	Bùi Văn	Hoàn	15/02/1996	16954				
44	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/1996	16955				
45	1521040149	Lê Đình	Hoạt	15/02/1997	16956				
46	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/1997	16957				
47	1521040249	Phạm Thị	Hương	06/08/1996	16958				
48	1521040176	Bùi Thế	Huy	28/09/1997	16959				
49	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/1997	16960				
50	1521040038	Nguyễn Thị	Huyền	25/11/1997	16961				
51	1621040802	Kingkeo	KEOSOUV	09/08/1993	16962				
52	1521040138	Trịnh Xuân	Khánh	09/07/1997	16963				
53	1521040043	Nguyễn Đức	Kiên	18/11/1997	16964				
54	1521040098	Trần Trung	Kiên	05/07/1997	16965				
55	1411040034	Đinh Thế	Kỷ	16/05/1996	16966				
56	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	16967				
57	1521040020	Nguyễn Thị	Liều	24/07/1997	16968				
58	1521040009	Nguyễn Văn	Lợi	08/11/1997	16969				
59	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	16970				
60	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	16971				
61	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	16972				
62	1521040096	Nguyễn Tiến	Mạnh	09/09/1997	16973				
63	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	16974				
64	1521040106	Nguyễn Văn	Minh	03/10/1997	16975				
65	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	16976				
66	1521040268	Đặng Thành	Nam	29/11/1997	16977				
67	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/1997	16978				
68	1521040346	Dương Minh	Phương	24/03/1997	16979				
69	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/1997	16980				
70	1521040021	Nguyễn Ngọc	Quang	16/10/1997	16981				
71	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/1996	16982				
72	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	16983				
73	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/1996	16984				
74	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	16985				
75	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	16986				
76	1521040075	Nguyễn Văn	Sơn	08/03/1997	16987				
77	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	16988				
78	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	16989				
79	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/1996	16990				
80	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	02/02/1997	16991				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090403 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học máy

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/1996	16992				
82	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	16993				
83	1521040121	Lý Việt	Thiên	23/05/1997	16994				
84	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/1996	16995				
85	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/1997	16996				
86	1521040310	Phan Văn	Thiện	19/11/1997	16997				
87	1521040124	Lê Hoài	Thu	07/03/1997	16998				
88	1321040291	Đỗ Văn	Tiến	08/05/1995	16999				
89	1321020756	Nguyễn Duy	Toàn	09/06/1995	17000				
90	1321040293	Nguyễn Trọng	Toàn	14/08/1995	17001				
91	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/1997	17002				
92	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	17003				
93	1521040024	Nguyễn Thùy	Trang	22/04/1997	17004				
94	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	17005				
95	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	17006				
96	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	17007				
97	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	17008				
98	1521040074	Lê Đức	Trưởng	11/04/1997	17009				
99	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	17010				
100	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	17011				
101	1521040100	Trần Minh	Tùng	05/01/1997	17012				
102	1521040083	Vũ Xuân	Tùng	28/09/1997	17013				
103	1521040093	Lê Văn	Tuyên	20/06/1996	17014				
104	1521040062	Nguyễn Đình	Tuyên	18/04/1997	17015				
105	1321040327	Dương Quốc	Việt	30/10/1991	17016				
106	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	17017				
107	1521040007	Đặng Quang	Vinh	04/05/1997	17018				
108	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	17019				
109	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	17020				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050404 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Lý thuyết sai số + BTL

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030114	Phạm Xuân	An	17/06/1997	17021				
2	1521030155	Hoàng Tuấn	Anh	09/11/1997	17022				
3	1521030055	Nguyễn Tuấn	Anh	09/05/1995	17023				
4	1521030082	Nguyễn Trung	Bắc	30/10/1997	17024				
5	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	17025				
6	1521030057	Lê Thanh	Bình	20/12/1997	17026				
7	1521030033	Bùi Tiến	Cánh	26/02/1997	17027				
8	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	09/04/1997	17028				
9	1521030121	Phạm Văn	Đại	29/06/1997	17029				
10	1521030031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/11/1997	17030				
11	1321050057	Phạm Văn	Điệp	20/07/1995	17031				
12	1521030063	Nguyễn Văn	Đinh	05/07/1997	17032				
13	1421030047	Mai Văn	Đông	03/12/1996	17033				
14	1521030059	Đoàn Văn	Đồng	20/09/1996	17034				
15	1521030205	Đặng Trung	Dương	14/02/1997	17035				
16	1521030213	Nguyễn Văn	Hải	27/06/1997	17036				
17	1421030064	Nguyễn Đức	Hân	05/11/1996	17037				
18	1521030024	Trần Công	Hậu	10/04/1997	17038				
19	1521030048	Nguyễn Minh	Hiếu	21/06/1997	17039				
20	1521030223	Phạm Minh	Hiếu	23/06/1997	17040				
21	1421050076	Lại Văn	Hùng	18/04/1996	17041				
22	1521030102	Đỗ Khắc	Huy	26/11/1997	17042				
23	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	17043				
24	1521030101	Hoàng Văn	Huy	15/12/1997	17044				
25	1521030123	Phạm Quang	Huy	04/07/1997	17045				
26	1411030079	Phạm Ngọc	Khang	29/07/1996	17046				
27	1521030250	Nguyễn Sơn	Lâm	22/12/1997	17047				
28	1521030039	Nguyễn Xuân	Lâm	19/04/1997	17048				
29	1521030045	Nguyễn Hoàng	Linh	09/10/1997	17049				
30	1421030128	Chu Văn	Mạnh	08/09/1996	17050				
31	1521030093	Đinh Tiến	Mạnh	16/09/1996	17051				
32	1421030129	Nguyễn Văn	Mạnh	07/08/1996	17052				
33	1421050134	Nguyễn Thành	Nam	11/12/1996	17053				
34	1321030157	Phạm Hồng	Nam	28/05/1991	17054				
35	1521030272	Phùng Đức	Nam	03/01/1997	17055				
36	1521030049	Võ Hoài	Nam	07/01/1997	17056				
37	1521030095	Nguyễn Thị Hằng	Nga	19/10/1997	17057				
38	1521030274	Hoàng Thị	Nghĩa	15/10/1997	17058				
39	1411030043	Đỗ Quang	Nhã	19/10/1996	17059				
40	1321030758	Lê Xuân	Nhật	01/12/1993	17060				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050404 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Lý thuyết sai số + BTL

Ngày thi: 8/18/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/1996	17061				
42	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/1997	17062				
43	1321050158	Mai Đức	Phúc	01/06/1995	17063				
44	1421030153	Ngô Xuân	Phúc	20/04/1996	17064				
45	1521030072	Trần Đình	Phúc	03/02/1997	17065				
46	1521030007	Bùi Minh	Phương	05/01/1997	17066				
47	1521030068	Đỗ Hữu	Quân	27/12/1997	17067				
48	1421030508	Lương Văn	Quân	22/04/1996	17068				
49	1321050163	Nguyễn Văn	Quang	27/10/1995	17069				
50	1521030295	Lê Duy	Quý	16/05/1997	17070				
51	1421030163	Đặng Thanh	Sơn	28/04/1996	17071				
52	1521030066	Nguyễn Kim	Tân	09/07/1995	17072				
53	1421030541	Phương	Thái	04/02/1996	17073				
54	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	17074				
55	1421030175	Nguyễn Ngọc	Thanh	26/02/1995	17075				
56	1521030061	Đỗ Văn	Thành	15/10/1997	17076				
57	1521030074	Lã Hữu	Thành	11/11/1997	17077				
58	1521030312	Nguyễn Đức	Thành	19/11/1997	17078				
59	1321030840	Vũ Văn	Thành	15/09/1994	17079				
60	1521030313	Phan Thị Phương	Thảo	06/06/1996	17080				
61	1521030104	Trương Quốc	Thiện	20/01/1997	17081				
62	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	17082				
63	1521030019	Nguyễn Tiến	Thịnh	12/08/1997	17083				
64	1521030122	Nguyễn Hoàng	Tiến	21/12/1997	17084				
65	1421050652	Trần Song	Toàn	23/06/1995	17085				
66	1521030325	Trần Văn	Toàn	09/03/1996	17086				
67	1321050206	Đoàn Đức	Toàn	27/06/1995	17087				
68	1521030080	Đào Duy	Trường	09/02/1997	17088				
69	1421050219	Nguyễn Lam	Trường	16/11/1996	17089				
70	1521030337	Nguyễn Văn	Trường	05/07/1996	17090				
71	1421050221	Trần Trọng	Trường	22/01/1996	17091				
72	1521030342	Phùng Ngọc	Tuân	30/05/1997	17092				
73	1521030118	Mai Xuân	Tùng	13/10/1997	17093				
74	1121040305	Nguyễn Thanh	Tùng	18/10/1993	17094				
75	1521030030	Phạm Thanh	Tùng	31/05/1995	17095				
76	1321030966	Trần Văn	Tùng	04/09/1995	17096				
77	1521030078	Đinh Hoàng	Việt	26/08/1997	17097				
78	1421030233	Lục Quang	Vinh	28/12/1994	17098				
79	1521050046	Tổng Xuân	Vinh	19/05/1997	17099				
80	1421030640	Nguyễn Duy	Vinh	10/08/1996	17100				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050404 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Lý thuyết sai số + BTL

Ngày thi: **8/18/2017** Phòng thi: **HNAD201** Tiết bắt đầu: **6** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521030004	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/01/1997	17101				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	17102				
2	1321070077	Phạm Đức	Hoàng	05/03/1995	17103				
3	1321070532	Đỗ Đức	Huy	23/02/1995	17104				
4	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/1997	17105				
5	1321060165	Quách Văn	Lâm	22/03/1994	17106				
6	1421045006	Hoàng Thị	Liên	15/08/1996	17107				
7	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	17108				
8	1321060230	Lê Chấn	Quốc	20/05/1995	17109				
9	1421040231	Bùi Ngọc	Sơn	13/06/1996	17110				
10	1321060275	Trịnh Văn	Thao	10/03/1995	17111				
11	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	17112				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/1997	17113				
2	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/1997	17114				
3	1521020077	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/1997	17115				
4	1521020132	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	23/07/1995	17116				
5	1421020016	Đào Quốc	Bảo	13/06/1996	17117				
6	1621020800	Aekaxay	CHALERN	28/08/1993	17118				
7	1521020119	Lê Nhất	Chí	29/08/1997	17119				
8	1421020251	Nguyễn Duy	Cương	04/09/1995	17120				
9	1621060983	Nguyễn Hữu	Cường	11/07/1998	17121				
10	1521020052	Dương Công	Đảng	29/04/1997	17122				
11	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/1997	17123				
12	1421030043	Phạm Quang	Đạt	21/11/1995	17124				
13	1521010155	Phí Quốc	Đạt	14/01/1997	17125				
14	1521020159	Đỗ Minh	Đông	13/01/1997	17126				
15	1321020494	Nguyễn Văn	Đồng	07/06/1994	17127				
16	1521020115	Nguyễn Minh	Đức	14/11/1997	17128				
17	1521020164	Đỗ Văn	Dũng	14/08/1997	17129				
18	1324010050	Lê Quốc	Dũng	30/03/1995	17130				
19	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	17131				
20	1521010446	Nguyễn Thị ánh	Dương	29/03/1997	17132				
21	1521020023	Phạm Công	Dương	30/11/1997	17133				
22	1521020016	Trịnh Xuân	Duy	05/09/1997	17134				
23	1521010357	Đỗ Ngọc	Giang	28/11/1997	17135				
24	1521020179	Lương Thành	Giang	01/11/1997	17136				
25	1521020101	Nguyễn Tuấn	Giang	16/01/1996	17137				
26	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/1996	17138				
27	1521080030	Trịnh Thị Hương	Giang	08/10/1997	17139				
28	1521020108	Lê Quang	Hải	08/06/1997	17140				
29	1521010072	Nguyễn Khắc	Hải	16/06/1997	17141				
30	1521090038	Nguyễn Doãn	Hiền	01/0/192/	17142				
31	1521080005	Chu Minh	Hiếu	05/07/1997	17143				
32	1521020196	Đào Trung	Hiếu	28/10/1996	17144				
33	1521080003	Nguyễn Minh	Hiếu	15/02/1997	17145				
34	1521080008	Nguyễn Minh	Hiếu	14/10/1997	17146				
35	1521020208	Đinh Xuân	Hòa	01/06/1997	17147				
36	1521080153	Mai Xuân	Hòa	19/05/1997	17148				
37	1631060010	Bùi Ngọc	Hoàn	23/02/1994	17149				
38	1521010433	Đặng Thị	Hoàn	20/04/1996	17150				
39	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/1996	17151				
40	1521010439	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/03/1997	17152				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010372	Nguyễn Vũ	Hung	23/02/1997	17153				
42	1521020106	Nguyễn Minh	Hường	02/07/1996	17154				
43	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/1997	17155				
44	1521020003L	Khonesavanh	Inthise	10/01/1993	17156				
45	1624010999	Saiychai	KHAMPH	05/05/1992	17157				
46	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	17158				
47	1521020079	Đông Đăng	Khoa	18/01/1993	17159				
48	1521020082	Nguyễn Vũ	Kiên	05/03/1996	17160				
49	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	17161				
50	1221010189	Trần Mạnh Hoàng	Kim	20/02/1994	17162				
51	1521010360	Lương Thùy	Linh	21/06/1997	17163				
52	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	17164				
53	1321050121	Nguyễn Văn	Long	04/10/1995	17165				
54	1521020085	Trần Duy	Long	03/06/1997	17166				
55	1521020046	Nguyễn Khắc	Mạnh	08/04/1997	17167				
56	1221020102	Nguyễn Văn	Ngọc	14/06/1994	17168				
57	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/1997	17169				
58	1521020091	Trần Phước	Quý	22/10/1997	17170				
59	1521020002L	Phenglilerm	Sansout	14/04/1995	17171				
60	1521020071	Lê Hoàng	Sơn	10/05/1997	17172				
61	1621061004	Trần Hồng	Sơn	01/08/1998	17173				
62	1521080042	Vũ Văn	Sơn	09/09/1997	17174				
63	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/1997	17175				
64	1521030019	Nguyễn Tiến	Thịnh	12/08/1997	17176				
65	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	17177				
66	1521020070	Tổng Thị Thanh	Thùy	26/01/1997	17178				
67	1521020053	Nguyễn Ngọc	Trâm	01/01/1997	17179				
68	1521080039	Trần Cao Hà	Trang	16/07/1997	17180				
69	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/1996	17181				
70	1521020326	Nguyễn Xuân	Trường	26/11/1997	17182				
71	1521020112	Trần Nhật	Trường	03/08/1997	17183				
72	1521020076	Phạm Văn	Tú	09/05/1997	17184				
73	1321010401	Đào Duy	Tùng	18/11/1995	17185				
74	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/1997	17186				
75	1421020190	Trần Văn	Tùng	02/04/1995	17187				
76	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	17188				
77	1321030979	Phạm Hoàng	Việt	31/10/1995	17189				
78	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	17190				
79	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/1997	17191				
80	1521010332	Phạm Văn Long	Vũ	19/01/1997	17192				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **8/19/2017** Phòng thi: **HNAD301** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521010365	Nguyễn Thị	Xuân	27/03/1997	17193				
82	1521020096	Vũ Trọng	Xuyên	17/10/1997	17194				
83	1521020001L	Souliphone	Yanxana	13/10/1996	17195				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Thăm dò điện 1

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAA409

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020430	Nguyễn Khương	Bình	07/06/1993	17196				
2	1321010186	Trần Thanh	Hưng	07/02/1992	17197				
3	1421010165	Nguyễn Văn	Khánh	21/06/1996	17198				
4	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/1996	17199				
5	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	17200				
6	1421010285	Kiều Văn	Sơn	18/09/1996	17201				
7	1421010300	Phí Trung	Thành	03/03/1996	17202				
8	1421010345	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/04/1996	17203				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)
NĂM HỌC 2016 - 2017**

Mã học phần: 4060303 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá hữu cơ 2 + TN

Ngày thi: **8/19/2017** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	17204				
2	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/1996	17205				
3	1421010015	Trịnh Tuấn	Anh	10/11/1996	17206				
4	1421010024	Võ Quốc	Bảo	14/09/1996	17207				
5	1421010042	Nguyễn Đình	Cường	25/09/1996	17208				
6	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	17209				
7	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	17210				
8	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/1996	17211				
9	1421010110	Nguyễn Quang	Hiền	06/10/1996	17212				
10	1421010120	Đinh Mỹ	Hoa	16/02/1996	17213				
11	1421010122	Nguyễn Dũng	Hòa	21/07/1996	17214				
12	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/1995	17215				
13	1421030086	Lê Xuân	Hùng	11/10/1993	17216				
14	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	17217				
15	1421020445	Hồ Trường	Long	10/09/1995	17218				
16	1421010201	Hoàng	Minh	28/02/1995	17219				
17	1421010209	Đỗ Quang	Nam	06/10/1996	17220				
18	1421010210	Hà Duy	Nam	03/04/1996	17221				
19	1321010265	Hồ Trọng	Phú	28/12/1995	17222				
20	1421010247	Lê Công	Phương	11/04/1996	17223				
21	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	17224				
22	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	17225				
23	1421080354	Nguyễn Tiến	Thành	19/07/1996	17226				
24	1421010319	Lê Đức	Thọ	07/09/1996	17227				
25	1421020587	Nguyễn Đăng	Thọ	17/10/1996	17228				
26	1421010327	Nguyễn Thị	Thúy	31/07/1996	17229				
27	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	17230				
28	1421010350	Trần Ngọc	Trọng	09/02/1996	17231				
29	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	17232				
30	1421010366	Nguyễn Anh	Tuấn	01/02/1996	17233				
31	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	17234				
32	1421010378	Tổng Quang	Tuyển	24/11/1996	17235				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060338 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học dầu mỏ

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAA409

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010069	Lê Xuân	Duẩn	16/11/1995	17236				
2	1321010150	Nguyễn Tuấn	Hiệp	07/01/1995	17237				
3	1321030640	Trần Quang	Hưng	08/06/1995	17238				
4	1421010160	Trần Văn	Hữu	23/01/1996	17239				
5	1321020117	Lê Minh	Huy	31/03/1995	17240				
6	1321010193	Hoàng Nam	Khánh	12/08/1995	17241				
7	1424010445	Đỗ Thế Phương	Nam	03/06/1996	17242				
8	1321010243	Nguyễn Văn	Nam	21/03/1995	17243				
9	1321010365	Nguyễn Văn	Toàn	14/05/1995	17244				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kinh tế vi mô

Ngày thi: **8/19/2017**Phòng thi: **HNAD303**

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010162	Bà Thị Thanh	Hào	28/06/1998	17245				
2	1624010792	Trần Thị	Liên	27/06/1996	17246				
3	1624010369	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	19/07/1998	17247				
4	1624010607	Võ Thị	Thu	04/09/1998	17248				
5	1624010015	Lý Thị Huyền	Trang	04/05/1997	17249				
6	1524010121	Nguyễn Thị	Trang	17/10/1997	17250				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kinh tế lượng

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010146	Đặng Tuấn	Anh	16/04/1996	17251				
2	1614010700	Phạm Thị Vân	Anh	13/12/1998	17252				
3	1421050290	Nguyễn Đình	Châu	30/01/1996	17253				
4	1424010267	Nguyễn Thị	Dung	20/11/1996	17254				
5	1311050015	Nguyễn Hồng	Duyên	22/09/1995	17255				
6	1421050058	Nguyễn Hữu	Hải	16/12/1995	17256				
7	1524010612	Nguyễn Phương	Linh	16/03/1997	17257				
8	1624010267	Nguyễn Thùy	Linh	10/08/1998	17258				
9	1421050141	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/1996	17259				
10	1624010630	Lộ Thị	Nhân	06/08/1998	17260				
11	1624010596	Vũ Hồng	Nhung	05/09/1998	17261				
12	1624010306	Dương Thị Kiều	Oanh	19/08/1998	17262				
13	1421050154	Nguyễn Văn	Phúc	28/11/1996	17263				
14	1624010318	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	06/07/1998	17264				
15	1514010012	Đỗ Thị	Thắm	28/10/1997	17265				
16	1514010030	Nguyễn Thị	Thảo	20/01/1996	17266				
17	1624010462	Trần Thị	Thơm	07/02/1998	17267				
18	1421050195	Đỗ Thị Hoài	Thu	26/01/1996	17268				
19	1421050196	Nguyễn Thị	Thu	22/01/1995	17269				
20	1624010629	Nguyễn Thị	Thư	12/03/1998	17270				
21	1421050209	Nguyễn Đức	Tiếp	16/10/1996	17271				
22	1421050226	Nguyễn Xuân	Tuấn	10/07/1996	17272				
23	1614010022	Phan Thị	Tuyết	06/11/1998	17273				
24	1624010518	Trần Thị Hoàng	Yến	26/12/1997	17274				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050001	Lê Đức	An	06/05/1996	17275				
2	1621050546	Chu Văn Nam	Anh	28/05/1998	17276				
3	1521030064	Lương Tuấn	Anh	29/06/1997	17277				
4	1621050098	Nguyễn Tuấn	Anh	26/05/1998	17278				
5	1621050568	Phạm Tuấn	Anh	05/01/1998	17279				
6	1621050262	Vũ Thị Lan	Anh	26/09/1998	17280				
7	1621050827	Đỗ Xuân	Bách	13/07/1998	17281				
8	1621050467	Hà Vĩnh Nhật	Bảo	23/02/1998	17282				
9	1621050452	Trần Quốc	Bảo	02/03/1998	17283				
10	1321030429	Nguyễn Văn	Bảy	15/07/1993	17284				
11	1621050152	Đặng Thị	Biên	24/04/1998	17285				
12	1321030432	Đoàn Hải	Biên	10/08/1994	17286				
13	1621050525	Thiều Văn	Bình	18/01/1998	17287				
14	1621050372	Trần Thanh	Bình	05/05/1998	17288				
15	1521030033	Bùi Tiến	Cảnh	26/02/1997	17289				
16	1621050186	Nguyễn Thế	Châu	16/02/1998	17290				
17	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	17291				
18	1621050305	Nguyễn Thị	Chi	23/08/1998	17292				
19	1621050071	Nguyễn Đình	Chiến	26/10/1998	17293				
20	1321040030	Phạm Văn	Công	16/01/1994	17294				
21	1221070021	Trần Minh	Công	24/08/1994	17295				
22	1521010271	Đỗ Văn	Cường	09/05/1997	17296				
23	1621050301	Dương Văn	Cường	03/01/1998	17297				
24	1321030269	Mai Quý	Cường	03/03/1995	17298				
25	1621050575	Nguyễn Ngọc	Cường	08/05/1998	17299				
26	1621050297	Trần Đình	Cường	25/01/1998	17300				
27	1621050180	Bùi Đình	Đa	03/04/1998	17301				
28	1621050240	Phùng Thế	Đại	15/10/1998	17302				
29	1621050563	Nguyễn Doãn	Dần	24/07/1998	17303				
30	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	17304				
31	1321040059	Nguyễn Văn	Đạo	01/08/1995	17305				
32	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	17306				
33	1621050059	Ngô Xuân	Đạt	28/03/1998	17307				
34	1621050715	Trần Mạnh	Đạt	26/03/1998	17308				
35	1621050415	Trịnh Tiến	Đạt	17/04/1998	17309				
36	1321030507	Lê Văn	Định	13/03/1993	17310				
37	1321070469	Nguyễn Xuân	Đoàn	12/09/1995	17311				
38	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/1996	17312				
39	1621050291	Dương Hữu	Đức	16/06/1998	17313				
40	1421040080	Hoàng Anh	Đức	13/09/1996	17314				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050287	Hoàng Anh	Đức	03/09/1998	17315				
42	1621050635	Trần Xuân	Đức	07/01/1998	17316				
43	1621050090	Nguyễn Mạnh	Dũng	11/04/1998	17317				
44	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	17318				
45	1621050277	Nguyễn Việt	Dũng	21/02/1998	17319				
46	1321040049	Phùng Văn	Dũng	25/09/1995	17320				
47	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	17321				
48	1621050434	Lê Nhật	Dương	23/02/1998	17322				
49	1321040054	Nguyễn Thanh	Dương	06/11/1995	17323				
50	1621050353	Lại Đức	Đường	10/01/1998	17324				
51	1621050433	Trần Đăng	Duy	18/03/1998	17325				
52	1321030526	Nguyễn Trọng	Giáp	28/01/1995	17326				
53	1621050106	Bùi Văn	Hà	04/11/1998	17327				
54	1621050558	Nguyễn Hồng	Hà	26/09/1998	17328				
55	1321020084	Bùi Thanh	Hải	23/11/1993	17329				
56	1621050758	Ngô Văn	Hải	22/05/1998	17330				
57	1621050192	Phạm Minh	Hải	01/06/1998	17331				
58	1621050533	Trần Hồng	Hạnh	15/08/1998	17332				
59	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	17333				
60	1621050159	Trương Hoàng	Hiệp	19/09/1998	17334				
61	1621050875	Đình Văn	Hiếu	13/08/1998	17335				
62	1621050027	Hoàng Minh	Hiếu	23/10/1998	17336				
63	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	17337				
64	1321010153	Nguyễn Trung	Hiếu	30/05/1995	17338				
65	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/1994	17339				
66	1321070067	Lê Văn	Hiếu	06/04/1994	17340				
67	1621050855	Lương Xuân	Hòa	03/08/1998	17341				
68	1621050080	LêBAT	Hoàn	01/06/1998	17342				
69	1621050481	Nguyễn Tiến	Hoàng	02/09/1998	17343				
70	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	17344				
71	1621050375	Lê Văn	Hùng	04/06/1996	17345				
72	1321030608	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/01/1993	17346				
73	1621050877	Tổng Duy	Hùng	16/10/1998	17347				
74	1621050475	Nguyễn Công	Hưng	20/05/1997	17348				
75	1321030637	Nguyễn Thái	Hưng	20/03/1995	17349				
76	1621050249	Quách Duy	Hưng	03/11/1998	17350				
77	1621050762	Lưu Thị	Hương	28/12/1998	17351				
78	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	17352				
79	1621050070	Đặng Quang	Huy	20/05/1998	17353				
80	1621050248	Mai Quốc	Huy	12/10/1996	17354				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621050720	Nguyễn Duy	Huy	25/07/1998	17355				
82	1621050795	Mai Thị	Huyền	29/12/1998	17356				
83	1621050900	Biasavanh	INTHICHA	25/08/1997	17357				
84	1621050446	Đinh Duy	Khánh	15/10/1998	17358				
85	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	17359				
86	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	17360				
87	1621050775	Lưu Quốc	Khánh	09/05/1998	17361				
88	1321040143	Nguyễn Đăng	Khoa	18/07/1994	17362				
89	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	01/12/1996	17363				
90	1621050407	Nguyễn Trọng	Khuê	01/08/1998	17364				
91	1621050030	Hoàng Trung	Kiên	04/11/1997	17365				
92	1521050129	Lê Duy	Kiên	19/11/1996	17366				
93	1621050295	Phạm Văn	Kiên	20/04/1998	17367				
94	1321060164	Lê Tiến	Lâm	17/08/1995	17368				
95	1421060160	Vũ Trọng	Linh	20/06/1996	17369				
96	1621050334	Lê	Lộc	25/08/1998	17370				
97	1421050492	Nguyễn Văn	Lợi	05/09/1996	17371				
98	1621050534	Lê Hoàng	Long	25/01/1998	17372				
99	1621050745	Lê Minh	Long	23/04/1998	17373				
100	1621050128	Nguyễn Doãn	Long	11/01/1998	17374				
101	1521010035	Tô Hạ	Long	02/09/1997	17375				
102	1321030136	Bùi Quang	Luật	27/08/1995	17376				
103	1321040166	Vũ Đình	Luật	13/02/1995	17377				
104	1621050091	Vũ Đức	Lượng	06/02/1998	17378				
105	1621050550	Bùi Đức	Mạnh	02/07/1998	17379				
106	1421030128	Chu Văn	Mạnh	08/09/1996	17380				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050835	Nguyễn Văn	Mẫn	26/10/1998	17381				
2	1621050741	Kiều Thế	Mạnh	29/01/1998	17382				
3	1621050580	Lưu Thế	Mạnh	04/10/1998	17383				
4	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/1997	17384				
5	1621050236	Nguyễn ánh Công	Minh	18/09/1998	17385				
6	1621050590	Đình Xuân	Nam	14/07/1998	17386				
7	1521050199	Nguyễn Hữu	Nam	06/12/1997	17387				
8	1321060197	Nguyễn Ngọc	Nam	26/01/1995	17388				
9	1621050584	Trần Đức	Nam	06/12/1998	17389				
10	1621050833	Trần Hữu	Nam	10/06/1998	17390				
11	1621050026	Lê Thị	Ngân	08/10/1998	17391				
12	1621050602	Nguyễn Mạnh	Nghĩa	27/05/1998	17392				
13	1621050468	Lê Anh	Ngọc	22/06/1998	17393				
14	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	05/08/1995	17394				
15	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	17395				
16	1321030166	Phạm Văn	Ngọc	12/06/1995	17396				
17	1621050731	Trần Thị	Ngọc	21/06/1998	17397				
18	1621050311	Đào Văn	Nhà	06/03/1998	17398				
19	1621050190	Nguyễn Bá	Phong	19/04/1998	17399				
20	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	17400				
21	1321010262	Phạm Văn	Phong	08/11/1995	17401				
22	1621050172	Bùi Văn	Phúc	21/05/1998	17402				
23	1521020032	Đình Văn	Phúc	24/05/1997	17403				
24	1621050617	Nguyễn Ngọc	Phúc	18/06/1998	17404				
25	1621050178	Nguyễn Bá Lưu	Phước	05/10/1998	17405				
26	1621050362	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1998	17406				
27	1321050662	Nguyễn Văn	Phượng	21/11/1994	17407				
28	1621050805	Bùi Văn	Quân	24/02/1998	17408				
29	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	17409				
30	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	17410				
31	1621050629	Bùi Nhật	Quang	25/10/1998	17411				
32	1421030512	Nguyễn Thị	Quốc	22/05/1996	17412				
33	1321030798	Lê Văn	Quý	25/10/1995	17413				
34	1221040203	Vũ Văn	Quý	03/05/1994	17414				
35	1621050519	Đỗ Văn	Quyết	04/10/1998	17415				
36	1421030515	Hoàng Thị	Quyết	14/02/1996	17416				
37	1621050461	Đỗ Đình	Quỳnh	24/09/1998	17417				
38	1421050163	Dương Thị Thúy	Quỳnh	17/06/1996	17418				
39	1321070157	Trần Văn	Quỳnh	26/02/1995	17419				
40	1521070334	Trần Xuân	Quỳnh	29/05/1997	17420				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040051	Đỗ Đình	Sáng	13/01/1996	17421				
42	1421050167	Mai Văn	Sáng	02/11/1996	17422				
43	1621050169	Trịnh Thị	Sen	24/04/1998	17423				
44	1621050518	Cao Hồng	Sơn	19/01/1998	17424				
45	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	17425				
46	1521050076	Nguyễn An	Sơn	04/10/1997	17426				
47	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	17427				
48	1321040234	Nguyễn Ngọc	Sơn	20/05/1995	17428				
49	1621050497	Trần Ngọc	Sơn	06/08/1998	17429				
50	1621050074	Nguyễn Văn	Sỹ	09/09/1998	17430				
51	1321030817	Phạm Tiến	Sỹ	03/05/1994	17431				
52	1621080131	Đỗ Xuân	Tài	09/03/1997	17432				
53	1321030819	Mai Xuân	Tài	13/03/1994	17433				
54	1621050868	Nguyễn Tú	Tài	23/11/1998	17434				
55	1621050620	Đoàn Đình	Tâm	19/02/1998	17435				
56	1621050824	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/08/1998	17436				
57	1621050196	Vũ Tiến	Tân	02/11/1998	17437				
58	1621050095	Phạm Bá	Tảo	29/11/1998	17438				
59	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	17439				
60	1621050040	Đặng Văn	Thái	28/06/1998	17440				
61	1321030202	Đỗ Mạnh	Thái	22/11/1994	17441				
62	1621050078	Hoàng Minh	Thắng	30/10/1998	17442				
63	1621050341	Kiều Văn	Thắng	13/12/1997	17443				
64	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	17444				
65	1621050601	Nguyễn Văn	Thắng	19/08/1998	17445				
66	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	17446				
67	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	17447				
68	1621050107	Đinh Ngọc	Thành	11/11/1998	17448				
69	1621050173	Nguyễn Danh	Thành	27/12/1998	17449				
70	1621050109	Phạm Phương	Thảo	30/10/1998	17450				
71	1621050764	Trịnh Viết	Thiên	25/11/1998	17451				
72	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/1995	17452				
73	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	17453				
74	1621050566	Nguyễn Hữu	Thịnh	22/06/1998	17454				
75	1621050478	Nguyễn Tiến	Thịnh	21/07/1998	17455				
76	1621050453	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/11/1998	17456				
77	1321050197	Trần Đức	Thuần	18/12/1995	17457				
78	1621050052	Hà Văn	Thuận	23/02/1998	17458				
79	1621050450	Nguyễn Phú	Thuận	06/11/1998	17459				
80	1521050145	Nguyễn Quốc	Thường	29/09/1997	17460				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

Danh sách phòng thi có 02 bản: 01 bản dán ngoài phòng thi; 01 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và yêu cầu sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621050219	Vũ Phương	Thúy	06/10/1998	17461				
82	1621050615	Nguyễn Thị	Thùy	05/03/1998	17462				
83	1321030877	Nguyễn Thị Hương	Thùy	09/12/1995	17463				
84	1411050072	Nguyễn Thùy	Tiên	30/12/1996	17464				
85	1621050155	Nguyễn Ngọc	Tiến	26/03/1998	17465				
86	1621050179	Nguyễn Văn	Tiến	16/12/1998	17466				
87	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	17467				
88	1621050455	Đặng Đình	Toàn	20/10/1998	17468				
89	1621050232	Nguyễn Thu	Trang	28/05/1998	17469				
90	1221020159	Phạm Đức	Trọng	09/09/1994	17470				
91	1621050774	Đỗ Văn	Trung	27/09/1998	17471				
92	1321070690	Phùng Văn	Trung	30/09/1995	17472				
93	1621050882	Lê Minh	Trường	04/04/1998	17473				
94	1621050412	Nguyễn Ngọc	Trường	10/07/1998	17474				
95	1621050464	Bùi Minh	Tú	10/04/1998	17475				
96	1621050332	Phạm Văn	Tú	18/05/1998	17476				
97	1621050881	Nguyễn Anh	Tuấn	16/01/1998	17477				
98	1321070204	Nguyễn Thanh	Tuấn	04/09/1995	17478				
99	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	17479				
100	1621050571	Nguyễn Văn	Tuấn	25/02/1998	17480				
101	1621050416	Đinh Thanh	Tùng	09/06/1998	17481				
102	1321030965	Nguyễn Trường	Tùng	13/08/1994	17482				
103	1621050140	Lê Quốc	Việt	10/04/1998	17483				
104	1621050225	Nguyễn Quang	Việt	23/10/1998	17484				
105	1321030982	Lê Tuấn	Vinh	13/07/1994	17485				
106	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	17486				
107	1421050719	Vũ Thị Hải	Yến	16/01/1996	17487				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090126 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở cung cấp điện

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	17488				
2	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/1995	17489				
3	1521040119	Nguyễn Hữu	Đông	26/12/1997	17490				
4	1321060440	Đỗ Văn	Dũng	01/03/1994	17491				
5	1321060058	Nguyễn Đình	Dương	16/07/1995	17492				
6	1631040050	Đỗ Ngọc	Duy	16/10/1995	17493				
7	1631040051	Phạm Đức	Hiền	27/11/1995	17494				
8	1631040052	Nguyễn Văn	Hiệp	22/11/1995	17495				
9	1321060134	Lê Văn	Hùng	26/01/1995	17496				
10	1421060140	Nguyễn Hữu	Hung	22/10/1995	17497				
11	1321060148	Vũ Văn	Huy	01/07/1995	17498				
12	1631040055	Nguyễn Thành	Long	26/11/1995	17499				
13	1321060550	Phạm Văn	Long	01/04/1995	17500				
14	1631040056	Nguyễn Trung	Nguyên	08/06/1995	17501				
15	1411060129	Nguyễn Văn	Phi	20/12/1996	17502				
16	1221030124	Nguyễn Anh	Quân	24/11/1993	17503				
17	1321060235	Nguyễn Văn	Quyết	20/11/1995	17504				
18	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/1994	17505				
19	1631040059	Nguyễn Việt	Thắng	19/10/1991	17506				
20	1411060163	Nguyễn Phương	Thảo	26/03/1995	17507				
21	1631060006	Phạm Đình	Tiến	25/10/1993	17508				
22	1421040545	Nguyễn Văn	Trung	18/03/1996	17509				
23	1321060652	Dương Trọng	Trường	08/04/1995	17510				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090212 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất

Ngày thi: **8/19/2017** Phòng thi: **HNAA205** Tiết bắt đầu: **3** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010048	Nhữ Linh	Cương	04/07/1995	17511				
2	1321010066	Trần Đức	Doanh	17/07/1995	17512				
3	1321010173	Nguyễn Việt	Hùng	20/12/1995	17513				
4	1321010216	Đỗ Thành	Long	03/04/1995	17514				
5	1321010325	Tào Thị Phương	Thảo	10/10/1995	17515				
6	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/1995	17516				
7	1321010405	Nguyễn Duy	Tùng	20/12/1995	17517				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090213 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Điện tử công suất

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAA205

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060341	Lương Quang	Chiến	19/01/1995	17518				
2	1421060042	Trần Văn	Cường	01/11/1996	17519				
3	1421060381	Phùng Tiến	Đạt	03/11/1996	17520				
4	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	05/06/1993	17521				
5	1421060183	Đặng Hoài	Nam	23/10/1995	17522				
6	1421060203	Trịnh Văn	Ninh	13/07/1996	17523				
7	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	17524				
8	1321060320	Phùng Hữu	Trung	14/09/1995	17525				
9	1421060612	Phạm Quang	Trưởng	28/11/1996	17526				
10	1421060287	Mai Văn	Tú	15/12/1996	17527				
11	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	17528				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090215 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Các phần tử tự động + TH

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060331	Vũ Tuấn	Anh	18/12/1996	17529				
2	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	05/11/1996	17530				
3	1421060071	Nguyễn Văn	Đặng	06/04/1996	17531				
4	1421060072	Nguyễn Văn	Đặng	30/06/1996	17532				
5	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	17533				
6	1421060079	Bùi Văn	Đức	05/04/1996	17534				
7	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	17535				
8	1421060049	Nguyễn Hồ Anh	Dũng	14/02/1996	17536				
9	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	02/10/1996	17537				
10	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/1996	17538				
11	1421060432	Nguyễn Văn	Hoạt	09/07/1996	17539				
12	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hung	24/01/1993	17540				
13	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	17541				
14	1421020470	Lê Trọng	Minh	18/09/1996	17542				
15	1421060512	Nguyễn Đức	Nhân	31/05/1996	17543				
16	1421060213	Vũ Minh	Phương	28/07/1996	17544				
17	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	17545				
18	1421060224	Nguyễn Thanh	Sang	25/07/1995	17546				
19	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/1995	17547				
20	1421060229	Ngô Văn	Sơn	12/10/1995	17548				
21	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/1996	17549				
22	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	06/06/1996	17550				
23	1221060410	Trần Đình	Thành	01/09/1993	17551				
24	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/1996	17552				
25	1421020173	Hoàng Quốc	Trọng	06/02/1996	17553				
26	1421030592	Phạm Duy	Trường	06/11/1995	17554				
27	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	17555				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 2 ĐỢT 2 HỌC KỲ 2 (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090406 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở thiết kế máy

Ngày thi: 8/19/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết:

2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010003	Trần Văn	An	02/09/1996	17556				
2	1421010039	Đặng Chiến	Công	15/07/1996	17557				
3	1521060436	Lê Hồng	Đặng	01/01/1996	17558				
4	1521060418	Phạm Văn	Đặng	02/01/1997	17559				
5	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/1996	17560				
6	1521060425	Nguyễn Văn	Đoàn	03/01/1997	17561				
7	1421010066	Phạm Văn	Dự	03/02/1996	17562				
8	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/1996	17563				
9	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	17564				
10	1421010148	Cánh Chi	Hưng	18/04/1996	17565				
11	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/1995	17566				
12	1421050097	Phan Anh	Khánh	02/08/1996	17567				
13	1321010200	Phạm Văn	Lâm	17/05/1995	17568				
14	1421010180	Nguyễn Mạnh	Linh	14/01/1990	17569				
15	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/1997	17570				
16	1521060384	Nguyễn Thành	Long	31/03/1997	17571				
17	1421011229	Đỗ Ngọc	Minh	07/11/1996	17572				
18	1421010212	Lã Văn	Nam	05/10/1996	17573				
19	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	17574				
20	1421010267	Lê Văn Hải	Quân	06/02/1996	17575				
21	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	06/08/1996	17576				
22	1521010252	Lại Đức	Thái	10/04/1997	17577				
23	1421010299	Phạm Vũ Tiến	Thành	19/05/1996	17578				
24	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	17579				
25	1421020164	Lê Đức	Tín	14/01/1995	17580				
26	1421010352	Dương Văn	Trung	21/09/1996	17581				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)